



ANNIE BESANT VÀ C.W.LEADBEATER

# GIẢNG LÝ DƯỚI CHÂN THẦY

(TALKS ON THE PATH OF OCCULTISM  
AT THE FEET OF THE MASTER)

**QUYỂN 2**

TÔ HIỆP và nhóm dịch thuật KROTONA  
Dựa theo bản Anh ngữ in lần thứ XI (năm 2004)

**KROTONA**

**2007**



# MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
PHẦN THỨ TƯ HẠNH KIỂM TỐT.....	1
CHƯƠNG 18 TỰ CHỦ TRONG LÚC TƯ TƯỞNG.....	2
CHƯƠNG 19 TỰ KIỂM SOÁT TRONG HÀNH ĐỘNG...	53
CHƯƠNG 20 ĐỨC KHOAN DUNG.....	72
CHƯƠNG 21 SỰ AN VUI.....	106
CHƯƠNG 22 ĐI THẮNG ĐẾN MỤC ĐÍCH DUY NHẤT HAY LÀ CHÚ ĐỊNH.....	126
CHƯƠNG 23 LÒNG TIN CẬY.....	134
PHẦN THỨ NĂM HẠNH BÁC ÁI.....	154
CHƯƠNG 24 SỰ GIẢI THOÁT, CÔI NIẾT BÀN VÀ SỰ GIẢI THOÁT KHỎI VÒNG SINH TỬ.....	155
CHƯƠNG 25 LÒNG TỪ ÁI TRONG ĐỜI SỐNG HẰNG NGÀY.....	185
CHƯƠNG 26 SỰ NÓI HÀNH.....	198
CHƯƠNG 27 SỰ HUNG ÁC.....	206
CHƯƠNG 28 SỰ MÊ TÍN.....	229
CHƯƠNG 29 PHỤNG SỰ.....	253
CHÂN THÀNH TRI ÂN.....	Error! Bookmark not defined.



PHẦN THỨ TƯ

HẠNH KIÊM TỐT

## CHƯƠNG 18

### TỰ CHỦ TRONG LÚC TƯ TƯỞNG

(Control of Mind)

Đây là sáu điểm hạnh kiểm tốt đặc biệt phải có, đức Thầy đã chỉ dạy như sau:

- 1.-Tự kiểm soát thể trí.
- 2.- Tự kiểm soát hành động.
- 3.-Đức khoan dung.
- 4.-Hạnh an vui.
- 5.-Hạnh quyết chí.
- 6.-Lòng tin cậy.

(Tôi biết có vài đức tính trong số các đức tính trên thường được diễn dịch khác đi; nhưng tôi luôn luôn dùng những danh từ mà chính đức Thầy đã dùng khi Ngài giảng giải cho tôi nghe.)

**A.B.-** Theo lời Alcyone, vài danh từ đã được đức Thầy dịch có hơi khác với những danh từ chúng ta đã quen dùng. Ba đức tính đầu được dịch gần giống như những danh từ tôi đã dùng trong nhiều năm qua. Ba đức tính sau dịch có hơi khác, dù nghĩa chính của chúng vẫn là một. Tôi luôn luôn dịch đức tính thứ ba của các điểm thuộc về hạnh kiểm tốt là “khoan dung”,

như đức Thầy dịch ở đây, nhưng tôi biết nhiều người không đồng ý về sự chọn lựa danh từ này. Danh từ ấy do tiếng Phạn là *uparati*, nguyên nghĩa của nó là “ngừng lại” “đình chỉ”. Chúng tôi nghĩ rằng danh từ “ngừng lại” liên hệ đến những đặc tính hay chỉ trích và sự bất mãn. Vậy trạng thái tích cực của đức tính này là sự khoan dung.

Tôi luôn luôn gọi điểm thứ tư là “chịu đựng” hay *titiksha*. Thật ra, ý nghĩa an vui vẫn không thay đổi, vì sự chịu đựng phải kèm theo sự an vui. Trường hợp này, đức Thầy đặc biệt diễn tả sự vui tươi và làm nổi bật đặc tính ấy. Mỗi người lấy nó làm đề tài tham thiền rất tốt. Kế đó là đức tính “đi thẳng tới mục đích”. Chính do chữ Phạn là *samadhana* tôi dịch là “thăng bằng”. Ở đây ý nghĩa cũng giống nhau, vì người có định hướng không thay đổi, cố định sẽ thăng bằng, và ngược lại người được thăng bằng thì có chiều hướng không thay đổi. Sau cùng, đến chữ *shraddha* mà tôi luôn luôn gọi là “đức tin”. Ở đây *shraddha* được dịch là “lòng tin cậy”, nhưng một lần nữa ý nghĩa ở đây vẫn như nhau, vì tôi luôn luôn định nghĩa đức tin là lòng tin tưởng sâu xa nơi Thượng Đế trong lòng chúng ta và ở nơi đức Thầy. Điều tốt hơn hết là ghi chú những điểm dị biệt và những điểm tương đồng, sẽ giúp chúng ta hiểu rõ ý nghĩa hơn.

**1.- Tự Kiểm Soát Thể Trí (Self-control as to the Mind).- Hạnh không ham muốn dạy ta phải kiểm soát thể vía; thể trí cũng phải được kiểm soát như vậy.**

**Nghĩa là kiểm soát tính khí để con đừng giận hờn hay nóng nảy; kiểm soát thể trí để tư tưởng được luôn luôn an tịnh và điềm tĩnh; và (nhờ thể trí) kèm giữ những dây thần kinh để chúng nó ít bị kích thích chùng nào tốt chùng đó.**

C.W.L.- Kiểm soát tính khí là một trong những điều khó khăn đối với chúng ta, vì chúng ta đang cố gắng thực hiện một kinh nghiệm mới lạ, đó là hồi thúc sự tiến hóa của mình (điều đó có nghĩa là tinh lọc những thể thấp và làm cho chúng trở nên càng ngày càng nhạy cảm), trong cuộc sống giữa thế gian. Vì những khó khăn này mà sự chiến thắng của chúng ta càng vinh quang, sự kiểm soát được thành công chứng tỏ rằng ý chí của chúng ta mạnh hơn ý chí của vị tu sĩ hay là vị ẩn sĩ.

Đôi khi người ta trừ được tính nóng giận, nhưng sự kiểm soát trọn vẹn các thể thấp rất khó khăn. Sự không kiên nhẫn vẫn còn, trong khi thực sự tính nết nóng nảy khi xưa đã hoàn toàn biến mất. Như thế ít nguy hại hơn khi còn tính nóng giận mà che đậy nó, nhưng cả đến sự không kiên nhẫn cũng phải được loại trừ. Nếu bạn dùng thần nhãn nhìn vào thể vía của một người trên đường phố, bạn sẽ thấy nó là một khối quay cuồng, thay vì có những đường vạch rõ rệt, những màu sắc phân minh vận chuyển điều hòa, bạn lại thấy trên bề mặt có 50 hoặc 60 xoáy ốc quay cuồng mãnh liệt đến nỗi mỗi sự xoáy nhanh ấy tạo thành một cái gút cứng giống như mục chai. Nếu quan sát những vòng xoáy



này, bạn sẽ nhận thấy tất cả đều sinh ra bởi hàng loạt những cử chỉ nóng nảy, những sự lo lắng nhỏ nhen, những tình cảm như bất bình, ghen tương, đố kỵ, cũng có thể là sự ganh ghét đã nổi dậy trong người này trong vòng 48 giờ qua. Những trốt xoáy lớn hơn và lưu lại lâu dài hơn, do người ấy cứ lặp lại nhiều lần cùng một tư tưởng như thế đối với một người khác.

Ngày nào con người còn ở trong tình trạng này, thì ngày đó họ không thể nào suy tư một cách sáng suốt và chính xác được. Nếu họ muốn suy nghĩ hay viết về một đề tài nào đó, những luồng trốt xoáy này nhuộm màu và làm biến thể lối nhìn của họ, dù họ có quên đi những cảm xúc đã làm nảy sinh ra chúng. Người ta quên những cảm giác của sự khó chịu, không biết rằng hiệu quả của nó vẫn tồn tại và thường thường những luồng trốt xoáy này vẫn không thay đổi.

Những người có nhãn thông cõi trung giới và cõi thượng giới nhận thấy rõ những thành kiến của con người. Chất liệu của thể trí phải di chuyển mau lẹ, chẳng phải trên bề mặt nhưng trong vài vùng hay khu vực đặc biệt. Nói một cách tổng quát, chất liệu ấy có khuynh hướng tự sắp xếp theo mật độ của nó. Chất liệu thô kệch di chuyển trong một mức độ nào đó khắp châu thân, nó có khuynh hướng qui tụ ở phần dưới hình bầu dục. Do đó những người bị chi phối bởi những tư tưởng, những tình cảm ích kỷ, hình bầu dục ấy giống như quả trứng được thả bằng theo đầu lớn của nó. Đối với những người thật sự vị tha hoặc tiến

hóa trên phương diện huyền bí, hình bầu dục giống như quả trứng đứng sững trên đầu nhỏ. Thể trí có bốn khu vực hay bốn vùng, cũng như trong khối óc có những vùng riêng biệt chấp chứa những loại tư tưởng khác nhau.

Giả sử một người kia có những tư tưởng tôn giáo rất hẹp hòi, chất trí tuệ thay vì di chuyển tự do trong vùng của nó, lại dồn lại cho đến khi nhô ra thành một khối, rồi bắt đầu lở loét và tàn úa. Bởi tư tưởng về tôn giáo của họ phải đi xuyên qua khu vực này của thể trí, cho nên không bao giờ có thể đứng đắn, vì sự rung động của nó bị chứng bệnh của thể trí bám dính vào. Lập trường của người ấy bị gò bó bởi thành kiến, làm cho sự phán đoán của họ không thể tránh khỏi sai lạc cho đến khi nào họ bắt đầu tự chữa trị mình cho lành mạnh bằng cách kiểm soát và tinh lọc thể trí. Chỉ tới chừng đó, họ mới có thể nhận thức đúng, nghĩa là thấy mọi vật như đức Thượng Đế đã thấy, đã hiểu biết toàn thể hệ thống của Ngài một cách chính xác như nó hiện có.

Những thành kiến không nhất thiết đối nghịch với người hay vật, mà nhiều khi chúng lại trợ giúp. Dù trong trường hợp này, thành kiến cũng là hình thức phản chân lý, và sẽ cho thấy sự hư hỏng trong hào quang. Một trong những trường hợp thường xảy ra là một bà mẹ luôn luôn tin rằng từ lúc tạo thiên lập địa đến nay chưa bao giờ có một hài nhi nào phi thường như con bà. Thí dụ khác, một họa sĩ không thể thấy

điều gì tốt đẹp trong bất cứ trường mỹ thuật nào khác ngoài trường mỹ thuật của anh ta.

Tất cả những điều này, xét về phương diện tâm linh giống như những vết thương hở miệng, xuyên qua đó sức mạnh của ý chí con người thoát ra ngoài không ngừng. Đó là trường hợp của người bậc trung. Đối với người có bản tính hay lo lắng, dĩ nhiên tình trạng còn tệ hơn nữa, toàn thể con người chỉ là một vết thương, họ không còn năng lực nữa, vì tất cả đều bị tiêu hao. Nếu chúng ta muốn giữ gìn năng lực để dùng vào việc hữu ích – như trường hợp nếu muốn trở thành huyền bí gia – việc đầu tiên của chúng ta là loại trừ tất cả những nguyên nhân gây ra những tổn hao này. Giả sử muốn dập tắt một đám cháy, chúng ta cần có vòi nước. Nước phải được phun ra dưới một áp lực mạnh, cho nên vòi và ống nước phải không có một lỗ hở nào. Điều này tiêu biểu cho sự yên tĩnh và kỷ luật về tư tưởng.

Người bậc trung dường như chỉ có chút ít hoặc không có sức mạnh của ý chí. Khi gặp những sự khó khăn, họ chán nản, rên siết và than vãn, thay vì dùng ý chí để giải quyết chúng. Có hai lý do giải thích sự yếu đuối này. Mức độ sức mạnh trong mỗi người tùy thuộc vào sự nhận thức chân ngã, và vào mức độ phát triển cái Ngã duy nhất, tức là Thượng Đế ở trong tâm. Theo nguyên tắc, năng lực của tất cả mọi người đều bằng nhau, nhưng sở dĩ con người khác nhau là do sự mở mang năng lực tinh thần trong mỗi người. Nơi người

thường chưa phát triển nhiều năng lực, mà họ lại còn phung phí nó.

Phần đông chúng ta đều muốn có ý thức rõ rệt hơn về sự hiện diện của đức Thầy và về việc đem nhiều thứ ảnh hưởng tốt lành từ cõi cao xuống bộ óc xác thân. Những ảnh hưởng này phải xuống xuyên qua những thể khác nhau và được phản chiếu từ thể này đến thể kia. Hãy nhìn mặt nước hồ hay mặt nước sông phản chiếu hình ảnh một bụi cây, nếu mặt nước thật yên lặng, bức tranh sẽ rất rõ ràng, có thể nhìn thấy từng chiếc lá. Nhưng một gợn sóng nhỏ cũng đủ làm xáo trộn trọn cả hình ảnh. Nếu một cơn gió bão thổi đến, toàn thể hình ảnh ấy phải biến mất. Điều này thật đúng đối với những gì đã xảy ra trong thể vía và thể trí. Chúng nó phải được giữ yên lặng và bất động, nếu chúng ta muốn cho chúng nó truyền đạt những ảnh hưởng trung thực và có giá trị từ cõi cao đưa xuống. Người ta luôn hỏi rằng: “Tại sao chúng ta không nhớ lại những hành động của chúng ta trong giấc ngủ?” Một trong những lý do của sự kiện là những thể thấp chưa được yên tịnh cho lắm. Thỉnh thoảng, chúng có thể được yên tịnh hơn một chút để truyền đến bộ óc xác thân một điều gì, tuy nhiên trong trường hợp này, thường thường những ấn tượng cũng bị biến dạng một ít, vì các thể trung gian không hoàn toàn trong sáng. Sự kiện này cũng giống như khi ta nhìn một vật xuyên qua một ve chai, thay vì nhìn qua tấm kính tốt, những kích thước, những khuôn khổ của vật ấy sẽ bị biến đổi.

Khi tâm được yên tĩnh, chúng ta có thể làm việc giữa chốn xáo trộn và quấy rầy, nhưng hiển nhiên muốn duy trì sự yên lặng của các thể trong những trường hợp đó, chúng ta luôn luôn phải cố gắng. Sự cố gắng khó nhọc đến nỗi vài người không thể chịu nổi, nhưng họ phải dần dần thu hoạch sức mạnh cần thiết.

Huyền bí gia có thể tự kiểm soát chính mình và làm việc một lượt trong hai cõi. Nói một cách khác trong khi đang làm việc tại cõi trần, huyền bí gia có thể xuất ra khỏi thể xác. Trong lúc đang viết hay nói họ có thể ở trong thể vía làm những việc khác. Chẳng hạn trong khi tôi đang diễn thuyết có nhiều thính giả sau đó kể lại với tôi, rằng họ đã thấy những người ở trung giới đứng trên bệ gỗ gần tôi và nói chuyện với tôi. Những quan sát viên ấy không lâm, thường thường những người khuất mặt này đến như thế để hỏi một vấn đề gì rồi chờ câu trả lời hoặc nhờ giúp đỡ một việc gì, trong khi cuộc diễn thuyết vẫn tiếp tục, đó là một thí dụ tạm thời tầm thường, nhưng có nhiều công việc quan trọng hơn, huyền bí gia phải sử dụng tâm thức mình một cách phức tạp để hoàn tất.

Ở một mức độ nào đó, nhiều khi sự định trí song hành này vẫn được thực hiện trong đời sống hằng ngày. Nhiều bà có thể vừa đan, vừa nói chuyện, vì công việc ấy đối với họ đã trở thành tự động. Có lần tôi đến một trong những ngân hàng lớn ở Luân Đôn, nơi đây tôi thấy nhiều nhân viên có thói quen vừa cộng những hàng số dài, vừa hát nho nhỏ những bài hát để làm vui

tai các đồng nghiệp của họ. Tôi phải nhìn nhận là tôi không thể làm như thế được.

**A.B.-** Trong đoạn giải về hạnh không ham muốn, đức Thầy đã nói về sự kiểm soát thể vía và dục vọng dưới mọi hình thức. Trong đoạn đề cập đến sự phân biệt, Ngài cũng nói nhiều về chân lý bao hàm sự tinh lọc thể trí. Rồi Ngài nói qua sự kiểm soát tư tưởng và những sự xúc động. Xúc động là sự kết hợp giữa tư tưởng và dục vọng, nói một cách khác những mối xúc động là sự ham muốn pha lẫn với tư tưởng. Khi đức Thầy đề cập đến sự kiểm soát tính khí của chúng ta, Ngài nói về sự xúc động, vì sự nóng nảy và những tình cảm tương tự khác đều phát sinh một phần do thể vía và một phần do thể trí. Người muốn trở thành huyền bí gia không được để cho tính khí lôi cuốn đi xa, vì ngày nào chưa chủ trị được nó để chế ngự những cảm xúc rối loạn, ngày đó con người không thể nhìn thấy một cách minh bạch, rõ ràng. Những làn rung động của sự cảm xúc làm nổi dậy trong chất khí thuần túy của thể trí một sự kích thích tương ứng, do đó tất cả những tư tưởng của người chí nguyện bị xáo trộn và biến thể, nên họ không thể thấy một cách chính xác.

Chính đức Thầy nói rằng tư tưởng phải yên lặng và trầm tĩnh, đó là điều cần thiết, vì chỉ trong trạng thái này những ảnh hưởng trên cõi cao mới có thể tuôn xuống hạ trí. Vì thế trong quyển “Thế Giới Huyền Bí” (The Occult World) của ông Sinnett, cũng cùng đức Thầy này nói với ông trong một bức thư rằng, nếu ông

muốn viết cho hữu ích, ông phải giữ thể trí yên tĩnh. Bấy giờ những tư tưởng trên cõi cao sẽ phản chiếu xuống như núi non phản chiếu trên mặt hồ yên lặng.

Khi bạn muốn viết một bức thư về một đề tài nghiêm chỉnh, như Thông Thiên Học chẳng hạn, hoặc viết một bài báo, thật là một ý kiến hay, nếu bạn ngồi yên để tĩnh tâm trong vài phút trước khi bắt đầu. Như thế không phải phí mất thì giờ, bởi vì khi bạn bắt đầu viết, bạn sẽ thấy tư tưởng của bạn tuôn ra một cách thanh thản mà không cần cố gắng, bạn không cần phải dừng lại tự hỏi mình sẽ tiếp tục nói điều gì. Sở dĩ có sự kiện này vì thượng trí đã phản chiếu xuống tấm gương của hạ trí. Phương pháp thực hành này đặc biệt quan trọng đối với những người chưa ngăn chặn được những ảnh hưởng ngoại giới.

Người ta có thể dùng sự xáo trộn gây ra bởi hoàn cảnh bên ngoài để thực hành sự định trí. Lúc tôi còn bé, tôi phải học bài trong một căn phòng, nơi đó có nhiều đứa trẻ đang được dạy những môn học khác. Tình trạng này dần dần tạo cho tôi khả năng làm công việc riêng của tôi, trong khi mọi hoạt động khác đang diễn tiến chung quanh tôi. Do đó, ngày nay tôi có thể làm việc mà không bị bởi những gì xảy ra bên cạnh. Tôi cũng phải công nhận có sự khó khăn khi phải làm những bài toán. Về vấn đề này, tôi luôn luôn nhớ ơn bà thầy dạy học tôi là cô Marryat. Sự thực tập tạo ra năng lực, và năng lực có thể dùng trong nhiều đường lối khác. Chẳng hạn tôi nhận thấy, tôi cũng có thể dùng

năng lực này khi tôi một phần ở ngoài xác thân, như lúc tôi viết về một trong những tiền kiếp của Alcyone.

Trong nếp sống của những gia đình Ấn Độ, năng lực này phát triển một cách hoàn toàn tự nhiên, vì người Ấn Độ có thói quen làm nhiều việc khác nhau trong cùng một căn phòng, không kể những đứa trẻ chạy khắp nơi và nhiều chuyện lặt vặt khác. Ở trường làng cũng như ở tại nhà, nhiều trẻ con học trong cùng một giờ những bài học khác nhau. Tất cả đều đọc lớn, mỗi em đều chăm chú vào bài của mình, dưới sự chăm nom chung của một ông thầy sẵn sàng sửa lại những lỗi của chúng. Tôi không nghĩ rằng đây là lối dạy học lý tưởng đối với môn học đặc biệt nào, nhưng trẻ con tập định trí sẽ rất hữu ích cho chúng về sau này.

Nếu bạn đạt được khả năng tập trung này thì rất tốt, vậy thì nếu bạn bị bắt buộc phải sống trong hoàn cảnh ồn ào, bạn chớ phàn nàn, mà hãy lợi dụng hoàn cảnh đó. Đó là lối làm việc của sinh viên huyền bí học, tôi nhấn mạnh đặc điểm này, vì chính nhờ những phương tiện đặc biệt như thế mà người ta trở thành nhà huyền bí học. Làm việc trong những hoàn cảnh khó khăn là cơ hội giúp cho chúng ta tiến bộ. Đó là một trong những lý do khiến cho vài người trong chúng ta đã tiến triển nhanh hơn những kẻ khác. Riêng tôi, tôi luôn luôn cố gắng thích nghi với hoàn cảnh, chớ không phàn nàn, bằng cách đó chúng ta sẽ không bỏ lỡ một cơ hội nào để tiến hóa.



Điểm chót này khó tập, bởi vì khi con tự tập luyện để bước vào đường đạo, con không thể nào ngăn không cho xác thân con nhạy cảm hơn trước; vì vậy mỗi một tiếng động hay một sự đụng chạm cũng dễ làm cho những dây thần kinh của nó bị rối loạn, và dù một áp lực nào cũng làm cho chúng cảm thấy nhức nhối được; nhưng con phải cố hết sức mình.

**A.B.-** Đức Thầy nói khó chủ trị được những dây thần kinh, vì lẽ xác thân ít chịu tuân theo ảnh hưởng của tư tưởng. Bạn có thể ảnh hưởng một cách dễ dàng đối với thể vía và thể trí, vì chúng được cấu tạo bằng chất liệu thanh bai, nên có thể được điều khiển khá dễ dàng bằng tư tưởng. Nhưng vật chất cõi trần nặng nề hơn, nên ít đáp ứng hơn và khó chủ trị hơn, tuy nhiên, chúng ta phải đạt cho được mục đích.

Người đệ tử phải nhạy cảm, đồng thời phải có xác thân và hệ thần kinh hoàn toàn được kiểm soát. Hễ sự nhạy cảm càng tăng, nỗi khó khăn càng lớn. Nhiều tiếng động đối với người thường không có gì đáng kể, nhưng đối với người nhạy cảm lại là một sự hành hạ. Có vài chứng bệnh làm phát triển sự nhạy cảm quá độ của hệ thần kinh, nên trong nhiều trường hợp tiếng chó sủa cũng có thể gây ra cơn động kinh. Thí dụ này đủ chứng tỏ rằng hệ thần kinh cảm xúc nhạy bén là đường nào!

Hệ thần kinh của sinh viên huyền bí học không bệnh hoạn, nếu chúng đau yếu, họ không được luyện

tập, nhưng họ giống một sợi dây căng thẳng, đung nhẹ đến nó rung động liên. Hệ thần kinh của họ trở nên nhạy cảm cực độ, nên muốn ngăn cản sự nóng nảy, họ phải dùng nhiều sức mạnh của ý chí. Ở trong tình trạng đó, sự căng thẳng thể xác có thể rất lớn đến nỗi trong vài trường hợp, như trường hợp của bà Blavatsky, đôi khi tốt hơn nên để cho xác thân hành động tự do, hầu ngăn chặn trước một sự đổ vỡ hoàn toàn. Bà cần giữ xác thân để hoàn thành nhiệm vụ được giao phó, nên bà không để cho sự căng thẳng đi đến chỗ bị đứt. Nhưng đó là trường hợp ngoại lệ, người chí nguyện nhất định nghe theo lời giáo huấn của đức Thầy, phải làm những điều Ngài dạy ở đây và phấn đấu hết sức mình để chế phục hệ thần kinh của mình. Họ có thể bị thất bại nhiều lần, nhưng điều đó không quan trọng lắm. Những lời cuối cùng của đức Thầy về việc ấy như sau: “Con phải cố gắng hết sức mình.” Ngài không đòi hỏi nhiều hơn. Vậy bạn không nên để cho sự thất bại làm cho bạn ngã lòng, hãy tiếp tục làm hết sức bạn.

Tình trạng rối loạn như thế đôi khi phát sinh từ một lý do bên trong của chúng ta, bởi quá cẩn thận và ý thức, do đó những sinh viên hết sức nhiệt thành cũng có thể vấp ngã. Có hai khuynh hướng phát hiện trong những sinh viên, khuynh hướng thứ nhất là lười thôi, chệnh mảng; khuynh hướng thứ nhì là tự hành hạ mình. Trong trường hợp thứ nhì, tâm thức có thể đi đến một tình trạng giống như trạng thái những dây thần kinh căng thẳng quá độ. Thường xảy ra đối với những

sinh viên ưu tú, họ quan trọng hóa những sa ngã nhỏ nhặt. Không nên quá nhấn mạnh những điều ấy đến nỗi chúng trở thành những tội ác lớn lao. Bạn hãy đi theo con đường trung dung giữa hai thái cực đó, trước khi sự việc xảy ra bạn không thể không thận trọng, nhưng sau đó, không nên tự làm cho mình khổ sở. Đừng chú ý nhiều đến những lỗi lầm hay những thất bại của bạn, bạn nên xem xét chúng để nhận thấy nguyên do, rồi cố gắng sửa lỗi. Khi hành động như thế, những khuynh hướng khiến cho bạn thất bại sẽ tiêu tan. Còn nghĩ đến chúng, chỉ tăng cường sức mạnh của chúng mà thôi.

**C.W.L.-** Xác thân là một thể ít chịu ảnh hưởng của ý chí. Người ta thường nói, có thể sai khiến thể xác hoạt động và chủ trị luôn tình cảm, nhưng kiểm soát tư tưởng là điều khó khăn hơn nhiều. Theo ý kiến thông thường của mọi người, kiểm soát tư tưởng là điều khó khăn nhất. Trên một phương diện, thật đúng như vậy, vì chất liệu làm ra thể trí thanh bai và linh động hơn; cần phải kiểm soát về những cách thức nó vận chuyển và phát khởi. Về phương diện khác, thể trí gần với chơn hơn, nên chịu sự điều khiển của chơn hơn nhiều hơn. Chơn hơn có nhiều sức mạnh trong việc kiểm soát và sử dụng chất trí tuệ hơn là ở dưới cõi vật chất này; hơn nữa, vật chất của cõi trần cũng ít đáp ứng hơn. Những người tưởng rằng công việc ấy dễ hơn, vì họ quen kiểm soát xác thân, chớ không quen chủ trị thể trí.

Người ta thường nói rằng chúng ta có thể chế ngự sự đau đớn của xác thân, nhưng không thể quên sự đau khổ của trí não. Nhưng sự thật thì trái ngược lại! Sự đau đớn về trí não hay tình cảm sẽ ngưng hẳn, nếu người ta cương quyết xua đuổi nó ra xa, nhưng thật khó làm ngược đối với sự đau đớn mãnh liệt của thể xác, mặc dù người ta có thể làm dịu bớt nhiều bằng cách không nghĩ nhớ tới nó nữa. Những học giả uyên bác trong Thiên Chúa giáo đã đạt được điều đó bằng cách phủ nhận sự đau đớn, họ chỉ để cho xác thân chịu đau thôi, điều này chỉ có thể áp dụng cho cơn đau tương đối nhẹ.

Chúng ta phải tập chế ngự thể trí, bằng cách loại phần tâm lý ra khỏi những sự đau đớn của xác thân. Đệ tử của Chân Sư phải làm cho mình trở nên hết sức nhạy cảm. Do đó, những vị đệ tử cảm thấy khó chịu khi ngồi gần một người uống rượu, hút thuốc, ăn thịt. Thật là một cực hình khi phải đi trong thành phố qua một con đường thương mại với đủ loại tiếng động ồn ào. Tất cả những tiếng động đó xuyên qua thể xác, làm cho ta rùng mình, nhưng nếu nghĩ đến nó thì càng tệ hơn nữa, nếu không chú ý thì ít cảm biết hơn. Vị đệ tử cố gắng đạt đến những cảnh giới cao siêu phải tập loại ra khỏi thể trí những cảm giác khó chịu này, và không thêm cho chúng nó một tư tưởng nào có thể tăng cường sức mạnh của chúng.

Những người tập tham thiền sẽ nhận thấy mình nhạy cảm hơn những người không luyện tập. Vì lẽ đó đôi khi xác thân bị căng thẳng một cách mãnh liệt.

Người ta thường nói rằng bà Blavatsky hay nổi nóng. Chắc chắn điều này có một lý do rất giản dị, đó là vì tình trạng đáng thương hại của thể xác bà. Tôi tin rằng xác thân bà không ngót đau nhức, bà đã lớn tuổi, xác thân bà suy nhược, mỏi mòn, nhưng bà phải cần nó trong công việc đặc biệt mà bà có bốn phận phải hoàn thành, vì vậy bà phải duy trì nó chớ không thể vứt bỏ như nhiều người trong chúng ta. Tuy nhiên, một hôm dịp may đưa đến để cho bà bỏ xác. Nhưng bà nói: “Không! Tôi sẽ giữ nó cho đến khi nào tôi hoàn thành bộ Giáo Lý Bí Truyền,” đó là công việc của bà lúc ấy đang làm dang dở. Vì lẽ đó, thân xác của bà ở trong tình trạng căng thẳng khủng khiếp và đôi khi bà để dịu bớt phần nào sự đau đớn bằng cách để thể xác tự do muốn làm chi thì làm. Dĩ nhiên, nhiều người không hiểu gì về việc đó; nhưng chúng tôi sống gần bà, chúng tôi cho những con biểu lộ bất thường như thế không mấy quan trọng. Chúng tôi có ghi nhớ nhiều trường hợp dị thường, như lúc bà thốt ra những lời nói dường như biểu lộ một cơn giận dữ, vì một chuyện vụn vặt nào đó, khiến cho những người mới đến với bà không hiểu chi cả, phải rút lui. Chúng tôi nhận thấy trong khi bị kích thích đó, nếu có ai hỏi bà một câu triết lý, thì tất cả đều tiêu tan, như một sợi dây bị kéo cắt đứt vậy; cơn thịnh nộ của bà sẽ biến mất tức khắc và bà bắt đầu trả lời câu hỏi ấy. Một người thường, trong cơn phần nộ không thể làm như vậy được. Nhiều người bỏ bà Blavatsky, vì không hiểu bà, nhưng tôi biết chắc chắn rằng đôi khi bà

buộc lòng phải chiều theo xác thân, nếu không thì nó sẽ tan vỡ.

**Thế trí yên tịnh có nghĩa là lòng can đảm, nhờ đó con có thể đương đầu không nao núng với những thử thách và những khó khăn trên đường đạo.**

**A.B.-** Can đảm là một đức tính mà những kinh sách Ấn Độ đều cho là cực kỳ quan trọng, nó có nguồn gốc trong việc thừa nhận sự hợp nhất với chân ngã. Người ta tự hỏi: “Đối với người đã nhận thấy được chân ngã, còn gì sợ nữa, còn gì là ảo ảnh?” Và cũng đáng ghi nhớ câu sau này: “Người Bà La Môn rất dũng cảm.” Trong quyển sách nhan đề “Trước Thềm Thánh Điện”<sup>1</sup> của tôi, tôi đã khuyên các sinh viên tham thiền về đức tính lý tưởng, theo bảng liệt kê các đức tính của đức Krishna được kể ra ở đầu chương thứ 16 của kinh Gita. Đức tính đầu tiên là Abhayam, nghĩa là dũng cảm hay là can đảm.

Tính can đảm phát sinh từ sự nhận thức rằng bạn là chân ngã thiêng liêng ẩn tàng bên trong, chớ không phải là những thể bao bọc bên ngoài. Chỉ có những thể bên ngoài của bạn có thể bị tổn thương mà thôi. Quyền năng của người này khác với người kia, vì tùy thuộc vào mức độ khai mở của sức mạnh chân ngã nội tại. Trên nguyên tắc, chúng ta đều có sức mạnh như nhau, nhưng có nhiều cấp bậc khác nhau của sự tiến hóa. Khi

---

<sup>1</sup> In the Outer Court.

nhận thức rằng bạn vốn là thiêng liêng, bạn biết rằng sự yếu đuối hay sức mạnh của bạn đều tùy thuộc vào sự phát triển của chân ngã ở nơi bạn. Vậy khi bạn cảm thấy sợ hãi, chỗ nương tựa của bạn là việc nhớ đến sức mạnh bên trong. Sự nhận thức rằng bạn là chân ngã là một trong những ý niệm mà sự tham thiên phải mang đến cho bạn. Những người tham thiên buổi sáng nên đồng thời cố gắng thực tập việc nhận thức chân ngã. Như thế một số năng lực đạt được do sự cố gắng đó sẽ được duy trì trọn ngày. Điều này giúp họ đạt được tính can đảm cần thiết để tiến bước trên đường đạo. Nơi đó người ta gặp nhiều nỗi khó khăn, cần phải có nghị lực và sức chịu đựng để đương đầu và chiến thắng chúng nó. Những đặc tính này là những hình thái của tính can đảm. Trên đường đạo sẽ gặp những sự việc mới lạ, để đương đầu cũng cần đến tính can đảm. Muốn đạt được đức tính này, tôi biết một phương thức duy nhất là nhận thức chân ngã.

**C.W.L.-** Tất cả những hệ thống huấn luyện huyền bí học đều nhấn mạnh về sự cần thiết của tính can đảm. Khi bước vào đường đạo, con người phải sẵn sàng chịu đựng những lời phán đoán sai lầm, những lời phỉ báng và những sự ngộ nhận. Những người cố gắng vượt lên trên những đồng loại của mình luôn luôn phải hiểu những sự thử thách đó. Phải có một sức mạnh tinh thần mới chịu đựng nổi những điều ấy, giữ vững lập trường và làm điều gì mình cho là phải, dù cho những người ở chung quanh có tưởng, nói hoặc làm gì cũng mặc. Sức

mạnh ấy rất cần thiết để thực hành những lời dạy trong quyển sách này, thêm vào đó cũng cần có nghị lực và sự cương quyết. Hành động một cách can đảm cũng cần thiết. Trên đường đạo có nhiều sự nguy hiểm và khó khăn, không phải chỉ là tượng trưng, hay chỉ xảy ra ở những cảnh giới cao siêu mà thôi. Trên đường đi, chúng ta phải chịu nhiều thử thách về sự can đảm và kiên trì, chúng ta nên chuẩn bị về điều ấy. Người không can đảm không thể tiến bộ trên đường đạo. Nơi đây không phải chỉ cần đức hạnh mà thôi, mà còn cần phải có sức mạnh của tâm huyết, không bị lay chuyển trước cảnh ngộ bất ngờ hay là khủng khiếp.

Tôi biết bên Anh có một hội huyền bí học đã cố gắng trong nhiều tuần để cầu đảo, hiệu triệu vài vong linh bên trung giới. Rất cuộc người ta đạt được kết quả là sự hiện hình, nhưng không ai ở lại đủ lâu để xem hình ấy là ai. Cũng giống như thế, có nhiều người tìm cách đạt được kết quả trên những cảnh giới cao siêu, nhưng khi vừa thành công lại hoảng sợ. Một người lần đầu tiên xuất vĩa ra khỏi thể xác mà vẫn tỉnh thức, có thể cảm thấy thoáng qua sự lo lắng rằng mình có thể trở về nhập xác được hay không? Họ phải nhận biết rằng vấn đề có trở lại được hay không, không có gì là quan trọng. Họ đã quen thuộc trong những giới hạn, và khi chúng mất đi thì hình linh, rất có thể họ cảm thấy mình bị mất chỗ đứng vững. Càng tiến xa hơn, chúng ta thấy đức can đảm, thẳng thắn và cương quyết là điều tối



cần thiết. Phải đương đầu với tất cả những thế lực, chẳng phải là một trò chơi trẻ con.

Khi nhận ra và nhớ rằng chúng ta là một với Thượng Đế, chúng ta sẽ không sợ chi cả. Nhưng đôi khi trước cảnh ngộ nguy biến thành linh, người ta quên điều đó và lại lùi bước. Không một sự vật tạm thời bên ngoài nào có thể ảnh hưởng, hoặc làm tổn hại chân ngã nội tại. Vậy nếu chúng ta có thể nhận thức chắc rằng, chúng ta là chân ngã, chớ không phải là những thế bên ngoài, chúng ta sẽ không còn sợ chi nữa. Nếu người ta còn cảm thấy sợ sệt một điều gì, phải tìm đến năng lực gia hộ bên trong, chớ không cần phải cầu cứu sự trợ giúp từ bên ngoài. Về phương diện này, giáo lý thông thường của Cơ Đốc giáo đã gây ra những sự đáng tiếc, họ bảo tín đồ phải luôn luôn nương cậy vào sự cầu nguyện. Cầu nguyện có nghĩa là van xin, và không thể áp dụng cho trạng thái của sự khát vọng tối cao. Danh từ “cầu nguyện” do chữ La Tinh precari, có nghĩa là xin, yêu cầu, không hơn, không kém. Nếu chúng ta tin rằng Thượng Đế là Đấng toàn thiện, chúng ta hãy theo lời khuyên của đức Phật: “Con chớ nên than, khóc, chớ cầu xin, mà hãy mở mắt ra nhìn. Ánh sáng bao phủ con, con chỉ cần chịu dỡ tấm băng bịt mắt ra để xem. Quang cảnh thật là kỳ diệu, xinh đẹp và cao cả hơn tất cả những gì mà con người có thể tưởng tượng hoặc cầu xin, và nó là vô tận, không bao giờ dứt!”

Tôi biết nhiều người có thói quen cầu cứu với đức Thầy trợ giúp, khi họ gặp những sự khó khăn. Chúng ta

có thể chắc rằng tư tưởng đức Thầy luôn luôn gần chúng ta, và chắc chắn chúng ta có thể đến gần Ngài, nhưng tại sao chúng ta lại làm rộn Ngài, vì một việc mà chúng ta có thể tự làm lấy. Lẽ tự nhiên, chúng ta có thể cầu cứu đến Ngài, nhưng thật ra, nếu chúng ta có khả năng kêu gọi đến đức Thượng Đế bên trong và nhận được sự giúp đỡ nhiều hơn, như thế chúng ta sẽ gần đức Thầy hơn là chúng ta thốt lời kêu cứu với Ngài một cách yếu ớt. Đành rằng người ta có quyền cầu xin Ngài giúp đỡ, nhưng chúng ta biết rằng Ngài bận làm việc không ngừng cho nhân loại. Vậy đừng nghĩ đến việc kêu gọi Ngài, trong khi chúng ta còn một phương tiện nào đó có thể tự làm một mình được. Nếu không làm được như thế, tức là thiếu đức tin. Không những không tự tin vào chính mình, mà chúng ta còn không tin tưởng vào năng lực thiêng liêng nữa.

Sự thực tập tham thiền cũng có thể chuẩn bị để chúng ta đối phó với những cảnh ngộ bất ngờ và giúp chúng ta khỏi bị rối loạn. Những người đã hiểu được các định luật bên trong phải giữ sự yên lặng và điềm tĩnh trước mọi sự việc xảy ra, vì chúng ta biết rằng giữ một thái độ như thế là điều kiện cần thiết của sự tiến hóa thật sự. Sự đùng chạm, xáo trộn do sự bộc phát những cơn xúc động sẽ lưu lại trên các thể nhạy cảm của người đệ tử những dấu vết lâu dài.

**Nó cũng có nghĩa là sự bền chí, nhờ đó con có thể sáng suốt khi gặp những điều phiền toái thường xảy đến trong cuộc sống của mọi người, và tránh khỏi**

**những lo lắng không ngớt về những việc nhỏ mọn làm cho nhiều người mất hết cả ngày giờ.**

**A.B.-** Tính bền chí là đức tính cần thiết kế tiếp được đức Thầy đề cập đến. Người đệ tử cần phải có đức tính này mới khỏi bị cuốn theo chiều gió. Bị lệ thuộc vào những sự vật bên ngoài là nguyên nhân của mọi nỗi ưu phiền không dứt. Người mà không đủ sức tự điều khiển những công việc riêng của mình thì không thể đeo đuổi theo một công việc xác định nào cả. Điều làm cho con người suy nhược, chẳng phải là sự làm việc, mà là những mối bận tâm, sự lộn xộn đi lộn lại một chuỗi những tư tưởng đau buồn. Người sợ sệt, rụt rè khó tránh được thói quen ấy, dưới hình thức này hay hình thức khác.

Trong vài trường hợp, thể trí có khuynh hướng bị kịch hóa vấn đề, rồi sống trong tấn kịch của chính nó đã tạo ra. Điều đó thường xảy đến cho tôi, tôi đề cập đến sự kiện này cũng như những kinh nghiệm bản thân tương tự khác, bởi vì tôi nghĩ rằng làm như thế lời nói của tôi sẽ sống động và hữu ích hơn là chỉ trình bày một cách trừu tượng. Đa số những người chí nguyện có lẽ đã để cho thể trí tạo nên những bi kịch như thế, vì chúng ta đều có bản tính tương tự nhau. Tôi thường tưởng tượng rằng trong lời nói và việc làm tôi đã làm phật lòng vài người bạn thân của tôi, rồi tôi tưởng tượng ra cuộc gặp gỡ sắp tới giữa tôi với người bạn ấy, từ lúc mở đầu câu chuyện đến lúc cuối cùng. Vậy mà khi chúng tôi gặp nhau thật sự, không có điều chi xảy ra

như tôi đã tiên đoán, vì những câu khơi mào của bạn tôi luôn luôn khác xa với điều mà tôi giả tưởng. Đôi khi, người ta tạo ra trong trí một cảnh tượng buồn thảm, rồi tưởng tượng sẽ phải hành động như thế nào trong những trường hợp cảm động giả tạo đó. Cuối cùng người ta đi đến tình trạng khốn khổ của thể trí, và họ phải mất nhiều tình cảm và xúc động. Trong tất cả những điều đó, có lẽ không có điều chi xảy ra, và có lẽ không bao giờ xảy ra, đây chỉ là một sự phung phí năng lực mà thôi.

Những bi kịch tự tạo ấy chỉ đem lại những sự ưu phiền vô ích, và làm suy nhược bản chất của trí tuệ và cảm xúc. Phương pháp duy nhất để diệt trừ thói quen này, bạn hãy tự đặt mình ra ngoài bối cảnh và ghi nhận xem bạn có kiểm soát phần nào đến tư tưởng đầu tiên trong cả loạt không. Nếu có, bạn hãy làm chủ nó, bằng không, nghĩ đến chuyện chưa xảy ra chẳng ích gì. Để cho thể trí mãi tập trung tư tưởng vào những chuyện có thể xảy ra trong tương lai là việc làm vô ích. Cũng như suy nghĩ lẩn quẩn về những chuyện đã qua rồi cũng là điều bất lợi. Vì bạn không thể thay đổi được quá khứ, lẽ tự nhiên buồn phiền về việc đã qua chẳng ích lợi gì.

Nhiều người tốt đã tự đầu độc đời sống mình, bằng gánh nặng của quá khứ, và nghĩ rằng: “Nếu tôi đã làm hoặc tôi không làm điều này hay điều khác, tôi đã chẳng bao giờ phiền muộn như vậy.” Giả sử rằng sự thật đúng như thế đi nữa, chuyện cũng đã qua rồi, không một tư tưởng nào sửa đổi được dĩ vãng. Vì mãi

lo những chuyện đã xảy ra hoặc có thể xảy ra trong tương lai mà chúng ta bị mất ngủ ban đêm, lo lắng suốt ngày. Thể trí hoạt động theo cách đó chẳng khác một cái máy chạy hết tốc lực, hay quả tim đập quá nhanh, điều đó làm tổn hại cho cái máy và quả tim, chớ không giúp nhiều cho năng suất của việc làm. Bạn nên biết thể trí bị sử dụng một cách quá trớn như thế chẳng những vô ích mà còn tai hại nữa. Bạn nên dừng lại và học cách dùng năng lực của thể trí có hiệu quả hơn. Hành động như trên là việc làm đại dột mà hầu hết mọi người đều mắc phải, nhưng người chí nguyện làm đệ tử phải hết sức tránh điều sai lầm đó.

**C.W.L.-** Trong tất cả những đặc tính của thể trí cần phải được điều phục, sự lo lắng là khó trị nhất. Nó là chướng ngại lớn cho sự tiến bộ, khi quá lo lắng thể trí của bạn không ở vào trạng thái tham thiền được. Người ưu tư về dĩ vãng, kẻ khác lại lo lắng cho tương lai. Khi mới vừa thoát khỏi mối lo này, mối lo khác lại đến thay thế, do đó không bao giờ họ được an tịnh, cho nên đối với họ không có hy vọng đạt được kết quả của sự tham thiền.

Có một phương thức tuyệt diệu là dùng tư tưởng hướng về đức Thầy thay thế cho sự ưu tư, nhưng muốn thực hiện điều này cần phải có một năng lực mạnh mẽ. Thành linh bắt buộc thể vía hay thể trí đang xao động trở nên yên lặng, chẳng khác nào muốn đèo bẹp những lượn sóng biển trong con dồng tử bằng một tấm ván. Thường thường, phương pháp có hiệu quả nhất là

đứng dậy và kiếm một việc làm như giã cỏ, hoặc đi dạo bằng xe đạp. Sự an tĩnh thường không thể phát sinh ra trước khi các thể thấp đạt được sự rung động điều hòa chung. Lúc bấy giờ, những sự luyện tập khác mới có cơ may thành công.

Thường người ta hay lo lắng về những khuyết điểm của mình, thỉnh thoảng mỗi người tự nhận thấy mình lầm lỗi và thất bại, tốt hơn đừng làm điều đó, khó mà mong đợi sự hoàn hảo. Nếu chúng ta không lỗi lầm và không yếu đuối, tất cả chúng ta đều thành Chon Tiên. Xem thường những khuyết điểm này và cho rằng chúng không quan trọng mấy, dĩ nhiên là điều không đúng, nhưng bận tâm về chúng một cách vô ích, cũng là điều đáng trách. Trong khi lo lắng thái quá, thể trí xoay lẫn quẩn một cách vô ích. Nếu bạn đã từng đi tàu nhỏ trên biển, lúc thời tiết xấu, bạn có thể nhớ lại đôi khi chân vịt vượt lên khỏi mặt nước và quay cuồng. Đó là về cơ giới, sự quay cuồng hết tốc lực này gây hư hại cho máy móc hơn là khi nó chạy điều hòa, lâu dài; sự kiện này cũng giống như trong vấn đề lo âu.

Hội Thông Thiên Học chúng ta có xảy ra những cuộc khủng hoảng định kỳ, tôi đã chứng kiến một số việc ấy. Tôi nhớ rất rõ sự xáo động do Coulomb gây ra năm 1884, nhiều người Thông Thiên Học đã bán khoán và bối rối đến tột độ, đôi khi đi đến chỗ mất hẳn đức tin đối với Thông Thiên Học, vì họ cho rằng bà Blavatsky đã lường gạt họ. Thật ra sự giả định này không liên hệ gì đến vấn đề đó. Đức tin đối với Thông Thiên Học của

chúng ta không căn cứ trên những lời tuyên bố của bà Blavatsky, hoặc của một nhân vật nào khác. Sự tin tưởng của chúng ta phải căn cứ trên sự kiện là Thông Thiên Học mang lại cho con người một hệ thống triết lý hoàn hảo, và nó vẫn luôn luôn là chân lý, dù cho bà Blavatsky đã phạm phải những sự lừa dối – nhưng dĩ nhiên là không có chuyện đó. Lòng tin đặt nền tảng trên sự tôn kính cá nhân thì dễ bị lung lạc, nếu niềm tin của chúng ta đặt căn bản trên những nguyên tắc mà chúng ta thấu triệt, nó sẽ không thể lay chuyển được, dù cho vị lãnh đạo được chúng ta tín nhiệm đã mất.

**Đức Thầy dạy rằng mọi người nên xem nhẹ những việc ở ngoài xảy đến cho mình như sâu nã, rắc rối, bệnh tật, mất mát. Hãy xem như không có việc gì xảy ra, và đừng để chúng làm rối loạn đến sự yên tĩnh của thể trí. Chúng là kết quả của những hành động trong quá khứ, và khi nào chúng đến, con hãy vui vẻ nhận lãnh. Hãy nhớ rằng mọi khổ nã đều tạm thời, bốn phận con là phải luôn luôn giữ lòng vui vẻ và bình tĩnh. Những khổ nã này thuộc về kiếp trước của con, chớ không phải kiếp này; con không thể sửa đổi chúng được, vì thế bận lòng với chúng vô ích.**

**A.B.-** Ở đây đức Thầy chỉ cho chúng ta lý do tại sao không nên lo lắng, phiền muộn, tôi nghĩ rằng nhiều độc giả không để ý đến. Ngài nói những điều đến từ bên ngoài chẳng quan hệ gì. Những gì xảy đến cho chúng ta hoàn toàn vượt ngoài sự kiểm soát của chúng ta, vì

trong quá khứ chúng ta đã tạo ra, chúng là nhân quả của chúng ta.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là chúng ta không thể làm gì được. Trái lại, chúng ta có thể làm nhiều lắm. Chúng ta có thể tiếp nhận những nghiệp quả một cách êm thấm và như thế chúng ta biến đổi hiệu quả của chúng rất nhiều. Cũng như chúng ta đổi một quả dấm trực tiếp, mạnh mẽ có thể quật ngã chúng ta, thành một đòn phốt nhẹ, không quan trọng. Vấn đề chỉ là thay đổi góc độ, theo đó chúng ta hứng chịu quả dấm. Nếu mỗi sự phiền não đến, bạn có cảm giác rằng: “Đó chỉ là một món nợ phải trả; thanh toán được nó thật hay.” Bấy giờ sự ưu phiền sẽ không còn đè nặng bạn nữa. Một người biết cách sống, vẫn an tịnh và hạnh phúc giữa những nỗi khó khăn. Những người thiếu hiểu biết có thể bị đè bẹp bởi những ưu tư, mà một phần lớn vốn là sự tưởng tượng.

Có nhiều sự lo âu, đau đớn bị làm nặng thêm bởi trí não. Khi bạn tự tách ra khỏi tất cả, bạn sẽ thấy sự đau đớn bớt đi nhiều. Bạn có thể nhận thức sự thật này bằng một cách khác, khi quan sát thú vật, một con thú bị gãy chân, kéo lết cái chân bị thương vẫn điềm nhiên ăn cỏ. Con người không làm được điều đó, nhưng một con ngựa có thể làm được. Những nhà sinh lý học cho chúng ta biết rằng con ngựa có bộ thần kinh mảnh mai hơn bộ thần kinh của con người, nó nhạy cảm đối với sự đau đớn hơn con người. Đừng nghĩ rằng thú vật không biết đau đớn, hoặc sự đau đớn của chúng không



quan trọng, sự thật hoàn toàn trái hẳn. Nhưng vì con người tăng cường và kéo dài sự đau đớn của mình bằng cách cứ chú ý và giữ nó trong trí.

Nếu tập trấn an những hiệu quả do sự đau đớn tạo ra ở thể vía, bạn sẽ biết cách làm giảm đi một phần lớn sự đau đớn đó. Những người tự cho mình là những học giả uyên bác trong Thiên Chúa Giáo đã làm dịu được nỗi đau đớn rất nhiều bằng cách xóa bỏ sự hoạt động của thể trí, thường xen vào, làm gia tăng sự đau đớn. Tôi có vài kinh nghiệm về điều đó, khi tôi đang diễn thuyết mà bị đau nhói ở thân xác, tôi đạt đến chỗ không cảm thấy đau đớn nữa trong thời gian tôi đang nói. Tại sao thế? Chỉ vì tâm trí của tôi hoàn toàn tập trung vào bài diễn văn của tôi. Nếu bạn có thể hoàn toàn không chú ý đến xác thân, như khi bạn đang diễn thuyết, tất cả sự đau đớn thể xác của bạn mất đi một phần lớn. Khi hoàn toàn làm chủ thể trí, người ta mới có thể đạt đến mức độ đó, và chỉ để cho những sự việc bên ngoài ảnh hưởng đến thể xác. Người ta thường làm được điều đó khi có một sự kích thích khá mạnh. Trên chiến trường, nhiều khi người chiến sĩ không cảm biết mình bị thương trước khi trận chiến chấm dứt. Chắc chắn vài người tử đạo đã không cảm biết những ngọn lửa đang phừng cháy vây quanh họ, nhờ sự xuất thần mà họ cảm thấy trong sự hy sinh vì Chúa của họ. Cũng như thế, nếu một đứa trẻ lâm nạn, bà mẹ có thể quên hết mọi sự đau đớn xảy đến cho bà, bà xông tới cứu giúp con.

Không nhờ sự kích thích như trên, chúng ta cũng có thể đạt được sự tự chủ như thế. Người ta có thể làm vô hiệu hóa một phần lớn mọi đau khổ về tình cảm cũng như tâm trí. Tôi không muốn nói rằng điều này dễ làm, nhưng có thể thực hành được. Riêng cá nhân tôi, tôi cho rằng không đáng phí nhiều năng lực, hoặc phải đặc biệt cố gắng để đạt đến một kết quả không có gì đáng kể như việc làm ngưng sự đau đớn thuần thể xác. Thay vì đem tâm trí phục vụ xác thân, như người ta thường làm, tốt hơn là đổi chiều hướng, và bắt nó làm những việc hữu ích hơn. Nếu bạn có thái độ đúng đắn đối với đời sống, bạn sẽ thấy rằng những sự vật bên ngoài không có gì quan trọng, và bạn để yên cho chúng chỉ ảnh hưởng đến bề ngoài của bạn mà thôi. Những khó khăn đó phải qua đi, giá trị của chúng ở chỗ tập cho bạn dùng năng lực để khắc phục được chúng; xem chúng theo cách ấy bạn sẽ thấy tinh thần được an tịnh rất nhiều.

Mọi điều xấu đều có tính cách tạm thời, nếu bạn xem xét cuộc tuần hoàn rộng lớn của đời sống và nhìn lại quá khứ của bạn, không phải từng chi tiết, vì những chi tiết đều không đáng kể, nhưng trong chiều hướng chung của nó, bạn sẽ nhận thấy sự thật trên. Khi người ta nhớ lại được đã bao lần mình phải chịu những sự buồn phiền, rối ren – như người thân chết, bệnh tật, tổn thất, đau khổ đủ loại – sẽ thấy những nỗi khổ của mình giảm bớt và chúng gần như mất ý nghĩa thật sự của chúng một cách tương đối. Cố gắng như thế rất cần

thiết, vì hiện tại ràng buộc chúng ta với những lo âu vụn vặt, ngăn cản không cho chúng ta thấy những sự hiểu biết sâu xa hơn. Khi hiểu được quá khứ xa xăm của bạn, bạn trở nên dũng mãnh hơn, khi những bất hạnh đến với bạn, bạn sẽ nghĩ rằng: “Tại sao tôi phải buồn phiền? Rồi nó sẽ qua!”

Tôi cảm thấy chắc rằng tôi sẽ không sống nổi, nếu không xua đuổi những cơn ưu phiền, và chịu đựng những sự khó khăn của hoàn cảnh. Những nỗi buồn phiền đủ thứ, dồn dập đến mỗi ngày, nếu tôi để cho chúng chi phối, tôi sẽ không thể sống được qua một tuần lễ. Trong thời gian đã qua, tôi có tham dự nhiều cuộc vận động như việc tôi đang lo hiện tại. Tôi nhận thấy chúng luôn luôn mang theo sự xáo trộn. Tốt hơn đừng tiên liệu những sự khổ não, nhưng phải đương đầu với chúng khi chúng đến, xong rồi dẹp chúng sang một bên và quên hết.

Đức Thầy nói rằng, bốn phận người đệ tử là phải luôn luôn giữ lòng vui vẻ và bình tĩnh. Một lần kia, Ngài cũng cảnh giác rằng không nên bỏ chặn sắt vào lò luyện kim<sup>2</sup> của người đệ tử. Điều xấu, nguy hại lên tột độ ở một nơi như Adyar. Tại đây, tất cả chặn sắt tức là các tật xấu, như mọi thứ phiền não, ngờ vực, lo âu, nghi kỵ, v.v..., sẽ nhận được sức mạnh nhiều hơn lúc chúng phát sinh từ người tạo ra chúng. Đôi khi bạn không thể

---

<sup>2</sup> Lò luyện kim dùng để biến đổi chì thành vàng. Đây là câu nói theo nghĩa bóng. (Lời dịch giả)

xua đuôi tức khắc sự ngã lòng, sự bất mãn hay tất cả những cảm xúc xấu xa khác, ít ra bạn hãy giữ chúng lại riêng với bạn. Bạn chớ nên để chúng lan tràn ra, làm nhiễm độc không khí và làm cho đời sống của kẻ khác phải khó khăn hơn nhiều. Sau khi tự huấn luyện theo đường lối này, bạn sẽ ngạc nhiên khi nhìn lại tình trạng cũ của bạn, rồi bạn sẽ tự hỏi tại sao trước kia những chuyện chẳng ra gì có thể gây xáo trộn cho bạn được?

C.W.L.- Người hiểu biết vẫn giữ được bình an và hạnh phúc giữa cảnh ngộ buồn phiền mà kẻ khác cho là nghiêm trọng. Người chưa hiểu biết không chống nổi nghịch cảnh và bị vấp ngã. Có biết bao sự tưởng tượng ảm sau sự đau khổ của chúng ta! Số lượng thật sự của quả báo cần phải trả thường không đáng kể, nhưng nhiều khi vì lầm lỗi, con người đã gia tăng gấp đôi hoặc gấp mười lần sự đau khổ của mình. Cho rằng điều ấy thuộc về nghiệp cũ, thật là bất công, bởi vì đó chỉ là kết quả do sự khờ dại hiện thời của chúng ta gây ra. Ông Sinnett gọi sự kiện đó là “Quả báo nhãn tiền.”

Số nợ mà chúng ta phải trả không thể sửa đổi được, luật nhân quả bắt buộc chúng ta phải chịu đau đớn đến một mức độ nào đó, nhưng nếu nó có thể gia tăng, nó cũng có thể giảm bớt được. Nhờ cố gắng, chúng ta có thể vận dụng một sức mạnh mới, và đổi được hiệu quả của một quả đấm trực tiếp thành một đòn phốt nhẹ, theo lối nói của bà hội trưởng của chúng ta, nên chúng ta cảm thấy nhẹ hơn nhiều. Mỗi sự cố gắng như thế nghĩa là có sự can thiệp của một yếu tố

mới, như vậy không có gì là bất công, không có gì là can thiệp trong sự tác động của luật nhân quả. Năng lực đã phung phí vào việc khác nay được dùng để sửa đổi quả đấm.

Dĩ nhiên tất cả những điều xấu xa, sai quấy đều tạm thời. Có vị vua Ba Tư đã dùng câu sau đây làm phương châm: “Ngay điều này rồi cũng sẽ qua đi!” Câu châm ngôn này thật tuyệt diệu, vì nó thích ứng với việc vui mừng cũng như việc phiền não, với điều may mắn cũng như sự rủi ro, dù bất cứ tình trạng nào chi phối đời sống chúng ta trong hiện tại. Chỉ có sự tiến hóa thật sự và hạnh phúc phát xuất từ nội tâm mới là những điều trường tồn mãi mãi. Dù sự đau khổ hiện tại của chúng ta như thế nào, nó chỉ có một thời gian thôi. Chúng ta đã từng đau khổ và từng chịu thử thách trong những kiếp trước rồi. Hiểu rõ được điều này giúp chúng ta rất nhiều. Những chuyện gây nhiều rối rắm cho chúng ta trong tuổi thanh xuân, ngày nay không còn là quan trọng nữa. Chúng ta thậm chí nói: “Coi tôi kìa, những chuyện đó không quan trọng chi cả; tại sao tôi đã quá lo lắng đến thế?” Người khôn ngoan học hỏi bằng cách nhìn về phía sau. Họ sẽ nói rằng: “Giờ đây có những chuyện khác làm cho tôi lo lắng, chắc chắn chúng sẽ không quan trọng gì hơn những việc đã qua.” Dĩ nhiên là như vậy, nhưng chỉ có người khôn ngoan mới kết luận được thế mà thôi.

**Tốt hơn con nên nghĩ đến những việc của con đang làm bây giờ, chúng sẽ định phần số con ở kiếp sau, đó là điều con có thể sửa đổi được.**

**C.W.L.-** Kiếp sau của bạn sẽ tùy thuộc một phần lớn nghiệp quả của bạn đã tạo ra trong kiếp này. Nghiệp quả do hành động của người đệ tử mãnh liệt hơn phần đông những người khác. Người bình thường có thể làm nhiều việc mà không gây tai hại gì cả. Nhưng nếu những việc này được làm do những người gần đến đường đạo, sẽ tạo ra những điều vô cùng tai hại. Đối với người đệ tử, những gì xảy đến cho họ tức là xảy đến cho đức Thầy, vì đức Thầy đã làm cho người đệ tử thành một phần tử của chính Ngài. “Không ai sống, và cũng không ai chết cho chính mình;” điều này vẫn đúng cho mỗi người, nhưng đối với ai muốn phụng sự những đấng Chân Sư cao cả phải thận trọng gấp đôi. Trong giới huyền bí, những gì làm cho công việc của bạn đồng môn trở nên khó khăn, đều gây ra những nghiệp quả nặng nề.

**Đừng bao giờ cho phép con buồn bực hay chán nản. Chán nản là điều sai lầm, vì nó truyền nhiễm cho kẻ khác và làm cho đời sống của họ khó khăn thêm, đó là điều con không có quyền làm. Vì vậy, nếu bao giờ ý nghĩ chán nản đến với con, con hãy xua đuổi nó ngay.**

**C.W.L.-** Bất cứ người nào bị đau khổ nặng nề, vì sự chán nản trầm trọng, có thể sẽ lắc đầu và nói rằng:

“Đó là lời khuyên rất hay, nếu người ta có thể áp dụng nó.” Nhưng tôi đã từng nói rằng, tư tưởng có ảnh hưởng tốt, làm tăng thêm sức mạnh cho một người để người ấy có thể buông bỏ sự chán nản và quyết định làm việc lành, đó là cách duy nhất. Chán nản là điều sai lầm, bởi vì nó gieo ảnh hưởng xấu cho các bạn đạo cũng như những người khác, và làm cho đời sống mọi người trở nên khó khăn hơn. Tất cả những sự khó khăn đều bắt nguồn từ nơi bản thân chúng ta. Nó bắt nguồn từ những tiền kiếp của chúng ta, của chính nhân quả cá nhân chúng ta. Chúng ta cần phải học hỏi sự việc này và luôn luôn cẩn thận tránh làm tổn hại người khác một cách vô tình hay hữu ý. Nếu ta chứng kiến việc làm quấy hay nghe lời nói quấy của người nào đó thì chúng ta hãy tự nói với mình rằng: “Tôi sẽ bỏ qua việc xấu này hay lời nói quấy này bằng cách không làm theo và cũng không lặp lại để tránh làm tổn hại đến người khác.” Chúng ta cũng quyết định không làm phương tiện để truyền đạt nhân quả xấu của kẻ khác. Nếu một người kia xúc phạm hay làm tổn thương ai thì chỉ mình họ chịu gánh lấy sự trừng phạt theo đúng luật nhân quả. Nhưng chúng ta không nên làm dụng cụ cho nhân quả xấu, vì đó là điều ích kỷ xấu xa. Chúng ta nên làm dụng cụ cho nhân quả tốt, làm việc lành giúp đỡ mọi người, đem ân phước đến cho nhân loại, ít ra cũng là sự an ủi, khuyên lơn. Như vậy nhân quả xấu sẽ được thực hiện bằng một phương tiện khác, mà không phải là chúng ta.

**Con phải kiểm soát tư tưởng của con bằng một cách khác nữa. Con đừng để nó vẩn vơ, dù con đang làm việc gì, hãy tập trung tư tưởng của con vào việc đó để việc làm có thể hoàn hảo.**

C.W.L.- Chuyện đơn giản là phải chú ý vào công việc của chúng ta đang lo và phải làm cho hoàn toàn. Như khi viết một bức thư, chúng ta phải chú ý vào đó và diễn tả một cách cẩn thận ý tưởng của mình cũng như viết nét chữ dễ đọc hoặc đánh máy. Người ta thường viết thư không kỹ lưỡng và ít chính xác, họ nói những điều cần nói, chớ không đặc biệt cố gắng để làm cho được hoàn hảo. Đối với một số người, những điều nhỏ nhặt, tầm thường như thế mà lại phải làm cho được hoàn hảo, thật là một điều mới mẻ. Tôi nhận được nhiều bức thư, tôi phải nói rằng đa số những bức thư ấy nếu là của tôi thì tôi không dám gởi đi. Nhiều khi họ diễn tả sai và chữ viết thường xấu tệ đến nỗi tôi phải mất nhiều thì giờ mới đọc được.

Sự không cẩn thận đó có một ý nghĩa rất quan trọng đối với những nhà huyền bí học hoặc những ai muốn trở thành nhà huyền bí học. Một bức thư của nhà huyền bí học phải đúng đắn trong cách diễn đạt tư tưởng; nó phải được viết một cách tử tế, hoặc đánh máy, tùy trường hợp. Nó phải có vẻ đẹp và làm vui lòng người nhận. Dù làm việc gì cũng vậy, chúng ta vẫn phải có bốn phận thực hiện cho được đầy đủ rõ ràng. Tôi không có ý muốn nói rằng người ta luôn luôn có thì giờ viết như một người thợ khắc chữ, hoặc làm cho bức



thư nào cũng thành một tác phẩm mỹ thuật tuyệt đẹp, ngày nay điều đó không thể thực hiện được. Nhưng ngoài vấn đề huyền bí học, muốn giữ phép lịch sự đối với người mà ta viết thư, chữ viết của chúng ta cũng phải rõ ràng và dễ đọc. Nếu bạn muốn viết gấp và cầu thả để khỏi mất một ít thì giờ, bạn nên nhớ rằng, vì lỗi của bạn, mà người nhận thư phải mất thì giờ gấp bốn lần để đọc. Chúng ta không có quyền làm như thế.

Một bức thư mà chúng ta gởi đi phải là một vị sứ giả, một sứ giả của đức Thầy. Nếu đó là một bức thư nói chuyện làm ăn hay một đề tài thông thường nào, nó cũng phải chứa đây những cảm tình tốt đẹp. Muốn được như thế, chỉ cần một chốc lát cũng đủ. Trong khi viết cảm tình nhân hậu phải tràn ngập tâm trí chúng ta. Nó phải thấm nhuần cả bức thư, rồi chúng ta không cần làm gì nữa; nhưng lúc ký tên, chúng ta phải dừng lại giây lát để truyền vào đó một nguồn thiện cảm. Khi bạn viết cho một người bạn, hãy ban rải tình thương vào đó, để khi mở bức thư ra, người ấy sẽ nhận được một luồng tình cảm huynh đệ thân ái. Nếu gởi cho một người bạn Thông Thiên Học, bạn hãy ban rải vào đó một tư tưởng liên quan đến các vấn đề cao thượng hơn, và cũng liên quan đến đức Thầy. Như thế bức thư sẽ nhắc nhở người huynh đệ nhớ đến tư tưởng cao thượng mà những người Thông Thiên Học luôn luôn quý mến. Nếu chúng ta viết thư cho một người mà chúng ta biết người ấy thiếu một đức tính nào đó, chúng ta hãy cho đức tính ấy thấm nhuần bức thư, nhân dịp đó chúng ta cho

người ấy điều gì mà họ còn thiếu thốn. Vậy chúng ta hãy giữ gìn cho những bức thư của chúng ta được tốt đẹp và có một linh hồn.

Chúng ta cũng có thể giúp mọi người bằng cách đó, khi chúng ta giao thiệp trực tiếp với họ. Vài người trong chúng ta thường gặp nhiều người trong ngày. Chúng ta phải nói chuyện, hoặc đôi khi phải bắt tay họ. Chúng ta có thể thừa dịp tiếp xúc trực tiếp này, để truyền cho họ một luồng sinh lực hay một sức mạnh của tình thương, hay là những tư tưởng cao thượng; nói tóm lại điều gì mà chúng ta nghĩ rằng thích ứng đối với họ. Đừng bao giờ bắt tay một người nào mà không giúp họ như thế, vì đó chính là một cơ hội. Nếu chúng ta có chí nguyện làm đệ tử Chân Sư, chúng ta phải tìm cơ hội như thế để phụng sự. Một người không hữu dụng cho đồng loại bằng cách này hay cách khác, sẽ không được chấp nhận sớm. Cũng là điều thường tình đối với một người ngoài đời, khi muốn kết thân với người khác, thường có ý nghĩ như sau: “Tôi sẽ nhận được những gì từ người kia?” Có thể không phải là tiền bạc, mà là sự vui chơi hoặc có lợi về phương diện xã hội. Dù trường hợp nào họ cũng có ý tưởng được vài lợi lộc nào đó. Thái độ của chúng ta phải hoàn toàn trái ngược lại: “Đây là một cơ hội mới đưa đến cho tôi, vậy tôi phải cho ra cái gì?” Nếu người ta giới thiệu cho tôi một người lạ, tôi nhìn người ấy và ban rải tư tưởng lành. Tư tưởng đó sẽ bám và thâm nhập vào người ấy đúng lúc. Những vị đệ tử Chân Sư đều làm như thế, khi họ đi

bách bộ, đi tàu hỏa, hoặc đi đò ngang, họ chờ cơ hội nào họ thấy cần phải có tư tưởng lành, họ liền ban rải ra. Có thể cả trăm lần như thế chỉ trong một buổi sáng hay buổi chiều.

Khi chào hỏi một người, chúng ta phải thật sự đặt tâm hồn trong đó, chớ không phải với hình thức suông mà thôi. Những lời chào khi đọc danh hiệu của đức Thượng Đế để cầu khẩn Ngài ban phước; chẳng hạn như lời chào hỏi thường lệ của những người Hồi giáo, đôi khi biểu lộ một hình thức lễ độ suông, nhưng đôi khi chúng cũng biểu lộ những lời chúc thâm tình, và chứa đựng ý niệm về Thượng Đế thật sự. Chúng ta nói: “Từ biệt” (Good bye). Ít người hiểu biết rằng đó là hình thức rút gọn của câu: “Câu xin đức Thượng Đế ở với anh” (God be with you). Chúng ta nên biết điều đó và thật tâm thốt ra những lời này. Những điều này dường như nhỏ nhặt, nhưng nhiều điều nhỏ nhặt trong đời sống hằng ngày tạo thành sự khác biệt rõ rệt, chúng biểu lộ tính tình và uốn nắn tính tình. Nếu mỗi ngày, chúng ta làm những việc nhỏ nhặt này một cách cẩn thận và tốt đẹp, chẳng bao lâu chúng ta sẽ phát triển tính cẩn thận, tự chủ và chín chắn trong mọi trường hợp, từ việc lớn đến việc nhỏ. Người ta không thể có đặc tính kỹ lưỡng trong việc lớn mà lại cầu thả trong việc nhỏ được. Đôi khi vì chúng ta quên, cho nên cầu thả trong những lúc cần phải thận trọng. Nhưng chúng ta phải tập cho được tính kỹ lưỡng hoàn toàn. Rồi nhiều việc nhỏ hợp lại thành một việc lớn, với một ít thực tập,

người ta có thể giúp rất nhiều cho người khác trong việc bắt tay hay là viết một lá thư.

Đức Thầy nói: “Bất cứ con làm việc gì, phải chú ý vào việc đó.” Điều này cũng áp dụng vào những việc giải trí như đọc tiểu thuyết hay tạp chí. Ngoài sự nghỉ ngơi bằng cách thư giãn và giấc ngủ, cách nghỉ ngơi tốt nhất thường là sự luyện tập nào đó, dưới những hình thức khác nhau. Như thế trong khi đọc để mua vui hay giải trí, thể trí phải phục vụ chúng ta, chớ không phải chúng ta làm nô lệ cho nó. Nếu bạn đọc tiểu thuyết, bạn hãy chú ý vào đó và cố gắng hiểu nó để tìm thấy được ý muốn của tác giả. Nhiều người thường đọc một cách sơ sài cho đến đoạn kết thúc câu chuyện, họ lại quên đoạn đầu. Cảm tưởng của họ quá mơ hồ đến nỗi họ không tóm lược được câu chuyện; hoặc nói cho chúng ta biết nó dạy chúng ta điều gì. Nhưng nếu chúng ta muốn rèn luyện thể trí mình, khi đọc để mua vui hay giải trí, chúng ta phải đọc cho kỹ lưỡng. Khi nghỉ ngơi, chúng ta cũng phải làm như vậy. Hiện giờ trên thế giới có hàng triệu người không biết cách nằm nghỉ ngơi cho đúng cách. Họ không biết rằng mười phút buông xả còn hơn hai giờ nằm dài trong trạng thái căng thẳng và co rút. Kiểm soát thể trí một cách êm dịu cũng là điều cần thiết cho sự nghỉ ngơi. Khi tập kiểm soát như thế, cũng như làm mọi việc khác cho có thói quen, chẳng bao lâu người ta lại thấy mình không thể làm việc một cách cầu thả như trước. Nếu đã nghỉ ngơi, người ta phải nghỉ ngơi cho đúng mức.

**Đừng để trí con lười biếng, phải luôn luôn dành sẵn những tư tưởng tốt đẹp trong hậu nền, để khi trí con rảnh rang, nó sẵn sàng nghĩ ngay đến những tư tưởng tốt đẹp ấy.**

**A.B.-** Việc này thật dễ dàng đối với thường dân Ấn Độ, vì thuở nhỏ người ta đã dạy họ lặp đi lặp lại những câu châm ngôn rất hay, trong khi rảnh rỗi. Ngay đối với những người không học thức cũng làm như vậy. Bạn thường nghe một người thợ khi làm xong công việc, thình lình lặp đi lặp lại khá lâu: “Ram, Ram, Ram, Sitaram, Sitaram, Sitaram,” đó là những thánh ngữ chớ không có chi cả. Vài người có thể cho rằng làm như thế là vô lý, nhưng họ làm. Những châm ngôn này có tác dụng thật sự đối với người đọc nó. Nó bắt thể trí trông không chú định vào một tư tưởng an tịnh và hướng thượng. Làm như thế vô cùng hữu ích, hơn là để thể trí của chúng ta vẫn vơ, phần lớn nó sẽ lo lắng cho công việc của những người hàng xóm của chúng ta, do đó sinh ra sự nói hành và những tai hại khó đoán trước được. Dĩ nhiên, nếu bạn chủ trì được thể trí mà không cần lặp đi lặp lại một câu châm ngôn thì càng tốt hơn, nhưng nhiều người không chịu làm theo cách nào hết, và cứ để tâm trí vẫn vơ.

Có một cách thức rất hữu ích mà nhiều tôn giáo đã khuyên bảo là: buổi sáng chọn một câu nào đó rồi học thuộc lòng. Trong suốt ngày, lúc nào thể trí không có việc phải suy nghĩ thì câu ấy đột nhiên sẽ tái hiện trong ký ức và ngăn chặn sự xâm nhập của những tư tưởng

kém tốt đẹp khác. Bạn có thể chọn một câu văn hay một thành ngữ trong một quyển sách có giá trị, rồi lặp đi lặp lại nhiều lần với sự chú tâm, vào buổi sáng (có thể trong lúc mặc y phục), chính câu ấy sẽ trở lại với bạn trong ngày. Người ta có thể nhận thấy dễ dàng sự kiện thể trí lặp lại một cách tự động như thế, khi người ta nhớ lại có nhiều lúc sau khi một bản nhạc, hay một giọng ca nào đã in vào thể trí rồi, nó bắt thể trí lặp đi lặp lại nó mãi. Đã nhiều năm rồi, tôi giữ tư tưởng về đức Thầy nơi hậu nền của thể trí tôi. Hiện giờ nó luôn luôn còn ở đó, nên khi thể trí tôi rảnh rang, nó lại hướng về Ngài.

**C.W.L.-** Những tư tưởng về đức Thầy phải luôn luôn chiếm hậu nền của thể trí chúng ta, để nó hiện lên, khi tâm trí chúng ta không bận việc chi khác. Khi đang đọc sách, viết thư hoặc là công việc tay chân, chúng ta không cần thiết phải suy nghĩ một cách tích cực về đức Thầy, nhưng khi khởi sự công việc, chúng ta nên có tư tưởng: “Tôi sẽ làm việc này cho tốt đẹp vì đức Thầy.” Sau đó chúng ta chỉ nghĩ đến công việc của mình đang làm, nhưng khi công việc vừa hoàn tất, tư tưởng về đức Thầy lại tái hiện trong trí trước nhất. Một tư tưởng như thế, không những bảo đảm cho thể trí luôn luôn chứa đựng những điều tốt lành mà còn khiến cho tư tưởng của chúng ta về các vấn đề khác rõ ràng và mạnh mẽ hơn.

Đôi khi người ta lặp đi lặp lại danh hiệu của Thượng Đế để tạo một hậu nền trong thể trí. Bên Ấn Độ, bạn thường thấy nhiều người nói lầm thăm với

chính họ trong khi chờ xe lửa hay đi bách bộ trên đường. Đôi khi bạn nghe họ lặp đi lặp lại khá lâu một thánh ngữ. Những nhà truyền giáo thường chỉ trích những người “ngoại giáo” là mãi lặp đi lặp lại những điều vô ích. Người Hồi giáo đi tới đi lui vừa đọc những đoạn thánh kinh, luôn luôn trên môi họ không rời danh từ Allah (Thượng Đế). Có thể họ không nghĩ nhiều đến Ngài, nhưng thường thường nó có một ý nghĩa nào đó đối với họ. Dĩ nhiên một người có thể đọc những câu ấy, vì thói quen chớ không nghĩ đến nó; người Công giáo có thể đọc kinh mà trong lúc ấy tư tưởng của họ vẫn vơ ở nơi khác. Ngay cả một vị linh mục có thể đọc kinh hằng giờ mà không chú ý nhiều, vì người đã thuộc lòng tất cả. Ông có thể đọc “Lạy Thánh Mẫu Maria” và “Lạy đức Chúa Cha của chúng tôi” mà không nghĩ đến đức Thánh Mẫu Maria hoặc đức Chúa Cha của chúng ta ở trên trời. Trong các tôn giáo, người ta thường câu nệ về hình thức, chỉ giữ cái vỏ bề ngoài, và đã mất hầu hết tinh hoa bên trong. Nhưng điều này thường xảy ra trong Thiên Chúa giáo hơn là trong Ấn giáo và Phật giáo, tôi chỉ có ý nói đại khái là như vậy. Sự việc lặp đi lặp lại những danh từ như: “Rama, Rama, Rama,” đã giúp cho tư tưởng về Thượng Đế được ghi chặt trong trí, và như thế sẽ bảo đảm tư tưởng được tốt. Nếu chúng ta có thể nhớ đến đức Thầy một cách dễ dàng và hữu hiệu như thế mà không cần lặp đi lặp lại danh hiệu của Ngài, điều đó càng tốt hơn. Nhưng thà lặp đi lặp lại còn hay hơn là không có ý nghĩ gì về Ngài.

Trong thể trí có vài tốc độ rung động phù hợp với những tình cảm sùng tín này. Với thời gian, tốc độ ấy thành thói quen, do đó sự sùng tín phát triển và trở thành một thành phần của tính nết. Thói quen này cũng dùng để ngăn cản không cho những tư tưởng xấu xâm nhập. Nếu thể trí trống không thì mọi tư tưởng vẫn vơ gần đó có thể xâm nhập vào và chi phối nó. Những tư tưởng đó thường là xấu hoặc vô ích hơn là hữu dụng. Nó thuộc về một khối rất lớn những tư tưởng vẫn vơ chung quanh chúng ta, khối tư tưởng ấy biểu hiệu cho mức độ tiến hóa trung bình của quốc gia. Nhưng chúng ta đang nhắm đến những gì cao cả hơn. Chúng ta muốn giúp đỡ người huynh đệ của chúng ta, và chúng ta không thể thành công, nếu trước tiên tự chúng ta chưa đạt tới một trình độ cao hơn.

**Hãy sử dụng quyền năng tư tưởng của con mỗi ngày dành cho những mục đích tốt lành; hãy là một lực hướng theo chiều tiến hóa.**

C.W.L.- Chúng ta được chỉ dạy một cách sơ sài, lỏng lẻo, rằng chỉ có điều cần thiết duy nhất là phải ăn ở hiền lành. Nhưng chỉ có sùng tín và tránh làm việc xấu thôi chưa đủ, chúng ta phải tiến tới, phải sử dụng đức hạnh và lòng thành kính của mình. Tại sao chúng ta hiện diện trên quả địa cầu này? Tại sao chúng ta sống cho chật đất, nếu chúng ta không biết làm gì hết? Ngồi xuống và hiền lành là chỉ một trạng thái thụ động (dĩ nhiên còn tốt hơn là ngồi xuống mà tính tình xấu ác!). **Chúng ta có mặt dưới cỡi trần để làm vận hà cho thiên**



**lực. Chúng ta là Chân Thần do Trời sanh ra đã từ lâu, như một tia lửa thiêng sáng rõ. Đúng như bộ “Giáo Lý Bí Truyền” đã nói: “Tia lửa ấy cháy yếu ớt” – lắm khi nó chập chòn – nhưng chúng ta phải làm cho nó bùng cháy do lòng nhiệt thành của chúng ta, do đức tin và tình thương, để cho tia sáng trở thành một ngọn lửa linh động sưởi ấm những người khác.**

**Mỗi ngày hãy nghĩ đến người nào mà con biết họ đang đau buồn, khổ sở hoặc đang cần sự giúp đỡ; con hãy ban rải tư tưởng thương yêu đến cho họ.**

**C.W.L.-** Sức mạnh của tư tưởng là một điều có thật, cũng thực tế như tiền bạc, hoặc như nước đổ từ trong bình ra ly. **Khi chúng ta đưa một luồng tư tưởng này đến một người nào, chúng ta có thể chắc chắn rằng nó sẽ đến với họ, dù chúng ta thấy được điều đó hay không.** Phần đông chúng ta đều biết có người nào đó đang lâm vào cảnh buồn rầu hay khổ não, họ sẽ tìm được sự an ủi lớn lao do luồng tư tưởng của chúng ta gửi đến họ. Dù trong lúc ấy chúng ta không biết một người nào đang ở trong hoàn cảnh như thế, **chúng ta vẫn có thể rải tư tưởng một cách tổng quát hơn, nó sẽ tìm một người trong đám đông đang đau khổ để giúp đỡ.**

Nếu bạn biết người nào đang liên lạc (như trường hợp bà Besant) trợ giúp một số đông người sầu khổ cần được giúp đỡ, bạn có thể gửi những tư tưởng sùng tín và năng lực đến cho bà, để bà có thể gia tăng thêm chút

ít mãnh lực cứu trợ mà bà đang ban rải ra. Đối với đức Thầy cũng thế, ai gọi đến các Ngài một tư tưởng sùng tín sẽ nhận được một tư tưởng đáp ứng, có bản chất như một ân huệ. Hơn nữa kho thần lực của Ngài sẽ tăng thêm đôi chút và Ngài dùng tư tưởng của chúng ta để giúp đỡ kẻ khác.

**A.B.-** Tôi phải nói thật, trước khi đọc những lời dạy này tôi không có ý định dùng tư tưởng để giúp đỡ kẻ khác một cách có phương pháp và thường xuyên như trên. Dĩ nhiên đây là điều rất tốt, buổi sáng, bạn hãy chọn một người mà trong ngày bạn sẽ giúp đỡ khi bạn rảnh rỗi, cũng là điều không may, vì lúc nào cũng có rất nhiều người cần được giúp đỡ. Rồi mỗi khi trí bạn thành thoi, thay vì để cho nó thành một lỗ quán bỏ ngõ để cho ai vào cũng được; bạn hãy bắt nó gọi đến người mà bạn lựa chọn những tư tưởng dũng mãnh, an ủi và hạnh phúc, hoặc tư tưởng nào cần thiết nhất cho họ. Thực hành điều này còn cao hơn một bậc đối với việc lặp đi lặp lại một câu nói nhân từ.

Bằng cách này hay cách khác, bạn hãy đóng cửa thể trí của bạn lại trước những tư tưởng xấu, cho tới khi nó có đủ sức mạnh mà không cần những sự trợ giúp nữa. Tư tưởng về đức Thầy phải luôn luôn trong trí chúng ta. Tư tưởng đó luôn luôn trợ giúp và không ngăn cản những hoạt động cao siêu của trí tuệ; chẳng những nó không loại trừ những sự trợ giúp, mà lại còn tăng cường sức mạnh cho chúng nữa. Sau một thời gian, tư tưởng ấy sẽ chiếm trọn thể trí của bạn và nhờ

đó mà những điều bạn thực hiện sẽ được tốt đẹp và mạnh mẽ hơn.

**Hãy kèm giữ thể trí tránh sự kiêu căng, vì sự kiêu căng do sự dốt nát mà ra.**

**C.W.L.-** Có nhiều sự kiêu hãnh tế nhị tiềm ẩn trong những sinh viên huyền bí học. Họ không thể ngăn cản việc thấy mình đã biết những sự kiện chân thật của cuộc đời nhiều hơn những người không học hỏi những điều đó. Không nhìn nhận sự kiện ấy cũng là vô lý, nhưng không nên để nảy sinh một tư tưởng khinh miệt nào đối với những người thường chưa hiểu biết gì về vấn đề ấy. Trên phương diện đặc biệt này, những sinh viên huyền bí học tiến triển hơn những người thường, nhưng rất có thể, trên nhiều phương diện khác người thường lại tiến bộ hơn họ rất xa. Chẳng hạn như một người hiểu biết sâu xa về văn học, khoa học hoặc nghệ thuật, đã gia công nghiên cứu lâu năm và cố gắng nhiều hơn đa số những người trong chúng ta đã nghiên cứu Thông Thiên Học. Chúng ta phải công bình mà ngợi khen những công trình họ đã hoàn thành, và những cố gắng bất vụ lợi của họ. Đặc tính của người minh triết là không khinh thường công việc của kẻ khác, mà phải nhận thức rằng mọi người đều đang tiến hóa.

Con người thường có quan niệm tốt về mình, họ thích cho rằng mình luôn luôn có lý, mình là người rất tốt, v.v. . . Nhưng những điểm mà họ tự thán phục không phải là điều được chọn hơn thừa nhận. Tất cả

những đức tính được phát triển trong chơn nhơn đều thuần túy, tinh khiết. Nếu là tình thương, nó không bao giờ biểu hiện một dấu vết ganh ghét, đố kỵ hay ích kỷ nào. Nó là tấm gương phản chiếu tình bác ái thiêng liêng trong mức độ của nó. Đôi khi, chúng ta tự khen mình tiến triển khá mau chóng. Như thế chúng ta giống như một đứa trẻ lên bốn tự hào về nó. Đứa trẻ nghĩ như thế là chính đáng, nhưng đối với một người hai mươi một tuổi thì khác hẳn. Sự thông minh, lòng sùng tín, tình thương, tính thiện cảm chỉ mới phát triển một ít nơi chúng ta so với sự mở mang của chúng trong tương lai. Do đó, thay vì chúng ta dừng lại, quá thỏa thích với chính mình, chúng ta hãy luôn luôn tiến lên và cố gắng gia tăng những đức tính của mình.

Về việc này, tham thiền là một phương tiện trợ giúp lớn lao. Nếu người chuyên tâm mở rộng tình thương, họ tham thiền về đức tính đó và cố gắng cảm xúc nó, một thời gian ngắn sau đó, người ấy sẽ ngạc nhiên mà thấy năng lực của đức tính này sẽ bùng dậy trong lòng.

Đức Thầy nói, tính kiêu hãnh luôn luôn phát sinh từ sự dốt nát. Một người càng biết nhiều chừng nào thì càng ít kiêu hãnh chừng nấy, bởi vì khi càng biết nhiều, càng thấy có nhiều điều mình chưa biết. Điều ấy đặc biệt đúng hơn nữa, nếu người ấy có duyên may được giao tiếp với các vị đại Chân Sư của chúng ta. Con người sẽ không còn tính kiêu căng nữa khi được tiếp xúc với các Ngài, vì mỗi lần họ nghĩ mình có thể làm

được điều gì, hoặc có đức tính đặc biệt nào, ý tưởng sau này chắc chắn sẽ đến với họ: “Nhưng tôi đã thấy đức tính ấy ở nơi Sư Phụ tôi rồi, và đức tính của tôi thật nhỏ nhoi so với đức tính của Ngài.”

Những đức tính của các đấng Chân Sư phát triển một cách tốt đẹp phi thường, chỉ cần biết một trong các Ngài, có thể chữa trị được ngay một cách hoàn toàn những tật xấu như sự kiêu hãnh. Trước sự hiện diện của Chân Sư, bạn không bao giờ cảm thấy ngã lòng. Trong đời sống hằng ngày, bạn tự tin là mình có khả năng làm vài việc lặt vặt nào đó, nhưng nếu bạn đứng trước nhà chuyên môn, bạn liền thấy khả năng của bạn quá nhỏ nhất khi đem so sánh với kinh nghiệm của vị chuyên môn ấy. Rồi bạn cảm thấy như bị đè bẹp và ngã lòng. Nhưng đó không phải là cảm xúc khi được đứng trước mặt đức Thầy. Trước sự hiện diện của các Ngài, bạn sẽ thấy rõ sự bất tài và sự quá nhỏ nhoi của mình, nhưng đồng thời bạn nhận thấy được những khả năng còn tiềm tàng của bạn. Thay vì cảm thấy có một vực thẳm không bao giờ vượt qua nổi, bạn sẽ thầm nói: “Tôi có thể làm được những điều này, tôi sẽ cố gắng làm theo điều đó;” ấy là sự kích thích khi được tiếp xúc với đức Thầy. Rồi người ta sẽ hiểu được rất nhiều lời nói của vị sứ đồ Cơ Đốc như sau: “Tôi có thể thực hiện được tất cả xuyên qua đấng Christ, Ngài ban sức mạnh cho tôi.”<sup>3</sup> Nhờ năng lực mạnh mẽ của đức Thầy, một

---

<sup>3</sup> Philippians, 4,13.

người có cảm nghĩ rằng: “Tôi không bao giờ ngã lòng, không bao giờ buồn rầu nữa. Đó là những lỗi ngớ ngẩn mà tôi đã phạm hôm qua. Khi nhìn về quá khứ, tôi nhận thấy vài việc đã khiến cho tôi lo lắng, thật là phi lý. Tại sao tôi lại phiền muộn, với những chuyện như thế?” Sau này, khi mà chúng ta không còn ở trong ảnh hưởng trực tiếp của ánh sáng thiêng liêng nữa, có thể chúng ta sẽ sa ngã, vì quên rằng ảnh hưởng đó vẫn bao phủ chúng ta, dù chúng ta không trông thấy được những tia sáng một cách trực tiếp, nhưng nếu muốn, chúng ta có thể luôn luôn sống trong hào quang của đức Thầy.

**Người chưa hiểu biết nghĩ rằng mình là cao cả, mình đã làm được nhiều việc vĩ đại; người minh triết biết rằng chỉ có Trời là cao cả, mọi việc lành đều chỉ do Trời làm ra.**

**A.B.-** Ở đây quyển Thánh Ca (Gita) đã hiến cho chúng ta một bài học quan trọng. Tất cả chúng ta đều là sự biểu lộ của một Ý Chí duy nhất. Mọi công nghiệp đều do toàn thể hoàn thành, chớ không phải của riêng phần tử nào. Và điều tốt nhất mà mỗi người trong chúng ta có thể làm được là trở nên một phần tử hoàn hảo được dùng cho sự hoạt động thiêng liêng duy nhất. Sự khoe khoang của chúng ta cũng phi lý như sự kiêu căng của một trong những ngón tay của chúng ta vậy. Các bạn hãy trở thành những cơ quan lành mạnh của Thiên ý, rồi các bạn sẽ nhận thấy Đấng tạo hóa duy nhất dùng bạn, vì bạn là công cụ thích hợp cho công việc của Ngài.

Giờ đây, hãy trở lại chỗ khởi điểm, chúng ta thấy khi nhận thức được chân ngã, sẽ xóa bỏ được mọi sự sợ hãi, và hủy diệt được mọi kiêu căng, đó là chân lý căn bản và quan trọng. Chúng ta nên nhận thấy những thực trạng phức tạp đều đưa chúng ta đến một chân lý duy nhất, một sự sống duy nhất ngự trong vạn vật.

**C.W.L.-** Thượng Đế hiện diện trong mỗi người, tất cả những điều tốt lành và cao cả biểu hiện trong con người là do Thượng Đế chiếu soi qua mỗi cá nhân. Tất cả những gì chúng ta thực hiện, chính là Ngài đã thực hiện xuyên qua chúng ta. Điều này có vẻ lạ lùng và bạn có thể nói hình như nó hủy diệt cái cảm giác về cá tính. Nhưng đó chỉ vì bộ óc xác thân của chúng ta không nhận thức nổi sự tương quan đích thực ấy. Không phải vô lý mà người Công giáo thời trung cổ đã nói: “Sự vinh quang thuộc về Chúa Trời.” Một người nào trong chúng ta kiêu hãnh về một hành vi nào đó, cũng giống như khi đàn dương cầm, một trong mấy ngón tay nói rằng: “Tôi đánh điệu này hay quá! Chính nhờ tôi mà điệu nhạc trở nên tuyệt diệu.” Thật ra mỗi ngón tay đều làm phận sự của nó, không phải theo ý chí cá nhân, mà như là những công cụ của bộ óc. Tất cả chúng ta là những ngón tay của bàn tay Ngài, là những biểu hiện năng lực của Ngài. Tôi biết rõ chúng ta không thể hiểu trọn vẹn điều này, nhưng nếu chúng ta càng phát triển tâm thức cao siêu bao nhiêu, chúng ta càng cảm thấy nó sâu xa bấy nhiêu và đôi khi, trong lúc tham thiền hoặc

trong vài lúc phấn khởi tột độ, chúng ta tiếp xúc được trong giây phút với cái Nhất Thể này.





## CHƯƠNG 19

### TỰ KIỂM SOÁT TRONG HÀNH ĐỘNG

(Self-Control in Action)

**Chừng nào tư tưởng của con đúng đắn, con sẽ ít gặp rắc rối khi hành động.**

**A.B.-** Câu châm ngôn này nhấn mạnh sự kiện mà tất cả sinh viên huyền bí học đều biết rõ, là tư tưởng quan trọng hơn hành động. Ý tưởng này hoàn toàn trái nghịch với quan niệm thông thường. Nhưng đó là sự thật, vì tư tưởng luôn luôn phát sinh trước hành động. Có thể có những trường hợp gọi là hành động bộc phát tự nhiên. Nhưng nếu lui về quá khứ, có thể là một kiếp trước, chúng ta sẽ tìm thấy được tư tưởng mà nó là nguyên nhân của hành động bộc phát như trên.

Sức mạnh của tư tưởng tích tụ đầy đủ trong thể trí hướng về một vấn đề nào đó, khi gặp cơ hội để biểu hiện chắc chắn nó sẽ phát sinh ra hành động. Mọi tư tưởng hướng về một mục đích nhất định, tác động như một lực càng ngày càng gia tăng, cho đến lúc năng lực sức tích đầy đủ khiến cho bạn hành động theo chiều hướng ấy. Người Ấn Độ có lý, khi họ chia hành động hay là nghiệp ra ba phần: tư tưởng, ham muốn và hành động; điều đó rất đúng. Trong kiếp sống nào cũng có thể xảy ra hành động không dự tính trước, liên quan

đến kiếp vừa qua, ấy là một hành vi bộc khởi. Trong trường hợp này, sự suy nghĩ đã hoàn tất, hành động là phần cuối cùng phải nối tiếp theo, vì nó đã theo chiều hướng nhất định, nên được thúc đẩy một cách tự nhiên. Do đó, có thể xảy ra sự kiện là bạn đã cố hết sức suy tưởng theo một đường lối nào đó và dùng trọn năng lực để kiểm soát nó, một thời gian sau, khi vừa gặp cơ hội đưa đến thì tư tưởng của bạn sẽ biểu hiện bằng hành động. Tư tưởng đó có thể ẩn tàng rất lâu, nếu nó không gặp cơ hội biểu lộ, nhưng khi có hoàn cảnh thuận tiện, hành động sẽ thực hiện liền.

Đó là một điều rất quan trọng để hiểu biết sự hoạt động của tư tưởng. Bạn hãy canh chừng tư tưởng của bạn và hướng dẫn nó vào những chiều hướng tốt đẹp, vì bạn không thể biết được lúc nào nó phát hiện ra bằng hành động. Đó là một trong những lý do tại sao những bậc đại Giáo Chủ của nhân loại nhấn mạnh về sự quan trọng của tư tưởng, và trong quyển sách này, nó cũng được nhắc nhở lại cho sinh viên. Cũng nên nhắc lại rằng manas (thể trí), chính là sự hoạt động vậy. Chân Thần có ba trạng thái là ý chí, minh triết và hoạt động, biểu hiện trong atma, buddhi và manas. Ở đây chúng ta được biết là tư tưởng tự biểu hiện qua hành động.

**C.W.L.-** Dĩ nhiên là tư tưởng đi trước hành động. Như người ta thường nói, có nhiều trường hợp chúng ta làm mà không kịp suy nghĩ. Tuy nhiên hành động của chúng ta vẫn phát sinh từ một tư tưởng trước. Chúng ta có thói quen suy nghĩ về vài vấn đề, hoặc về

những chiều hướng nào đó, nên tự nhiên chúng ta hành động thích hợp theo những chiều hướng đó. Một người hành động rồi tự giải thích: “Tôi không thể không làm việc ấy, tôi không suy nghĩ trước.” Nhưng thật ra họ đem thực hiện một tư tưởng mà họ đã suy nghĩ, có lẽ trong những kiếp trước. Thường thường, mặc dù một người trong kiếp này không có cùng một thể trí như thể trí kiếp trước, nhưng họ vẫn có cùng một đơn vị trường tồn của thể trí, đó là một cái nhân của thể trí chứa đựng tóm tắt những tinh yếu và đem theo nó từ kiếp này qua kiếp khác những ấn tượng của loại tư tưởng thường lệ của con người.

Cũng nên lưu ý, nhân thể (causal body) của một người chỉ có thể mang theo từ kiếp này sang kiếp kia những đặc tính tốt mà thôi. Điều đó hoàn toàn là sự thật. Nhân thể được tạo bằng chất liệu của ba cảnh cao nhất của cõi thượng giới, là cảnh thứ nhất, cảnh thứ nhì và cảnh thứ ba. Chất liệu ở mức độ ấy không thể ứng đáp với sự rung động của những đặc tính thấp hoặc xấu nào. Vì vậy một người chỉ có thể thu nhập thêm sự tốt lành thôi. Đó là điều may mắn lớn lao cho chúng ta, vì nếu không được như thế, chúng ta sẽ thu nhập thêm nhiều yếu tố xấu xa; thay vì trợ giúp, chúng sẽ làm chậm trễ sự tiến hóa của chúng ta. Nhưng con người mang theo những hạt nguyên tử trường tồn thuộc về những cõi khác nhau – cõi thượng giới, trung giới và hồng trần – cho nên những sự rung động của chúng sẽ trở lại với những thể mới của con người trong kiếp sau,

dưới hình thức những đức tính cố hữu, bẩm sinh. Như thế con người mang theo khả năng của đức tính hơn là những đức tính thực sự. Bà Blavatsky gọi chúng bằng một trong những danh từ khác là: “thiếu vật chất”. Đó là những mãnh lực sẽ hoạt động, khi chúng gặp được vật chất thích hợp, nhưng chúng ở trong trạng thái bất động, cho tới khi nào chúng nó lại tụ họp quanh chon nhon. Vậy khi một người hành động “không kịp suy nghĩ”, tức là họ hành động do lực thúc đẩy của những tư tưởng cũ đó, đây là một trong những lý do khiến chúng ta phải canh chừng tư tưởng của mình một cách cẩn thận. Không thể biết đến lúc nào tư tưởng biểu lộ ra bằng hành động. Một người nuôi mãi một tư tưởng xấu, nghĩ rằng không bao giờ để nó trở thành hành động, nhưng rất có thể một ngày kia tư tưởng ấy biểu lộ thành hành động mà người ấy không biết trước được.

Áp dụng sự hiểu biết này rất hữu ích trong việc giúp đỡ trẻ em. Khi chân ngã lấy những thể mới, cha mẹ và các thân nhân có thể giúp nó rất nhiều bằng cách khuyến khích những đức tính tốt khi chúng bộc lộ lần lần, và không để các tính xấu có cơ hội phát hiện. Sự giúp đỡ hữu hiệu nhất đối với trẻ con là làm sao cho những tính tốt trở nên linh động và thành thói quen, trước khi tính xấu có thì giờ biểu lộ. Sớm muộn gì tính xấu cũng sẽ biểu hiện ra, vì do ảnh hưởng của môi trường ngoài đời làm khơi lại những tính xấu ấy. Nếu tính tốt đã phát triển mạnh, tính xấu rất khó mà gây một ấn tượng nào, và ý chí của chân ngã sẽ tác động

xuyên qua những thế để chống lại các ảnh hưởng xấu. Trong trường hợp như thế, chắc chắn những tật xấu sẽ hoàn toàn bị trừ tuyệt gốc trong kiếp này, và trong kiếp tới chân ngã sẽ không còn dấu vết gì của chúng nữa.

**Nhưng con hãy nhớ rằng muốn được hữu ích cho nhân loại, con phải biến tư tưởng thành hành động. Không nên biếng nhác, phải luôn tích cực làm việc lành.**

**A.B.-** Một điểm rất quan trọng được nhắc lại ở đây là muốn tư tưởng trở nên hữu ích, nó phải được biểu lộ bằng hành động. Về phương diện này, đa số chúng ta còn nhiều khuyết điểm. Chúng ta tạo ra những tư tưởng mà không đem ra thực hiện, và tất cả những tư tưởng thuộc về loại ấy là nguồn gốc của sự yếu đuối. Ngày kia, đức Thầy Morya có nói rằng một tư tưởng tốt không được thực hiện bằng hành động chẳng khác nào như một ung thư trong thể trí. Sự so sánh chính xác này phải làm cho chúng ta hiểu rằng một tư tưởng như thế không những tiêu cực mà còn thực sự độc hại nữa. Chúng ta không nên làm suy yếu tính chất tốt của thể trí chúng ta, do những quyết định tốt mà không đem ra thực hành. Như thế về sau, khi tư tưởng tốt đó trở lại trong trí não sẽ khó thực hiện hơn. Vậy bạn chớ nên chậm trễ, chớ nên dời lại mai sau, đừng làm nửa chừng rồi bỏ dở công việc. Có một câu châm ngôn nước Anh nói rằng: “Con đường dắt đến địa ngục lót toàn những ý định tốt đẹp.”

Một ý định tốt mà không đem ra thực hiện bằng hành động sẽ trở thành một mảnh lực độc hại. Nó sẽ hành động như một thứ ma túy làm tê liệt khối óc. Bạn hãy cẩn thận điều chỉnh tư tưởng của bạn, khi nhận được ý tưởng phụng sự từ chân ngã, bạn hãy thực hiện ngay, đừng chờ đến ngày mai. Thói quen dòi lại mai sau, là lý do làm cho nhiều người tốt ở đời không tiến bộ được. Chúng ta thường gặp một người thật tốt và khoảng 10 năm sau gặp lại, chúng ta thấy người ấy cũng chẳng khác gì hơn lần đầu tiên. Qua nhiều năm, có người vẫn giữ nguyên vẹn những nỗi khó khăn, những cảm dỗ, những nhược điểm và ưu điểm như xưa. Điều này không nên là một sự thật đối với hội viên Thông Thiên Học, vì tất cả chúng ta đều phải biết vài ý niệm về cách thức tác động của những định luật này.

Nhiều người không hiểu được vì sao những khuynh hướng tốt không được thực hiện sẽ tạo ra những chướng ngại vật. Nếu bạn đem thực hiện những gì mà bạn cảm thấy tốt lành, dần dần chúng càng xảy ra thường hơn. Không có một hoàn cảnh bên ngoài nào, dù thuận tiện cách mấy đi nữa, có thể thay thế cho sự cố gắng từ bên trong. Tư tưởng của bạn phải luôn luôn tiến đến hành động. Bạn hãy lấy điều đó làm quy tắc, tôi không muốn nói rằng bạn luôn luôn có thể đem tư tưởng của bạn ra áp dụng tức khắc được. Có thể hoàn cảnh chưa cho phép, nhưng những cơ hội thích hợp sẽ đến sau đó. Trong những trường hợp như thế, bạn hãy để tư tưởng của bạn qua một bên, chớ đừng để nó mất

đi, nó sẽ chín muồi như trái cây vậy. Nếu bạn làm như thế, những tư tưởng chưa thành hành động sẽ không có hại đối với bạn. Khi đúng ngày giờ, bạn sẽ đem nó ra thực hành.

**Nhưng con phải làm bốn phận của riêng con – chớ không phải của người khác, trừ khi con được người ấy cho phép với mục đích giúp họ. Hãy để mọi người làm việc riêng theo đường lối riêng của mỗi người; hãy sẵn sàng giúp đỡ cho nơi nào cần, nhưng đừng bao giờ xen vào việc người khác. Đối với nhiều người, việc khó khăn nhất trên đời cần phải học là lo việc riêng của chính mình; đó đúng là điều con phải học.**

**A.B.-** Lời khuyên cáo này cần thiết cho những ai có bản tính tích cực hoạt động. Bây giờ chúng ta nên xét đến khía cạnh khác của đường đạo, nó chật hẹp như lưỡi dao cạo; một mặt phải tránh sự lười biếng, mặt khác, phải tránh xen vào việc của thiên hạ. Những người tích cực hoạt động có khuynh hướng chăm lo hết mọi việc. Nhưng công việc của kẻ khác thuộc về phần họ, bạn không được xen vào. Bạn nên nhớ rằng quyển Thánh Ca (Bhagavad Gita), là một quyển phúc âm giải về sự hành động – với điệp khúc bất biến của nó là “hành động! hành động!” – đã cảnh cáo chúng ta đừng làm những hành động sai, và đối với chúng ta, bốn phận của kẻ khác đây những nguy hiểm.

Lý do về vấn đề này thật rõ rệt. Với đường lối hoạt động riêng của tư tưởng, bạn can thiệp vào hành động của người khác, trong khi họ đã theo cách thức hoạt động riêng của tư tưởng họ, khác với đường lối của bạn – chắc chắn bạn sẽ làm hư hỏng công việc mà họ đang làm, bởi vì hành động của họ là kết quả hợp lý được phát sinh từ tư tưởng của họ, nó không thể phát sinh từ tư tưởng của bạn được. Người có nhiều năng lực nên biết rằng khi xen vào việc của người khác chỉ gây ra xáo trộn mà thôi. Trước kia cũng có lúc tôi muốn đem những người khác vào con đường chánh, mà theo quan niệm của tôi là tốt lành đối với họ, và lẽ tự nhiên điều đó vẫn đúng đối với tôi, nhưng với tư cách là một người đệ tử, tôi biết làm như thế không được tốt.

Trên phương diện trừu tượng, dù phương thức hành động của một người không được hoàn hảo đi nữa, nó cũng vẫn tốt đẹp đối với họ. Vì nó bao gồm cả sức mạnh của đức hạnh và của những lỗi lầm, cho nên nó quy định con đường tiến hóa thích hợp với người ấy. Giả sử một người cầm bút không đúng cách thức bình thường để viết chữ, nếu bạn xen vào và bảo người ấy cầm theo cách khác, chữ viết sẽ xấu hơn, chớ không đẹp hơn. Người ấy sẽ mất tất cả lợi thế của một kinh nghiệm từ lâu ngày theo phương pháp cũ và muốn đền bù lại sự mất mát đó cần phải tốn nhiều thì giờ và công phu. Dĩ nhiên, nếu chính họ muốn thay đổi cách viết, vì tin rằng lối viết khác hay hơn và nhờ đến sự giúp đỡ của bạn, trường hợp này thì khác. Họ có quyền làm theo ý



muốn của họ và sức mạnh của ý chí họ sẽ nâng đỡ hành động.

Quả thật một người đầy nghị lực có thể tạm thời chế phục một người khác dễ dàng. Lịch sử cho chúng ta thấy nhiều tấm gương của những vĩ nhân, trong lúc còn sống, họ đã áp chế những người chung quanh, nhưng sau khi họ chết, công nghiệp của họ cũng tiêu tan. Họ quên rằng họ phải qua con đường tử vong, họ phải thấy trước sự trống không của họ để lại sau cái chết. Nghiệp quả xấu do sự lầm lỗi và sự ích kỷ của họ sẽ để lại kết quả là sự hư hoại công nghiệp của họ sau khi họ từ trần. Điều này chứng tỏ những người đó không hiểu biết về những điều kiện để hành động cho có hiệu quả, họ cũng không hiểu rằng người hoạt động và người lãnh đạo phải tập hợp những người thích hợp với công việc, rồi cho họ hoàn toàn tự do để hoàn thành công việc, theo đường lối riêng của họ. Không nên cố gắng tự mình chăm lo từng chi tiết, hơn nữa điều này cũng không thể thực hiện được.

Cõi đời do vô số những dị biệt tạo nên, nhưng trong đó ẩn tàng một đơn vị duy nhất. Trên thế gian những loài thấp không biết sự tác động của luật, nên bị lôi cuốn theo triều lưu. Nhưng con người được tự do một cách tương đối – tuy có một giới hạn rộng lớn mà con người không thể vượt qua bên ngoài những định luật vũ trụ – nhưng trong giới hạn, con người có thể làm những gì họ muốn. Làm việc theo đường lối riêng sẽ đưa họ đến sự tiến bộ. Cơ tiến hóa ban cho con người

càng ngày càng nhiều tự do khi họ càng tiến bộ, và họ sử dụng sự tự do ấy một cách khôn ngoan hơn. Như vậy, dần dần, từng bước một, chúng ta sẽ đạt đến sự tự do hoàn toàn. Trên nấc thấp nhất của thang tiến hóa, thú vật hoàn toàn tuân theo luật trời một cách vô ý thức. Trên nấc cao tột, đức Thầy hoàn toàn tuân theo luật trời một cách có ý thức, và chúng ta ở trong khoảng giữa hai thái cực này.

Chúng ta nên nhớ rằng can thiệp vào việc của người khác phát xuất từ thể trí, cho nên sự không xen vào việc của kẻ khác cũng liên hệ đến đức tính tự chủ trong khi tư tưởng. Can thiệp bằng tư tưởng có một lực rất mạnh. Thí dụ một người trong chúng ta gặp khó khăn đặc biệt và đang cố gắng vượt qua. Sự khó khăn đó có thể phát sinh từ sự yếu đuối của tính tình, hoặc do lối suy tư hay hành động không thích hợp, thêm vào đó bị lôi kéo bởi sức mạnh của những thói quen cũ, dù họ đang cố gắng hết sức để vượt qua. Lúc ấy một người khác đến, có tư tưởng nghi ngờ sự yếu đuối hoặc nỗi khó khăn của người đang muốn sửa đổi. Người ấy nghi ngờ rồi bỏ đi nơi khác, mà không dè mình đã làm một điều rất tai hại. Người thứ hai này không biết mình đã đẩy nhẹ người bạn của mình, làm cho anh ta có thể hành động theo chiều hướng xấu. Có thể thói quen yếu đuối và sự cố gắng chống lại, hai thế lực này đang cân bằng trên đòn cân, bây giờ có sự nghi ngờ nên làm nghiêng cán cân qua bên xấu. Đó là lý do tại sao sự nghi ngờ là sai trái, và nó luôn luôn sai trái. Nếu chẳng may

sự nghi ngờ có lý do xác đáng, nó sẽ gây ra hậu quả là thúc đẩy kẻ bị ngờ vực đi theo chiều hướng xấu. Nếu sự nghi ngờ không đúng, nó có thể làm cho kẻ bị nghi ngờ dễ bước vào con đường sai trái vào lúc khác. Dù trong trường hợp nào, nghi ngờ tức là gọi đến cho người khác một tư tưởng xấu xa, cho nên đứng trên phương diện nào, đó cũng là điều sai quấy. Chúng ta phải luôn luôn có quan niệm tốt đối với mọi người, dù chúng ta có xét đoán họ tốt hơn sự thật đi nữa; chúng ta vẫn gọi đến cho họ một tư tưởng để họ được tốt đẹp mà thôi.

Cũng cần nhớ đến những sự kiện quan trọng là, một khối tư tưởng xấu, sớm muộn gì rồi cũng bị thế lực hắc đạo điều khiển để chống lại những người đang tiến nhanh trên đường đạo. Vì khối tư tưởng xấu chống lại bạn và có khuynh hướng thúc đẩy bạn làm quấy, cho nên bạn hãy hiểu ảnh hưởng nguy hại của sự nghi ngờ và phải canh chừng cẩn thận tư tưởng và hành vi của bạn. Phải nghĩ đến những điều gì sẽ xảy ra cho mình với tâm trạng an nhiên, không nên có tư tưởng giận hờn hay uất ức. Mỗi khi sự ghen ghét muốn bộc phát trong lòng bạn, hãy nhớ đến câu thánh kinh: “Hãy cột chặt thể trí lại,” khi ấy chỉ nhìn lại sự việc và thêm một số năng lực nghịch lại, hầu trung hòa tư tưởng xấu. Làm như thế, thì khối tư tưởng xấu đang hướng đến bạn, sẽ không hại bạn được. Trái lại, bạn sẽ lợi dụng được chúng, vì chúng sẽ giúp bạn khám phá ra những nhược điểm của bạn. Nói cách khác, bạn sẽ nhận thấy được những nhược điểm của bạn, mà từ lâu chúng ẩn núp

trong lòng bạn. Sự cương quyết đương đầu với sự tấn công của các tính xấu làm cho bạn trở nên mạnh mẽ hơn, và tới một ngày kia mỗi khi chúng trở lại tấn công, sẽ không gây ra hậu quả gì đối với bạn.

Vậy bạn hãy làm công việc của mình một cách hoàn hảo và đừng lo đến công việc của kẻ khác, nếu họ không cần đến sự giúp đỡ của bạn. Hãy làm công việc của bạn với tất cả khả năng của mình. Hãy để cho kẻ khác lo công việc riêng của họ.

**C.W.L.-** Sự xen vào công việc của người khác phát sinh từ những ý niệm sai lầm của tôn giáo. Thiên Chúa giáo chính thống đã lạm quyền can thiệp vào số mạng của kẻ khác, thay vì nhận thức rằng bổn phận của mỗi người là phải nhờ linh hồn mình cứu rỗi mình. Bất cứ trong trường hợp nào, hầu như không ai có quyền can thiệp vào giữa phàm ngã và chân ngã của kẻ khác. Những phán quan tra tấn thời trung cổ nghĩ rằng mình làm việc chân chính khi bắt thân thể của kẻ khác phải chịu những khổ hình ghê rợn để họ thú tội, hầu cứu rỗi linh hồn họ. Theo tôi, tôi không nghĩ rằng có thể làm cho một người khác tin tưởng bằng cách ấy được. Một người bị tra tấn để phải nói rằng mình tin vào một sự kiện nào đó, có khi sự kiện đó không đúng sự thật, thì làm sao họ có thể cứu rỗi được linh hồn. Vì dù họ có hành hạ tra tấn thể xác trong vài giờ hay vài ngày đi nữa, cũng không có gì đáng kể, so với việc họ giải thoát vĩnh viễn cho linh hồn thoát khỏi những nỗi đau đớn khủng khiếp. Việc họ hành hạ kẻ đồng loại lại trở thành

một hành động đáng khen. Thật khó tin có những hành động như thế xảy ra, tuy nhiên, đã có nhiều người làm việc ấy. Ngoài ra còn có những người đã dùng thế lực của giáo hội trong những mục tiêu chính trị.

**Dù con đang cố gắng thi hành một công việc cao cả, con cũng đừng lãng quên những bốn phận thường ngày của con, chỉ khi nào những bốn phận này làm xong con mới rảnh rang để làm việc khác. Con đừng đảm trách thêm một bốn phận nào mới của thế gian; nhưng đối với những bốn phận mà con đã nhận lấy, con phải thi hành cho hoàn hảo – tức là những bốn phận hữu lý và rõ ràng mà con đã nhìn nhận, chớ không phải những bốn phận tưởng tượng mà kẻ khác cố gán cho con. Nếu con là đệ tử của Thầy, con phải thi hành những công việc thường nhật giỏi hơn những kẻ khác, chớ không phải tệ hơn; bởi vì con phải làm việc đó cũng vì nhân danh Thầy.**

**A.B.-** Đôi khi chúng ta nhận thấy, khi bước vào con đường huyền bí học, người ta bắt đầu làm việc thường ngày chẳng những không giỏi hơn, mà còn tệ hơn trước, đó là điều sai lầm nghiêm trọng. Sự nhiệt thành lớn lao bùng dậy do sự học hỏi những điều mới lạ và sự cố gắng đạt đến một đời sống cao thượng có những nguy hiểm và những lợi ích. Nguy hiểm ở chỗ xem thường những bốn phận thường ngày tại thế gian. Ý tưởng này chứa đựng một phần chân lý và sự nguy hiểm ở ngay trong đó. Những điều sai lầm, nguy hiểm vì chúng có chân lý làm căn bản. Chính là một chút

chân lý chứa đựng trong sự sai lầm làm cho sự sai lầm trở nên mạnh mẽ, chớ không phải tại cái vỏ dày đặc của sự sai lầm bao phủ chân lý.

Sự hoàn thành tốt đẹp những nghĩa vụ của chúng ta dưới thế gian chứng tỏ rằng thần lực tuôn xuống từ những cõi cao được tiếp nhận theo chiều hướng thuận tiện. “Yoga là sự khéo léo trong hành động.”<sup>4</sup> Nếu một người được huấn luyện trên những cõi cao, những hành động của họ dưới những cõi thấp sẽ được tốt đẹp. Dù không được huấn luyện, vẫn tốt hơn là không bao giờ để ý đến những việc cao siêu. Những hành vi không khôn ngoan của người chưa được huấn luyện có thể tạm thời gây ra nhiều tai hại, nhưng tai hại đó không trường tồn, vì động lực sinh ra chúng vẫn tốt đẹp.

Người đệ tử phải cố gắng làm bốn phận của mình dưới thế gian giỏi hơn những người khác. Nhiều khi vị đệ tử hành động một cách không sáng suốt, đức Thầy phải can thiệp để lập lại sự thăng bằng đã bị chên lệch. Đó là lý do tại sao đức Thầy để thí sinh trải qua một thời kỳ nhập môn. Nếu thời kỳ nhập môn này kéo dài khá lâu, đôi khi cũng vì những lý do như thế. Thường người ta phải cần một thời gian khá lâu mới có thể làm cho lòng nhiệt thành và những hoạt động của mình trở nên thăng bằng, với sự suy tính khôn ngoan, có chừng mực.

---

<sup>4</sup> Bhagavad Gita, II, 50.

Sự trắc nghiệm đầu tiên là thử xem vị đệ tử có ích lợi cho đồng loại của mình chăng? Người chí nguyện không nên nghĩ rằng công việc huyền bí của mình quan trọng hơn phần việc ngoài đời. Nếu là người Thông Thiên Học, mà xao lãng công việc của chi bộ và công việc đối với Hội để lo phần tiến hóa riêng của mình trên phương diện huyền bí, như vậy người ấy đã lầm. Lấy một thí dụ khác, nếu một hội viên hy sinh việc đời để lo học hỏi, thì cũng hoàn toàn sai. Học hỏi là điều tốt, nhưng nó phải lệ thuộc sự hữu ích. Phải học hỏi để trở nên hữu dụng, chớ không phải từ bỏ sự hữu dụng, vì vấn đề học hỏi. Mỗi khi xảy ra sự xung đột giữa bốn phần ngoài đời với sự học hỏi, sự học hỏi phải nhượng bộ.

Trong tất cả những vấn đề này, chúng ta đừng bao giờ quên rằng con đường huyền bí học chật hẹp như lưỡi dao cạo. Không có chi ngăn cản chúng ta hy sinh hầu hết thì giờ của mình trong lúc thức để giúp kẻ khác trong những việc nhỏ nhặt, nhưng trong trường hợp đó, có thể có nhiều việc không được chọn lọc, và một phần lớn vẫn không được thực hành kỹ lưỡng. Chúng ta bị bắt buộc phải dành thì giờ để ngủ nghỉ và ăn uống, hầu lấy lại năng lực cần thiết cho sự làm việc trong thời gian còn lại. Chúng ta còn phải để ra vài giờ để tham thiền, học hỏi, xem xét công việc phải làm và cách thức hoàn thành nó. Khía cạnh này của vấn đề, đã được đức Thầy giải thích trong phần phân biện. Mỗi phần của giáo lý, Ngài đều đưa vị đệ tử trở lại con đường trung

dung. Nếu người đệ tử tuân theo một lời khuyên nào đó một cách quá độ mà quên những điều khác thì không thể tránh khỏi việc vấp ngã một lần nữa. Người ta nói rằng đường đi cho một chiếc tàu tốt không phải là một đường thẳng, mà hướng đi có thể thay đổi nhiều lần. Đời sống của người đệ tử cũng giống như thế. Vị thuyền trưởng đứng trên cầu của chiếc tàu là đức Thầy, Ngài chỉ cho đệ tử những ngôi sao có thể hướng dẫn và giúp đỡ họ theo gập đúng con đường thẳng. Nhiều người bị trói buộc vào một ý niệm tốt đẹp duy nhất và cố chấp cho đến nỗi không còn thấy điều gì khác nữa.

Đức Thầy dạy đệ tử của Ngài không nên đảm trách những nhiệm vụ mới nào khác ở thế gian. Người nào tận tụy với công việc của đức Thầy, nên biết điều quan trọng là phải luôn luôn sẵn sàng phụng sự Ngài bằng mọi cách và bất cứ ở nơi nào. Kinh nghiệm cá nhân tôi có thể cho bạn một thí dụ đáng lưu ý về việc đó. Khi tôi còn trẻ, mấy đứa con tôi bị bắt buộc phải xa rời tôi, trái với ý muốn của tôi, tôi chống đối sự chia ly đó bằng mọi phương tiện pháp lý, nhưng tôi đã thất kiện. Pháp luật đã cắt đứt sợi dây liên hệ và lấy hết bốn phần bảo vệ con cái của tôi là người làm mẹ. Con gái của tôi liền trở về với tôi sau khi nó được tự do quyết định. Trong 10 năm, tôi không gặp con tôi, và cũng không viết thư cho nó, nhưng nó đã trở về ngay với tôi, ảnh hưởng của tôi đối với nó không suy giảm. Bây giờ tôi ở chung với bà Blavatsky và bà có cảnh giác tôi như sau: “Em hãy coi chừng, đừng nối lại sợi dây mà luật



nhân quả đã cắt đứt.” Nếu lúc đó tôi trở lại đời sống cũ của tôi, sau khi đã tuyên thệ với Chân Sư, tôi đã hành động sai quấy. Hơn nữa, hẳn nhiên vấn đề không phải là xao lãng, không lo lắng cho con gái tôi. Nó trở về sống với chúng tôi cho đến khi nó xuất giá, nhưng nó phải chiếm địa vị thứ nhì, chớ không phải địa vị thứ nhất.

Bạn có trách nhiệm đối với những nhiệm vụ mà bạn phải hoàn thành, chớ không phải một người nào khác. Bạn có trách nhiệm với đức Thầy và chỉ đối với Ngài mà thôi. Nếu có người nào muốn ép buộc bạn phải làm điều gì mà họ tưởng rằng đó là bổn phận của bạn và nếu bạn xét ra là không đúng, bạn hãy bày tỏ sự bất đồng ý kiến của mình một cách dịu dàng, êm ái, nhưng cương quyết, bạn phải quyết định. Sự chọn lựa của bạn có thể đúng hoặc sai, nếu bạn lầm lạc, bạn phải chịu đau khổ, nhưng quyền quyết định phải thuộc về bạn. Không ai được can thiệp vào trách nhiệm của một người đối với bản thân họ và đối với Sư Phụ của họ. Bạn có trách nhiệm đối với đức Thầy của bạn. Vì nhân danh Ngài mà bạn phải làm công việc thường ngày của bạn giỏi hơn những kẻ khác.

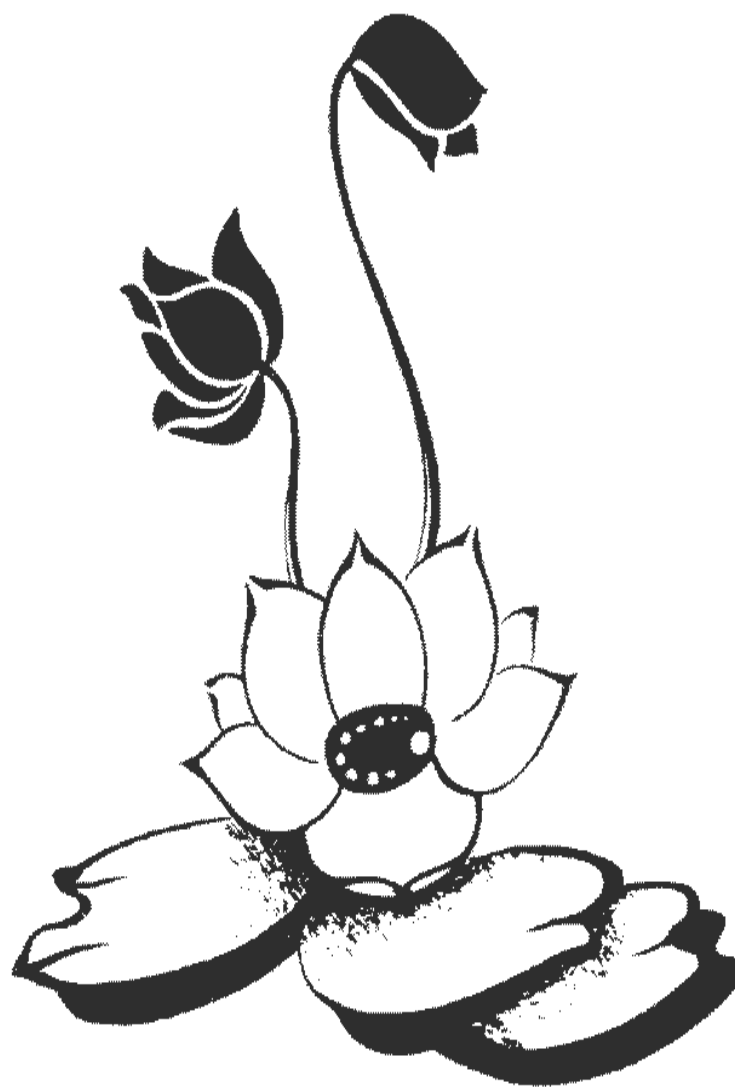
**C.W.L.-** Các tôn giáo xưa đều đề cập đến nguyên tắc là: Nhà huyền bí học phải làm cho giỏi giẩn công việc bình thường. Câu chuyện về lúc còn thiếu niên của thái tử Tất-Đạt-Đa – về sau ngài thành Phật – đã nêu gương sáng cho chúng ta. Ngài chuyên tâm học hỏi và tham thiền, nhưng khi phải sử dụng tài năng và phô

trương võ thuật để chiến thắng trong việc cầu hôn, Ngài đã tỏ ra xuất sắc cũng như trong những hoạt động cao thượng. Trong Thánh Ca (Bhagavad Gita) nói rằng: “Yoga là sự khéo léo trong hành động.” Đó là làm công việc một cách cẩn thận, lịch thiệp, và lễ độ. Vậy những vị đệ tử Chân Sư phải tập gìn giữ cho đời sống của mình được thăng bằng, phải biết lúc nào nên hoặc không nên gác qua một bên những công việc không quan trọng.

Người tự hiến thì giờ và sinh lực của mình để phụng sự đức Thầy, không nên đảm nhận thêm một công việc nào khác ngoài phận sự của mình. Không nên để cho kẻ khác buộc mình phải làm những nhiệm vụ mà mình không thừa nhận. Thí dụ đôi khi người ta muốn thấy những hội viên Thông Thiên Học tham dự vào những hoạt động xã hội. Người hội viên có thể nói rằng: “Tôi muốn dùng thời giờ của tôi một cách hợp lý cho tình huynh đệ.” Họ hoàn toàn hữu lý, khi dành hết thì giờ của mình để làm việc cho Hội.

Lời giáo huấn về những bốn phận này có liên hệ đặc biệt đến đời sống của Alcyone tại Adyar, trong khi em được đức Thầy dạy dỗ. Chẳng hạn, một hôm người ta bảo em dành trọn một ngày để dự một cuộc hành lễ của một người bà con xa với em. Em trình trường hợp ấy lên đức Thầy, Ngài trả lời: “Được, con có thể đến đó trong giờ nào đó và chỉ một giờ thôi, để cho những người trong gia đình khỏi tức giận, nhưng trong khi hành lễ con hãy cẩn thận, tuyệt đối đừng lặp lại lời nào

mà con không biết, đừng lặp lại một cách máy móc những lời của vị tăng sĩ, và con đừng để người ta làm thay con điều gì mà chính con có thể làm được – đó là cách thức liên hệ đến những cuộc hành lễ và những sự ban ân huệ.”



## CHƯƠNG 20

### ĐỨC KHOAN DUNG

(Tolerance)

**3.- Đức Khoan Dung.-** Con phải hết lòng khoan dung cho tất cả mọi người, và phải nhiệt thành quan tâm đến đức tin của những người thuộc tôn giáo khác, cũng như con quan tâm với tôn giáo của chính con vậy. Vì tôn giáo của họ cũng như tôn giáo của con đều là con đường dẫn đến chân lý tối thượng. Muốn giúp đỡ tất cả mọi người, con phải hiểu rõ tất cả họ.

**A.B.-** Đức khoan dung có thể là một trong những đức tính mà người ta đề cập đến nhiều nhất hiện nay, nhưng mà lại ít được thực hành nhất. Đó là một trong những đức tính khó đạt được hơn hết, vì một tín ngưỡng càng ăn sâu vào trí não càng được xem là cao quý, và lẽ tự nhiên người ta càng muốn ép buộc kẻ khác phải tin theo. Do đó nảy sinh ra tất cả những sự ngược đãi và chiến tranh tôn giáo giữa quần chúng hay giữa những cá nhân. Nhưng sự gây hấn này còn khá hơn tính lãnh đạm, thường bị lẫn lộn với đức khoan dung. Tính lãnh đạm không phải là đức khoan dung, không nên lầm lẫn điều đó.

Tinh thần ngược đãi vẫn còn nhiều trên thế giới và đôi khi các chính phủ phải ra lệnh cấm đoán sự kỳ thị tôn giáo, như ở Ấn Độ chẳng hạn, để ngăn cản những

sự rối loạn và bạo động. Vẫn có sự chịu đựng lẫn nhau giữa tín đồ của các giáo phái trong những nước có nhiều tôn giáo khác nhau và số tín đồ gần bằng nhau. Lý do của sự khoan dung này là sự sợ sệt lẫn nhau. Như vậy sự khoan dung, dù đã có, hầu như luôn luôn bắt nguồn từ vài động lực không mấy chính đáng.

Sinh viên huyền bí học phải phát triển lòng nhân từ, do sự nhận thức rằng chân ngã trong mỗi người tìm con đường riêng biệt của mình. Chỉ có thái độ đó mới hợp lý mà thôi, nếu mọi người nhận thức được như vậy, đức khoan dung sẽ trở thành một đức hạnh được phổ cập khắp nơi. Chúng ta phải nhìn nhận rằng mỗi người có cách thức riêng để tìm kiếm chân lý tối cao, và họ phải được tuyệt đối tự do để làm điều đó. Điều ấy có nghĩa là chẳng những bạn không nên cố gắng lôi cuốn một người nào theo tôn giáo của bạn, mà bạn cũng không nên cố gắng bắt buộc ai phải theo những lập luận và ý kiến của bạn. Bạn cũng không nên làm lay chuyển tín ngưỡng của một người, mà họ tìm được trong đó sự trợ giúp. Bạn phải có sự kiên nhẫn hoàn toàn. Người ta hiểu về khoan dung rất khác nhau, một số người có ý khinh thường và cho rằng những vấn đề tôn giáo không có tầm quan trọng lớn lao, chúng chỉ đóng vai trò cảnh sát để giữ gìn con người trong vòng trật tự, họ cho điều đó là khoan dung. Tôn giáo của kẻ khác phải thiêng liêng đối với bạn, vì lẽ nó thiêng liêng đối với họ. Các đấng cao cả trong Quần Tiên Hội sẽ

không nhận vào hàng huynh đệ của các Ngài những ai chưa có cái thái độ khoan dung như vậy.

**C.W.L.-** Hiện nay con người có lòng khoan dung nhiều hơn thời đại đế quốc La Mã. Người ta nói đến nhiều sự việc lạ lùng về cách những người La Mã đối đãi với những người Thiên Chúa giáo đầu tiên. Những sự sưu tầm thận trọng đã cho thấy sự ngược đãi tàn ác nhất mà người ta đã nói đến nhiều, không hề có. Nhưng quả thật người Thiên Chúa giáo thường tự gây phiền phức cho mình. Tôi không muốn nói là trên vài phương diện, những ý niệm trong thời đó không phải là không dã man, nhưng những người Thiên Chúa giáo đầu tiên hầu như có tinh thần hỗn loạn, vô chính phủ, và khi họ xung đột với nhà cầm quyền, không phải do tôn giáo của họ gây ra, mà do những lời nói và hành động của họ. Những người La Mã không thừa nhận tình huynh đệ theo kiểu người Thiên Chúa giáo đầu tiên thuyết giảng. Nó gần giống với hình thức này: "Hãy làm anh em với tôi hoặc tôi sẽ giết chết anh." Trong vài trường hợp, họ từ chối tham dự vào những cuộc lễ nhỏ được xem như bốn phận của người công dân. Họ không chịu rải một nhúm hương trên bàn thờ hoặc rót một giọt rượu để tỏ lòng tôn kính đối với hoàng đế. Những cử chỉ này cũng giống như việc bỏ nón chào tại Luân Đôn khi nhà vua đi qua. Đế quốc La Mã khoan dung nhất trên đời đối với những tôn giáo khác. Người La Mã rất ít thắc mắc để tìm hiểu người ta thờ vị thần thánh nào, vì họ không tin vào sự hiện hữu

của vị nào cả. Họ có xây một thần miếu vĩ đại, nơi đó họ lập đền thờ tất cả những thần thánh, và khi họ thấy đấng Christ được người ta tôn thờ, họ lập tức dựng hình Ngài. Nói chung sự khoan dung của họ chỉ là tính lãnh đạm mà thôi.

Đa số những người La Mã thuở xưa đã đầu thai vào giống dân của nước Anh. Hiện nay có nhiều người khoan dung đối với mọi hình thức tín ngưỡng, vì bản thân họ không tin tưởng điều gì cả. Họ chỉ xem tôn giáo như một huyền thoại lý thú. Mục đích của chúng ta không phải là sự khoan dung như thế. Đức khoan dung của chúng ta phải căn cứ trên sự thừa nhận rằng những tín ngưỡng của kẻ khác cũng đưa đến chỗ cao siêu. Khi vào đền thờ hay giáo đường của một tôn giáo khác với tôn giáo của mình, người thật có tinh thần khoan dung sẽ tuân theo những nghi thức đã được đặt ra, không phải vì kính trọng tục lệ mà thôi, nhưng còn vì sự kính trọng đối với những tín đồ khác và đối với tôn giáo khác. Có nhiều người khi vào nhà thờ lại từ chối việc bái chào trước bàn thờ và họ còn cố tình quay lưng lại. Tôi biết có những người thử đi vào một giáo đường Hồi giáo mà không cởi giày. Người ta không nên đi vào trong nhà thờ hoặc đền thờ của một tôn giáo khác, nếu từ chối việc giữ gìn hạnh kiểm cách nào để không làm mích lòng những tín đồ. Nếu bạn nghĩ quì gối trước bàn thờ Chúa là việc không hay, thì không ai cấm bạn ở ngoài, nếu bạn cảm thấy việc cởi giày là một cái tội, thì

không ai ép buộc bạn phải bước vào giáo đường của người Hồi giáo.

Tất cả những người trên thế gian là những biểu hiện của Đại Ngã duy nhất, vậy hình thức tin tưởng của kẻ khác phải được kính trọng. Lắm khi sự biểu lộ này có tính cách trẻ con, nhưng không một người tốt nào mà lại nghĩ đến việc đưa nó ra giễu cợt hoặc cho nó là một điều tệ hại. Vì một trí khôn kém mở mang khó thấy được giống như một trí khôn đã phát triển cao hơn nó nhiều. Đức khoan dung cho chúng ta ý nghĩ giống như quan niệm của người La Mã thuở xưa như sau: “Tôi là người, vậy không có điều chi thuộc về người, lại xa lạ với tôi” và nó cũng khiến chúng ta cố gắng tìm hiểu quan điểm của kẻ đồng loại với mình. Phương pháp luyện tập này không bao lâu sẽ cho chúng ta thấy rằng thế trí con người có thể phản chiếu ánh sáng chân lý với nhiều khía cạnh khác nhau. Thế gian sẽ trở nên buồn tẻ, nếu mỗi việc đều phải làm một cách giống như nhau! Nó sẽ giống một nhà tù mà tất cả đều hoạt động cùng một giờ và cùng một cách thức.

Như bạn đã biết, chẳng hạn có vài điều chính yếu khác nhau giữa tâm trạng của người Thiên Chúa giáo và người theo đạo Tin Lành. Mỗi bên đến với đạo của Chúa theo quan điểm riêng của mình, và đa số tín đồ hai phe đều hoàn toàn không hiểu nhau. Người Thiên Chúa giáo áp dụng nguyên tắc cho rằng sự thờ phượng cử hành với nhiều nghi thức, về mọi phương diện, nó phải được uy nghiêm đúng mức để làm vinh hiển đức



Chúa Trời mà họ tôn thờ và cũng để gây sự cảm xúc trong lòng các tín đồ. Họ có cảm tưởng thật rõ rệt rằng sự hành lễ, những nghi thức và vẻ huy hoàng của khung cảnh chung quanh, đều có tác dụng trợ giúp rất mạnh cho lòng sùng tín. Trái lại, những tín đồ Tin Lành cho rằng tất cả những điều này đều xấu xa và có hại, vì sẽ làm cho tâm trí con người xao lãng, không chú trọng đến ý nghĩa thâm sâu. Nếu phải dự tất cả những nghi lễ này, có lẽ tâm trí của những người theo đạo Tin Lành không thể nào giữ được ý niệm bên trong. Những điều gây tác dụng sâu xa đối với người Thiên Chúa giáo, có thể là một sự phiền phức, xáo trộn, đôi khi là sự ngăn cản lòng sùng tín bên trong của người đạo Tin Lành.

Nhiều người cảm thấy rằng lòng sùng tín và sự khát vọng của họ có vẻ mơ hồ, không vững chắc, nếu chỉ tôn thờ trong lòng. Đối với họ hình thức bên ngoài là một trợ giúp lớn lao, tại sao không lợi dụng nó? Những người tìm thấy cảm hứng thỏa thích trong nghi lễ, hình tượng, tranh ảnh, trong sự biểu lộ vật chất, họ thuộc về một trong bảy cung vĩ đại của sự sống, một trong bảy con đường lớn đưa con người đến Thượng Đế. Những người không thích những điều này, chỉ thấy trong đó sự phiền phức, rối trí, họ cũng theo con đường riêng của họ. Hãy để họ vui thích với con đường của họ, tại sao lại quấy rầy họ?

Mỗi người vẫn nói ngôn ngữ của mình từ thời thơ ấu. Người ta cũng có thể nói, mỗi người diễn đạt ngôn ngữ đạo đức riêng của họ. Đó chính là đường lối mà

những tư tưởng, tình cảm và khát vọng của họ tự biểu lộ ra một cách dễ dàng nhất. Khinh khi người Pháp, vì ngôn ngữ của họ khác với ngôn ngữ của chúng ta là một thái độ vô cùng phi lý. Điều này cũng phi lý như việc khinh khi một người khác tôn giáo với chúng ta. Người Pháp gọi “cái nhà” là “maison,” thay vì “house.” Ý nghĩa vẫn đồng nhất, nếu cho rằng danh từ này hơn danh từ kia thật là vô lý. Điều này làm cho chúng ta nhớ đến ông Lillyvick, một nhân vật trong tiểu thuyết, sau khi thấy trong tiếng Pháp chữ “l'eau” nghĩa là “nước,” thì ông tuyên bố rằng tiếng Pháp là ngôn ngữ nghèo nàn. Người ta cũng thuật lại trong thời kỳ chiến tranh Nã-Phá-Luân, một bà lão kia cầu xin Chúa cho người Anh thắng trận, và có một người kia nhắc bà rằng phía bên kia cũng có người đang cầu nguyện cho người Pháp được thắng trận, bà đáp rằng: “Cái đó không có nghĩa gì hết. Làm sao Chúa hiểu được họ, khi họ nói những điều ngu xuẩn như thế?”

Không lý do gì mỗi người lại không thể theo đuổi con đường thích hợp nhất đối với mình. Đó chính là con đường trực tiếp hơn hết đưa họ đến đức Thượng Đế. Sự bình an và điều hòa chỉ có được khi nào cả đôi bên đều chấp nhận sự kiện này. Mỗi người phải nói rằng: “Tôi thích con đường của tôi, nhưng tôi hoàn toàn muốn cho mọi người cũng có đặc quyền như tôi và chọn lựa con đường tốt nhất đối với họ.” Đòi hỏi như thế dường như không đáng kể, nhưng ít người bằng lòng như thế. Vì thường người ta tin rằng cái gì tốt nhất cho mình cũng

phải tốt nhất cho kẻ khác. Một tâm trạng rộng rãi hơn phải nhận thấy rằng có nhiều con đường dẫn tới đỉnh núi và mọi người phải được tự do chọn con đường hấp dẫn nhất đối với mình.

Tôi phải thú nhận rằng, có một tâm trạng mà riêng cá nhân tôi, tôi khó lòng hiểu được, đó là lối sùng tín hướng về Thượng Đế một cách rườm rà, với đủ thứ danh từ môn trón lấy trong thi ca tình tứ và tiểu thuyết. Điều đó làm cho tôi khó chịu, và tạo một cảm tưởng bất kính trong lòng tôi, dù tôi biết rõ những điều đó vốn chân thành và có dụng tâm tốt. Những người ưa thích sự sùng tín kiêu đó chắc chắn cho rằng tôi lạnh lùng và không hiểu ý nghĩa của câu văn, vì tôi suy xét mọi việc theo lương tri, tôi suy luận và tìm hiểu về chúng.

Những tác phẩm viết về lòng sùng tín đối với hạng người tư tưởng cao siêu đều rất giống nhau trong mọi tôn giáo. Chẳng hạn khi bạn so sánh những tác phẩm quen thuộc của người Công giáo La Mã với những tác phẩm thường dùng của những tín đồ đức Ramanujacharya thì bạn sẽ nhận thấy chúng thật giống nhau. Và lại, đời sống của một người Thiên Chúa giáo tốt lành cũng như đời sống của một người Ấn giáo, Phật giáo, Hồi giáo hay một người tốt thuộc về bất cứ tôn giáo nào, tất cả đều thực hành những đức tính tốt giống nhau và từ bỏ những tật xấu như nhau.

**Nhưng muốn có lòng khoan dung toàn vẹn, trước hết chính con phải vứt bỏ hết thói địn đoán và mê tín.**

**A.B.-** Mê tín là cho rằng ý kiến riêng của mình có giá trị, chớ không kể đến ý kiến của kẻ khác. Một lần kia, có một bà rất tốt bụng, nhưng cũng rất mê tín, vì thuộc về phái Tân Giáo hẹp lượng nhất, nói với tôi rằng bà không bao giờ đọc một tác phẩm viết không đúng với những quan điểm của tôn giáo bà. Đó là sự tin tưởng của người mê tín, họ không bao giờ đọc một quan điểm nào khác, vì sợ rằng nó sẽ làm lung lạc quan điểm của mình. Kẻ đi tìm chân lý muốn sống một cuộc đời cao thượng phải có một quan niệm trái hẳn lại. Phải cố gắng đọc tất cả những tác phẩm thuộc về vấn đề nào đó, để thấy bao nhiêu khía cạnh khác nhau của ánh sáng chân lý, ánh sáng ấy chiếu soi vào trí óc con người và bị khúc xạ theo những chiều hướng khác nhau. Muốn đạt được chân lý, bạn phải nghiên cứu tất cả những quan điểm, tất cả những ý kiến dị biệt, rồi đồng hóa ít nhiều yếu tố chân lý chứa đựng trong đó.

Học để biết những sự mê tín của người khác cũng là điều tốt, vì kinh Upanishad có nói một câu rất hay như sau: “Sự chiến thắng chỉ thuộc về chân lý, chớ không thuộc về sự giả dối.” Sức mạnh của sự mê tín được tạo nên do một mảnh nhỏ của chân lý mà nó chứa đựng bên trong. Chúng ta phải khám phá ra mảnh chân lý đó. Dĩ nhiên, kẻ mê tín chỉ thấy sự giả dối mà thôi. Còn quý bạn, quý bạn phải biết những khái niệm của tất

cả những tôn giáo và phái nghiên cứu chúng không phải như nhà truyền giáo, nhưng với tinh thần thiện cảm. Bạn cũng nên tuân theo nguyên tắc này trong các vấn đề chính trị và xã hội.

Phải diệt trừ sự mê tín, điều này được xác nhận trong phần cuối của quyển sách này như một trong ba trọng tội gây tai hại nhất cho con người, vì nó trái nghịch với tình thương. Ở thế gian, tôn giáo và sự mê tín vẫn bị lẫn lộn, nên cần phải có sự phân biệt trong trí óc chúng ta bằng một định nghĩa rõ ràng. Định nghĩa mà tôi thích nhất, dù nó không được khá tổng quát, là: sự mê tín cho điều không cốt yếu là cốt yếu, cho điều phụ thuộc là quan trọng. Trong những cuộc tranh luận về tôn giáo, người ta biện bác về một điểm không trọng yếu và mỗi bên thường tiêu biểu cho một sự hiểu lầm chân lý khác nhau.

Một định nghĩa khác về sự mê tín như sau – định nghĩa này cũng không được hoàn toàn – mê tín là một niềm tin không có căn bản hợp lý. Thế nên nhiều chân lý trở thành sự mê tín đối với những người giữ nó, chỉ vì họ không có một lý do chính đáng và hợp lý để tuân giữ chúng nó.

Đức Thế Tôn có nói, chỉ có một lý do đáng cho bạn tin tưởng một việc gì là khi nào nó phù hợp với lý trí và lương tri của bạn, như thế người ta mới có thể nói rằng riêng bạn đã hiểu được điều đó. Nếu áp dụng tiêu chuẩn này, chúng ta sẽ thấy phần lớn tôn giáo của nhân

loại phải gọi là mê tín. Đối với những người thường thì không quan hệ mấy, nhưng đối với những người cố gắng đi trên đường đạo, tất cả những gì không được kiểm chứng bằng trực giác hoặc lý trí phải tạm thời gác qua một bên. Khi nào quan năng siêu việt của bạn dần dần phát triển, bạn sẽ nhận biết chân lý càng ngày càng nhiều hơn. Bấy giờ một sự tin chắc sâu xa nảy sinh trong bạn và khi gặp một chân lý, bạn sẽ nhận ra nó. Quan năng này đối chiếu với thị giác tại cõi trần, chính là quan năng của thể bồ đề,<sup>5</sup> ấy là lý trí thuần túy. Chúng ta phải lấy tiêu chuẩn này kiểm soát tất cả những sự tin tưởng của mình, bởi vì phần lớn những niềm tin mà chúng ta được thừa hưởng đều là sự mê tín đối với chúng ta. Dần dần cách kiểm soát tư tưởng này trở thành thói quen, chúng ta sẽ thoát khỏi sự mê tín và phát triển đức khoan dung.

C.W.L.- Đôi khi trí óc con người bị sự mê tín chi phối mãnh liệt, nên có khi người ta nói rằng mê tín không thể tách rời ra khỏi tôn giáo. Thật ra, có nhiều sự lẫn lộn trong tư tưởng tôn giáo mà đa số đều phi lý, nhưng một tín ngưỡng được truyền bá rộng rãi, nó phải có một mảnh nhỏ chân lý ẩn bên trong. Nói một cách tổng quát, những sự mê tín không phải chỉ là những điều bịa đặt, mà là những sự kiện bị biến dạng hay bị phóng đại quá lỗ. Một hôm, bà Besant có kể một thí dụ về sự mê tín ở Ấn Độ mà mọi người đều biết. Một vị

---

<sup>5</sup> Tức là trực giác. (Lời dịch giả)

thánh nhân kia có nuôi một con mèo, nó rất mến ông, đến nỗi mỗi khi hành lễ ông phải cột con vật dưới chân giường để nó đừng quấy rầy ông. Thấy thế, người ta kết luận rằng sự thận trọng đó là một phần cốt yếu của việc hành lễ. Trải qua một thời gian, những chi tiết khác của cuộc hành lễ đều bị lãng quên, mà chỉ còn lại một di tích là theo tục lệ phải cột con mèo dưới chân giường.

Những vị pháp sư và những nhà tu sĩ Do Thái cổ bị đấng Christ tố cáo là những người đạo đức giả, vì họ giống như những ngôi mộ trắng tinh, cho thấy một hình thức của sự mê tín. Đấng Chúa nói họ phải trả thuế thập phân cho cây bạc hà, cây hồi hương và cây chà là, vì họ bị buộc phải trả thuế thập phân tất cả những gì họ có, họ tính tỉ mỉ những món thực phẩm vụn vặt như tiêu, muối, nhưng họ hoàn toàn quên đi phần quan trọng hơn cả quy luật, đó là sự công bằng, lòng trắc ẩn và đức tin.

Ý tưởng về ngày Chúa Nhật là giảm đến mức tối thiểu công việc làm vào ngày ấy, để biến ngày ấy thành ngày hiến dâng cho sự ích lợi tinh thần. Tuy nhiên, vấn đề phụng sự thiêng liêng đã đi vào hậu cảnh, người ta thường nhận thấy ngày Chúa Nhật là ngày ăn chơi, say sưa, phóng túng nhiều hơn trong tuần. Đây đúng là lấy việc phụ thuộc làm điều trọng yếu. Bởi vì ít nhất có một ngày mà người ta dành riêng cho vấn đề tôn giáo. Người ta thường nghĩ rằng những ngày khác không tuân theo những giới răn và lý tưởng đạo giáo cũng không quan trọng gì. Tôi để ý thấy những người không

tuân theo luật ngày Chúa Nhật – như người Ấn giáo, người Phật tử và những người theo tôn giáo khác – họ sống một cuộc đời đạo đức đến một mức độ mà người ta không thấy ở những người Thiên Chúa giáo. Tôi không nói rằng tất cả những người này đều có đức hạnh hơn những người Thiên Chúa giáo, nhưng tôn giáo có ảnh hưởng mạnh đối với họ hơn người Thiên Chúa giáo trung bình. Người đạo Thiên Chúa giáo bậc trung thường chỉ nghĩ rằng việc đi nhà thờ một lần mỗi tuần là đã làm tròn bổn phận đạo đức bắt buộc rồi.

Bà Besant cũng cho một định nghĩa về sự mê tín như sau: Đó là sự tin tưởng không có nền tảng hợp lý. Tin vào sự xoay tròn của quả địa cầu, sự hiện hữu của những miền xa xôi mà chúng ta chưa thấy, sự thật về những nguyên tử và điện tử hoàn toàn vượt khỏi tầm nhãn quan của chúng ta, là điều thật hợp lý, vì chúng ta có những lý do vững chắc để tin tất cả những điều đó. Nhưng mà sự tin tưởng của người bình dân không thuộc về loại này. Niềm tin thông thường của người Thiên Chúa giáo về hỏa ngục đời đời và hình phạt vĩnh viễn chỉ là một sự mê tín độc hại đặc biệt. Nó không căn cứ trên một nền tảng hợp lý nào. Người đầu tiên bày ra sự tin tưởng đó có thể tin hoặc có thể không tin như thế? Nhưng sau đó, hàng triệu người đã tin tưởng theo, và đúng là họ mê tín.

Theo quan điểm Thiên Chúa giáo điều quan trọng duy nhất do vấn đề này trình bày có liên hệ đến lời của đấng Christ. Tôi nghe nói rằng có tám đoạn kinh trong



đó người ta cho rằng Ngài đề cập đến hình phạt đời đời. Vậy rất dễ mà chúng tỏ rằng phải là sự thêm thắt của dân chúng về ý tưởng ấy. Về vấn đề này có một quyển sách rất giá trị nhan đề *Salvator Mundi*, do một vị mục sư người Anh là Samuel Cox viết. Vị này phân tích thật kỹ lưỡng bản văn Hy Lạp đầu tiên thuật lại lời của đấng Christ và chứng minh một cách dứt khoát rằng không có một bản kinh nào dạy chúng ta tin tưởng về hình phạt đời đời. Chắc chắn việc này không có một nền tảng hợp lý nào cả, vì nếu đức Chúa Trời là một đấng Cha Lành, sự tin tưởng như thế không thể chấp nhận được.

Người ta có thể mong rằng với thời gian, những người Thiên Chúa giáo ngày nay đã tự giải thoát khỏi sự mê tín khủng khiếp ấy, mà nó đã từng gây tai hại vô cùng cho nhân loại, nhưng vẫn còn hàng triệu người chưa thoát khỏi sự mê tín đó, và nó vẫn còn được giảng dạy. Gần đây tôi có thấy cuốn giáo lý cương yếu Công giáo La Mã để cho trẻ em đọc, trong ấy những ý tưởng xưa liên hệ đến địa ngục, nơi xảy ra những hình phạt đời đời cũng còn được trình bày một cách điên rồ, giống như trong thời quá khứ, điều đó thật đáng buồn. Nhiều dòng Thiên Chúa giáo tự vượt lên khỏi những ý niệm như thế, nhưng những dòng cổ kính và quan trọng nhất còn giữ kỹ những giáo điều thời trung cổ. Đôi khi người ta may mắn gặp được những vị linh mục biết giải thích tất cả những điều này giống như chúng ta giải bày nơi đây. Trong sách vở dùng để dạy những thiếu nhi,

chứa đựng ý tưởng địa ngục như trên, quả thật là khủng khiếp và có tính cách xúc phạm. Chính lúc chúng mới bắt đầu bước vào cuộc đời, người ta đã dạy chúng một ý niệm hết sức sai lầm về Chúa Trời; đó là làm cho đời sống và trí khôn của chúng bị nhiễm đầy sự sợ hãi, hung ác, làm hại tính tình và sự tiến hóa của chúng.

Giáo lý của đức Phật về đức tin và lý trí mà tôi đã kể ra là một giáo lý tuyệt đẹp. Sau khi Phật tịch diệt, giáo hội nhóm họp để lựa chọn trong tất cả những lời nói mà người ta gán cho Ngài, những lời nào đáng gọi là xác thực. Trước tiên giáo hội đề xướng ra nguyên tắc này: “Điều nào trái với lý trí và lương tri, thì không phải là giáo lý của Phật.” Những nhân viên của giáo hội bác bỏ tất cả những gì không thỏa mãn họ trên phương diện này, và nói rằng: “Điều này hiển nhiên trái với lương tri. Phật đã không nói như thế.” Có thể họ đã loại bỏ một, hai điều mà họ không hiểu, nhưng họ tránh được cho tôn giáo của họ không biết bao nhiêu điều mê tín. Những vị khai sáng các tôn giáo lớn, trừ Muhammad, không viết lại giáo lý của mình. Tuy nhiên, tương truyền rằng đức Phật có viết một quyển sách hiện giờ được các vị Chơn Tiên gìn giữ chớ không có truyền bá ra ngoài đời. Thường thường, 3, 4 thế hệ sau, các giáo lý mới được trình bày dưới hình thức sách vở, và lại sách vở này là sự sưu tập từ nhiều nguồn tài liệu. Chẳng hạn, như trong sách Isaiah, các học giả uyên bác đã khám phá ra tám truyền thống nhập lại, có ba

ông Isaiahs liên tiếp, một ủy ban và còn nhiều việc khác nữa. Một tôn giáo suy tàn khi nào các nhà biên soạn không viết ra những điều họ hiểu biết, mà viết lại những điều họ đã nghe nói, rồi sinh ra tranh luận về những điểm nhỏ nhặt.

Còn một nguyên nhân dễ làm lẫn lộn khác nữa là khi một tôn giáo mới xuất hiện, nó bao phủ những tôn giáo đã có trước như một lượn sóng chinh phục, nhưng làm xóa hẳn những tôn giáo trước. Một vị tướng khôn ngoan, khi chinh phục một xứ mới, ông tìm cách làm cho những luật lệ của ông thích ứng với dân tộc bại trận, hầu tránh sự xáo trộn đến mức tối thiểu. Vậy những tôn giáo mới cũng phải thích ứng với sự dị biệt của các cộng đồng dân chúng. Thế nên người Trung Hoa và Nhật Bản vẫn thờ phượng tổ tiên và giữ sự cúng tế cổ truyền theo lối Thần Đạo (Shinto) của họ, thêm vào đó luân lý của đức Phật. Còn ở Tích Lan, tôn giáo đã mang tính cách duy vật, người ta cho rằng không có cái chi trong con người được truyền lại từ kiếp này sang kiếp khác, trừ ra nghiệp quả của họ. Tuy nhiên, người ta lại nói về những tiền kiếp và hy vọng nhập niết bàn trong một kiếp tương lai. Người Thiên Chúa giáo cũng thừa nhận các ngày lễ đặc biệt của những quốc gia mà tôn giáo của họ được truyền bá, họ tìm tên những vị thánh Công giáo để đặt tên cho chúng.

Những truyền thống xưa đã lưu lại những di tích ở khắp nơi như: vũ điệu ma quái ở Tích Lan, sự thờ phượng nữ thần Kali bên Ấn Độ . . . Đôi khi chúng

được xem như là những tôn giáo chân chánh, nhưng thật ra là những sự mê tín. Người ta có thể nhận ra chân lý bằng một ý niệm không thể giải thích bằng lý luận, đó là khía cạnh khác của vấn đề. Chân ngã biết và có những lý do vững chắc, nhưng thường không thể ghi ấn tượng vào bộ óc xác thân, chỉ có ý niệm được truyền đạt. Một chân lý mới đem trình bày cho chúng ta, chúng ta có thể biết tức khắc là mình có thể tiếp nhận nó hay không. Đây không phải là sự mê tín, mà chính là một sự xác quyết từ bên trong. Tôi không tin rằng có người cảm thấy sự xác quyết như thế về vấn đề địa ngục, những người tin vào hỏa ngục đời đời là vì người ta đã dạy họ như thế. Có người hỏi, phải chăng điều này là sự hy sinh lý trí cho trực giác? Nhưng nên nhớ rằng ở đây danh từ bồ đề mà chúng ta dịch là “trực giác” thì ở Ấn Độ được gọi là “lý trí thuần khiết,” đó là lý trí của chân ngã, cao hơn lý trí của chúng ta ở những cảnh thấp.

Đức Thầy cho những thí dụ liên hệ đến vấn đề mê tín như sau:

**Con phải hiểu rằng không có nghi lễ nào là cần thiết cả; bằng không con sẽ tưởng rằng con giỏi hơn những người nào không hành lễ. Nhưng con cũng đừng chê trách những người còn bám víu vào nghi lễ. Hãy để cho họ làm theo ý họ; miễn họ đừng xen vào việc của người đã biết chân lý như con, họ không được bắt buộc con phải làm những gì mà con đã vượt**

qua khỏi rồi. Hãy khoan dung và tử tế trong mọi trường hợp.

C.W.L.- Nếu đức Thầy đã nói một cách mạnh mẽ về vấn đề nghi lễ, có lẽ vì đời sống của những thanh niên thuộc giai cấp thượng lưu Bà La Môn – mà Alcyone thuộc giai cấp ấy – vào tuổi của Alcyone lúc bấy giờ phải bắt đầu trải qua rất nhiều nghi lễ. Thời kỳ đó, người thanh niên tự coi mình là quan trọng trong những cuộc tế lễ này. Em ấy được chú ý rất nhiều trong khi hành lễ Upanayana hay lễ thụ pháp, để được ban tất cả đặc quyền của giai cấp đó. Đời sống của một người Bà La Môn chính thống có rất nhiều nghi lễ, như phải làm những điệu bộ, đọc những đoạn kinh trong lúc thức dậy, lúc tắm, lúc ăn và hầu hết trong mọi hành vi hằng ngày. Có lẽ những người thân cận với Alcyone tìm cách bắt em phải tuân theo tất cả những điều này một cách nghiêm ngặt, vì sợ rằng sự giáo dục tân thời và những người bạn Âu châu của em làm em chuyển hướng đối với nghi lễ cổ truyền của quốc gia. Đức Thầy muốn bảo vệ đệ tử của Ngài, cho nên Ngài nói rằng những nghi lễ này không tuyệt đối cần thiết, dù có tuân theo hay không tuân theo, em cũng phải giữ mình đừng để lầm lạc và ngông cuồng tưởng rằng về điểm này em cao hơn kẻ khác.

Sự hành lễ bên Thiên Chúa giáo khác với sự hành lễ của người Ấn giáo và Phật giáo, vì thường có nhiều người dự vào. Ở Ấn giáo và Phật giáo sự hành lễ hầu như luôn luôn có tính cách cá nhân, còn bên Thiên

Chúa giáo phần nhiều có tính cách tập thể. Tất cả những sự hành lễ này đều không cần thiết (chỉ trừ những người có bẩm tính thiên về nghi lễ một cách mạnh mẽ, và họ không thể có hạnh phúc thật sự, nếu thiếu chúng). Tuy nhiên những nghi lễ cũng là một hình thức của khoa học, áp dụng những năng lực thiên nhiên của những cõi bên trong với những phương thức hoàn toàn chính xác.

Thần lực có thể ban rải xuống cõi trần bằng nhiều cách. Phương thức áp dụng trong lúc hành lễ Mi-Sa, lễ Ban Thánh Thể hay lễ Dâng Minh Thánh Chúa do Đấng khai sáng Thiên Chúa giáo đã tạo ra để phân phát cho con người qua giáo hội của Ngài, những thần lực ở mấy cõi cao mà người ta gọi là ân điển của Thiên Chúa. Những thần lực này thuộc về các cõi trên, dĩ nhiên chúng nó là những lực siêu phàm, nhưng không phải vượt ngoài thiên nhiên. Ngài xếp đặt theo một cách thức nào đó để cho vị linh mục, dù bản tính thế nào, cũng là một con kinh ban rải thần lực trong lúc hành lễ. Nếu vị linh mục thật sự là người có đức hạnh, hết lòng sùng tín và phụng sự, điều đó hết sức tốt. Nhưng, trong mọi trường hợp những sự xếp đặt đều bảo đảm cho cuộc hành lễ mang lại một hiệu quả tốt đẹp cho những người dự lễ. Thông thường, tổ chức của Thiên Chúa giáo gồm nhiều nhà thờ rải rác khắp nơi trong xứ, để ân huệ tuôn xuống được ban rải cho mỗi người. Việc hành lễ này vô cùng hữu ích cho hàng triệu người, nhưng

nếu nói nó cần thiết cho sự cứu rỗi linh hồn, đó là sự mê tín.

Những cuộc hành lễ khác nhau thu hút được nhiều loại thần lực. Cho dù mức độ tinh thần của chúng ta thế nào chẳng nữa, tất cả đều tuân theo những định luật thiên nhiên, cho nên, muốn áp dụng sự ích lợi của thần lực tại cõi trần, thì cần phải có một cơ cấu vật chất để thực hiện. Cũng giống như điện lực, bao giờ cũng hiện hữu ở khắp nơi chung quanh chúng ta, nó luôn luôn hoạt động, nhưng nếu bạn muốn dùng nó vào một công việc đặc biệt, trong những điều kiện riêng và ở một nơi nào đó, bạn phải chuẩn bị một cái máy vật chất sẵn sàng để dùng cho sự hoạt động của nó.

**A.B.-** Đức Thầy nói rằng không có nghi lễ nào là cần thiết, tất cả những tôn giáo đều nhìn nhận sự thật này. Ở Ấn Độ, người cao cả và được mọi người tôn trọng nhất là tu sĩ Sannyasi, người không thực hành một cuộc hành lễ nào cả. Người đã cắt đứt và vứt bỏ sợi dây thánh, mà trước đây nó là vật quý báu nhất mà vị ấy đã nhận được trong thời kỳ thiếu niên. Lúc chứng lễ thụ pháp vào giai cấp, người ấy phải mang sợi dây suốt đời như một biểu hiện linh thánh nhất, cho tới khi nào họ trở thành tu sĩ Sannyasi.

Những nghi lễ chỉ cần thiết khi nào con người chưa đạt được sự hiểu biết, chưa có kiến thức chân thật và còn nhờ nó tạo ra những cảm xúc tốt lành, một tinh thần an tĩnh và những nguyện vọng thanh cao. Đại đa

số người đòi chưa tiến hóa, cần được sự giúp đỡ bằng mọi phương tiện. Cho nên không một vị hiền triết nào lên án nghi lễ, dù nó không cần thiết đối với họ. Quyển Thánh Ca (Bhagavad Gita) là phúc âm của tu sĩ Sannyasi, nhưng chúng ta thấy trong đó có viết: “Bậc hiền triết không nên làm rối trí kẻ vô minh còn đeo níu vào hành động, nhưng nếu hành động hòa hợp với Ta, thì những hành động đó có sức thu hút.”<sup>6</sup> Trẻ con mới tập đi phải nương tựa vào tất cả những gì khá vững chắc như ghế, chân bàn hay là vách tường, để đứng lên được. Vậy những nghi lễ cũng giống như chỗ nương tựa để giúp người còn yếu đuối chưa đứng vững một mình. Những nghi lễ càng trở nên tinh vi, đẹp đẽ và có tính cách tượng trưng hơn để cân xứng với sự tiến hóa dần dần của con người. Sau cùng, con người tiến đến giai đoạn mà những nghi lễ không còn hữu ích và không dùng nó nữa. Có hai loại người không thực hành nghi lễ, những người cao hơn chúng, và những người thấp hơn chúng.

Mỗi người tự mình quyết định lấy lúc nào không cần đến những nghi lễ nữa, và trách nhiệm thuộc về chính người ấy. Không ai chịu trách nhiệm chỉ định, lúc nào một người kia phải trở thành một đạo sĩ Yogi. Đối với những nghi lễ cũng thế, chúng ta không được chỉ trích một người quyết định từ bỏ những nghi lễ hoặc còn thích theo đuổi công việc đó. Đôi khi, biết rằng

---

<sup>6</sup> Op. cit., III, 26.



những nghi lễ không cần thiết đối với mình nữa, nhưng một người kia vẫn tiếp tục hành lễ, chỉ vì địa vị của họ trong cộng đồng. Con người phải chịu trách nhiệm về sự lựa chọn của mình. Vậy chúng ta không nên chê trách những người hành lễ, cũng như những người không tham dự.

Sự tế lễ có thể vừa nguy hiểm, vừa trợ giúp, Ấn Độ giáo vào thời cổ, nghiêm cấm việc đọc vài thứ thần chú trước đám đông; sự cấm đoán này không có ý ngăn không cho họ hưởng những điều lợi khi đọc thần chú, mà là để tránh sự tai hại cho một số người do vài cách rung động của thần chú tạo ra. Đó là lý do tại sao đức Bàn Cổ lập ra luật chỉ có những người Bà La Môn trí thức và có đạo hạnh mới được mời dự lễ Shraddha thôi. Một người đã phát triển một số quyền năng nào đó, nhưng không rõ lúc nào nên dùng, lúc nào nên kèm giữ, nếu tham gia một cuộc tế lễ, người ấy sẽ truyền thêm sức mạnh vào những câu thần chú có thể làm hại những người tham dự. Vì vậy một người đã bắt đầu phát triển những năng lực cao, nên tránh xa buổi lễ. Chẳng hạn khi tôi đi dự lễ Shraddha ở Gaya, tôi nhận thấy, nếu tôi thêm năng lực của tôi vào, có thể làm tổn thương các vị giáo sĩ, vì họ đọc nhiều câu thần chú vô cùng mạnh mẽ. Còn riêng phần họ, họ không tạo ra được năng lực nào cả, vì họ thiếu sự hiểu biết và sống không có quy củ lắm. Bà Blavatsky khuyên những sinh viên huyền bí học chớ nên dự vào đám đông, trừ khi nào họ có thiện cảm hoàn toàn với quần chúng, không

phải chỉ vì đám đông ảnh hưởng đến hào quang của họ, mà vì thần lực của họ có thể làm hại cho đám đông hơn là làm lợi. Trong những trường hợp đó, người hiểu biết nghĩ rằng tốt hơn nên xa lánh vài thứ lễ bái. Đối với người không hiểu cách đọc thần chú thế nào để phát xuất ra thần lực, có thể dự lễ mà không làm hại đến những người tham dự, dù họ là những hạng người nào.

**Bây giờ con đã thấy rõ, nên một vài tín ngưỡng và nghi lễ cũ của con lúc trước dường như trở nên phi lý đối với con; mà quả thật có lẽ nó phi lý. Mặc dù con không còn tham dự lễ bái nữa, con vẫn phải kính trọng những việc này, vì lòng thương những tâm hồn tốt lành mà họ còn cho những việc đó là quan trọng. Những nghi lễ này có vị trí và chỗ dùng của nó; chúng giống như những hàng gạch đôi giúp con viết ngay ngắn và đều đặn khi con còn nhỏ, cho đến khi nào con biết tự mình viết thật giỏi mà không cần dùng chúng nữa. Có một lúc con đã cần chúng; nhưng bây giờ giai đoạn đó đã qua rồi.**

**A.B.-** Lúc chúng ta càng lớn tuổi, càng hiểu biết, có vài chuyện mà trước kia chúng ta tin tưởng, bây giờ chúng có vẻ hư ảo và phi lý, tuy nhiên chúng ta có thể nhìn chúng một cách nhân từ và có thiện cảm, như chúng ta nhìn một em bé gái vui đùa với bó giẻ rách, mà em cho là con búp bê. Về phương diện nào đó, hành vi ấy khá khôi hài, nhưng nó mang đến cho em một lợi ích thực sự, vì nó làm nảy nở bản năng làm mẹ của em. Em bé gái không nhìn thấy giẻ rách, mà lại thấy một

đứa trẻ. Trong khi nâng niu, săn sóc đứa con tương tượng của em, em tập phát triển tình âu yếm và sự che chở của một bà mẹ, sự săn sóc những kẻ yếu đuối, thế cô. Vậy khi chúng ta mỉm cười với em bé này tức là cái cười của chúng ta rất âu yếm, và rất dịu dàng. Đối với những tín ngưỡng, những nghi lễ của chúng ta lúc trước cũng thế, chúng có một chỗ trong đời sống của chúng ta và chúng có sự lợi ích riêng của chúng.

Một bộ lạc dã man cử hành tế lễ dường như hoàn toàn phi lý đối với chúng ta – như ở Ấn Độ chúng ta thường thấy một miếng giẻ treo trên một cành cây trong làng như một vật cúng tế – chúng ta đừng khinh khi cách biểu lộ lòng sùng tín chất phác của người dã man hay là người dân làng đó, chúng ta phải nhận thấy ý tưởng đã thúc giục họ làm điều đó. Dưới mắt của họ, những đồ tế lễ hèn mọn này cũng quan trọng như những đồ vật cung hiến quý giá nhất của chúng ta, thật ra cũng cùng một tinh thần tiềm ẩn bên trong.

Những lễ vật bên ngoài đều không cần thiết, chỉ có một thứ đáng được thu nhận đó là lễ vật của tâm hồn. Khi lễ vật của tâm hồn đi đôi với lễ vật vật chất dù hèn mọn nhất, sự hiến dâng này đáng chấp nhận. Do đó quyển Thánh Ca (Gita) nói rằng: “Ngay như một lá cây, một đóa hoa, một trái cây hay một chén nước cúng dường cho Ta với lòng sùng kính, đều được Ta chấp nhận.”<sup>7</sup> Nếu làm cho những người cúng dường thành

---

<sup>7</sup> Op. cit., IX, 26.

tâm bị ngã lòng, thì thật là khó tính và thiếu tình huynh đệ, thí dụ như đôi khi người ta giựt miếng giẻ trên cây quăng đi. Thái độ này chứng tỏ sự thiếu hoàn toàn cảm giác hợp nhất.

**C.W.L.-** Phải luôn luôn tỏ ra dịu dàng và tử tế với tuổi thơ, tuổi thơ của trẻ con cũng như tuổi thơ chung của một giống dân ở giai đoạn hiện tại. Bà Besant có nói đến một em bé gái chăm sóc một bó giẻ mà nghĩ rằng một con búp bê. Dĩ nhiên, đây chính là một sự mê tín, nhưng đồng thời không ai nghĩ đến việc nổi giận hay la rầy đứa trẻ. Tại cõi trần, quả thật là một bó giẻ, nhưng trong trí tưởng tượng của trẻ con có thể là một vật sống, có đủ các thứ tính tình. Chúng ta không thể làm xáo trộn tư tưởng trong trí đứa trẻ mà không làm hại đến sự mở mang những tình cảm tốt đẹp của nó đang phát khởi.

Bà cũng nhắc đến tập quán của người Ấn Độ, đôi khi cột miếng giẻ vào một cành cây để hiến dâng cho Thượng Đế. Nhà truyền giáo Thiên Chúa giáo trung bình khi thấy việc ấy sẽ vô cùng phẫn nộ, thái độ ấy chứng tỏ sự thiếu hiểu biết của họ, vì vật tế lễ được hiến dâng với tất cả tấm lòng chân thành. Linh hồn còn tương đối non nớt hành động theo một ý hướng tốt lành, và chúng ta hãy xem việc làm đó giống như con búp bê bằng giẻ rách của trẻ con đúng với ý nghĩa của nó. Người dân làng rải một chút nước, thay vì rải rượu hoặc dâng một đóa hoa – quả thật đó là một vật hiến dâng nhỏ mọn – nhưng tại sao lại khinh rẻ nó? Chính

đấng Christ đã nói: “Kẻ nào nhân danh Ngài mà cho một ly nước lạnh cũng sẽ nhận được sự ban thưởng của nó.” Cũng nên nhớ rằng một dân tộc dù sơ khai nhất, cũng không xem hình tượng là sự thật, mà tất cả đều có ít nhiều cảm giác về Đấng thiêng liêng do các hình tượng ấy biểu hiện.

**Một vị Đại Sư có lần viết: “Khi tôi còn nhỏ, tôi nói như một đứa trẻ, tôi hiểu như một đứa trẻ, tôi nghĩ như một đứa trẻ; nhưng khi tôi đã lớn, tôi bỏ hết các thói trẻ con.” Những người nào quên tuổi ấu thơ của mình và mất đi thiện cảm với trẻ thơ, không phải là người có thể dạy dỗ hoặc giúp đỡ chúng. Vậy hãy tỏ ra tử tế, dịu dàng, khoan dung với tất cả mọi người, dù họ là người Phật giáo hay Ấn giáo, đạo Jain hay Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo hay Hồi giáo.**

**A.B.-** Bạn thấy ở đây một sự diễn tả chính xác về nhà huyền bí học. Đó là người không quên tuổi ấu thơ của mình, khi đã trưởng thành, họ nhớ lại những kinh nghiệm đã qua và họ có thể giúp đỡ mọi người. Muốn phát triển năng lực thiện cảm đối với mọi người và sẵn sàng giúp đỡ tất cả, việc làm rất tốt là hãy biến đổi tư tưởng đạo đức của bạn thành những ngôn từ của một tôn giáo công truyền nào đó, rồi đặt tư tưởng của bạn vào những hình thức đặc biệt của nó. Tất cả chúng ta đều có một ngôn ngữ để dùng riêng cho mình, cho đến khi nào chúng ta có một ngôn ngữ chung, mà mọi người đều hiểu. Các sinh viên nên học một vài ngôn ngữ hay tiếng nói khác với tiếng nói của mình. Những

ai thụ hưởng nền giáo dục của Thiên Chúa giáo có thể tập nói hoặc suy tư theo danh từ Ấn giáo. Rồi họ tập xét đoán nhiều vấn đề theo quan điểm Ấn, và họ sẽ ngạc nhiên mà thấy biết bao nhiêu sự sai biệt với ý tưởng của họ trước kia. Cũng thế, người Ấn giáo có thể tập nói và suy tư theo những danh từ mà người Thiên Chúa giáo đã dùng.

Đức Ramakrishna Paramahansa, đạo sư của Swami Vivekananda, đã luyện mình theo quy luật ấy. Ông lần lượt chọn nhiều tôn giáo rồi tuân theo phương pháp và thực hành theo mỗi tôn giáo trong một thời gian. Chẳng hạn khi chọn Thiên Chúa giáo, ông cầu nguyện như một người đạo Thiên Chúa, suy tư theo danh từ Thiên Chúa, ăn mặc theo người đạo Thiên Chúa. Theo lối đó, ông đã đi từ tôn giáo này sang tôn giáo khác để tập hòa đồng với mỗi tôn giáo. Ông dùng tất cả những hình thức bên ngoài để trợ giúp trong sự cố gắng của ông. Khi ông chuyên tâm tìm hiểu về phương diện mẫu tính trong thiên nhiên mà ở tây phương được tượng trưng bởi đức Mẹ Đồng Trinh, ở Ấn giáo được tượng trưng bởi Thánh Mẫu Shaktis, ông tự xem mình như người phụ nữ, ông mặc y phục phụ nữ và suy tư như một người phụ nữ. Chắc chắn sự luyện tập này đem đến cho ông một kết quả tốt đẹp, vì không còn một sự dị biệt bề ngoài nào của tôn giáo còn có thể ảnh hưởng đến ông được nữa.

Đó là phương pháp thật khác biệt với phương pháp của người ta thường dùng! Tuy nhiên phương

tiện duy nhất mà người đệ tử phải thực hành là tập hòa đồng với tất cả những người ở chung quanh chúng ta. Đức Ramakrishna đúng là một vị Bhakta, tức là một người sùng tín nhiệt thành và ông tập tôn sùng như thế qua đường lối tình cảm.

Trong một thời gian nào đó, người chí nguyện phải tự nói rằng tôi là người Ấn giáo, tôi là người Phật giáo, hay là người phụ nữ hoặc là cái gì khác. Thật ít có những người đàn ông cố gắng suy nghĩ hoặc cảm xúc như người phụ nữ, và thấy sự vật như người phụ nữ đã thấy! Tôi cũng nghĩ rằng rất hiếm có những người đàn bà thật sự muốn thử để thấy những sự vật theo quan điểm của người đàn ông. Tôi thấy hình như giữa những người Thông Thiên Học, tình huynh đệ không phân biệt nam hay nữ, đôi khi cũng bị lãng quên.

Vậy bạn hãy tập hiểu biết những sự vật khi bạn nhìn thấy chúng trong những hoàn cảnh đặc biệt, không quen thuộc đối với bạn. Bạn nên bỏ thói quen nhìn sự vật chỉ theo quan điểm riêng của bạn, đó là điều trái ngược với khoa huyền bí học. Có thể bạn sẽ bị đòi trách móc, sự vô tư và lòng thiện cảm của bạn sẽ bị xem như sự lạnh nhạt, điều đó không có gì là quan trọng. Tại tây phương tôi bị tố cáo là “quá Ấn Độ”, và tại đông phương, tôi bị tố cáo là “quá Công giáo”, vì bên tây phương tôi nói theo ngôn ngữ tây phương, dân Ấn Độ lại không thích, còn ở đông phương tôi dùng những từ ngữ đông phương, người tây phương không ưa. Người

ta phiên hà tôi, tôi luôn luôn đáp lại rằng: “Tôi nói với mọi người bằng thứ tiếng mà họ hiểu được.”

Những lời phiên hà và trách móc này vốn do người ta đứng ở vị trí thấp, chớ không phải ở vị trí cao để phán đoán. Tập nói nhiều thứ ngôn ngữ tôn giáo là một trong những bài học cần thiết cho người có bốn phần mang thông điệp đến nhiều xứ. Chân lý này không phải là điều mới mẻ, sự trách móc về cách thức thuyết giáo trên đây cũng không phải là mới lạ. Thánh Paul (Phao Lồ) bị trách móc nhiều, vì ngài làm vừa lòng tất cả mọi người. Ngài viết như sau: “Dù tôi được tự do đối với mọi người, tôi tình nguyện làm tôi tớ cho tất cả, như thế tôi mới có thể được lòng của một số đông hơn. Đối với người Do Thái, tôi như người Do Thái, như thế tôi được lòng người Do Thái. Đối với người tuân theo luật pháp, tôi vẫn tuân theo luật pháp, như thế tôi thu phục được họ. Đối với những người không tuân theo luật pháp, tôi cũng như người không tuân theo luật pháp, để thu phục những người không tuân theo luật pháp, (tuy tôi không bao giờ bỏ luật của đức Chúa Trời, vì tôi đang tuân theo luật của đấng Christ), như thế tôi được lòng họ. Đối với người yếu đuối, tôi trở thành yếu đuối. Như thế tôi có thể cứu vớt được vài người bằng mọi phương tiện.”<sup>8</sup> Lúc đầu là một trong những người hẹp hòi nhất, Thánh Paul đã trở thành người rộng lượng nhất. Sau khi thuộc về một trong những phái

---

<sup>8</sup> I Corinthians, 9, 19-22.



nghiêm khắc nhất của người Do Thái, ngài trở thành một vị sứ đồ của những người ngoại giáo – một sự thay đổi lớn lao.

Nhà huyền bí học không thuộc về một tôn giáo nào, hoặc thuộc về tất cả các tôn giáo, tùy cái nhìn của bạn – không thuộc riêng về đạo nào, mà thuộc về tất cả, ít ra điều đó là đức khoan dung. Nếu phải tránh sự tranh luận là điều tốt, vì người ta có thể tạm thời thành ra hẹp lượng, không khoan dung. Nếu muốn thành công, trong khi tranh luận đánh đổ một tư tưởng hẹp hòi, thật khó giữ được một thái độ hoàn toàn vô tư. Hãy luôn luôn phát biểu chân lý theo quan điểm nhất thể, chớ đừng theo quan điểm dị biệt, chỉ như thế, bạn mới có khả năng giúp đỡ mọi người một cách như nhau. Và chỉ như vậy mới có thể thấy những yếu tố tốt đẹp trong mỗi người, cũng như trong toàn thể, và sẽ dẹp bỏ được những điểm bất toàn qua một bên.

**C.W.L.-** Mục đích của Thông Thiên Học là tình huynh đệ, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, nam nữ hay màu da. Phương thức tốt nhất để sống được với tình huynh đệ là chia sẻ tình cảm, tư tưởng của những dân tộc, tôn giáo, cũng như của phái tính khác. Người đàn ông quên rằng mình đã sinh ra nhiều lần dưới hình dáng phụ nữ. Người đàn bà cũng quên rằng mình đã đầu thai nhiều kiếp trong thân xác nam nhi. Người đàn ông nên cố gắng dùng tư tưởng đặt mình vào địa vị của người đàn bà để hiểu cách nhìn đời của họ; còn phái nữ cũng nên cố gắng tìm hiểu quan niệm đời sống của phái

nam. Mặc dù điều đó không phải là chuyện dễ làm; nhưng đó là một cách luyện tập tuyệt hảo vậy. Hai quan điểm đó khác nhau một cách lạ kỳ trên nhiều phương diện. Một người nào có thể tập hòa đồng tâm thức của mình với tâm thức của kẻ khác phái, tức là họ đã tiến một bước đến tình huynh đệ, điều này vượt lên trên ý niệm của phái tính. Sau khi cố gắng tìm hiểu quan điểm của người chị, người mẹ hay là vợ mình, người đàn ông có thể mở rộng sự thực tập ấy đến những người thuộc về những tôn giáo, và những chủng tộc khác với mình. Đó là một trong những sự tập luyện hữu ích nhất, vì người ta không thể hiểu quan điểm của kẻ khác và có thiện cảm với họ, mà không mở rộng quan điểm riêng của mình.

Về đức khoan dung, kinh điển Talmud có thuật lại câu chuyện lý thú sau đây: Có một người hành khách kia đến tìm ông Abraham, trong khi theo phong tục của sa mạc, người ấy được mời ăn uống. Ông Abraham bảo người ấy hãy ca tụng đức Chúa Trời, trước khi dùng bữa; nhưng người khách lạ ấy đã từ chối và nói rằng hắn không biết điều gì về đức Chúa Trời. Abraham nổi giận, đứng dậy, đuổi hắn ra khỏi trại và không cho ăn gì cả. Lúc ấy đức Chúa Trời đi ngang qua – trong thời ấy Ngài thường đi như thế – và Ngài hỏi: “Tại sao con đuổi hắn?” Abraham bực tức trả lời: “Bạch Chúa, hắn không chịu biết danh hiệu Chúa, hắn là một người ngoại giáo xấu xa nhất.” Đức Chúa Trời đáp: “Phải,

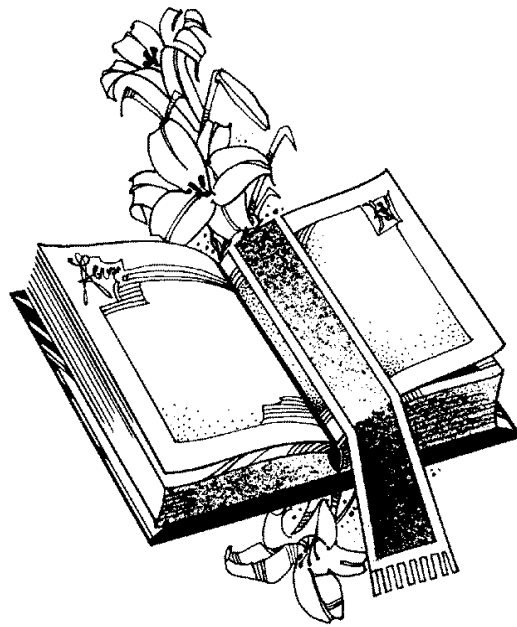
nhưng Ta đã chịu đựng nó 60 năm rồi. Chắc con có thể chịu đựng được nó trong một giờ chứ?”

Trong chúng ta, có vài người Thông Thiên Học còn bị ràng buộc với hình thức bên ngoài của tôn giáo. Tuy nhiên, tôi tưởng chúng ta có thể tự nói rằng chúng ta không riêng biệt thuộc về một tôn giáo nào mà thuộc về tất cả. Chẳng hạn, chính tôi là người Cơ Đốc giáo và là giám mục, nhưng tôi cũng là một Phật tử, vì tôi đã phát nguyện và lãnh những nhiệm vụ do đó tôi thừa nhận đức Phật là vị hướng đạo của tôi. Như thế tôi không bị bắt buộc phải từ bỏ tôn giáo nào khác. Về phương diện này, có lẽ đạo Phật là một tôn giáo khoan hồng hơn hết. Nó không đòi hỏi bạn phải tin tưởng điều gì, mà chỉ đòi hỏi **bạn quả quyết theo giáo lý của đức Thế Tôn và sống với nó càng nhiều càng tốt.** Một người Thiên Chúa giáo, Hồi giáo hay là người của một tôn giáo nào khác có thể nói: “Giáo lý này tốt, tôi muốn tuân theo,” thế rồi họ trở thành một Phật tử mà không từ bỏ tôn giáo trước của họ. **Thông Thiên Học là chân lý ẩn tàng trong tất cả các tôn giáo. Chúng ta học khoa tôn giáo đối chiếu, chẳng phải chỉ để nhận thấy chân lý Thông Thiên Học trong tất cả các tôn giáo, mà còn để hiểu chân lý được biểu lộ ra nhiều cách khác nhau, và do đó chúng ta có được khả năng giúp đỡ theo những đường lối khác nhau.**

Bà Besant đã chỉ cho chúng ta thấy nguyên tắc này: Đối với dân Ấn Độ, bà nói chuyện như người Ấn. Để dẫn chúng cho lời nói của mình, bà kể ra những bản

thánh kinh và dùng vài danh từ Phạn ngữ mà người dân Ấn quý trọng, cũng như những người Thiên Chúa giáo La Mã quý trọng tiếng La Tinh vậy. Khi nói với các hàng Phật tử, bà trình bày giáo lý đúng với ý tưởng của họ. Bà còn dẫn chứng Phạn ngôn và dùng những danh từ Phật giáo. Ở tây phương bạn nghe bà nói chuyện với người Thiên Chúa giáo bằng ngôn ngữ của họ. Bà không sửa đổi chút nào tín ngưỡng của bà hay là tôn giáo riêng của bà, bà chỉ nói bằng ngôn ngữ của họ. Thật ra bà đã hiểu biết hết tất cả những tôn giáo này. Khi chúng ta biết chân lý ẩn tàng trong mỗi tôn giáo, dù tri thức và tài hùng biện của chúng ta chưa thể sánh kịp với bà, nhưng đa số chúng ta nhờ học chút ít trong sách khái luận của bất cứ tôn giáo nào đó, cũng có thể hiểu rõ tôn giáo ấy. Chúng ta có thể trình bày chân lý bằng những từ ngữ của chính tôn giáo ấy, để giải thích ý nghĩa của nhiều điểm còn khó hiểu cho nhiều người khác. Đại tá Olcott đã làm như thế rất nhiều lần trước sự hiện diện của tôi. Ông không thuộc về mẫu người hiếu học hay nhà uyên bác, thông thái, mà ông là một diễn giả bậc nhất, ông thành công trong khi nói trước các thánh giả gồm người Ấn giáo, Hỏa giáo và Phật giáo. Những người hiểu biết nhiều về các tôn giáo này đều công nhận rằng ông đã chiếu rọi một ánh sáng mới mẻ vào tôn giáo của họ. **Điều này chứng tỏ tại sao Thông Thiên Học là chìa khóa mở được cửa của các tôn giáo.** Trong những cuộc đại hội nghị của Hội chúng ta cử hành tại Adyar, sự kiện này cũng nhận thấy dưới một hình thức khác: Có những người thuộc nhiều tôn giáo

và chủng tộc khác nhau nhóm họp tại đây. Và những ai dự đại hội đều không khỏi cảm động sâu xa, khi nhận thấy nơi đây không những biểu hiện đức khoan dung mà còn bộc lộ một tình huynh đệ thân ái nữa.



## CHƯƠNG 21

### SỰ AN VUI

(Cheerfulness)

4.- **Hạnh An Vui.**- Con phải an vui trả quả của con, dù thế nào cũng mặc, nhận lãnh sự đau khổ như là một vinh dự, bởi vì nó chứng tỏ rằng các vị Thần nhân quả thấy con đáng giúp đỡ.

**A.B.**- Đây là đức tính mà tôi đã giải thích, và trước kia dịch là “chịu đựng.” Chịu đựng có thể là một đức tính tiêu cực hơn, nhưng đối với bạn, không phải là chịu đựng những khổ đau không thể tránh được, mà nhận lãnh chúng một cách an vui, chấp nhận mọi sự rắc rối với nụ cười. Về điểm đặc biệt này, danh từ an vui tóm tắt tất cả những điểm mà các vị đại Giáo Chủ đều muốn chúng ta phải có. Nhiều người có thể chịu đựng được, nhưng họ chịu đựng một cách buồn bực. Phải an vui trước mọi sự thử thách, và mọi điều bận lòng. Có vài tác phẩm Ấn Độ nhấn mạnh nhiều về điều này: **Hãy nhận lãnh mọi sự một cách vui vẻ.**

Quả báo dồn dập đến cho những người vượt lên trên, tự nguyện trở thành một thí sinh trên đường đạo. Điều này đã được nhấn mạnh nhiều lần, trước hết là để báo cho thí sinh biết những gì họ có thể mong mỏi, kế đó khuyến khích cho họ có can đảm, khi kinh nghiệm

đến với họ một cách thực tế, thay vì chỉ là lý thuyết, bởi vì sự khác biệt giữa lý thuyết và thực tế rất lớn.

Quả báo là định luật tự nhiên, những kết quả của hành động có thể không xuất hiện trong một thời gian, hoặc có thể ứng hiện ngay. Nói một cách khác, bạn có thể tự đặt mình trong những điều kiện mà quả báo có thể ảnh hưởng đến bạn, hoặc bạn có thể tạo ra những điều kiện giúp bạn tránh được nó trong một lúc. Cần phải lặp lại, những luật tự nhiên không phải là những án lệnh. Chúng nó không truyền phán cho chúng ta phải làm một điều gì. Hãy lấy một thí dụ mà mọi người đều biết là điện lực. Nó luôn luôn hoạt động chung quanh chúng ta, nhưng nếu chúng ta muốn nó tạo nên hiệu quả ở một nơi nào và vào một giờ nhất định, chúng ta phải có một cái máy đặc biệt để giúp nó phát điện. Cũng như thế, quả báo là một luật tự nhiên, và cái máy để giúp nó hoạt động được trong đời sống cá nhân, có thể được biểu hiện bằng sự có mặt của con người trên sân khấu cõi đời, tức là sự sinh ra. Vài sự thay đổi xảy đến trong đời sống của một người có thể tăng cường và thúc đẩy sự tác động của luật nhân quả đối với họ. Chẳng hạn, khi bạn tự nguyện làm một thí sinh trên đường đạo để tiến hóa nhanh chóng, các Đấng cầm cân nhân quả có thể theo lời khẩn nguyện bằng lòng của bạn, sửa đổi bộ máy – và để năng lực làm cho bộ máy linh động, phát hiện dồi dào và tự nó tiêu hao ở nơi bạn trong một thời gian ngắn ngủi. Ý chí của bạn là nguyên nhân chính cho sự biến đổi của bộ máy ấy.

Nếu một người muốn tiến hóa nhanh chóng, do đó phải trả nhanh cho hết quả xấu của mình, đó là một ước muốn chân thành, một ý chí cương quyết. Khi các vị Thần nhân quả chấp nhận lời ước nguyện của người ấy, sẽ vận chuyển một số quả báo mà người ấy đã tạo ra trong quá khứ và để dồn xuống cho người ấy. Những quả báo đó đã có sẵn, con người không gây ra nhân mới, nhưng bắt đầu trả hết những gì đã tích trữ trước kia.

Nếu bạn hiểu những gì đang xảy ra, không có điều gì xảy đến có thể làm cho bạn ngạc nhiên. Hãy xem những kiếp sống của Alcyone và bạn sẽ thấy chúng diễn ra bao nhiêu chuyện hãi hùng. Trong một kiếp kia Alcyone có đứa con bị ám sát. Trong một kiếp khác em bị hành quyết, vì một tội ác mà em không can phạm, và còn biết bao nhiêu chuyện như thế nữa. Người ta khó cảm nhận được những điều này khi chỉ đọc những câu chuyện trong sách, nhưng nếu một trong những chuyện ấy xảy đến cho bạn trong kiếp này, bạn sẽ thấy chúng nó rất đáng sợ. Bao nhiêu khổ đau, chúng tỏ rằng bấy nhiêu nghiệp quả xấu đã được xóa sạch.

Khi những sự khó khăn của bạn gia tăng, chính là các vị Thần nhân quả đã ghi chú nguyện ước của bạn, đó là một điềm tốt vậy. Nếu mọi việc xảy đến với bạn đều tốt đẹp, chúng ta phải kết luận rằng bạn chưa làm cho các Ngài để ý đến. Vấn đề này lại một lần nữa cho thấy quan điểm của nhà huyền bí học trái ngược với ý



tưởng của cá nhân. Những gì mà người đời cho là xấu xa, có thể là tốt đẹp theo quan điểm huyền bí.

Khi những sự đau khổ và mất mát đang đè nặng lên bạn, cộng thêm những lời trách móc và chỉ trích nghiêm khắc của những người ở chung quanh, thì bạn trả được quả báo nhiều nhất. Vài tai họa tức khắc gọi lên lòng thiện cảm của kẻ khác và người đau khổ có thể nhận được một sự trợ giúp lớn lao. Trái lại, có những hoạn nạn khác gây ra sự phiền trách. Có thể bạn đã làm hết sức bạn, nhưng những sự đau khổ khốc liệt cứ tấn công bạn và thêm vào người đời chống đối bạn, trách cứ bạn. Khi điều này xảy ra, con người trả được một phần lớn quả báo xưa. Yếu tố khó khăn thêm vào này giúp cho con người trả hết nghiệp quả một cách nhanh chóng.

Trên phương diện lý thuyết, được trình bày bằng lời nói hay sách vở thì rất dễ được chấp nhận là đúng, nhưng điều mà bạn phải làm là nhớ đến chúng nó đúng lúc. Thường thường người ta chấp nhận chúng khi có dịp đem ra thực hành, nhưng sau đó lại chóng quên đi. Bạn hãy cố gắng làm cho chúng thâm nhập vào trí óc, để bạn không thể quên chúng được. Như thế tư tưởng về chúng có thể tăng thêm sức mạnh để vượt qua sự đau khổ, và cho bạn có khả năng giúp đỡ các huynh đệ của bạn trong cơn khốn khổ của họ. Sự hiểu biết minh bạch này cần thiết cho bạn, nó có thể giúp bạn hiểu những người chung quanh một cách dễ dàng, khi bạn thấy những sự khổ não thường xảy đến cho những

người rất lương thiện, mà người ta thường nói họ không có làm điều gì cho đáng tội trạng ấy – ít ra cũng trong kiếp này, họ được nhìn nhận là người chỉ làm những việc tốt lành và hữu ích. Chúng ta có khuynh hướng so sánh mình với những người hữu phước hơn chúng ta. Nhưng so sánh mình với những kẻ ít phước có lẽ là tốt hơn, vì chúng ta có thể ý thức được tất cả những ân phước mà chúng ta đã thừa hưởng. Chúng ta quên những điều mà chúng ta phải tri ân, vì chúng ta luôn luôn nghĩ đến những nỗi khổ đau, mất mát của số phận chúng ta, thật ra chúng ta không nên nghĩ như thế.

**C.W.L.-** Khi đã thật hiểu luật nhân quả và tin tưởng vào nó, người ta không thể nào không an vui. Chúng ta nên nhớ rõ rằng luật nhân quả là một định luật cũng như định luật hấp dẫn, nó luôn luôn tác động. Đôi khi người ta nghĩ rằng nhân quả dường như tác động một cách ngẫu nhiên, lúc tác động lúc không. Điều ấy không đúng vậy, lúc nào nó cũng tác động. Mỗi khi làm, nghĩ hoặc nói, con người tạo cơ hội cho luật nhân quả tác động đến chúng ta. Nhân quả là tổng số những hành vi tốt hoặc xấu của chúng ta mà chúng ta phải thanh toán. Chúng ta đã sống qua nhiều kiếp sống dã man, trong thời kỳ đó chúng ta chưa tự chủ, và đã làm đủ mọi việc đáng trách, nên có một số quả báo xấu đang chờ đợi chúng ta, trừ khi chúng ta đã trả xong trong nhiều kiếp. Khi chúng ta chịu đựng những sự đau khổ, chúng ta nên nhận định rằng có lẽ chúng ta đang

trả phần chót của quả báo xấu. Nếu chúng ta đọc những câu chuyện về các vị thánh trú danh, chúng ta sẽ thấy các ngài đã trải qua những sự đau khổ vô ngần. Những ai cố gắng giúp đỡ nhân loại cũng đều bị đau khổ kinh khủng. Sự đau khổ đó thuộc về thành phần của việc rèn luyện để được điếm đạo, nhưng sự công bình vẫn luôn luôn tuyệt đối, vì không thể có một sự bất công nào, dù là để luyện mình đi nữa.

Các Đấng chúa tể nhân quả, chỉ là những Đấng cai quản định luật này. Trên vài phương diện, danh từ chúa tể, có lẽ không chính xác, vì nó làm cho người ta hiểu rằng các Ngài chỉ huy và điều khiển nghiệp quả. Bạn không thể chỉ huy hay điều khiển luật hấp dẫn, nhưng bạn có thể, do những cách xếp đặt, dùng nó trên vài phương diện và theo vài cách thức nào đó. Đối với luật nhân quả cũng thế, những ai hành động tương quan với nó là người cai quản nó vậy. Một trong những chức vụ của các Đấng chúa tể nhân quả là chọn một phần trong số quả báo của một người, để họ phải trả trong kiếp sắp tới. Các Ngài không thể lấy nhiều hơn số phước hay số họa trong nghiệp quả của người ấy, nhưng các Ngài chọn lựa cái nào mà các Ngài xét ra họ có thể thanh toán được. Tuy nhiên, ý chí của con người vẫn được tự do, nếu một người chọn lựa được trả quả một cách nhanh chóng hơn dự định, các Ngài có thể ban thêm cho một ít quả báo nữa. Đó là ý nghĩa của đoạn văn kỳ lạ này: “Đức Chúa Trời hành hạ những người mà Ngài thương.” Con người tự làm khổ mình

nhiều hơn những gì mà quả báo cũ của họ mang lại; họ phần uất vì những hoàn cảnh, thay vì phải sống với những hoàn cảnh một cách thản nhiên, nhưng các Đấng chúa tể nhân quả không chịu trách nhiệm về việc đó.

**Dù nhân quả nặng đến mấy đi nữa, con cũng hãy cảm ơn là đã không phải trả nặng hơn.**

**C.W.L.-** Khuynh hướng chung của hầu hết những người đau khổ là phàn nàn về thân phận mình và nghĩ lại lúc mà những sự việc đều được tốt lành. Chọn lấy thái độ trái ngược lại, chúng ta có thể nói rằng: **“Cũng có thể xảy đến cho tôi những điều còn tệ hơn nữa,”** hoặc: **“Tôi rất vui mừng đã trả hết quả báo này; tôi có thể còn trả nhiều hơn nữa; ít ra tôi muốn lợi dụng được điều đó.”**

**Hãy nhớ rằng ngày nào mà quả xấu của con chưa tiêu tan, và con chưa giải thoát khỏi nó, ngày đó con chưa giúp ích được cho Thầy bao nhiêu.**

**A.B.-** Theo quan điểm của đức Thầy người trả được món nợ nghiệp quả đang đe dọa là điều rất tốt, vì chúng ta đừng quên rằng đức Thầy bị trở ngại, vì quả báo xấu của những kẻ khao khát phụng sự Ngài. Quả báo này ngăn cản không cho Ngài dùng họ theo ý Ngài muốn. Bà Blavatsky luôn luôn nói một cách cởi mở và tuyệt đối chân thật về việc riêng của bà. Bà nói về việc khủng hoảng do vợ chồng Coulomb gây ra như sau: **“Hiện nay tôi không có làm gì cho đáng tội ấy; đó chính là món nợ cũ của tôi.”** Trả sạch quả báo này là điều tối

quan trọng đối với bà. Sự bêu xấu và lãng nhục mà bà phải chịu đựng trong suốt câu chuyện là một ân huệ lớn lao nhất cho bà. Bà xem xét tình trạng một cách thản nhiên, đôi khi bề ngoài bà cũng tỏ ra rất bối rối.

Tất cả những người chí nguyện đều phải nhờ tư tưởng này trợ giúp, để họ không nghĩ về bản ngã của họ, mà chỉ hướng về đức Thầy, và tự nhủ rằng: “Những sự thử thách mà tôi đang chịu đựng sẽ làm cho tôi có khả năng hơn để phụng sự Ngài.”

Nếu bạn đã cầu xin được trả quả nhanh chóng, mà lại phàn nàn khi lời cầu xin của mình được chấp thuận, thì thật là phi lý. Hãy luôn luôn giữ cảm hứng này trong tư tưởng: “Tôi càng được tự do, tôi càng có thể phụng sự đức Thầy nhiều hơn nữa.” Khi món quà đã cho, không được lấy nó lại. Đây là ý niệm rất phổ thông trong những sách xưa của Ấn Độ, những chuyện tích của họ luôn luôn lặp lại điều đó, món quà đã tặng, lời nói đã thốt ra không thể lấy lại được. Có nhiều trường hợp món quà mà bạn đã tặng lúc trước lại trở về với bạn, bạn phải đem tặng nó lại. Món quà ấy không còn thuộc về của bạn nữa, giữ nó tức là trộm cắp. Vậy, khi món quà đem cho là chính bạn – đó là tặng phẩm cao cả và tốt đẹp hơn hết – bạn đừng bao giờ lấy lại. Người ta luôn luôn hiến mình cho đức Thầy bằng lời nói, nhưng lấy ngón tay chặn lên món quà để có thể kéo nó lại đằng sau một lần nữa, nếu đức Thầy chấp nhận lời nói của họ. Điều đó chứng tỏ rằng họ đã mơ mộng và đã hứa nhiều mà không giữ tròn lời hứa.

C.W.L.- Nếu một người kia đã trả sạch quả xấu của mình, hẳn sẽ dùng trọn cả ngày giờ và sức lực để phụng sự công nghiệp của đức Thầy – như đã giải thích, đức Thầy bị trở ngại, vì quả báo xấu của chúng ta. Khi chúng ta trả sạch quả mau chóng, chúng ta càng có khả năng phụng sự Ngài. Bà Blavatsky đã xác nhận điều này một cách quả quyết, khi bà bị Coulomb và những người khác ở Madras tấn công vào khoảng năm 1884. Phần nộ vì hành vi thù nghịch này, buồn phiền vì sự vong ân của họ đối với bà, bà băn khoăn, lo lắng những điều đó sẽ có ảnh hưởng đến Hội và gây ra tai hại cho Hội; nhưng Bà lại nói rằng: “Ít ra chúng ta nên nhớ rằng, tất cả những sự xáo trộn này làm cho tôi trở nên thích hợp hơn trong công việc phụng sự Ngài.”

Chúng ta có thể áp dụng những ý tưởng này trong những chuyện khó khăn của Hội cũng như những chuyện khó khăn của riêng chúng ta. Bạn hãy luôn luôn nghĩ đến việc phụng sự đức Thầy, khi Hội giải trừ xong những quả xấu của nó. Nó sẽ tiếp tục tiến bước khi cơn khủng hoảng đã qua, vì nó phải trả xong một phần quả xấu nào đó, mới được hữu ích hơn và thành một khí cụ tốt lành trong tay những vị chủ nhân thật sự của nó.

Khi giải trừ được một số quả báo này, Hội có thể nhắm đến những mục đích cao xa hơn. Theo lời nói của bà Blavatsky, thứ quả báo này trực xuất “chất chết”, nghĩa là những người về phương diện chân lý đã đạt đến “mức bão hòa”, họ không thể tiến tới được nữa. Trước đây, họ tỏ ra rất hữu ích, nhưng hiện giờ họ trở

nên những chương ngại cho sự tiến hóa tương lai. Tuy nhiên những người khác trong chúng ta thường rất tiếc khi mất những người bạn này. Trong cuộc khủng hoảng mới đây, tôi thấy hình như tôi là trung tâm của cơn bão tố. Có lý do chính đáng để tha thứ cho những người hiểu lầm, nên tôi bạo gan bạch với đức Văn Minh Đại Đế rằng cuộc thử thách này rất nặng nề cho họ và cầu khẩn xin Ngài dung thứ cho họ. Lẽ tự nhiên sự mạo muội của tôi làm cho Ngài nở một nụ cười bao dung và Ngài hỏi tôi: “ Con có bằng lòng chẳng, nếu những người này bác bỏ bà Besant?” Tôi trả lời: “Vâng, bạch Đại Đế, chắc chắn là con bằng lòng.” Vì tôi cảm thấy chắc là họ không làm như thế. Nhưng, vài tháng sau đó; họ chống lại với bà. Rồi cũng với nụ cười khoan dung ấy, đức Văn Minh Đại Đế lại nói với tôi rằng: “Như con thấy, trong kiếp này mặt trời của họ đã lặn rồi. Nhưng còn có những kiếp khác, và ngày mai mặt trời sẽ mọc lại.”

Không có người nào là cần thiết cả. Có một chi bộ ở Ấn Độ, những hội viên sinh hoạt rất tốt dựa theo một hội viên có uy tín, nhưng khi người ấy di chuyển đến một đô thị khác, thì chi bộ ấy tan rã. Khi bà Blavatsky từ trần, nhiều người trong chúng ta hằng ngày quen nhận được một nguồn cảm hứng ở bà, cảm thấy ánh sáng đã xa lìa họ. Rồi một bậc vĩ nhân khác lại xuất hiện, đó là bà chánh hội trưởng của chúng ta hiện nay. Nhưng tôi chắc chắn bà là người thứ nhất nói với chúng ta rằng một ngày kia đến lượt bà ra đi, chúng ta không cần phải

lo âu cho Hội. Các đấng Chân Sư còn đó, các Ngài không chết, và bao giờ các Ngài còn hiện diện, luôn luôn sẽ có một người nào đó tiếp tục công nghiệp của các Ngài.

**Khi con hiến mình cho Thầy, con xin được trả quả gấp rút, để làm sao trong một hay hai kiếp con trả xong những quả báo mà đáng lẽ phải trải qua cả trăm kiếp mới trả hết. Nhưng muốn trả quả cách tốt đẹp nhất, con phải nhận lãnh nó với sự hân hoan, vui vẻ.**

**A.B.-** Cách thức trả quả cũ gây ra một nhân mới, đừng bao giờ quên điều đó. Nếu bạn biết lợi dụng những gì dường như quả xấu, bạn sẽ vận dụng những mãnh lực mới để làm việc thiện. Trái lại, nếu bạn không sẵn sàng nhận lãnh quả xấu ấy, bạn trả quả một cách miễn cưỡng, sẽ xảy ra một hậu quả trái ngược lại. Bạn hãy nhớ lại lời đấng Christ trong bài thuyết pháp trên núi: “Con hãy tức khắc hòa hợp với kẻ nghịch của con, trong khi con cùng đi với họ.”<sup>9</sup> Nên theo lời khuyên tốt lành này khi nghịch cảnh xảy đến. Những sự phiền não, những sự mất mát của bạn, bề ngoài như là kẻ thù của bạn, bạn hãy đón tiếp chúng một cách can đảm, bạn hãy hòa hợp với chúng một cách mau chóng và như thế là bạn không còn dính dấp với chúng nữa. Chúng ta có thể giải trừ quả báo xấu của chúng ta mau chóng hơn, nếu trong khi gạt quả cũ, chúng ta không gieo nhân mới nữa.

---

<sup>9</sup> S. Matthew, 5, 25.



**C.W.L.-** Người ta thường nói đến việc hiến mình cho đức Thầy, và người ta lại lo sợ rằng Ngài đòi hỏi quá nhiều. Đó là tâm trạng của Ananias và Sapphira, hai người bất hạnh này quả thật có quyền giữ lại cho họ một phần tài sản của mình, nếu họ muốn. Nhưng họ làm lỗi, chính vì họ quả quyết rằng họ đã cho ra tất cả. Chúng ta đã trải qua giai đoạn có thể diễn tả như sau: “Tôi có thể cho cái này, làm việc kia cho Ngài, nhưng tôi không thể hiến mình mà không để dành lại phần nào cho tôi.” Khi hiến mình cho đức Thầy, chúng ta phải tự hiến với tấm lòng cao thượng như khi dâng tặng một phẩm vật nào khác. Và cũng không được đặt một điều kiện nào về cách sử dụng phẩm vật của chúng ta dâng, mà cũng không muốn lấy lại một phần nào. Mỗi người phải tin chắc điều này, đức Thầy không đòi hỏi quá nhiều. Nếu chúng ta hiến mình cho Ngài, chúng ta đừng ngạc nhiên và bất bình khi sự đau khổ thành linh xảy đến cho chúng ta. Đó là dấu hiệu món quà đã được chấp nhận một phần nào rồi. Nhiều điều mà người đời cho rằng xấu xa, khổ não, có thể là những dấu hiệu của sự tiến bộ mau chóng. Lắm khi thay vì tỏ lòng thiện cảm với chúng ta, nhiều người lại quở trách chúng ta, nhưng thường đó là quả báo tốt hơn hết của chúng ta vậy. Bị ngộ nhận, điều tốt của chúng ta bị nói là xấu, như lời Ruysbroek đã nói, đó là những điều hình như luôn luôn chờ đợi chúng ta, khi chúng ta đi gần đến mục đích cuối cùng. Trong lịch sử, đó là kinh nghiệm của tất cả những vị đại Giáo Chủ của khoa huyền bí học hay là thần bí học. Vui lòng chịu đựng, điều đó sẽ gây

ra quả lành và khai mở được ở nơi chúng ta nhiều đức tính cao quý như nhẫn nại, bền chí, chịu đựng, đại độ và cương quyết. Như thế từ nghiệp xấu xưa, chúng ta có thể rút lấy điều tốt đẹp.

**Còn một điểm khác nữa, con phải bỏ mọi ý tưởng về quyền sở hữu. Luật nhân quả có thể làm cho con mất những vật mà con quý chuộng hơn hết – hoặc ngay cả những người mà con thương yêu nhất. Ngay cả trong những trường hợp này con cũng phải vui vẻ – phải sẵn sàng chia lìa với bất cứ cái gì và với tất cả mọi vật.**

**A.B.-** Bây giờ chúng ta đi đến một điểm khó khăn hơn trước vô cùng, còn khó hơn việc chịu đựng nghiệp quả xưa. Phải diệt trừ mọi ý muốn chiếm hữu, trước hết là đối với những vật, sau đó là người. Sự diệt trừ sau cùng này là một việc tế nhị hơn. **Bạn có thể từ bỏ ý muốn chiếm hữu đối với những người mà bạn thương yêu hơn hết không?** Đôi khi người ta tưởng rằng họ đã thực hiện được điều này, sau đó những cơ hội đến thử thách và thường cho thấy họ đã lầm. Bạn có thể xa lìa một người mà theo bạn, họ còn quý hơn sự sống của bạn? Bạn có thể gọi sự chia lìa này là sự thử thách cuối cùng và khó khăn nhất về sự sùng tín chân thật của bạn đối với đức Thầy. Tất cả những người chí nguyện phải tự kinh nghiệm lấy mình; trước khi sự thử thách thật sự do hoàn cảnh đưa đến, sự tập luyện trước có thể làm giảm sức mạnh của biến cố. Không nên diệt tình thương của bạn đối với kẻ khác, đó là đường lối

của các vị huynh đệ trong bóng tối. Bạn có thể tập tránh tiếp xúc với một người nào đó trong một thời gian mà vẫn tiếp tục thương yêu họ như trước, bằng cách làm một công việc gì ở nơi xa kẻ đã đem lại sự tươi đẹp cho đời sống bạn. Nếu bạn có thể làm như thế một cách hăng hái và vui vẻ, bạn đã chuẩn bị xong để đáp lại lời kêu gọi khi nó đến với bạn, **lời kêu gọi bỏ tất cả để theo đức Thầy.**

Bạn hãy nhớ ý tưởng này đã được bao lần nhấn mạnh trong những câu chuyện được lặp lại, và truyền đến chúng ta về những gì đã xảy ra lúc đức Di Lạc ở tại Palestine. Không phải tất cả những người được kêu gọi đều tỏ ra xứng đáng nắm lấy cơ hội, **tuy nhiên có vài người được chọn lựa. Những người bỏ tất cả và theo Ngài, trở thành những nhà truyền giáo sau khi Ngài bỏ xác.** Còn những người khác chẳng bao giờ được nghe nói đến Ngài nữa. Có người thanh niên giàu có kia ra đi trong lòng vô cùng buồn bã, dù rằng người ta chỉ đòi hỏi chàng việc từ bỏ tài sản mà thôi. Có vài người tin rằng nếu ở vào địa vị người thanh niên kia họ sẽ tức khắc đáp lại lời kêu gọi. Nhưng tôi không chắc rằng nhiều người có thể bỏ tài sản to tát của mình để theo một vị giáo sĩ đi ta bà, vì đấng Christ đã hiện ra dưới hình thức của một nhà truyền giáo rày đây mai đó, với một số người ít học vẫn đi theo. Sự thử lòng của vị đệ tử là từ bỏ tất cả những vật mà bạn quý chuộng nhất, cũng như những người mà bạn thương yêu hơn hết để theo đức Thầy.

C.W.L.- Trên phương diện cá nhân, chúng ta phải hiểu rằng không có gì thuộc về chúng ta cả, những gì mà chúng ta có đây là vật ủy thác cho chúng ta để hỗ trợ cho sự tiến hóa. Một người giàu có, uy thế, nên nắm lấy cơ hội tốt lành này để làm việc lợi ích nhiều hơn cho nhân loại. Không có gì là của riêng của chúng ta, để chúng ta sử dụng chúng một cách ích kỷ. Chúng ta ở vào địa vị một vị giám đốc hoặc một nhân viên được tin nhiệm trong sự chi dụng tiền bạc của hãng và phải hết sức thận trọng như của riêng mình. Thái độ của người giàu có và người có uy quyền phải như thế.

Chính Chân Sư đã sống như những người đại diện cho nhân loại một cách tốt đẹp phi thường. Các Ngài tự xem mình như những người quản lý những quyền năng vô lượng, vô biên mà các Ngài đang có. Đó là lý do tại sao đức Thầy không gây ra một nghiệp quả nào, dù tốt hay xấu, có thể trói buộc Ngài vào tình trạng của con người. Các Ngài hoạt động, thực hiện đến một mức độ cao siêu, nhưng không tạo ra một nghiệp quả nào trói buộc các Ngài, vì các Ngài đã làm việc một cách vô tư, không một mảy may ham muốn riêng cho mình. Các Ngài làm việc giống như một quân nhân chiến đấu giữa chiến trường không để ý đến phải đánh với một kẻ địch nào, và với ý tưởng là chiến đấu cho chính nghĩa, như là một bộ phận của guồng máy vĩ đại. Cũng thế đó, các Ngài làm việc như những phần tử của đại đoàn huynh đệ, như những nhân viên của Quân Tiên Hội và của nhân loại. Tất cả những công nghiệp tốt đẹp

của các Ngài đều hồi hướng cho loài người, và giúp nhân loại tiến lên.

Trước hết hãy bỏ ý muốn chiếm hữu đối với vật, kể đó là người, điều này còn khó khăn hơn nữa. Chúng ta có thể bị mất họ, vì tử thần đã đem họ đi, như người ta thường nói, hoặc có thể họ phải xa chúng ta để phụng sự nhân loại. Như hàng ngàn người phải phục vụ trong trận đại thế chiến, người vợ hiến chồng, người mẹ hiến con trai mình cho cuộc chiến đấu vì lẽ phải. Chắc chắn chúng ta không do dự trong sự làm việc để phụng sự đức Thầy như hàng ngàn người khác đã làm để phụng sự tổ quốc họ. Thật khó cho chúng ta xa lìa một người mà đối với ta còn quý hơn sự sống của chúng ta. Tuy nhiên, có nhiều người đã bằng lòng thực hiện việc ấy, có những trường hợp rất đáng thương, và có những trường hợp mà sự hy sinh có tính cách thánh thiện và tốt đẹp.

Những người đi theo con đường tà đạo đã hủy diệt tình thương, để tránh tất cả những sự đau khổ này. Nhưng những ai tha thiết muốn được gia nhập vào Quân Tiên Hội phải có tình thương mạnh mẽ hơn, phải huỷ diệt hoàn toàn lòng ích kỷ thường pha lẫn bên trong. Bạn hãy nhớ đến thanh gươm đâm thủng trái tim của đức Mẹ, Thánh Mẫu đồng trinh Maria. Ngài có thể tránh thanh gươm đó bằng cách dứt bỏ trong lòng Ngài mọi kỷ niệm về người con trai của Ngài và quên hẳn đi. Trong nhiều trường hợp, lời của đấng Christ đã được áp dụng như sau: “Đừng tưởng rằng Ta đến đây

để đem hòa bình cho thế gian. Ta đến chẳng phải đem hòa bình mà để đem một thanh gươm vậy.”<sup>10</sup> Ngài muốn nói rằng giáo lý mới của Ngài ở nơi này hoặc nơi khác, chỉ được một người trong gia đình kia chấp nhận, còn những người khác chỉ trích và gây ra sự chia rẽ, hoặc là người ấy phải lìa bỏ mái nhà của mình và bạn bè để hoàn thành công việc đặc biệt. Cũng giống như thế, có nhiều trường hợp trong một gia đình chỉ có một người hiểu biết được giáo lý Thông Thiên Học, lại bị những người khác chống đối, bởi đó sinh ra sự đau khổ và chia rẽ. Ngày nay, thường có người rời bỏ gia đình để đi làm ăn kiếm tiền ở cuối quả địa cầu mà không bị ai phiến trách, nhưng nếu có người làm như vậy để giúp ích nhân loại thì sẽ bị phản đối ngay. Tinh thần hiện đại vẫn trì trệ như thế.

Bạn hãy nhớ tất cả những chương ngại do vua Tịnh Phạn bày ra khi thái tử Tất Đạt Đa muốn hiến mình cho cuộc sống đạo đức. Nhà vua đã tiêu hao tiền muôn bạc vạn và một phần lớn đời Ngài, hy vọng con trai Ngài tránh khỏi định mệnh cao cả đang chờ đợi trong tương lai. Ngài hy vọng làm cho thái tử thành một vị hoàng đế vĩ đại ở Ấn Độ, chứ không phải một vị đại giáo chủ mà thế gian chưa từng biết, theo lời tiên tri của các chiêm tinh gia. Nhà vua biết rằng nếu con trai Ngài thành một vị giáo chủ, thì phải chấp nhận sự nghèo khổ và xả thân vong kỷ; Ngài không hiểu rằng

---

<sup>10</sup> S. Matthew, 10, 34.

chính là hai điều này đã đưa con Ngài lên cao hơn tất cả những vị vua chúa trên thế gian. Không phải tên của một vị đại hoàng đế được lưu lại lâu nhất trong ký ức của con người, mà chính là tên của một vị đại Giáo Chủ vậy. Vua Tịnh Phạn mong mỗi con trai ngài có một quyền lực lớn lao vô cùng và thanh danh có một không hai trong lịch sử. Hai điều này đã được ứng hiện, nhưng không đúng như sự mong muốn và dự tính của ngài. Uy lực của đức Phật vượt cao hơn tất cả uy lực của bất cứ vị vua nào trên thế gian và danh tiếng của Ngài lừng lẫy khắp cả thế giới.

Đấng Christ đã nói: **“Hãy bỏ tất cả và theo Ta.”** Khi những bằng hữu Thiên Chúa giáo của chúng ta đọc những lời này trong thánh kinh, họ cảm thấy rằng, nếu ở thời đó, họ sẽ vâng lời Ngài ngay. Điều này không chắc lắm, chúng ta thử đặt mình vào địa vị của những người trong thời ấy. Bạn hãy nhớ người thanh niên rất giàu có đến tìm Chúa, tài sản đã ràng buộc người ấy với những nhiệm vụ mà người ấy không thể dứt bỏ. Tất cả dư luận, tất cả nghi thức xã hội, tất cả uy quyền chính thống của thời ấy, đều liên kết nhau để chống lại Chúa. **Ngài chỉ là một vị Giáo Chủ đáng thương, đi ta bà, không có một nơi để tựa đầu nghỉ ngơi.** Trước những nghịch cảnh đó, chúng ta có muốn theo Ngài chăng? Có thật chắc là chúng ta sẽ bỏ tất cả để theo Ngài, người mà những vị đại mục sư và những người chính thống giáo thời đó đều cho là cường tín? Chúng ta có tự hỏi rằng, rốt cuộc, chúng ta sẽ bỏ mỗi bất bóng chăng? Điều này

không chắc lắm. Có thể ngày nay sự việc cũng diễn ra như thế. **Nhưng cũng có những người trong chúng ta đã bỏ tất cả những vật sở hữu để theo đức Thầy mà không luyến tiếc chút nào.**

Thường thì Thầy cần học trò làm trung gian để chuyển di thần lực của Ngài qua những kẻ khác; Ngài sẽ không thể làm được việc đó, nếu người học trò đang trong lúc chán nản. Vậy cần phải có đức tính an vui.

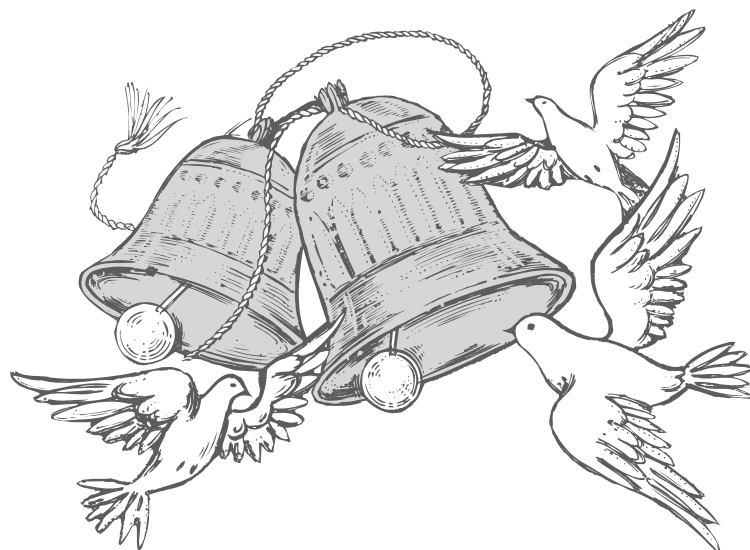
**C.W.L.-** Trong suốt quyển sách này có một lập luận làm nền tảng cho tất cả những quy tắc, đó là **phụng sự đức Thầy**. Chúng ta có thể nương cậy vào nhiều lý do khác chống lại sự ngã lòng – chẳng hạn nó có hại cho bản thân chúng ta và tạo cảm giác khó chịu cho kẻ khác. Nhưng có một điểm được nhấn mạnh ở đây là **đức Thầy không thể dùng chúng ta làm một con kinh để truyền thần lực, nếu chúng ta tự buông xuôi trước sự ngã lòng.**

**A.B.-** Đây là lý do cho thấy tính an vui phải là giới luật, vì một lần nữa ý tưởng phần khởi ấy lại được trình bày cho chúng ta biết rằng đức Thầy cần sự giúp đỡ của bạn, bạn có thể trở nên hữu ích cho Ngài. Thần lực của Ngài hoàn toàn vui tươi, vì nó phát sinh từ thần lực của đức Thượng Đế, cho nên nó không thể truyền qua được một vận hà bị tắt nghẽn bởi sự ngã lòng.

Dường như rất kỳ lạ cho rằng đức Thầy không thể làm được điều này hay điều khác, nhưng đó là sự thật.



Thỉnh thoảng người ta nghe Ngài nói: “Ta không thành công.” Khi các Ngài làm việc ở cõi trần, thì quyền năng của các Ngài bị giới hạn do những điều kiện đặc biệt của cõi vật chất. Thường thường các Ngài không thể ảnh hưởng đến một người ở cõi trần, nếu không nhờ đến sự trung gian của một người khác. Do đó các Ngài cần sự giúp đỡ từ bạn. Không có sự giúp đỡ ấy, vài công việc không thể thực hiện được.



## CHƯƠNG 22

### ĐI THẰNG ĐẾN MỤC ĐÍCH DUY NHẤT HAY LÀ CHÚ ĐỊNH

(One-Pointedness)

**5.- Tính Quyết Chí.-** Điều mà con phải nhớ trước tiên là làm công việc của đức Thầy. Dù cho bất cứ điều gì khác có thể xảy đến trong khi con làm công việc đó, con cũng đừng quên.

**C.W.L.-** Trong đời sống hằng ngày, việc chú định vào một mục đích là điều cần thiết để được thành công thật sự. Người quyết chí cuối cùng luôn luôn chiến thắng, vì tất cả năng lực của họ đều đồng thời làm việc, trong khi những người khác nhắm vào nhiều mục đích và thay đổi không ngừng. Chẳng hạn người quyết làm giàu, họ vận dụng tất cả tư tưởng và ý chí của mình vào mục tiêu ấy, họ luôn luôn cẩn thận và thảo kế hoạch để đạt được mục đích. Một người quyết định đem tất cả thì giờ của mình phụng sự đức Thầy với năng lực càng ngày càng tăng và chịu gác bỏ tất cả công việc khác, đương nhiên người ấy sẽ tiến bộ nhanh chóng.

Mà cũng không có việc gì khác có thể cản trở bước đi của con, vì tất cả mọi việc hữu ích và vô tư lợi đều là công việc của Thầy, và con phải làm chúng là vì Thầy. Và con phải hết sức chú ý vào mỗi phần việc của con làm để cho nó thật hoàn hảo.

**C.W.L.-** Công việc của người đệ tử, phần lớn gồm sự tự huấn luyện để một ngày kia đảm nhiệm nhiều công việc hơn cho Chân Sư. Không phải tất cả những sự huấn luyện này đều giúp ích trực tiếp những chương trình làm việc hiện tại của đức Thầy. Nó hơi giống việc một học sinh ở trường đang học hỏi, thí dụ như học chữ La Tinh chẳng hạn, thấy không có gì cần đặc biệt trong việc học hỏi này, nhưng em đang mở mang và phải mở mang những năng khiếu trí thức và những đức tính để trở nên hữu ích cho đời em sau này. Những bồn phận của đời sống hằng ngày thường đem đến những sự lợi ích, vì chẳng những nó là phương tiện tuyệt hảo để luyện mình và học hỏi, mà còn mang đến nhiều cơ hội giúp đỡ kẻ khác phát triển tính tình và lý tưởng của họ, mà điều được nhấn mạnh hơn hết là công việc của đức Thầy. Mọi hoạt động khác nhau trong đời sống hằng ngày liên kết với những cố gắng kiên trì của chúng ta cho công việc của đức Thầy, khi chúng ta hoàn thành chúng vì Ngài và nhân danh Ngài. Công việc của đức Thầy đối với chúng ta không phải là một điều đặc biệt và xa lạ đối với đồng loại của chúng ta. Khéo dưỡng dục con cái, để tới phiên chúng nó phụng sự Ngài một cách xứng đáng, làm lụng cho có tiền để dùng vào công việc của Ngài, có quyền thế để hỗ trợ những ý định của Ngài, tất cả những việc này đều thuộc về một phần công việc của đức Thầy. Nhưng trong khi thực hiện những điều này, chúng ta phải luôn luôn đề phòng sự tự lừa dối mình, như dùng thanh danh của đức Thầy để

che đậy một ý muốn ích kỷ, để chiếm được uy quyền hay tiền bạc.

Cũng vị Thầy nói trên có viết câu này: “Dù làm việc gì con cũng phải làm một cách nhiệt thành như thể làm cho Thượng Đế, chớ không phải làm cho con người.” Hãy suy nghĩ con sẽ làm một công việc như thế nào, nếu con biết rằng Thầy sắp sửa đến để xem công việc ấy; rồi con phải làm tất cả công việc của con theo như cách đó. Những người hiểu biết nhiều mới hiểu rõ tất cả những ý nghĩa của câu ấy. Và còn một câu nữa có ý nghĩa giống như vậy, nhưng xưa hơn nhiều: “Dù tay con làm việc gì cũng vậy, con hãy làm với hết sức mình.”

C.W.L.- Trọn cả thế giới đều nằm trong tâm thức của Đấng chúa tể quả địa cầu, ấy là Đấng duy nhất chí tôn cầm quyền điểm đạo,<sup>11</sup> mọi hành động của chúng ta đều diễn ra trước sự hiện diện của Ngài. Do đó mới nảy sinh cái ý niệm xưa của Thiên Chúa giáo về sự toàn tri, và vô sở bất tại của Thượng Đế mà người ta nói rằng: “Chúng ta sống, hoạt động và tồn tại trong lòng Ngài.” Đây không phải là một sự tưởng tượng thi vị, mà là một sự kiện khoa học, chúng ta sống trong hào quang của Vị vua tinh thần của thế giới. Tuy nhiên điều đó vẫn còn là một vấn đề nan giải và bất khả tri, đối với chúng ta, nhưng một ngày kia chúng ta sẽ đi đến vị trí cao tột đó.

---

<sup>11</sup> Tức là đức Ngọc Đế. (Lời dịch giả)

Quan niệm thuở xưa về Trời làm cho sự vô sở bất tại của Ngài có một tính cách khủng khiếp. Người ta cho rằng Trời luôn luôn trông chừng để tìm ra những lỗi lầm, Ngài hằng hái quan sát xem ai phạm luật của Ngài, để Ngài trút cơn thịnh nộ lên kẻ phạm tội khốn khổ kia. Nhiều đứa trẻ đau khổ kinh khủng, vì chúng nghĩ rằng Trời thấy tất cả những hành vi của chúng. Chúng cảm thấy hình như không có sự công bình, khi tất cả những gì thuộc về chúng đều bị vạch trần ra. Đó là điều đặc biệt, vì đứa trẻ sợ hãi không hề biết vị dẫn đạo của nó phán xét nó như thế nào về mỗi hành vi của nó. Trái lại, khi hiểu được lòng bác ái của Trời, người ta bắt đầu thấy rằng sự vô sở bất tại của Ngài là một sự bảo hộ và ân huệ lớn nhất cho chúng ta.

**A.B.-** Sự thử thách mà đức Thầy nêu lên ở đây phải được áp dụng cho mọi hoạt động của chúng ta. Chẳng hạn khi bạn viết một bức thư, nếu bạn biết rằng đức Thầy sẽ đến và đọc nó, bạn sẽ viết một cách thật cẩn thận về cả hai phương diện nội dung lẫn hình thức. Bất cứ công việc nào của bạn cũng là công việc của đức Thầy, nếu bạn làm hết sức mình, dù đó là một cố gắng mà đức Thầy đòi hỏi do một mục đích cấp thời, hay là để chuẩn bị bạn cho một công việc sau này. Nếu chúng ta thuộc về Ngài, mọi việc đều được thực hiện cho Ngài, chớ không thể cho ai khác. Hãy coi đó là thái độ tinh thần hằng ngày của bạn và bạn sẽ tạo ra bầu không khí trong đó bạn phát triển đức tính chú định vào một mục đích.

Nếu chúng ta thực sự có một mục đích, mọi việc sẽ diễn tiến một cách đẹp đẽ biết bao! Chỉ làm việc để phụng sự Ngài, đó là ý tưởng mà tôi luôn luôn duy trì trong trí, cũng như những môn đồ trẻ tuổi hơn tôi đã làm. Tuy nhiên nhờ sức mạnh của thói quen giúp tôi nhiều hơn họ. Có khi tôi tự hỏi: “Tại sao tôi phải trả lời bức thư này?” Và trong trí tôi liền xuất hiện câu trả lời: “Tôi gặp công việc này trên bước đường của tôi, vậy đó chính là công việc của đức Thầy.”

Bạn hãy tiếp tục dành cho ý tưởng này một vị trí quan trọng nhất trong trí bạn suốt cả thời gian bạn còn làm đệ tử. Mọi người phải tập thói quen đó và khi đã tập xong phải tiếp tục làm cho nó mạnh thêm. Thói quen ấy sẽ giúp cho ta áp dụng tất cả những phương tiện của chúng ta vào công việc chúng ta đang làm, bất cứ là việc nào. Bởi vì có như thế công việc của chúng ta mới trở thành một phần của công việc thiêng liêng và là một phương pháp luyện tập hữu ích cho sự mở mang tính tình. Bạn hãy tìm sự hoàn toàn, đừng để xảy ra một điều xấu xa nào.

**Hạnh quyết chí còn có nghĩa là không bao giờ để điều gì có thể làm cho con rời bỏ đường đạo mà con đã bước vào, dù chỉ trong một chốc lát. Không nên để những sự cám dỗ, những thú vui trần tục, những tình cảm của thế gian làm cho con tách rời đường đạo. Vì con và đạo phải là một, phần lớn bản tính của con phải phù hợp với đạo cho đến trình độ mà con không cần nhớ đến nó, và không thể rời nó được. Là một**

**Chân Thần, con đã quyết định như vậy; lia bỏ đạo tức là lia bỏ chính con.**

C.W.L.- Những bản thánh kinh khác cũng nói rằng mỗi người phải trở thành “một” với đường đạo. Đấng Christ đã nói với các môn đồ của Ngài rằng: “Ta là đường đạo.”<sup>12</sup> Đức Shri Krishna cũng dùng những lời lẽ giống hệt như thế: “Ta là con đường mà khách lữ hành phải đi theo.” Cũng một ý niệm như thế, trong quyển “Tiếng Nói Vô Thình” nói rằng: “Con không thể đi trên đường đạo trước khi trở thành đường đó.”

Điều đang diễn tiến là mỗi người đang trở nên chân ngã của chính mình. Khi định nghĩa về Yoga, đức Patanjali có nói rằng: “Khi con người làm chủ được thế trí của mình rồi, thì sẽ ngự trị trong trạng thái chân thật của chính họ.” Chân Thần là chân ngã thật sự của chúng ta, ấy là đức Thượng Đế ẩn tàng bên trong, nhưng đức Thượng Đế ấy rơi xuống cõi trần một cái bóng của mình để tạo thành chân ngã, và đến lượt chân ngã, lại hóa thân trong một phàm ngã. Muốn cho chân ngã điều khiển được phàm ngã, sự tiến hóa con người phải khá cao, còn trước đó, chân ngã chỉ nhìn xuống phàm ngã mà không cố gắng nhiều, vì không có hy vọng ảnh hưởng được phàm ngã. Rồi đến cuộc điếm đạo lần thứ nhất là lúc phàm ngã không còn ý chí riêng của nó nữa, nó chỉ sống để phụng sự chân ngã thôi, trừ ra lúc nào nó quên. Bấy giờ chân ngã hoạt động xuyên

---

<sup>12</sup> S. John, 14, 6.

qua phàm ngã ở các cõi dưới và bắt đầu nhận thức sự hiện tồn của Chân Thần và sống theo ý muốn của Ngài. Chân Thần đã chọn con đường mà chân ngã phải noi theo để tiến hóa. Nhưng Ngài có thể chọn một con đường khác, vì chính Ngài trở thành nguyên bản và tự giải thoát ra khỏi mọi ràng buộc, dù là những ràng buộc thuộc về những cõi tinh thần. Khi đi trên đường đạo người đệ tử có thể bị lệch qua bên này hay bên kia, nhưng khi đã chú định vào mục đích của mình, họ luôn luôn trở lại con đường tốt đẹp duy nhất.

**A.B.-** Con người thường quên rằng mình là biểu hiện của Chân Thần. Bạn quả thật là Chân Thần, vậy tất cả những gì bạn thực hiện dưới thế gian này đều do ý chí riêng của bạn, chớ không bị ý muốn nào khác bắt buộc. Ý chí của Chân Thần là ý chí của bạn. Những dự vọng của bạn không phải là do ý chí của bạn chút nào. Bạn bị những sự vật ở bên ngoài lôi cuốn, vì những thể của bạn muốn thỏa mãn theo ý của chúng. Không phải bạn muốn thưởng thức sự vui đó, nhưng tinh chất dự vọng muốn hưởng thụ và kinh nghiệm điều đó. Để chống lại tình trạng này, bạn phải dùng “cái tôi chân thật”, mà nó nhắm thẳng tới mục đích cao cả. Chúng ta phải giống như cái địa bàn từ điện mạnh, cây kim có thể đổi hướng, nhưng luôn luôn nó trở về lại vị trí cũ. Bao giờ bạn chưa đủ sức mạnh để chống lại mọi cám dỗ bên ngoài, bạn phải luôn luôn tập luyện để trở lại con đường của ý chí duy nhất.



Bạn không phải là vật chất, bạn phải sử dụng vật chất, bắt nó làm công cụ cho bạn. Thật vô lý khi phải chịu thua trước những chất liệu mà bạn đã góp nhặt để tạo ra công cụ cho bạn dùng. Thật giống như cái búa trong tay người thợ làm sườn nhà, nó tự chọn chỗ để đập, thay vì chính người thợ chọn chỗ, và cái búa lại đập nát ngón tay người thợ, chớ không phải đập vào đinh. Đôi khi xảy ra việc một người tự gây thương tích cho mình, đó là tại họ vụng về. Bạn hãy tập trung thành với quyết định của mình, với ý chí thật sự của bạn, và tới một ngày kia bạn sẽ không thể tách rời nó được.

Người ta cũng đạt được sự chú định vào mục đích bằng cách tập trung tư tưởng. Trong mỗi lúc chỉ tập trung sự chú ý vào một việc thôi, để làm cho có hiệu quả. Một khối nước, nếu chảy vào một con kinh nhỏ hẹp đủ sức tạo nên một dòng nước mạnh, nếu người ta để nó tràn ra một khoảng rộng lớn, nó chỉ trở thành một vũng nước mà thôi. Đối với năng lực của bạn cũng thế, hãy tuần tự thực hiện công việc của bạn. Hãy hoàn thành mỗi việc một cách chín chắn và cương quyết, thay vì làm tất cả mà không đúng đắn. Nếu bạn theo lời khuyên này một cách nhẫn nại, chẳng bao lâu bạn sẽ thấy kết quả. Có thể rất ít, trong mỗi tuần, nhưng nhiều tuần trôi qua, những kết quả sẽ được súc tích và không bao lâu, chúng sẽ trở thành một số lượng to tát của công việc đã được hoàn thành, và năng lực cũng được gia tăng thêm.

## CHƯƠNG 23

### LÒNG TIN CẬY

(Confidence)

**6.- Hạnh Tin Cậy.-** Con phải tin Thầy con; con phải tin chính con. Nếu con đã được nhìn thấy Thầy, con sẽ hết lòng tin Thầy từ kiếp này qua kiếp khác. Nếu con chưa được nhìn thấy Thầy, con vẫn phải cố hình dung ra Ngài và tin tưởng Ngài, bởi vì nếu không thì ngay cả Ngài cũng không thể giúp con được.

**C.W.L.-** Một phần những lời này là của Alcyone, em đang nói về đức Thầy của em, nhưng đức Thầy cũng nói như thế về các Đấng cao cả hơn Ngài. Những gì chúng ta nói và nghĩ đến các đức Thầy, cũng giống như điều mà các Ngài đã nói và nghĩ đến đức Phật, đức Bồ Tát Di Lạc và các Đấng khác cao cả hơn các Ngài.

Thực tế đối với chúng ta, rất khó nhận biết một vị Chân Sư. Chúng ta có thể thử, gọi lên lý tưởng cao cả nhất mà chúng ta có thể hiểu biết, nhưng Chân Sư hiện thân với nhiều hình thức rất cao thượng mà chúng ta không thể tưởng tượng nổi, ý niệm cao nhất mà chúng ta có thể hình dung về Ngài cũng không bao giờ đầy đủ. Trong trường hợp như thế điều hay nhất là tin cậy hoàn toàn nơi sự minh triết của Ngài.

Niềm tin tuyệt đối này tùy thuộc một phần lớn ở quá khứ của chúng ta. Khi đọc quyển “Những tiền kiếp của Alcyone,” chúng ta có thể thấy trường hợp của Alcyone cũng thế. Alcyone đã liên kết chặt chẽ với Sư Phụ của em trong nhiều kiếp trước. Riêng tôi cũng vậy, trong những kiếp trước tôi luôn luôn liên kết với Sư Phụ tôi, và những người khác cũng tương tự như thế. Thiết nghĩ, tôi phải kể sự thật này, vì đó là lý do khiến cho tôi khi đọc một trang sách nói đến đức Thầy, tức khắc tôi cảm thấy bị một mãnh lực vô biên lôi cuốn tôi đến với Ngài. Khi tôi được đặc ân nhìn thấy Ngài, không lúc nào tôi mất lòng tin nơi Ngài. Trong những trường hợp như thế, người ta có thể nói rằng chân ngã biết, hoặc thấy sự hiện diện của đức Thầy ở các cõi trên, hoặc nó nhớ lại những tiền kiếp, thưở đó nó đã biết Ngài. Đôi khi chân ngã biết, nhưng không thể truyền sự hiểu biết của nó xuống cõi trần cho phàm ngã. Đôi khi sự hiểu biết của nó truyền xuống một cách bất toàn hay sai lệch. Chân ngã dường như không hề nhầm lẫn. Nhưng thật ra có những vấn đề mà chân ngã không biết, và mục đích của sự tái sinh của nó là phá tan sự vô minh này.

Những người không có bằng chứng nào về sự hiện hữu của các đấng Chân Sư nên chấp nhận tính chất hợp lý của quan niệm về sự tiến hóa. Nếu con người tiến hóa và đã trải qua nhiều giai đoạn, có những giai đoạn thấp hơn chúng ta, thì phải có những giai đoạn cao hơn của những người đã đi trước chúng ta. Chúng ta không

thể xem mình như là sự hoàn mỹ của những thời đại. Sau cùng sự hiện hữu của các Ngài được xác nhận bởi nhiều nhân chứng gặp các Ngài và hầu chuyện với các Ngài.<sup>13</sup>

Có nhiều người đã gặp các Ngài, nhưng về sau họ lại mất một phần tin tưởng ở các Ngài, dĩ nhiên điều đó không thể hiểu được. Chẳng hạn tôi nhớ rõ trường hợp ông Brown ở Luân Đôn, ông có viết một quyển sách nhỏ tự thuật tiểu sử của mình, nên không có hại gì khi đề cập đến chuyện của ông. Ông đến Ấn Độ vào một thuở kia cách đây đã lâu, tại đó ông được một đặc ân lạ thường là gặp một trong hai đấng Chân Sư đã thành lập Hội Thông Thiên Học, trong xác phạm của Ngài. Các Ngài ít khi ra khỏi nơi ẩn cư của các Ngài ở Tây Tạng, hai Ngài có đến Ấn Độ lúc phong trào Thông Thiên Học mới khởi xướng; lúc đó tôi là hội viên. Trong quyển “Thế Giới Huyền Bí” có thuật lại sự viếng thăm của đức Thầy Kuthumi tại Amritsar, nơi ấy có một ngôi đền lớn bằng vàng của người Sikhs. Đức Thầy nói: “Ta thấy có những người Sikhs của chúng ta say sưa nằm trên sàn của ngôi đền của họ, . . . Ngày mai Ta sẽ trở về nơi ẩn cư của Ta.”

Tôi thiết nghĩ, càng ngày các Ngài càng thấy rằng sẽ có lợi hơn, nếu các Ngài dùng thần lực của các Ngài trên những cõi cao, và giao phó công việc dưới trần cho

---

<sup>13</sup> Vấn đề này đã được luận giải kỹ trong quyển “Chân Sư và Thánh Đạo”.

những người theo các Ngài hiện còn ở tại thế gian. Ông Brown hồi còn trẻ, trước hết đã thấy đức Thầy Kuthumi trong thế vía của Ngài. Sau này ông đi du lịch lên miền bắc Ấn và làm thư ký cho đại tá Olcott. Ông ngủ trong chiếc lều, ở một phòng cạnh phòng của đại tá. Đức Thầy trong thế xác đến thăm đại tá. Đức Thầy nói chuyện một lúc với đại tá, xong Ngài bước sang qua phòng kế bên. Tôi không hiểu tại sao ông Brown lại kéo tấm vải trải giường phủ đầu ông, vì ông sợ giáp mặt với đức Thầy. Lẽ tự nhiên là ai cũng có mặc cảm về tội lỗi của mình, nhưng lối bắt chước con đà điểu và giấu mình dưới tấm vải thì theo tôi, hình như không có ích lợi gì, vì hiển nhiên vải cũng là một vật trong suốt trước nhãn quan cao siêu. Tuy nhiên, đức Thầy vẫn nhẫn nại nói rằng: “Con hãy thò đầu ra khỏi tấm vải đi. Ta muốn con nhìn Ta có phải là người mà con đã thấy trong thế vía của con chẳng?” Rốt cuộc đức Thầy không nói thêm nữa và để lại một mảnh giấy cho ông, lúc ấy ông mới tỉnh lại. Ông đã bỏ lỡ một cơ hội mà nhiều người khác phải trả giá rất đắt mới có được. Dĩ nhiên là ông xứng đáng, nhưng ông không lợi dụng nó. Sau này, ông đâm ra nghi ngờ sự hiện hữu của các đức Thầy. Cũng có những người khác được đặc ân thấy các Ngài, nhưng họ lại tìm thế rút lui.

Có nhiều người do kinh nghiệm ở những tiền kiếp đã tạo ra cho mình một tính hoài nghi, còn những kẻ khác lại quá nhẹ dạ dễ tin. Hai thái độ cực đoan này đều không giúp ích cho sự tiến hóa, cả hai đều thiếu tinh

thần khoa học. Mỗi người đều có trong trí một cái nhìn tổng quát về sự vật. Nếu có những sự kiện mới mẻ nào được trình bày cho họ phù hợp với sự thấy đó, thì họ sẵn sàng nhìn nhận là đúng, chớ không đòi hỏi những bằng cứ rõ ràng, chắc chắn. Chúng ta nói: “Phải, điều này dường như rất đúng, nó thật phù hợp, có lẽ nó như thế.” Mặt khác, nếu người ta nói với người bình thường những gì không hợp với sự hiểu biết trước của họ, thì họ tuyệt đối phủ nhận nó. Nếu chúng ta đã có kinh nghiệm nghiên cứu các khía cạnh bên trong của sự vật, chúng ta sẽ không có thái độ từ chối xác nhận một sự kiện nào đó, chỉ vì nó không phù hợp với điều mà chúng ta đã biết trước kia. Hãy tập đừng vội phán đoán, không chấp nhận mà cũng không phủ nhận; chỉ nói rằng: “Theo chỗ tôi thấy, từ đó đến giờ, điều ấy hình như không đúng lắm. Tuy nhiên tôi không phủ nhận chi cả, tôi để ý tưởng ấy qua một bên, chờ đến khi nó được sáng tỏ hơn.” Thật là nông nổi mà trả lời rằng sự việc nào đó chưa được kiểm chứng thì không thể có được. Điều đó chứng tỏ sự dốt nát của mình.

Nói một cách tổng quát, tại cõi trần này, những người càng biết ít, lại càng tin nhiều. Trong ngành khoa học ở thế gian, những sinh viên là những người nói một cách võ đoán hơn hết. Những nhà khoa học tên tuổi có thói quen nói rằng: “Tôi đã thí nghiệm sự kiện này, sự kiện kia, nhưng tôi không tự hào suy ra được định luật.” Những người trẻ thường có ý kiến xác quyết, do việc họ không học hỏi để biết rằng có nhiều sự việc có

thể có hoặc không. Họ không hiểu rằng, nên cẩn thận, đừng bày ra định luật quá rõ ràng. Những người đã học hỏi nhiều năm sẽ cẩn thận hơn trong cách diễn đạt ý tưởng của mình. Có rất nhiều sự thật luôn luôn phơi bày mà chúng ta không biết. Thế hệ trước đây, có nhiều việc bị người ta chế nhạo và cho là không thể có được, mà ngày nay là chuyện bình thường trong đời sống hằng ngày của chúng ta. Tốt hơn là nhận thức sự kiện đó từ lúc đầu và chờ đợi những phát minh mới, luôn luôn có thể xảy ra theo đà tiến bộ của nhân loại.

Những người đang học hỏi những vấn đề cao siêu như chúng ta, cần được giải thoát khỏi những thành kiến. Chúng ta phải đủ sức uyên chuyên để chấp nhận những sự thật có tính cách cải cách khi chúng phù hợp với lương tri. Nếu chưa chấp nhận được ngay, chúng ta chỉ nên gác chúng nó qua một bên và nói rằng chúng ta chưa tin chắc. Chúng ta không kết án chúng, mà cũng không kết án những người cổ võ chúng. Chân lý phô bày dưới nhiều phương diện, cho nên thường không phải một người hay một nhóm người nhìn thấy hết những khía cạnh của nó. Do đó những gì hôm nay đối với chúng ta dường như phi lý, có thể chứa đựng một mảnh chân lý.

Tiếc thay nhiều người không biết chi cả về vấn đề nào đó, mà cứ tưởng mình đã hiểu nó rõ ràng. Nhất là về tôn giáo, những người ít hiểu biết lại tuyên bố ồn ào để những người khác chấp nhận ảo tưởng đã hiện ra trong trí họ. Đôi khi họ nói rằng lương tâm đã hướng

dẫn họ. Nếu trong vài trường hợp có thể xảy ra như vậy, chúng ta cũng không thể luôn luôn tin cậy vào lương tâm, vì chân ngã mà nó biểu hiện chưa phải là toàn tri. Lịch sử đã cho thấy rằng vì tuân theo lương tâm, nên người ta thiêu sống, tra tấn kẻ đồng loại của mình. Không chân ngã nào xúi giục như thế, hiển nhiên là do con người chưa thấu triệt những điểm rất quan trọng. Dĩ nhiên ta phải lắng tai nghe tiếng nói của lương tâm khi chắc rằng nó nói, nhưng luôn luôn nên nhớ câu trả lời rất hay của vị giám mục South với một người Tin Lành ly khai như sau: “Chắc chắn là bạn phải theo sự hướng dẫn của lương tâm bạn, nhưng nên giữ sao cho lương tâm của bạn không phải là lương tâm của một người khờ dại.”

Lòng tin cậy là điều tốt, tuy nhiên, người ta không thể tự bắt buộc mình phải tin, cũng như không thể tự bắt buộc mình phải yêu. Chúng ta chỉ dựa vào những đức tính của một người, rồi chúng ta dần dần có được những lý do để thương yêu. Cũng như chúng ta có thể suy gẫm về những lý do để tin, và như thế có thể dần dần đi đến đức tin. Nói cho đúng, tự nhiên người ta không nên tin tất cả, mà chỉ tin những điều gì là sự thật mà thôi. Và lại chân lý này đòi hỏi nhiều năm nghiên cứu, nếu chúng ta chưa có sự xác quyết từ những kiếp trước.

Phương pháp của những vị thầy tinh thần, không phải là làm cho mọi việc trở nên dễ dàng đối với chúng ta. Lần đầu tôi biết được huyền bí học nhờ bà Blavatsky,



thỉnh thoảng bà ban cho những môn sinh của bà vài sự hiểu biết về huyền bí học, nhưng bà không ngót đưa đến cho họ những cuộc thử lòng nghiêm khắc. Bà dùng phương pháp mạnh, nhưng những người nào thật tâm và quyết chí vẫn tiếp tục ở lại với bà, còn những kẻ khác thì rời bỏ bà ngay. Bà sửa chữa những thành kiến của chúng tôi, nhưng đối với những môn sinh của bà, họ phải qua nhiều giai đoạn quán xét tự tâm.

Nhiều người nói rằng bà đã làm những việc mà một vị Đại Sư không làm. Ý kiến riêng của tôi luôn luôn như sau: “Bà Blavatsky có những hiểu biết về huyền bí học; và tôi sẽ nhận được những điều đó, nếu bà bằng lòng ban cho tôi. Ngoài ra tất cả những gì bà làm đều là việc riêng của bà, chính Sư Phụ của bà phán đoán những hành vi của bà, chứ không phải tôi. Bà có thể có những lý lẽ riêng để hành động như thế, những lý lẽ đó tôi không biết được. Bà hiểu biết những việc đó, bà nói về những vị Chân Sư ấy. Tôi muốn đạt được những sự hiểu biết như thế, và nếu sức người có thể làm được, tôi đến quỳ dưới chân các Ngài.” Tôi từ bỏ tất cả để theo bà và tôi không bao giờ luyến tiếc sự tin cậy mà tôi đã đặt nơi bà Blavatsky. Tính ưa chỉ trích là một hậu quả của nghiệp báo, nó làm cho người có tính ấy học hỏi chậm hơn những người sẵn sàng chấp nhận điều gì hợp lý.

Nên nhớ rằng chúng ta không thể cho huyền bí học là một trò chơi, hành động như thế không có lợi chi cả và còn làm cho chúng ta mất thì giờ. Nếu huyền bí học không đưa đến ích lợi hàng đầu trong đời sống, thì

nó vô giá trị. Chúng ta không thể liệt kê nó vào hạng thứ nhì, thứ ba, hay thứ mười bảy trong đời sống, như nhiều người tử tế cố gắng làm. Nó phải chiếm hàng đầu trong đời sống và nhiên hậu tất cả những việc khác phải tùy thuộc nó. Sự tin cậy vào đức Thầy, có nghĩa là chúng ta tin Ngài biết đích xác những điều ta phải làm, và những lời nói của Ngài diễn đạt đúng đắn tư tưởng của Ngài. Vậy nếu trong sách này, Ngài đưa ra vài nguyên tắc chính xác, chúng ta phải gắng sức tuân theo. Tôi biết điều đó hình như khó khăn, và cũng rất khó cho người ta chấp nhận. Người ta nói rằng: “Vâng, Ngài có ý nói gần giống như thế, hoặc điều gì tương tự như thế.” Nhưng cần biết rằng lời nói của đức Thầy diễn đạt chính xác tư tưởng của Ngài. Nếu chúng ta không tin Ngài, chúng ta bị thất bại, chúng ta phải tự trách lấy mình. Trong khoa huyền bí học, chúng ta phải từ bỏ sự giả trá của cõi trần để đi vào ánh sáng của chân lý, vượt ra khỏi thế giới của chúng ta để đi vào thế giới của các Ngài.

**Nếu không hết lòng tin cậy thì từ ái và thần lực không thể truyền qua hết được.**

**C.W.L.-** Nếu còn nghi ngờ về sự hiện hữu của đức Thầy, hoặc nghi ngờ chúng ta không bao giờ đi đến Ngài được hay là không tiến bộ được, sẽ làm cho những sự rung động chuyển sang một chiều hướng xấu, và người hoài nghi đó không thể làm một vận hà hữu dụng được. Cho nên đệ tử phải tin cậy đức Thầy và thương yêu Ngài. Đồng thời họ phải thương yêu nhân

loại với một tình thương hoàn toàn vô tư lợi. Ý muốn không thay đổi của đức Thầy là đạt được mục đích mà ít hao tổn thần lực, để Ngài có thể tích trữ nó nhiều để dùng vào những việc khác. Người nào ở trong tình trạng như tôi đã mô tả, không phải là một vận hà tốt, vì thế họ không thể hữu dụng cho đức Thầy. Thật đáng tiếc cho chúng ta không được Ngài dùng lúc Ngài cần sự giúp đỡ của chúng ta, do sự rung động của những thể của chúng ta xua đuổi ảnh hưởng của Ngài, thay vì phải đem nó truyền sang cho kẻ khác.

Tôi nhớ trường hợp của người kia, vô cùng mong muốn được làm đệ tử của một đức Chân Sư. Người ấy đã phụng sự Ngài bằng nhiều cách và điều mong ước lớn nhất của người ấy là được thấy Ngài. Tôi đang ở trong nhà người ấy, trong khi đức Thầy ở trong xác thân đến thành phố mà người ấy cư ngụ. Tuy nhiên, Ngài không vào nhà, tôi gặp Ngài ở ngoài và nói chuyện lâu với Ngài, nhưng Ngài không thể vào thăm người muốn làm đệ tử của Ngài, vì đúng lúc ấy thể vía của người này bị kích động mãnh liệt, vì bị vài thứ đam mê mê tiện xâu xé. Thế là mất cơ hội duy nhất của một kiếp sống, mà cũng có thể là cơ hội duy nhất của nhiều kiếp nữa. Nếu người này biết được đức Thầy ở gần một bên, tôi chắc chắn rằng tất cả sự đam mê của hắn sẽ rơi xuống tức khắc. Nếu đức Thầy dùng quyền năng của Ngài phá tan sự đam mê ấy để cho hắn thấy Ngài, phải tổn hao nhiều thần lực của Ngài.

Đừng nghĩ rằng đức Thầy phiền trách chúng ta, vì chúng ta không tin cậy hoặc có những cảm tưởng khác tương tự, hay vì Ngài tỏ ra khó khăn không chịu phí thì giờ để phá tan sự đam mê của người chí nguyện để giúp họ. Ngài chỉ làm những gì hữu ích nhất cho công việc của Ngài mà thôi. Không có một lý do tình cảm nào làm cho Ngài thay đổi chiều hướng. Trong những tình trạng nghiêm trọng, phải dùng người thích hợp nhất, dù họ là bạn hữu hay không cũng thế, nếu gạt người ấy qua một bên để chọn một kẻ kém khả năng hơn, vì lẽ người ấy là bạn thân của chúng ta, chúng ta không làm tròn bổn phận. Chẳng hạn trong một trận đại chiến, muốn điều khiển những cuộc hành quân hoặc để điều khiển bộ phận nào hay ủy ban nào đặc biệt, thì phải dùng viên tướng giỏi nhất hay những người có biệt tài. Đây không phải là lúc dùng chính sách thân thích để tìm một chỗ cho con cháu của một nhân vật nào đó. Phải có người làm việc giỏi nhất, vì quyền lợi tối cao cho mọi người mà công việc phải được thực hiện hoàn hảo, tốt đẹp.

Trong huyền bí học cũng thế: Nếu công việc phải được hoàn thành, các Đấng điều khiển sẽ dùng người có đủ tư cách nhất. Nhiều năm làm việc cho Ngài cũng không là đặc quyền đòi hỏi được nhận lãnh nhiệm vụ, hoặc được Ngài để ý đến. Bổn phận của đức Thầy là chọn người có thể hoàn thành công việc, dù là người mới đến với Ngài hay đã phụng sự Ngài nhiều năm.

Bất cứ là một người nào biết đặt đẽ công việc lên trên tất cả, đều vui mừng khi thấy kẻ khác làm được công việc đó tốt đẹp hơn mình. Ông Ruskin có nói như sau: “Dù là việc của tôi, của bạn, hoặc của một kẻ khác, có quan hệ gì? Nó đã thành công.” Bạn đừng do dự tuyên bố việc đã thành công đó, dù chính bạn thực hiện nó. Bạn cũng đừng quên nhìn nhận tác phẩm có thể toàn hảo hơn, nếu do kẻ khác hoàn thành, vì cá nhân của tác giả không có gì quan trọng. Trong tác phẩm của ông Ruskin người ta nhận thấy nhiều đoạn rất đặc sắc. Tôi nghĩ ông không biết chi về huyền bí học cả; vả lại tôi cũng dốt về khoa ấy trong thời kỳ tôi biết ông, nhưng nhiều trang trong tác phẩm của ông, đã mang thật sự tính cách của khoa huyền bí học.

**Con phải tự tin. Con nói rằng con tự biết mình quá rõ? Nếu con cảm thấy như thế, con chưa tự biết mình đâu; con chỉ mới biết cái vỏ yếu ớt bên ngoài mà nó thường bị sa lầy. Nhưng con – con người thật – là một Ánh Linh Quang trong khối lửa của Thượng Đế; và Thượng Đế – Đấng toàn năng – ở trong con, do đó nếu con muốn, không việc gì mà con không thể làm được. Con hãy tự nhủ: “Những điều gì mà con người đã có làm rồi, thì con người có thể làm được, tôi là con người, và cũng là Thượng Đế trong con người nữa, tôi có thể làm việc này, và tôi sẽ làm được.” Vì khi con đặt chân lên đường đạo, ý chí con phải cứng rắn như thép đã trui vậ.**

**A.B.-** Khi đem những lời giáo huấn mà chúng ta mới bình luận trên đây trình bày cho vài người và khuyên họ từ bỏ những sự dai dột, lằm lạp về hạnh kiểm của họ, đôi khi họ đáp lại rằng: “Tôi không thể làm gì được, đó là bản tính của tôi.” Nhiều người dùng lời cáo lỗi này để né tránh. Nếu bạn viện lẽ như thế, bạn không thật chân thành, nhưng bạn phải thật chân thành. Bạn không thể đùa giỡn với những vấn đề nghiêm trọng đó, dù mục đích mà bạn chọn lựa thế nào chẳng nữa, sớm hay muộn bạn cũng sẽ đạt được nó.

Nếu bạn nói: “Tôi không thể làm được gì,” chắc chắn là bạn sẽ không làm được, vì tư tưởng này làm bạn tê liệt. Đó là một lỗi lầm rất tai hại, nó ngăn cản mọi sự tiến bộ, làm cho bạn đứng yên lại một chỗ trong nhiều tháng, nhiều năm. Chẳng khác nào một người tự cột chân mình rồi nói: “Tôi không đi được.” Đúng thế, vì người ấy đã ra sức tự trói mình. Hãy tháo dây ra, nếu không muốn ngồi một chỗ, rồi sẽ sử dụng đôi chân khá dễ dàng. Bạn có thể làm được, bạn hãy từ bỏ tư tưởng lằm lạp mà bạn đã để nó làm cho bạn tê liệt. Bạn hãy nghĩ trong trí là bạn có thể hành động hữu hiệu, rồi sự tiến bộ nhanh chóng của bạn sẽ làm cho bạn ngạc nhiên. Nếu bạn không đồng ý như thế, chỉ vì bạn không chân thành như ý đức Thầy muốn, bạn chỉ giả vờ là người chân thành. Tôi không nói rằng bạn không cố gắng, nhưng sự cố gắng đó không có gì đáng kể.

Để xem những nhận xét trên có ý nghĩa gì, khi áp dụng vào những vấn đề thuộc về đời sống vật chất,

nghề nghiệp của bạn, để nuôi dưỡng vợ, con. Nếu bạn biết rõ trong vấn đề này có một chướng ngại nào chặn đường bạn, bạn nhất định phải vượt qua nó tức khắc và bạn sẽ dùng hết sức mình vào việc đó, bạn sẽ không ngồi một chỗ và nói: “Tôi không thể làm gì được.” Bạn hãy đứng đắn trong vấn đề này, và bạn cũng nên đứng đắn trong tất cả những việc ít quan trọng hơn. Nếu người ta không chân thành trong công việc, thì công việc ấy có thể trở thành một vấn đề trở ngại.

Câu xin đức Thầy trợ giúp rất vô ích, nếu chính bạn không cố gắng thoát ra khỏi mọi khó khăn. Như việc bạn cầm cái tách và lấy tay đập kỹ miệng tách để cầu xin nước. Khi nước rót xuống, nó chảy trên bàn tay của bạn, rồi tràn ra chung quanh cái tách, bạn không hứng được miếng nước nào cả. Khi nào một người cố gắng làm hết sức mình, tức là họ hành động theo cách thức huyền bí học vậy. Kết quả sự cố gắng ấy không biểu hiện ngay trong ngoại giới, nhưng đang súc tích năng lực, cuối cùng nó sẽ đạt được sự thành công.

Điều gì bạn phải làm, vốn đã được làm rồi và còn có thể thực hiện lại nữa, khi nào bạn còn nghĩ là không thể làm được, thì bạn thật sự bất lực vậy. Trái lại, **nếu bạn tự nói rằng: “Những việc này phải làm, tôi sẽ làm,”** rồi bạn sẽ thực hiện được. **Hãy quyết định như thế, tư tưởng của bạn sẽ thành một vị thần hộ mạng, luôn luôn ở bên cạnh bạn để bảo đảm sự thành công.** Trái lại, như người Công giáo đã nói: Ở cạnh bạn có một con quỷ do tư tưởng của bạn đã sinh ra. Sinh ra con quỷ

như thế thật là vô ích, **tốt hơn nên sinh ra một vị thiên thần, một hình tư tưởng lớn: “Tôi có thể và tôi muốn làm.”**

C.W.L.- Thật vậy không có điều gì mà con người không thể làm được, nhưng không thể nói rằng họ sẽ thành công tức khắc, đó chính là điều mà đôi khi người ta lầm lạc. Tôi biết điều này rất rõ, vì tôi nhận được nhiều thư gởi đến cho tôi do những người lâm vào những hoàn cảnh khó khăn, nghiêm trọng, thí dụ trở thành nô lệ của rượu chè hay những chất ma túy hoặc những ám ảnh khác. Thường thường họ nói với tôi rằng: “Tôi không còn nghị lực nữa, tôi không thắng nổi những khó khăn của tôi, phải làm sao bây giờ?” Phải gặp những trường hợp như thế mới biết được nỗi khùng khiếp của những sự mê say ấy ảnh hưởng đến con người như thế nào, chúng nó tiêu diệt ý chí con người và không cho con người làm được việc chi cả.

Trong những trường hợp đó đôi khi người ta nghĩ đến sự hủy mình, đó là định kiến rất tai hại. Một người dù bị què quặt, tàn phế suốt đời, cũng phải lợi dụng những dịp may còn lại, phải thu hết toàn lực, và tiếp tục dũng cảm phấn đấu. Sự tự tử sẽ đem con người trở lại tình trạng tương tự mà họ muốn tránh, thêm vào đó là quả xấu do hành động ấy gây ra. Kẻ thất vọng phải tự nói rằng ý chí của mình vẫn tồn tại, dù nó còn tiềm tàng. Dù ý chí này không mang lại thành công, nhưng ý chí vẫn tồn tại, vì đó là ý chí của đức Thượng Đế biểu hiện trong mỗi người. Ý chí đó cần phải được khai



thông, phát triển, và điều đó có thể thực hiện dần dần. Sự tận tụy của một thân nhân hoặc một người bạn thân, với tình thương dồi dào và nhẫn nại để săn sóc một người bệnh, có thể tác động như một ân huệ thật sự từ Thượng Đế.

Người ấy đã làm gì phải lâm vào tình trạng như thế? Có lẽ trong trọn kiếp này, hay có thể trong một, hai kiếp trước, họ đã tự ý nhượng bộ tinh chất dục vọng, chiều theo sự cám dỗ của bản tính thấp hèn và bằng lòng làm nô lệ cho nó. Trước nhất, họ cần phải chống chọi lại, nhưng họ không làm, khi thế lực xấu không gặp sự kháng cự nào, sức mạnh của nó gia tăng đến nỗi họ không thể ngăn chặn nó lại được tức khắc. Tuy nhiên, họ có thể bắt đầu làm việc đó. Chúng ta hãy lấy thí dụ một người kia đẩy toa xe lửa. Trong một nhà ga ở tỉnh, nơi người ta có đủ thì giờ, bạn có thể thấy một người phu đẩy một toa xe từ đường rầy này sang đường rầy khác. Bạn thấy hắn làm như thế nào? Đồ vật công kênh và nặng đến hàng tấn, hắn đẩy liên tục, ban đầu nó không nhúc nhích, nhưng nó đã bắt đầu chuyển động, hắn cứ đẩy luôn và sự chuyển động tăng dần. Bây giờ hắn tìm cách dừng xe lại, nhưng không thể làm cho nó dừng ngay được. Nếu hắn không tránh, sẽ bị té và bị xe cán nát. Hắn phải tiếp tục cố sức chống lại nó, bằng một lực nghịch lại nó, cuối cùng hắn làm cho nó dừng lại được. Hắn đã đặt vào nó một số năng lực mà không thể lấy lại được, nhưng có thể trung hòa nó bằng một năng lực tương đương.

Người nào tự nạp mình cho tinh chất đục vọng sẽ rơi vào tình trạng giống như thế. Họ đã truyền vào nó một sức mạnh lớn lao, bây giờ phải kháng cự lại. Người ta nói: “Sức mạnh này quá lớn.” Đúng thế, nhưng nó có giới hạn. Nếu con người có thể xét việc đó không phải theo tình cảm, nhưng theo quan điểm trừu tượng như khi giải một bài toán, họ sẽ không nói: “Tôi chỉ là một côn trùng nhỏ nhoi đối với cái lực to lớn này,” và họ ra sức chống lại nó. Họ có thể tuyệt đối chắc chắn rằng sức mạnh mà họ đã truyền vào tinh chất đục vọng vốn có giới hạn. Nhưng hiện giờ, họ có một sức mạnh vô giới hạn. Vì con người là những Tia Lửa thiêng, con người có toàn lực của Thượng Đế bên trong. Mỗi lần chỉ có một chút ít lực đó truyền qua chúng ta, nhưng nó tuôn xuống không ngừng.

Tất cả những điều này phải được xét theo quan điểm của chân ngã, Ngài có thể làm những chuyện đó và Ngài sẽ làm. Trong địa hạt phát triển huyền bí học không có công việc nào đáng làm mà lại có thể thành đạt ngay được. Âm nhạc trong tâm hồn trời lên cũng chưa đủ, lỗ tai và đôi bàn tay phải luyện tập có phương pháp mới làm cho chúng ta thành một vận hà thích hợp cho quyền năng của âm nhạc. Cũng vậy, chơn Nhơn phải bền chí luyện tập những thể của nó.

Đôi khi người ta nói: “Nếu bây giờ tôi không thắng được thói xấu đó, tôi sẽ chờ đến ngày tôi thay đổi thể xác khác.” Nói như thế là quên rằng xác thân kiếp sau sẽ có tính khí và tư chất y như xác thân hiện giờ, nếu

người ta không chịu làm gì để sửa đổi nó, và tình trạng đáng tiếc sẽ tiếp tục trong thể xác của kiếp kế. Trái lại, quyết định chiến đấu với chúng bây giờ, và thí dụ chúng nó thống trị con người đến ngày cuối cùng của kiếp này đi nữa, trong kiếp tới con người cũng sẽ được một thân xác thật tốt đẹp hơn. Đối với các cõi cao hơn cũng giống như thế, vì hạnh kiểm xấu, một người có thể làm tổn hại thể trí của họ nặng nề đến nỗi nó không phục hồi được tình trạng đầu tiên. Tuy nhiên, nếu nhất quyết phấn đấu chống lại tật xấu, trong kiếp tới họ sẽ được một thể trí tốt đẹp, thay vì thể trí đầy những khuyết điểm như trước. Trong trường hợp này, cũng như trong trường hợp khác, sự phấn đấu chính yếu vốn ở ngay buổi đầu; lòng tự tin tăng trưởng càng ngày càng mạnh hơn.

Có nhiều người muốn đem yếu tố tình cảm vào sự tương giao giữa họ với đức Thầy, những người khác lại muốn thoát khỏi những sự báo ứng của những định luật thiên nhiên. Họ muốn tức khắc được giải thoát khỏi mọi tội lỗi và đau khổ. Người Công giáo đa cảm sẽ nói: “Chính ngay từ giờ phút này bạn được cứu rồi nhờ máu của đức Jesus. Bạn sẽ được tuyệt đối thoát khỏi mọi phiền não mà hình như chưa bao giờ có đối với bạn.” Viễn ảnh ấy có phần hấp dẫn về vài phương diện, nhưng nó đã sai lầm. Sự thật là **khi bạn quay về và đi theo chiều hướng tốt lành của Thiên ý, bạn giải thoát được tất cả những sự khốn khổ, phiền não trong lòng bạn mà trước kia do sự chống lại Thiên ý sinh ra.**

**Nhưng không phải vì thế mà những hậu quả bên ngoài của những hành động đã qua của bạn được xóa bỏ. Bạn đã hoàn thành sự biến đổi, bạn là con người đã hoán cải và giờ đây bạn đang dẫn thân vào con đường tốt đẹp. Nhưng bạn còn phải chịu hậu quả tai hại do đường đi sai lầm của bạn trước kia.**

Chỉ trong chốc lát cũng đủ thay đổi thái độ của bạn, dĩ nhiên bạn được ân xá rồi. Trên phương diện tinh thần, không có chi chướng đối lại bạn nữa, bạn đã được miễn tội. Nhưng một linh mục Chính Thống Giáo không ngần ngại nói với bạn rằng: “Tôi không tự phụ xóa bỏ được hậu quả của những hành vi xấu. Nếu bạn đã sống một cuộc đời truy lạc, bạn đã làm sức khỏe bạn suy kém, tôi không thể làm gì được. Những hậu quả này còn lưu lại và sự sám hối của bạn là rán sức sửa chữa lại những sự hư hỏng. Điều mà tôi có thể sửa chữa lại được là sự phạm tội lỗi. Nói theo danh từ của giáo hội, bạn đã chống lại với đức Chúa Trời; tôi có thể làm cho bạn đi lại con đường ngay chính. Ở đây sự ân xá của tôi sẽ đem đến một sự lợi ích cho bạn. Đó là quyền năng của ý chí cao siêu đã thay thế cho dục vọng thấp kém. Nó sẽ dẫn dắt bạn đến chỗ bạn muốn đến; nó sẽ giúp bạn ở lại trong đường chân chính. Nhưng những hậu quả vật chất vẫn tồn tại.” Riêng cá nhân bạn, bạn có thể sửa đổi thái độ của bạn. Vị linh mục có thể đem bạn về với chánh đạo trên cõi cao hơn, là nơi bạn không có đủ quyền năng. Tôi không nói rằng chúng ta không thể thực hiện điều này một mình, nhưng chúng ta phải làm

với một sự cố gắng lớn lao, một cách vụng về và thiếu khoa học. Đó là năng lực ẩn bên trong của sự xá tội. **Nhưng nó không thể miễn trừ cho con người hậu quả của tội lỗi do họ đã gây ra, định luật thiên nhiên không tác động theo đường lối đó.**

Còn một nhận xét khác cần phải thêm vào: Bao giờ chúng ta chưa khai mở được ý chí và tự chủ, chúng ta chưa thể thực hiện sự hiến mình cho đức Thầy. Người ta nói rằng: “Tôi hiến mình trọn vẹn cho đức Thầy.” Nhưng phải chăng hiến nhiên là người ta không thể nào hiến dâng hoàn toàn khi một phần nào cái ngã còn chứa chấp những tính xấu. Đây còn là một lý do để chúng ta mở mang ý chí. Đức Thầy nói rằng ý chí phải giống như thép đã trui. Tôi nhớ rất rõ trường hợp này, vì Alcyone không hiểu ý nghĩa của từ ngữ “thép đã trui”, nên cần phải cụ thể hóa một chút để giải nghĩa cho em hiểu. Chẳng phải có một ý chí sắt đá, mà phải có một ý chí bằng thép, một ý chí không có gì lay chuyển nổi. Ý chí đã sẵn sàng; quyền năng thiêng liêng cũng ở trong ta. Chúng ta chỉ cần khai mở và tự điều luyện lấy mình. Lúc ấy chúng ta mới có thể đặt dưới chân đức Thầy cái ý chí đó như một món quà tuyệt đẹp và vinh quang.



PHẦN THỨ NĂM

HẠNH BÁC ÁI

## CHƯƠNG 24

### SỰ GIẢI THOÁT, CÔI NIẾT BÀN VÀ SỰ GIẢI THOÁT KHỎI VÒNG SINH TỬ

(Liberation, Nirvana and Moksha)

Trong số tất cả các đức tính, hạnh bác ái là quan trọng hơn hết, vì nếu một người nào có lòng bác ái khá mạnh, nó sẽ buộc hẳn phải có những đức tính kia, và nếu không có hạnh bác ái, những đức tính kia sẽ không bao giờ được coi là đầy đủ. Người ta thường giải thích hạnh bác ái là một ý muốn mãnh liệt để được giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi và được hợp nhất với Thượng Đế. Nhưng nói theo cách ấy có vẻ ích kỷ và chỉ cho thấy có một phần ý nghĩa mà thôi.

C.W.L.- Chúng ta đã nói trong quyển sách này rằng những đức tính không được phiên dịch theo cách thông thường. Trong sự khác biệt này, có một chỗ quan trọng hơn hết là dịch chữ Mumukshatva là “Bác Ái.” Gốc rễ chữ này là Muk có nghĩa là: “Phóng thích, hay giải thoát.” Ngữ căn được biến đổi và lặp lại, thành ra có chữ Mumuksh là “muốn được giải thoát.” Mumuksha là danh từ, có nghĩa là “sự muốn được giải thoát.” Sau cùng, Mumukshatva nghĩa là “Trạng thái của người ước mong được giải thoát.” Tiếp vĩ ngữ tva gần giống như chữ Anh là “ness”, như trong chữ

“Eagerness.” Từ gốc rễ ấy sinh ra chữ Moksha, là “sự giải thoát, sự phóng thích, hoặc tự do”.

Người ta thường hỏi có phải Moksha đồng nghĩa với Nirvana (Niết Bàn) không? Hai chữ ấy khác nghĩa nhau, nhưng chúng ta có thể dùng làm từ ngữ để diễn tả cùng một trạng thái của sự hiện hữu, hay là trạng thái vượt ra ngoài điều mà chúng ta gọi là sự hiện hữu. Chữ Nirvana có cội rễ va gắn liền với tiếp đầu ngữ nis là “thôi, hay thôi tất.” Vậy nó được phiên dịch là “sự thôi tất”. Moksha là thoát vòng sinh tử. Nirvana là sự thôi tất tận diệt những gì thuộc về nhân tính, tức là những gì chúng ta thường cho là thuộc về bản ngã, đã trói buộc con người vào vòng luân hồi. Vài người Ấn giáo quan niệm Moksha như một trạng thái tiêu cực. Họ cố gắng hủy diệt mọi sự ham muốn cá nhân, mọi quyền lợi của con người, để mà không còn vật nào hoặc người nào có thể quyến luyến, lôi kéo họ tái sinh. Họ đã thoát ra khỏi bánh xe sinh tử luân hồi, trong một thời gian lâu dài. Tuy nhiên, đa số người Ấn giáo lại nghĩ đến một trạng thái toàn phúc không thể diễn tả, theo sau trạng thái ảo ảnh của sự chia ly, được gọi là Kaivalya, là độc lập, duy nhất tuyệt đối. Đối với vài người Phật tử, niết bàn là sự tịch diệt hoàn toàn. Trái lại, đối với những người khác, niết bàn chính là sự nhận được sự minh triết và sự thụ hưởng phúc lạc, nó xóa bỏ mọi ý niệm xưa về bản ngã và về những kinh nghiệm của cái ngã, vì nó tuyệt nhiên không thể mô tả được. Như thế, người ta thấy rằng



cùng chung một tôn giáo, cũng có nhiều ý kiến khác nhau.

Những người Thông Thiên Học như chúng ta, đôi khi áp dụng danh từ niết bàn cho trạng thái tâm thức đặc biệt trên cõi niết bàn hay là cõi tinh thần, nhưng chúng ta cũng hiểu niết bàn là một trạng thái của bậc siêu nhân hay các vị Chơn Tiên đã được năm lần điếm đạo. Các Ngài chọn một trong bảy con đường mở ra trước mặt các Ngài. Con đường ấy rất giống cõi niết bàn thật sự của Phật giáo – nó không phải là “sự thối tất” của Phật giáo nam tông, mà là sự an nghỉ và phúc lạc vô biên của Phật giáo bắc tông.

Vị La Hán là người đã được bốn lần điếm đạo. Vị ấy có thể đem tâm thức lên cõi niết bàn và thực nghiệm sự sống tràn ngập ở cõi này, như tôi đã mô tả trong quyển “Đời Sống Nội Tâm” (The Inner Life) và quyển “Chân Sư và Thánh Đạo” (The Master and The Path). Tâm thức ấy siêu việt rộng lớn hơn tất cả những điều mà chúng ta biết ở dưới trần, cho đến nỗi người ta ái ngại khi sử dụng danh từ tâm thức để chỉ cái đó. Vị La Hán trở nên là một với tâm thức rộng lớn hơn, người đã không còn ý tưởng về sự chia rẽ. Không thể diễn tả những ý niệm này bằng lời nói, vì chúng ta không có những danh từ để diễn đạt.

Thật hết sức khó mà dịch cho đúng nghĩa những tác phẩm chữ Phạn. Người nào có tiếp xúc qua tâm thức của cõi niết bàn sẽ hiểu ý nghĩa của nó mà những

tác giả xưa đã mô tả, vì đã có kinh nghiệm rồi. Người ta không thể nhờ một quyển tự điển để giải nghĩa đích xác những danh từ ấy. Hãy tưởng tượng một người không biết chi về Thiên Chúa giáo, cố gắng hiểu nghĩa chữ “grace” (ân trên, ân huệ). Nếu tra tự điển sẽ thấy nó có nghĩa tương tự như chữ “graceful” (mảnh mai) hoặc “gracious” (kiều diễm) thành ra không đúng với nghĩa ân huệ. Cũng giống như chữ “dispensation” (sự miễn trừ) của giáo hội, có ý nghĩa thật khác xa với ý nghĩa thông dụng ngoài đời. Mỗi tôn giáo có một số từ ngữ đã mang một ý nghĩa đặc biệt theo thời gian. Rất khó mà hiểu biết những ý niệm ấy một cách đúng đắn, trừ phi chúng ta là người theo tôn giáo đó ngay từ thời thơ ấu và đứng về phương diện bên trong. Buổi đầu của phong trào Thông Thiên Học, trong chúng ta không ai biết tiếng Phạn cả. Bà Blavatsky khá thông thạo về những tôn giáo Ấn Độ, nhưng bà không biết chữ Pali (nam Phạn) và Sanskrit (bắc Phạn). Phương pháp của bà là cố gắng diễn tả những gì chính bà thấy được, rồi hỏi một bạn Ấn Độ nào đang có mặt: “Bạn gọi điều đó là gì ở trong hệ thống của bạn?” Thường thường người bạn không hiểu rõ điều bà muốn nói, nhưng cho bà một chữ gần đúng nhất. Lần kế bà cần một danh từ, bà hỏi một người khác, nhưng bà quên để ý rằng người thứ nhất có thể là người thuộc Ấn giáo và người thứ nhì là Phật giáo, hoặc những người Ấn giáo khác nhau có thể thuộc về những trường phái triết học khác nhau.

Hơn nữa, bà Blavatsky không phải là một giáo sư khoa học, trình bày một lý thuyết, rồi minh chứng bằng những thí nghiệm thích nghi và đưa ra những bằng chứng lần lượt theo sự diễn tiến. Bà không làm việc theo một kế hoạch nào hay một khuôn khổ nào để xếp đặt có mạch lạc những sự hiểu biết mới. Bà đưa ra những tường trình, nhưng ngôn ngữ lại không hòa hợp với nhau, và bà trả lời với những người xin bà giải nghĩa rành rẽ như sau: “Đừng bận tâm đến những sự mâu thuẫn. Hãy suy nghĩ về những gì tôi tường thuật mà thôi.” Ý tưởng của bà minh bạch phi thường, và sự hiểu biết của bà không ai chối cãi được.

Phương pháp diễn đạt của bà trái ngược với phương pháp của thời đại hiện nay. Trước hết chúng ta giải thích rất kỹ lưỡng những từ ngữ rồi sau đó mới quy cho nó một ý nghĩa cố định. Theo đó, khoa học và triết học trở thành một thứ trò chơi như cờ tướng, mà những nước đi của mỗi con cờ đều phải đúng theo quy tắc. Đối với bà, ngôn ngữ là những vật sống động, có thể nói đó là hình tư tưởng ở cõi trần, dùng để kêu gọi trong trí của thánh giả những sự hiểu biết có sẵn trong trí bà.

Muốn hiểu biết tất cả những mối liên hệ phức tạp giữa chân ngã và phàm ngã, trước hết chúng ta phải biết đích xác những điều đó là gì? Vấn đề này đã được phô diễn rất nhiều trong văn chương Thông Thiên Học. Tôi đã đề cập đến điều đó trong quyển “Chân Sư và Thánh Đạo”. Để tóm lược những ý tưởng của chúng ta một cách vắn tắt và giản dị, chúng ta có thể quan niệm

có ba trạng thái trong con người mà thánh Paul đã nói đến từ lâu, đó là: thể xác, linh hồn và tinh thần. Danh từ Thông Thiên Học tương ứng là: phàm ngã, chân ngã và Chân Thần. Chân Thần vốn thật là thiêng liêng, nó là tia sáng của ngọn lửa vĩnh cửu, và về tất cả các phương diện nó là phần tử của đức Thượng Đế. Dĩ nhiên, theo một ý nghĩa cao siêu nhất, tất cả đều là phần tử của đức Thượng Đế. Không có gì mà không phải là Ngài, và điều này đúng thật từ vật chất đến tinh thần. Tuy nhiên, có một ý nghĩa rất đặc biệt trong đó người ta có thể cho rằng Chân Thần như một mảnh nhỏ của Thượng Đế biểu hiện khi xuống cõi dưới. Tôi biết rõ là không đúng với triết lý, khoa học, mà cũng không chính xác khi nói đến một mảnh của cái bất khả phân ly. Nhưng vì chúng ta không có từ ngữ để diễn tả trạng thái của các cõi cao, nên tất cả những gì chúng ta có thể nói đều tuyệt nhiên không thích hợp, do đó còn đưa đến chỗ sai lạc nữa. Vài tác giả cho rằng Chân Thần là phản ảnh của Thượng Đế, và chân ngã như một phản ảnh của Chân Thần, còn phàm ngã là đại diện của chân ngã. Về phương diện diễn tả theo ý nghĩa ấy có những ích lợi của nó, tuy nhiên tôi thấy cách giải thích sau đây có vẻ đúng hơn: Chân Thần có thể được xem như một phần tử của Thượng Đế, chân ngã là một phần tử của Chân Thần, và đến lượt phàm ngã là một phần tử của chân ngã.

Đức Thượng Đế của hệ thống vũ trụ của chúng ta vui lòng phóng ra một số lượng vĩ đại Chân Thần từ trong lòng Ngài. Đó là phần việc của sự phát triển vô

tận. Nếu chúng ta có thể dùng sự so sánh này với tất cả tấm lòng tôn kính, **những Chân Thần tuôn xuống từ đức Thượng Đế như những Tia Lửa sau khi xuyên qua những cõi vật chất, sẽ trở về với Ngài như những Vàng thái dương vĩ đại và rực rỡ. Mỗi vàng thái dương có khả năng ban sự sống và ánh sáng cho một hệ thống mỹ lệ, qua đó và nhờ phương thức đó mà hàng triệu Chân Thần khác tới phiên chúng có thể lần lượt phát triển.**

Sự biểu hiện thiêng liêng từ cao độ kỳ diệu này, mà chúng ta gọi là Chân Thần, không thể diễn tả được bằng danh từ mà chúng ta biết ở bất cứ một cõi nào. Nhưng dường như cõi thấp nhất mà Chân Thần có thể xuống tới trong cuộc vận hành ly tâm của nó là cõi mà chúng ta gọi là cõi Chân Thần. Người ta nhớ rằng trong bảng danh mục của bà Besant có kể cõi cao nhất trong bảy cõi mà chúng ta được cho biết gọi là cõi thiêng liêng. Cõi thứ nhì (đi xuống dưới), là cõi Chân Thần; cõi thứ ba là cõi tinh thần và cõi thứ tư là cõi trực giác. Nhưng muốn hoàn thành Thiên ý, cần phải đi xuống nữa vào trong vật chất. Dường như Chân Thần không thể xuống thấp hơn nữa được, song nó có thể phóng ra một phần hay một mảnh của chính nó, có thể đi xuống tới ba cảnh cao của cõi trí tuệ. Trên đường đi xuống, mảnh ấy tự biểu hiện trên cõi tinh thần hay niết bàn như là Atma tam vị. Từ đó, sự biểu hiện thứ nhất ở lại cõi niết bàn, sự biểu hiện thứ nhì đi xuống cõi trực giác và tự bao bọc mình bằng chất bồ đề. Sự biểu hiện thứ ba, hay trạng thái thứ

ba, xuống cõi thấp kể đó ngự tại phần cao của cõi trí tuệ, mà ta gọi là thể thượng trí. Vậy chân ngã (danh từ dùng để gọi mảnh của Chân Thần phóng xuống) gồm có Atma, Buddhi và Manas, mà chúng ta tạm dịch một cách không hoàn chỉnh lắm bằng Anh ngữ là: ý chí thiêng liêng, minh triết trực giác và trí thông minh linh hoạt.

Sau cùng chân ngã phóng xuống một mảnh thật nhỏ bé của nó xuyên qua cõi hạ thiên và cõi trung giới, và biểu lộ trong xác thân. Mỗi lần đi xuống liên tiếp như thế là bị một sự hạn chế không thể diễn tả được. Như thế con người chúng ta gặp ở cõi hồng trần này, chỉ là một mảnh vụn của một mảnh vụn. Đó là sự diễn tả hết sức bất toàn về con người thật mà chúng ta không thể quan niệm nổi, dù bằng ý tưởng mơ hồ nhất, về con người “sẽ là” ở mức cuối cùng của cuộc tiến hóa.

Những chân ngã mà chúng ta liên hệ hằng ngày vốn thuộc nhiều giai đoạn khác nhau của con đường tiến hóa thăm thẳm lạ kỳ này. Trong tất cả những trường hợp, trước tiên chân ngã ở tại cõi của nó như chúng tôi đã nói, ấy là ba cảnh cao hơn hết của cõi thượng giới hay là cõi trí tuệ. Ở cõi này, nó hoàn toàn riêng biệt với sự biểu hiện của nó là phàm ngã. Nó có thể hoàn toàn thức tỉnh, ý thức những gì ở chung quanh, và sống một cách linh hoạt. Trái lại, nó có thể nửa mê nửa tỉnh, hầu như hoàn toàn vô ý thức đối với những gì ở chung quanh. Vì vậy, nếu nó có thể kinh nghiệm một sự sống linh hoạt, thì chỉ do qua phàm ngã

của nó ở những cảnh rất thấp thôi. Khi con người càng nâng tâm thức của mình xuyên qua những cảnh giới khác nhau, họ sẽ thấy sự rung động của mỗi cõi trên nhanh hơn sự rung động của cõi dưới kể nó. Khi nói chân ngã đã phát triển trên cõi của nó, chúng ta muốn nói là nó đã đáp ứng với tất cả những sự rung động của cõi này một cách đầy đủ. Nếu nó không ý thức đúng mức, những sự rung động thật nhanh sẽ lướt qua nó và không cảm được nó. Muốn ý thức được, chân ngã bị bắt buộc phải xuống thấp nữa và mượn một thể bằng chất liệu thô kệch hơn mới có thể nhận thức được những sự rung động của cõi này. Sự thực tập lâu ngày trong cõi thấp ấy, giúp nó dần dần ứng đáp được với những rung động cao hơn của cõi ấy, rồi theo từng bậc một cách chậm chạp, nó ứng đáp được với những sự rung động cõi trên kể đó. Như thế, tâm thức tự khai mở cho nó một con đường từ bậc này đến bậc khác.

Vậy trong phàm ngã, tâm thức con người phải không ngót hướng lên chân ngã, và khi tâm thức của chân ngã nhờ cách đó phát triển trọn vẹn rồi, thì đến lượt nó trong lúc nó đi lên, nó sẽ hướng về Chân Thần. Trong toàn thể sự tiến dần xuống thấp để nhập vào vật chất, bên Ấn Độ gọi là Pravritti Marga hay là con đường ra đi. Khi đã đến điểm thấp nhất cần đạt được, con người đi vào con đường Nivritti Marga hay con đường trở về. Sự gặt hái trong ngày đã hoàn tất, con người trở về mang theo những bó lúa. Nói một cách khác, con người đã có được một tâm thức hoàn toàn thức tỉnh.

Tâm thức ấy làm cho con người trở nên vô cùng hữu dụng trên những cõi cao siêu hơn là trước khi đi xuống vào cõi vật chất. Trên đường trở về, phần thấp của chân ngã luôn luôn bị cám dỗ, nên nó quên mất sự liên lạc của nó với phần cao siêu. Nó hoàn toàn đồng hóa với sự biểu hiện thấp kém mà nó ý thức được một cách mạnh mẽ hơn, và như thế chính nó đã tự cắt đứt sự liên lạc với phần cao siêu, và nó đã tự có cuộc sống riêng ở thế gian. Tóm lại, chân ngã là một phần tử của Chân Thần, chân ngã cũng bị cám dỗ như thế, nhưng ở trên cõi cao hơn nhiều. Nhưng hiện giờ chúng ta chỉ xét mối liên hệ giữa chân ngã và phàm ngã. Hơn nữa chúng ta xét từ quan điểm của phàm ngã nhìn lên chân ngã để cố gắng hợp nhất với nó.

Chân ngã kết hợp với phàm ngã, vì nó khao khát những cảm giác mãnh liệt. Nó chưa phát triển trên cõi của nó, nó không thể ứng đáp với những rung động cao của cõi ấy. Những làn rung động chậm chạp của những cõi thấp hấp dẫn nó nhiều hơn, nên nó trở đi trở lại nhiều lần để thưởng thức. Càng tiến hóa, khát vọng của nó càng suy giảm dần. Đôi khi chân ngã đã tiến hóa cảm nhận những thú vui và những hoạt động tại cõi riêng của nó, nó đi từ cực đoan này đến cực đoan khác và bỏ quên phàm ngã đang bị giam cầm trong vòng nghiệp quả và chìm đắm trong những tình trạng đau khổ, phiền não, trong khi đó chân ngã vẫn biết mình đã vượt qua khỏi những tình trạng ấy.



Sự khát vọng của nó về những cõi dưới cũng giảm dần theo sự tiến hóa của phàm ngã. Khi trở nên hoàn toàn ý thức trên cõi trung giới, nó bắt đầu thấy đời sống ở cõi hồng trần dường như tương đối lu mờ. Khi đến cõi hạ thiên, cõi trung giới trở nên ảm đạm và u buồn đối với nó. Sau cùng cả ba cảnh thấp nhất này mất cả sức hấp dẫn của chúng khi chân ngã bắt đầu thưởng thức được đời sống mãnh liệt và huy hoàng hơn của nhân thể. Nhiều người đã đi đến mức tiến hóa mà họ có thể di chuyển trên cõi trung giới trong lúc ngủ để hoàn thành những công việc hữu ích nơi cõi ấy. Tất cả những sinh viên huyền bí học đều có thể vía mở mang tốt đẹp và sẵn sàng phụng sự, dù phần đông chưa có thói quen sử dụng nó. Hạ trí của họ cũng có trật tự và sẵn sàng hoạt động. Tham thiền thường xuyên làm phát triển hạ trí và có thể kiểm soát nó dễ dàng. Trong giai đoạn này, con người có thể được học hỏi cách sử dụng thể trí có ý thức, và trong giấc ngủ, họ có thể rời bỏ thể vía và xác thân một lượt. Khi công việc này đã hoàn tất, sự diễn tiến như thế được lặp lại trên cõi thượng thiên, và chân ngã thức tỉnh và hoạt động trên cõi riêng của nó.

Những thể thấp là những y phục tạm thời mà chúng ta khoác lấy để học hỏi cách dùng năng lực ở những cõi mà chúng đang trú ngụ. Khi chúng ta đã hoàn tất công việc này, chân ngã sẽ làm việc một cách toàn vẹn trong nhân thể của nó, sự kiện này xảy ra trong lúc được điễm đạo lần thứ tư, từ đây sự đầu thai lại trong những cõi thấp không còn cần thiết nữa. Khi

đã chiến thắng và làm chủ được những cõi thấp, con người bất cứ lúc nào cũng có thể tạo ra một thể vía và một thể trí tạm thời để xuất hiện và làm những công việc cần thiết. Người nào đã đạt đến trình độ đó sẽ thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi khổ nhục, đau buồn. Có thể chúng ta không luôn luôn thấy sự sinh tử luân hồi là khổ nhục, vì cuộc đời cũng đem đến cho chúng ta chút ít lạc thú. Thật thế, nhưng nếu chúng ta có thể quan sát sự kiện này theo quan điểm của chân ngã, chúng ta sẽ nhận thấy rõ những nỗi buồn phiền không thể tả hết được của tinh thần vĩnh cửu bị bó buộc, giam hãm, cầm tù trong một thể xác không thể làm điều này hoặc việc kia theo ý muốn. Trong khi chúng ta còn phải mang xác thân này, chúng ta phải hết sức lợi dụng nó. Nhưng xác thân chỉ là một thể tạm thời dùng để học hỏi những kinh nghiệm, khi nào đã học xong bài học, chúng ta rất vui lòng vứt bỏ nó.

Người đã có vài kinh nghiệm tại những cảnh cao của cõi thượng thiên, đôi khi cảm thấy bị hạn chế rất nhiều, do sự nặng nề khó chịu của ba cõi thấp. Người ấy nuối tiếc những sự huy hoàng của tự do, tình yêu và chân lý thuộc về những lãnh vực riêng của chân ngã. Họ nhận biết được nguyên nhân phải xuống những cõi tối tăm ấy, và có thể tự nói rằng: “Tôi từ bỏ ý muốn đó, nó là nguyên nhân đầu tiên đem tôi xuống vào vòng luân hồi sinh tử, và tôi sẽ làm quân bình nhân quả của tôi bằng cách hành động mà không mong đợi kết quả.” Người nào có thể quyết định như thế là người đã tiến

hóa, đã suy nghĩ nhiều về vấn đề ấy. Họ là nhà siêu hình học, một triết gia. Họ nói một cách quả quyết rằng: “Tôi muốn diệt trừ sự ham muốn đó. Tôi muốn lập lại sự thăng bằng của cán cân nhân quả một cách đúng đắn; rồi không còn gì có thể bắt buộc tôi trở lại cõi trần nữa.” Khi thành công - xuyên qua lịch sử ở Ấn Độ đã có nhiều người đạt được mục đích ấy – con người sẽ thoát khỏi vòng sinh tử triền miên. Họ sống trên cõi thiên đàng hoặc có thể lên đến cõi thượng thiên, nhưng theo luật, họ không thể vượt lên cao hơn mức độ ấy. Họ đã đạt đến bậc mà người ta gọi là Moksha.

Muốn đạt đến mức độ đó, con người phải vượt lên khỏi tất cả những đam mê và những sự ham muốn thấp hèn, nếu chưa được vậy thì không thể thành công, vì đã quên một khía cạnh của sự tiến hóa. Khi đã hiểu biết hoàn toàn cách thức tác động của luật nhân quả, con người có thể tránh nó được. Nhưng nếu con người không hiểu biết hoàn toàn luật tiến hóa thì sẽ không tự giải thoát được. Người ấy giống như một cậu học trò thông minh, có thể tiến bộ xa hơn các bạn đồng môn khác và đỗ đạt nhiều khoa thi trước chúng bạn, rồi dừng lại không làm gì cả trong ba, bốn năm, trong khi đó thì những đứa trẻ khác bắt kịp cậu ta. Điều đó thật giống những gì đã xảy ra cho người đã đạt đến mức độ Moksha. Người ấy không đạt được mục đích dành cho nhân loại, vì mức cuối cùng của sự tiến hóa của nhân loại là cấp bậc Chân Tiên.

Vị Chân Tiên không những là người đã thoát khỏi vòng sinh tử, Ngài còn là một quyền lực sống động nữa. Ngài đã hợp nhất với Chân Thần, rồi đến lượt Chân Thần, cũng là một tia sáng của Thượng Đế. Mà phương pháp của đức Thượng Đế là tự biểu hiện xuống, tự hy sinh phân thân, ban rải ra khắp nơi trong toàn thể hệ thống của Ngài. Cho nên, người nào đã hợp nhất với Thượng Đế phải thấm nhuần tinh thần tự hy sinh ấy. Vị Chơn Tiên làm việc lành hơn bất cứ nhà từ thiện nào có danh tiếng nhất, và công việc của Ngài được thực hiện không ngừng nghỉ trên những cõi cao siêu. Ngài làm việc vì nhân loại mà Ngài vốn là một phần tử. Như thế nhân quả do sự hoạt động của Ngài tạo ra đều thuộc về nhân loại, chớ không thuộc về Ngài. Cho nên không có chi trói buộc Ngài vào sự tái sinh. Đồng thời toàn thể nhân loại được nâng cao lên một ít. Đó không phải là sự lợi ích thật rõ rệt, vì một số lượng nhân quả ban rải khắp nơi trên thế giới chia cho mỗi người thì nó không bao nhiêu, nhưng nó cũng biểu hiện một sự nâng đỡ không ngừng cho toàn thể. Trong một ý nghĩa nào đó, mỗi người nhận được nhiều hơn một chút cái mà dường như họ xứng đáng được hưởng. Tuy nhiên không có gì là bất công trong việc ấy, như mưa đổ xuống trên những người công bình cũng như trên những kẻ hung ác, vẫn đồng đều cho tất cả.

Khoảng hàng ngàn hoặc hàng triệu năm nữa, người đã đạt đến trạng thái Moksha sẽ thấy rằng triều lưu tiến hóa đã lên đến cao điểm của họ và bao quanh

họ một lần nữa. Sự kiện này bắt buộc họ phải trở xuống đầu thai để tiếp tục con đường tiến hóa. Kẻ tìm quả vị Moksha thường cũng biết là sự giải thoát của họ không phải là mãi mãi, nhưng họ tin rằng lúc họ phải trở lại còn rất xa xăm, và khi ấy có phần chắc là thế giới sẽ tốt đẹp hơn. Họ nói rằng: “Tôi có thể theo đuổi việc mạo hiểm này. Tôi sẽ được giải thoát nhiều ngàn năm và trong thời gian đó tôi sẽ được sống trong sự phúc lạc trên cõi thiên đàng.”

Lý tưởng của chúng ta là được ý thức hoàn toàn trên cõi cao nhất mà chúng ta có thể đạt đến. Chúng ta không có ý muốn được an nghỉ mãi nguyện trên một vị trí nào cả. Mặt khác, chúng ta không muốn bỏ ý thức của chúng ta để đi vào trạng thái xuất thần, như nhiều người đã làm để đạt đến mức độ cao hơn ý thức của họ trong lúc thức tỉnh. Đôi khi người ta nói về “đi vào trạng thái Samadhi” đó là vào trạng thái nhập định (Samadhi) trong lúc tham thiền. Bao giờ chưa nhận thấy nó là một danh từ tương đối, chúng ta sẽ không biết rõ ý nghĩa của danh từ ấy. Đối với bất cứ người nào, Samadhi là điểm tiếp theo cao hơn điểm mà họ còn có ý thức hoàn toàn. Nếu một người chỉ có ý thức được tới cõi trung giới mà chưa tới cõi thượng giới, thì trạng thái Samadhi của họ sẽ là cõi kế đó, tức là cõi thượng giới. Đó là trạng thái vượt cao hơn điểm mà người ta ý thức được, bước qua một loại trạng thái xuất thần mà từ đó người ta trở về với tất cả những cảm giác rục rờ và tốt đẹp, nhưng thường thì không ý thức được một cách rõ

rệt. Trong lúc tham thiền, không nên đi vào Samadhi. Phải giữ ý thức của mình để khi trở về nhớ lại được những gì đã xảy ra. Tôi biết có nhiều người đã đi vào Samadhi, để cảm thấy một sự đẹp đẽ và phúc lạc sâu xa. Tuy nhiên, sự kiện ấy không có nghĩa là tiến bộ, vì họ đã buông thả ý thức của họ và họ không biết đích xác họ đã làm gì. Điều này luôn luôn có nhiều sự nguy hiểm – người ta không biết mình có thể trở lại với xác thân được không.

Có lần bà tiến sĩ Besant và tôi nhìn thấy sự sống tuôn xuống mãnh liệt từ những cõi cao. Đó là những lượn sóng vĩ đại từ đức Thái Dương Thượng Đế phát ra, giống như mạch nháy. Bà nói với tôi: “Chúng ta hãy lao mình vào những lượn sóng ấy xem nó mang chúng ta đến đâu.” Chúng tôi định làm thế, nhưng Chân Sư đã can thiệp và bảo chúng tôi không nên làm điều đó. Về sau bà Besant có hỏi Sư Phụ: “Nếu chúng con lao mình vào những lượn sóng ấy, chúng con sẽ đi về đâu?” Ngài đáp: “Có thể các con bị lượn sóng ấy đưa đi khoảng một triệu năm đến hành tinh Sirius hay là một thái dương hệ nào khác.” Thật hiển nhiên là không sáng suốt, nếu chúng ta lao mình vào những triều lưu như thế, khi chúng ta không biết đích xác việc gì sẽ xảy ra. Để mất ý thức là điều không nên làm, tốt hơn nên cố gắng làm chủ những thể thấp và quan sát xem chúng ta đang đi đâu, ngược lại chúng ta có thể mất xác thân và chấm dứt sự hữu dụng tạm thời của chúng ta. Phương pháp của chúng ta là giữ được hoàn toàn ý thức trên bất

cứ cỗi nào mà chúng ta có thể lên tới và cố gắng được hữu ích tại đó. Đức Thầy của chúng ta không bao giờ nói đến sự trầm mặc thụ động. Mục đích của chúng ta không phải là an nghỉ và thưởng thức những cảm giác tốt đẹp, mà chính là luôn luôn cần mẫn trong công việc của Chân Sư.

Đoạn nói về đức tính cần thiết thứ tư là bác ái, được đức Thầy đặc biệt nhấn mạnh. Ngài dùng ý nghĩa ẩn bên trong danh từ để diễn đạt ý tưởng đó. Ngài nói: “Vì lý do nào con muốn được giải thoát? Để có thể được tự do phụng sự đắc lực hơn, con đang cố gắng hợp nhất với Thượng Đế. Thượng Đế là gì? Thượng Đế là tình thương. Nếu con muốn hợp nhất với Ngài, con phải mở rộng tình thương. Vậy đức tính cần thiết chính là Bác Ái.” Những độc giả của quyển “Con Người Từ Đâu Đến Và Đi Về Đâu”<sup>14</sup> sẽ nhớ trong tác phẩm ấy có kể lại tại sao vài nhóm người từ những dãy hành tinh khác đến địa cầu, và vì sao có vài nhóm người trong đó được gọi là Đoàn Thể Phụng Sự. Hầu hết những hội viên Thông Thiên Học đều thuộc về một trong những nhóm phụng sự này. Vậy ý niệm phụng sự đối với chúng ta là một yếu tố rất mạnh mẽ. Chúng ta biết rằng từ bỏ những điều mà chúng ta đeo mang từ lúc mới sinh ra thật khó khăn biết bao. Chẳng hạn như chúng ta mang theo những quan điểm nhỏ nhất của quốc tịch chúng ta,

---

<sup>14</sup> Nguyên bản Anh ngữ của C.W. Leadbeater: “Man: whence, How and Whither”.

điều này thật rất khó tránh. Đó là quốc tịch của phàm ngã, nhưng chúng ta có thể nói quan niệm phụng sự là quốc tịch của chân ngã, hay có lẽ là của Chân Thần. Chân Thần sinh ra khuynh hướng ấy và từ đó nó không ngừng tăng trưởng.

Thật khó cho chúng ta hiểu rằng có nhiều loại người, và tất cả đều tốt như nhau. Đức Thái Dương Thượng Đế biểu hiện dưới ba trạng thái: “ý chí, minh triết và bác ái,” đó là danh từ được dùng trong quyển sách này. Con người tiến đến gần Ngài theo ba đường lối ấy. Mỗi người theo đuổi con đường riêng tốt nhất cho mình, nhưng phải nhớ rằng con đường của người khác cũng là con đường tốt nhất đối với họ, và sau cùng tất cả con đường đều hợp lại với nhau. Chúng ta phải đạt được khả năng nhìn đồng thời cả ba phương diện và hiểu rằng thật ra chúng chỉ là một. Tín ngưỡng Athanasian cho chúng ta biết về giáo lý Ba Ngôi, mà không lẫn lộn những Ngôi Vị và cũng không phân chia bản chất. Sau cùng chúng ta cũng phải biết rằng luôn luôn chỉ có một Đấng chí tôn duy nhất, dù Ngài biểu lộ ra làm Ba Ngôi.

Lúc khởi đầu đã nói nếu tình thương của chúng ta khá mạnh mẽ, nó sẽ thúc đẩy chúng ta hoạch đắc những đức tính khác. Nó thúc đẩy con người hoạt động tương ứng với năng lực của họ. Chúng ta hãy lấy một thí dụ về sự kiện này trong một bộ lạc còn dã man. Bà mẹ không hiểu biết gì nhiều, nhưng bà sẵn sàng bảo vệ con, nếu cần, bà cũng hy sinh mạng sống của bà cho



con. Một bà mẹ trong xã hội văn minh của chúng ta cũng hành động như thế, trong những trường hợp giống như nhau. Thỉnh thoảng chúng ta nghe kể lại một người mẹ đã bị tử thương, vì xông vào lửa cứu con, hoặc thường hơn nữa, người mẹ bỏ mình, vì săn sóc đứa con mắc bệnh truyền nhiễm. Trong đời sống hằng ngày của chúng ta, tình mẫu tử mạnh mẽ ấy khiến cho trí não người mẹ hoạt động. Lòng yêu mến con thúc đẩy bà tìm học về vệ sinh, thực phẩm và những vấn đề thuộc về loại ấy. Như thế tình thương đã kích thích sự hoạt động tinh thần cũng như những sinh hoạt vật chất.

Muốn đến với đức Thầy, phải có tình thương, nghĩa là có ý muốn thiết tha phụng sự. Thánh John có nói: “Chúng ta biết rằng chúng ta đi từ cõi chết đến cõi sống, vì chúng ta thương yêu những huynh đệ của mình. Kẻ nào không biết thương yêu, ở trong cõi chết vậy.”<sup>15</sup> và: “Kẻ không biết thương yêu thì không biết được Thượng Đế.”<sup>16</sup>, tất cả những điều này đều hoàn toàn đúng. Biết được danh từ chuyên môn Thông Thiên Học là việc rất tốt để hiểu biết triết lý và khoa học của nó, để biết phân biệt và sử dụng được hai ngàn bốn trăm lẻ một loại tinh chất, nhưng chính tình thương mới tạo nên một người Thông Thiên Học chân chánh.

---

<sup>15</sup> I. John, 3, 14.

<sup>16</sup> Ibid, 4, 8.

Tôi vẫn còn nhớ một kỷ niệm đã lâu, khi ông Babu Mohini Mohun Chatterji – một vị đệ tử Chân Sư – đến dạy chúng tôi tại Luân Đôn, lúc đầu ông nói với chúng tôi về những đức tính cần thiết, mà trong sách ông Sinnett không nói đến hoặc trong quyển “Isis Unveiled” là quyển gần như duy nhất của chúng tôi, cũng không đề cập đến, ông nói rất rõ ràng với chúng tôi rằng: Không có đức tính cần thiết thứ tư này, muốn mãnh liệt được giải thoát (ông diễn tả như thế), để được hợp nhất với Thượng Đế, thì sáu điểm thuộc về hạnh kiểm tốt chỉ là “tươi nước trên sa mạc”. Chúng sẽ ở trong trạng thái khô khan và hầu như vô ích, nếu thiếu ý chí nồng nhiệt hợp nhất với đức Thượng Đế và hoạt động như Ngài. Trong thời kỳ đó chúng tôi không biết rõ như ngày nay rằng đó là vấn đề phụng sự, dù lúc đầu các đức Thầy đã nhấn mạnh về tình bác ái của các Ngài đối với “vô số nhân sinh, những kẻ hèn mọn và những người bị khinh bỉ.” Nỗi bận tâm lớn lao của chúng tôi là cố gắng hết sức để học hỏi về Thông Thiên Học. Tất cả đều rất mới mẻ, rất thích thú, rất hấp dẫn, làm say mê, nên chúng tôi dành gần trọn thì giờ của mình, có lẽ nhiều hơn sự cần thiết để tìm hiểu. Có phải chăng chúng ta cần học hỏi, trước khi có thể thực sự giúp đỡ kẻ khác?

**Hạnh bác ái không cần nhiều ham muốn như ý chí, mà là sự nhiệt tâm và quả quyết.**

C.W.L.- Ý chí là đức tính đặc biệt của cung thứ nhất, đặt dưới quyền cai quản của đức Thầy Morya.

Đức Thầy Kuthumi thuộc về cung thứ hai, là cung bác ái và minh triết. Nhưng ở đây Ngài nói như một người thuộc về cung thứ nhất. Tôi nhớ một hôm Alcyone tỏ ý muốn hoạch đắc một đức tính nào đó, đức Thầy nói: “Con đừng ao ước chi cả, ao ước chúng tỏ sự yếu đuối, hãy có ý chí, bởi vì con là Thượng Đế. Nếu con muốn có đức tính nào, con hãy quyết định hoạch đắc nó, và hãy bắt tay vào việc.” Sự nhấn mạnh đó chính là quan điểm của Quần Tiên Hội. Đối với chúng ta, không gì quan trọng hơn là tìm hiểu thái độ của đức Thầy và cách thức nhìn sự vật của Ngài. Đó là những gì đã đưa Ngài đến cấp bậc hôm nay và chúng cũng có thể đưa chúng ta đến đó.

**Đề tạo kết quả cho nó, lòng quả quyết này phải chiếm tất cả bản chất của con để không còn chỗ cho một ý nghĩ nào khác. Thật vậy, nó là ý muốn hợp nhất với Thượng Đế, không phải để con thoát khỏi sự mệt nhọc và khổ não, mà để hành động cùng với Ngài và giống như Ngài, vì lòng con thật tâm thương Ngài. Vì Thượng Đế là bác ái, nên nếu con muốn hợp nhất với Ngài, lòng vị tha trọn vẹn cùng lòng nhân từ phải được tràn ngập lòng con.**

C.W.L.- Đệ tử của đức Thầy chỉ có một ý muốn là phụng sự mà thôi. Về điều đó, họ phải sẵn sàng hy sinh mọi lạc thú, mọi tham vọng cá nhân và chỉ làm một bánh xe bé nhỏ trong bộ máy vĩ đại. Người tâm thương chưa suy gẫm một cách sâu xa về những điều cao thượng. Cuộc đời thế nào, họ sống theo thế ấy. Họ ít

quan tâm đến việc rời bỏ đời sống hiện tại để sống một đời sống cao thượng và tốt đẹp hơn, mà họ chỉ lo thành công trong sự nghiệp ở đời. Nếu bạn đề nghị họ từ bỏ tất cả những gì mà chúng ta gọi là bản ngã thấp thỏi, thì họ sẽ hỏi: “Nhưng nếu tôi thực hiện việc đó, tôi sẽ còn lại điều gì?” Trong trường hợp đó, theo thiển kiến của họ, không còn lại cho họ bao nhiêu, mặc dù sự thật vẫn còn nguyên vẹn.

Thật khó giải thích cho một người như thế hiểu điều mà chúng ta muốn nói về “sự sáp nhập vào trong Sự Sống thiêng liêng.” Tôi còn biết một người vừa tốt vừa thông minh, người ấy đã nghiên cứu kỹ lưỡng Phật giáo bắc tông (Đại Thừa). Một hôm hắn đến tìm tôi và nói: “Tôi không thể học được điều gì trong đó, tôi nghĩ không đáng ra công học hỏi. Học Phật giáo cũng thú vị như vấn đề khảo cổ, nhưng mục đích duy nhất được đề ra hình như là hợp nhất với đức Phật. Tôi không thể thấy điều này có ích lợi gì cho đức Phật, nhưng đối với tôi, chắc chắn là tôi không còn sống đâu.” Đó là quan điểm của người bình thường nhìn về những vấn đề này. Tuy nhiên tất cả điều này bao hàm một ý nghĩa chơn chánh, sáng suốt và nồng nhiệt, nếu hiểu được, nó có thể biến đổi trọn vẹn mọi ý niệm cũ. Sự mở rộng tâm thức không làm mất tự do, cũng như không làm hủy hoại cá tính chút nào. Không phải tôi bị tan mất trong vũ trụ, mà chính vũ trụ thành ra tôi. Người ta nói: “Tôi là chân ngã.”, câu này đem áp dụng cho phàm ngã là điều lầm lạc, nhưng nếu người ta nhận thức rằng “Tôi là

Thượng Đế,” thì cảm giác Thượng Đế là Thượng Đế, không có chút gì là ảo tưởng cả, và cảm giác rằng: điều gì tôi suy tưởng là tôi, trên thực tế là sự diễn tả về Ngài, không phải là ảo tưởng. Ý nghĩ rằng bất cứ điều gì có thể tồn tại ở ngoài Ngài hoặc chia lìa với Bản Ngã duy nhất, đó là ảo tưởng.

Đời sống hằng ngày đã cho thấy những bằng chứng về sự thâm nhập việc nhỏ trong việc lớn. Một hãng buôn quan trọng thu nhận một nhân viên trẻ, ban đầu chàng thanh niên này nhìn bàn giấy như một nơi trói buộc. Hắn cảm thấy thật khó khăn, vì bị bắt buộc đến đúng giờ để hoàn tất mọi công việc. Khoảng vài năm sau, được thăng chức, hắn bắt đầu nói: “Chúng ta làm việc này,” và “Chúng ta làm việc kia,” và hắn khởi sự đồng hóa những lợi lộc của mình với những mối lợi của nhà buôn. Cứ tiến dần lên như thế đến địa vị giám đốc và sau đó trở thành một khâu phần của công ty. Khi ấy hắn luôn luôn nói chuyện nhân danh nhà buôn, và trong những công việc làm ăn lúc nào hắn cũng nghĩ đến “công ty”. Chính người ấy vẫn tiếp tục sử dụng tự do, sáng kiến của mình, như thuở nào, và hiện nay chắc chắn là hắn dùng ý chí của mình một cách đúng đắn. Hãng buôn không bắt buộc, nhưng hắn đã tự tập lấy dần dần thái độ đó. Thí dụ nhỏ này, đủ cho chúng ta thấy con người làm thế nào tự đồng hóa với một uy lực cao siêu hơn, mà vẫn giữ được nguyên vẹn ý chí của mình.

Một ngày kia, chúng ta sẽ trở thành đường đạo, lúc ấy những đức tính cần thiết sẽ được tăng cường đầy đủ trong chúng ta, vì chúng đã được chúng ta đồng hóa và hoàn toàn trở nên thành phần bản tính của chúng ta. Giờ phút nào chúng ta cũng gần đức Thượng Đế sống động. Vì Ngài luôn luôn ở trong lòng và chung quanh chúng ta. Tuy nhiên chúng ta phải học để nhận thức điều đó, dần dần nâng cao tâm thức và dùng tất cả phương tiện vừa sức chúng ta, cho đến khi nào chúng ta có thể thấu triệt ý niệm này. Chúng ta phải hợp nhất với đức Thượng Đế trong những sự biểu hiện cao siêu nhất từ bên trong, chớ không phải ở hình thể vật chất mà thôi. Chất liệu tạo nên thể xác chúng ta cũng như vật chất chung quanh chúng ta, là lớp áo khoác bên ngoài của Ngài. Nhưng không phải chúng ta muốn hợp nhất với y phục của Ngài, mà là muốn hợp nhất với Ngài.

Khi chúng ta trở nên hợp nhất với Ngài, về phần Ngài, Ngài nhận thức điều đó và dùng chúng ta như những vận hà qua đó thần lực của Ngài có thể ban phát ra. Ở những cõi thấp chúng ta là những vận hà cho thần lực thiêng liêng, nhưng chúng ta chỉ trở nên thật đặc dụng cho Ngài khi chúng ta không còn là phạm ngã riêng rẽ đối nghịch với Ngài. Thượng Đế luôn luôn dùng những phương tiện như thế và những Đấng cao cả đại diện cho Ngài trong Quần Tiên Hội cũng hành động theo lối ấy. Chắc chắn các Ngài có thể làm ra những phép lạ tác động thẳng trên con người, nhưng

làm như thế tiêu hao một phần lớn thần lực của các Ngài một cách vô ích. Vì thế các Ngài làm việc qua những phương tiện xếp đặt trước.

Nhiều người không bao giờ thử tìm hiểu những nguyên lý chi phối sự sống. Họ cho rằng thiên nhiên phải tuân theo mạng lệnh của họ và họ không chịu chấp nhận sự vật theo cách thức mà chúng nó đã được sắp đặt. Thái độ của họ giống những người điều tra những hiện tượng thần linh học, họ muốn quy định những điều kiện để phát sinh ra hiện tượng. Tâm trạng đó thật phi lý, vì trên thế gian này không có một loại khảo sát nào có thể quy định cách thức xảy ra của những luật tự nhiên. Những người đã man được chỉ cho xem hiện tượng điện khí, họ thấy đó là một sự lừa gạt. Vị tù trưởng của họ nói: “Tất cả mấy cái này đều kết hợp với nhau bằng những sợi dây. Chính nhờ những sợi dây này mà bạn tạo ra được hiện tượng đó. Hãy cắt nó đi rồi tôi sẽ tin bạn.” Nhà điện học mỉm cười đáp lại: “Bạn không hiểu định luật, những sợi dây để dẫn điện, không có nó, điện lực không thể đến.” Rồi vị tù trưởng nói: “Tôi đã khám phá được ảo thuật của anh rồi.” Người ta cũng làm như thế trong các buổi họp thần linh học. Người ta không chịu theo phương pháp đã định trước và muốn làm cách khác. Kỳ vọng bắt buộc Trời phải chiều theo ý người có thể làm hài lòng vài hạng người trí thức. Nhưng kỳ vọng này thật kỳ dị đối với tôi, cũng như lúc cầu nguyện, người ta bảo đức Thượng Đế phải làm điều này, điều nọ. Tôi tin chắc Ngài hiểu

biết hơn tôi vô cùng, và nếu do một sự ngẫu nhiên nào đó hoàn toàn không giải thích được, mà lời cầu nguyện của tôi thay đổi được ý định của Ngài, tôi biết chắc rằng sự thực hiện theo ý tôi sẽ **vô cùng tệ hại hơn là sự thực hiện theo ý Ngài.**

Chỉ có một số ít người trong chúng ta hiểu được sự cần thiết trong việc hợp nhất với Thượng Đế, nhưng điều đó rất quen thuộc đối với những huynh đệ Ấn Độ của chúng ta. Trong tác phẩm này, đức Thầy dùng những danh từ đó nhiều lần, khi Ngài nói về đức Thượng Đế. Trong một kiếp trước, Ngài là một vị cao tăng tên là Nagarjuna (tức là đức Long Thọ) và trong kiếp ấy, Ngài có làm nhiều bài thuyết pháp và viết nhiều quyển sách. Trong những sách vở của Ngài còn lưu lại, Ngài chống đối rất quyết liệt với ý niệm cho rằng Thượng Đế có thể có một cá tính. Ngài cũng phản đối cách dùng chữ Cá Nhân và Thượng Đế, Ngài luận giải vài vấn đề siêu hình thâm sâu về phương diện đó. Những người Ấn Độ hiểu biết toàn thể triết lý của đức Long Thọ thường nói: “Đức Thầy của chúng ta thuở xưa không cho rằng Thượng Đế có một cá tính, có điều lạ là hiện nay trong quyển sách nhỏ này, Ngài lại dùng danh từ Thượng Đế. Đức Phật của chúng ta cũng quyết liệt chống đối ý niệm có cá tính trong Thượng Đế.” Đây là giải đáp cho dị luận này: Trong tác phẩm này đức Thầy không đề cập đến vấn đề vô cực, tuyệt đối. Ngài không nói đến Đấng chí tôn, Đấng vô thủy vô chung. Ngài chú trọng nói cho em bé trai Ấn Độ về đấng



Ishwara, tức là đức Thái Dương Thượng Đế, là chúa tể ngôi mặt trời và chắc chắn chính trong ý nghĩa sau cùng này, Ngài dùng danh từ Thượng Đế. Cũng như đức Nagarjuna, Ngài nói với những học giả mà đa số hiểu biết những hệ thống triết học Ấn Độ. Do đó, Ngài nghiêm khắc khiển trách mọi khuynh hướng hạ thấp ý niệm Thượng Đế bằng cách gán cho Ngài một cá tính, như nhiều huynh đệ Thiên Chúa giáo hiện nay đã quan niệm.

Ngài nói tiếp, chúng ta phải tự làm cho mình giống như đức Thượng Đế. Điều này đưa đến vấn đề: Chúng ta hiểu những gì về đức Thượng Đế? Chúng ta biết rằng Ngài tự biểu lộ qua ba “phương diện”. Mỗi người đến với Ngài qua một trong 3 phương diện đó. Nhiều người đến gần Ngài bằng một trạng thái này, hoặc bằng một trạng thái khác trong ba trạng thái đó.

Con đường của chúng ta là con đường của tình thương tích cực, vì đó chính là con đường các vị Sư Phụ của chúng ta đã noi theo. Bảy cung vĩ đại của Sự Sống thiêng liêng tương ứng với bảy hạng người. Có ba con đường là: sùng tín, ý chí và minh triết. Con người tìm đức Thượng Đế bằng nhiều cách khác nhau, nhưng bởi các vị Sư Phụ của chúng ta theo con đường tình thương tích cực, nên tất cả những ai muốn theo các Ngài phải sử dụng năng lực đặc biệt của mình để phụng sự đặc lực đức Thượng Đế và nhân loại. Chúng ta lấy thí dụ về lòng sùng tín, chúng ta biết có ba loại. Người thuộc về loại thứ nhất quỳ lạy trước đối tượng tôn sùng và khao

khát hợp nhất với đối tượng ấy. Trong những nước tây phương, chúng ta chỉ gặp hạng này trong một số ít tu sĩ nam hay nữ, họ chỉ muốn luôn luôn tôn thờ đức Thượng Đế. Đó là sự sùng mộ đáng khen, trong lúc đó, con người không nghĩ đến những kẻ khác, mà chỉ nghĩ đến việc hợp nhất với Thượng Đế. Nếu bạn hỏi họ về những kẻ khác, họ sẽ trả lời với bạn: “Những kẻ khác hãy làm như tôi vậy.” Tôi biết một người ở Ấn Độ, với ý niệm duy nhất là chiêm ngưỡng đức Thượng Đế, anh ta luôn luôn ngồi trước hình ảnh của Ngài và cố gắng hợp nhất với Ngài. Đó là mục đích của anh ta đặt ra và sẽ đạt được nó trong tương lai. Người ấy sẽ trải qua trọn kiếp sống trên cõi thiên đàng, chắc chắn là rất lâu (có lẽ hàng ngàn năm) trong sự sùng mộ ngày ngất. Một sự sùng tín thuần túy như thế làm phát triển những thể khác nhau, và chắc chắn đưa đến sự tiến bộ.

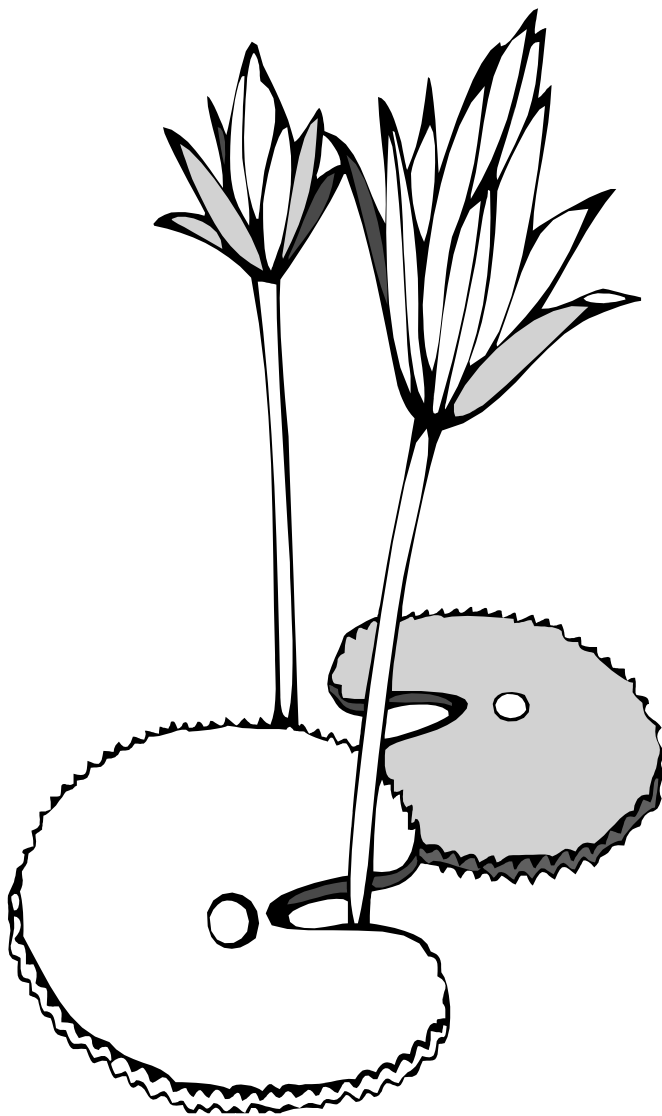
Một sự sùng tín khác cũng được xem như xứng đáng với danh từ ấy, đó là thứ sùng tín thấp thôi, trả giá với đức Thượng Đế: “Nếu Ngài cho tôi được giàu sang, thăng tiến và giúp đỡ tôi một cách tổng quát, thì về phần tôi, tôi sẽ tôn sùng Ngài thật nhiều.”

Người sùng tín thuộc loại thứ ba sẽ nói rằng: “Tôi thương mến Đấng cao cả này hoặc đức Giáo Chủ này **rất nhiều**. Vì lẽ đó tôi phải giúp đỡ những người khác, để họ biết và hiểu Ngài. Tôi phải làm lành nhân danh Ngài.” Đó là sự sùng tín rất cao thượng và rất hữu hiệu. Những người trong chúng ta thuộc về cung sùng tín, sẽ không phải chỉ sùng tín mà thôi, mà họ còn có nhiều

hoạt động khác kêu gọi nơi họ ý muốn làm việc vì lòng sùng tín. Cũng như thế, nếu những ai trong chúng ta có khuynh hướng muốn hiểu biết tất cả, thì họ sẽ có đặc tính ấy trong bản chất của họ. Có những người chỉ muốn được thông minh để hiểu biết suông thôi. Đó là một đức tính đáng phục, nhờ nó mà nhiều người rất tiến bộ. Trái lại, những “người phụng sự” cảm thấy tình cảm phức tạp này trong lòng họ: “Tôi muốn hiểu biết, chỉ vì để được hữu ích thật sự cho những kẻ khác.” Những người này thấy rất rõ sự sai lầm của những người thật tình muốn phụng sự, nhưng vì sự dốt nát, mà họ gây ra tai hại hơn là làm lợi. Họ nói rằng: “Hãy để tôi hoạch đắc sự hiểu biết trọn vẹn, rồi tôi mới có thể phụng sự một cách đắc lực.”

Chúng ta muốn hợp nhất với đức Thượng Đế, chẳng phải chỉ để được hoà đồng với Ngài và được thấm nhuần trong mọi sự vinh quang và hoan lạc, mà là để có thể hành động như Ngài. Hành vi vĩ đại của Ngài là tự nhập vào vật chất như một sự hy sinh tuyệt đối để ban cho chúng ta sự sống. Người muốn hợp nhất với đức Thượng Đế phải triệt để quên mình để giúp ích trong việc hoàn thành công nghiệp của Ngài, Ngài vốn đại từ, đại bi. Chỉ một câu sau đây tóm tắt tất cả đường đạo: “Nếu bạn muốn hợp nhất với Ngài, bạn phải hoàn toàn quên mình và để lòng **mình** tràn ngập tình thương.” Ý chí, minh triết, bác ái, mỗi đức tính trong ba đức tính này được trau giồi hoàn hảo và để dùng vào

việc phụng sự sẽ kéo theo những đức tính khác. Vậy quả thật: “Bác ái là sự hoàn thành luật trời.”<sup>17</sup>



---

<sup>17</sup> Romans, 13, 10.

## CHƯƠNG 25

### LÒNG TỪ ÁI TRONG ĐỜI SỐNG HẰNG NGÀY

(Love in Daily Life)

**Trong sự sinh hoạt hằng ngày, hạnh bác ái có hai nghĩa: thứ nhất, con hãy cẩn thận đừng làm hại bất cứ sinh vật nào; thứ hai, con hãy luôn luôn trông chừng một cơ hội để giúp đỡ.**

C.W.L.- Đây là hai khía cạnh của một sự việc, về mặt tiêu cực, tránh không làm ác; về mặt tích cực, phải làm lành. Đôi khi người ta cho rằng các tôn giáo đông phương có tính cách tiêu cực; quan niệm phụng sự mà chúng ta đưa vào các tôn giáo đông phương, là quan niệm của Thiên Chúa giáo. Điều này không đúng, dù Thiên Chúa giáo hiện đại đặt ý niệm phụng sự vào hàng thứ nhì đi nữa, nó cũng đã được trình bày và nhấn mạnh trong Thiên Chúa giáo nguyên thủy như: “Người lớn nhất trong các con sẽ là người phụng sự các con vậy.”<sup>18</sup> Người ta cũng gặp ý niệm này trong các tôn giáo xưa.

Phật giáo luôn luôn bị người ta cho là tôn giáo tiêu cực nhất. Đúng là Phật giáo chỉ cho con người điều gì

---

<sup>18</sup> S. Matthew, 23, 11.

phải tránh, nhưng ngũ giới cấm của nó không tiêu cực hơn mười điều răn của người Do Thái (Jew). Phật giáo không nói: “Người sẽ không làm,” mặc dù có bảo tín đồ phải tránh nhiều điều. Lời dạy như sau: “Tuân giữ giới luật, tôi không sát sanh, tôi không trộm cắp, không lấy vật không phải của tôi, tôi không vọng ngữ (không nói điều thất thiệt), tôi không uống rượu và không dùng các chất ma túy, tôi không tà dâm.” Đó là hình thức, nó không phải là một mệnh lệnh, mà là lời hứa.

Trong một bài kinh tóm lược cả giáo lý đức Phật do chính Ngài thuyết pháp, chúng ta thấy tính cách tích cực của nó:

“Đừng làm điều ác;

Hãy tập làm lành;

Rửa lòng cho trong sạch:

Đó là giáo lý của chư Phật.”

Cũng tính chất đó đã được trình bày rõ rệt trong Bát Chánh Đạo. Trong đó chúng ta có: “Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.” Hầu hết những điều này rất tích cực.

Quyển Thánh Ca (Bhagavad Gita) là một Phúc Âm đối với hàng triệu người Ấn, bạn thấy nó dạy sự hoạt động tích cực nhất. Đức Thượng Đế trong đó được mô tả như một nhà đại diễn viên. Quyển ấy nói rằng kẻ nào

không **chịu noi theo** gương Ngài và làm việc giúp đời, sẽ sống một cách vô ích. Nó cũng nói rằng, sự bất động có thể đúng là một hành động tội lỗi. Quyển Thánh Ca (Gita) cảnh cáo con người, cũng như bà Blavatsky đã thường cảnh cáo rằng: Tội bỏ sót công việc cũng đáng sợ như tội không hoàn thành nhiệm vụ. Kinh ấy dạy rằng: đối với người Sannyasi, kẻ từ bỏ đời sống vật chất, cũng phải luôn luôn làm những việc từ thiện, phải hy sinh và sống khổ hạnh. Trong những thánh kinh chánh viết về lịch sử Ấn Độ chứa đầy chuyện tích của những người tận tụy hy sinh cho hạnh phúc quần chúng, và những vị Giáo Chủ thường được xem như hóa thân của đức Thượng Đế dạy dỗ việc phụng sự cho đồng bào.

Công tác phụng sự trong các tôn giáo này được nhấn mạnh hơn tất cả, mặc dù chúng có những phần trầm tư mặc tưởng riêng, giống như Thiên Chúa giáo trong suốt thời kỳ trung cổ. Chỉ trong vài năm gần đây – do sự hoạt động mạnh mẽ là đặc tính thuộc giống dân phụ thứ năm của giống dân chánh thứ năm – mà chúng ta có khuynh hướng ngầm khinh thường những vị tu sĩ, mà trái lại ca tụng tột bậc những người hoạt động, như vị tướng lãnh trong thời chiến, vị đại vương hay chính trị gia trong thời bình. Tuy nhiên toàn thể ý niệm dùng làm nền tảng cho những phái trầm tư mặc tưởng, cũng hết sức tốt đẹp. Những tu sĩ hoạt động phải giảng đạo và hoàn thành những công tác từ thiện, trong khi những người thuộc về phái trầm tư mặc tưởng phải hãm mình trong tu viện chuyên lo tham thiền và cầu

nguyện. Nói một cách khác, đó là vấn đề tạo nên những tư tưởng tốt lành, cao thượng và truyền nó ra xa với ý định thật rõ rệt là giúp đỡ người đời. Những vị ẩn tu phải chuyên lo cầu nguyện và tham thiền thay thế các huynh đệ của họ, vì nhiều lý do mà những người ngoài đời không thể thực hiện điều này một cách hữu hiệu và hoàn bị như họ. Theo lý thuyết của tất cả tôn giáo, những tu sĩ này là một phần tử của nhân loại, đang cung cấp nhu cầu cho nhân loại. Họ không phải là những nhà tu biếng nhác lẫn tránh những hoạt động tích cực. Công việc của họ khó nhọc hơn nhiều, mà kẻ khác không thể làm được. Công việc của họ thực hiện trên những cõi cao và thường trong những điều kiện quên mình và khổ hạnh làm kinh ngạc những người bình thường.

Thật ra cũng đúng, nếu đời sống của những vị tu sĩ không khổ hạnh, sẽ hấp dẫn nhiều người thích sống một đời sung sướng và nhàn rỗi. Họ trốn tránh công việc khổ cực ở thế gian mà không chịu thực hiện những việc làm trên những cõi cao. Trong những tăng, ni Phật giáo, có những người như thế, họ ít được kính trọng. Người ta gọi họ là những “sư cơm áo”, họ chỉ làm tăng, ni để bảo đảm đời sống, nếu đời sống ấy không có gì sang trọng, nhưng cũng sẽ không bao giờ thiếu thốn, trong khi dân chúng còn có những người thiếu ăn. Những tu viện thời trung cổ ở Âu châu cũng giống như thế, nhưng có lẽ ở một mức độ cao hơn. Nhiều người vào tu viện để nương cậy thế lực, và ảnh hưởng của nó,



trong nhiều trường hợp họ không bận tâm đến những vật sở hữu cá nhân. Dù vị tăng lữ trên phương diện cá nhân không có vật sở hữu, nhưng tu viện vẫn thật giàu có, và sẵn của cải để cho những người trong tu viện sử dụng một cách rộng rãi.

**Trước hết, đừng làm hại ai. Trên đời có ba tội làm hại nhiều hơn các tội khác: Tội nói hành, tội hung ác, và sự mê tín, vì đây là những tội nghịch với lòng từ ái.**

C.W.L.- Khi đặt vấn đề tội ác nào nặng nhất, người ta cứ nghĩ đến tội sát nhân, cướp của, . . . nên có lẽ người ta ngạc nhiên mà thấy những lỗi tương đối thường phạm như nói hành, hung ác, mê tín, lại đứng đầu số. Đức Thầy kể đến tính chất của những tội lỗi này và hậu quả sâu xa của chúng. Việc sát nhân và cướp bóc được xem như là những trọng tội, nên ai ai cũng biết, do đó những người đứng đắn đều tránh nó. Nhưng sự nói hành xảy ra ở khắp nơi, nếu nghĩ đến người ta sẽ thấy tai hại của nó gây ra rất trầm trọng trong bất cứ trường hợp cá nhân nào. Một số lượng lớn của sự đau khổ về tinh thần mà nó có thể tạo ra, thường làm hạ thấp lý tưởng của con người, nếu làm bài toán nhân, hậu quả đó cho hàng triệu trường hợp xảy ra mỗi ngày, người ta sẽ thấy ngay sự nói hành gây tai hại hơn những tội ác khác vô cùng. Thật là điều đáng ghê sợ khi hủy diệt lý tưởng của một người, hạ thấp, làm nhục, và làm cho người ấy có cảm giác rằng chung quy lý tưởng của người ấy cũng không tốt đẹp, không cao thượng gì như người ấy đã tưởng. Đôi khi người ta nói rằng tiêu diệt

thần tượng là việc làm thích đáng. Nhưng tiêu diệt thần tượng của một người có thể làm tổn thương nặng nề cho người ấy. Nếu lý tưởng của một người thấp kém và đáng khinh, chúng ta có thể hướng dẫn cho họ một lý tưởng khác cao thượng hơn, nhưng không có gì độc ác và tệ hại hơn là việc làm mất lý tưởng của họ, mà không thay vào cho họ điều gì cao đẹp hơn. Bất cứ trong trường hợp nào, bốn phận của chúng ta cũng không phải là đi tìm những khuyết điểm và hạ phẩm giá của bất cứ người nào.

Chắc chắn nhiều người trong chúng ta do kinh nghiệm riêng đã biết được rất nhiều việc tốt mà bà tiên sĩ Besant đã thực hiện. Cả chục ngàn người đã tìm được ánh sáng qua những bài diễn thuyết và sách vở của bà. Tuy nhiên, những lời nói hành về bà đã ngăn cản hàng ngàn người khác, nghe bà và đọc những tác phẩm của bà. Họ nói: “Tôi đã nghe người ta nói thế này thế nọ về bà Besant, tại sao phải đọc sách mà tác giả là một người đàn bà như thế?” Do đó, nhiều người đã ngoảnh mặt đi trước những lời có thể cứu độ họ trong kiếp sống hiện tại. Hàng ngàn người viết thư cho bà hỏi về những nỗi khó khăn xảy đến cho họ. Nhưng cũng có nhiều người, bị sự vu khống về bà đã ngăn cản không cho họ nhờ đến những lời khuyên bảo của bà.

Tôi tưởng không ai thường bị công kích một cách hèn hạ hơn bà Besant của chúng ta. Từ lâu, trước khi trở nên người Thông Thiên Học, bà đã từng diễn thuyết về sự tự do tư tưởng trước công chúng. Đầu tiên bà bị

công kích, chê bai, vì bà đã tái bản một quyển sách nhỏ nhan đề “Knowlton” nói về vấn đề nam, nữ, mà người ta cần phải đề cập đến và nghiên cứu, thay vì giả vờ đức hạnh, bỏ nó qua một bên. Quyển sách này được viết đã lâu, trước khi bà A. Besant ra đời, nhưng bị đe dọa truy tố làm gián đoạn việc xuất bản. Bà Besant lấy một phần của sách đó đem xuất bản, vì bà cho rằng việc thảo luận về vấn đề này sẽ hữu ích và giúp cho kẻ nghèo có thể áp dụng những phương pháp kế hoạch hóa gia đình. Hơn nữa, tôi nghĩ rằng đó là cách phản đối sự phủ nhận những sự kiện tự nhiên. Nó cũng có mục đích bảo vệ quyền tự do tư tưởng, và tự do xuất bản tất cả những gì liên quan đến sức khỏe cũng như lợi ích chung của quần chúng. Cho tái bản quyển sách nhỏ ấy, bà cố ý phản đối một đạo luật mà bà cho là không chính đáng. Bà báo cho cảnh sát biết trước là bà sẽ đem bán sách ấy và mời họ đến mua chính thức một quyển vào giờ nào đó. Chấp nhận lời mời, chính quyền đến mua tài liệu bị kết tội đó rồi truy tố bà, nhưng sự việc kết thúc bằng sự trắng án. Sau đó, bà viết một quyển sách nhỏ về vấn đề ấy với những danh từ chính xác hơn. Dù sao, trên thế gian, phần thưởng của bà là sự công kích đòi tư của bà một cách tồi tệ nhất. Sau này, bà thu hồi quyển sách nhỏ ấy lại, vì bà nhận thấy rằng đó không phải là phương tiện tốt để giải quyết sự khó khăn của xã hội này. Nhưng tôi chắc chắn rằng không bao giờ bà hối tiếc, do đã cố gắng hết sức mình để đương đầu với những sự kiện như bà đã hiểu biết lúc đó. Sự hy sinh và tính can đảm như thế thật hiếm có ở thế gian.

Những người ganh ghét bà Blavatsky cũng vận động để nói xấu bà. Những lời tố cáo bà đều phi lý và rõ đại, đến nỗi chúng biểu lộ ngay tính cách lỗ bịch đối với tất cả chúng ta là những người đã biết cá nhân bà. Tuy nhiên, những lời buộc tội đó đã khiến cho nhiều người không chịu tìm hiểu kỹ lưỡng những chân lý Thông Thiên Học. Bà Blavatsky đã từ trần năm 1891, nhưng ngày nay nếu bạn nói đến Hội Thông Thiên Học, thì bạn thường gặp những câu trả lời như sau: “À, Hội ấy do bà Blavatsky sáng lập, và trò lừa bịp của bà đã bị phát giác. Chúng tôi không muốn phí thì giờ và năng lực để nghiên cứu giáo lý của một người dối trá. Làm sao nó có thể chứa đựng chân lý được?” Do đó, nhiều người đã mất cơ hội để hiểu biết Minh Triết Thiêng Liêng, mà sự hiểu biết đó có thể thay đổi cuộc đời của họ.

Chỉ từ những sự kiện này cũng đủ chứng tỏ cho chúng ta thấy tai hại khôn lường có thể xảy ra do sự ác ý và sự nói hành. Lối ích kỷ đó làm thương tổn rất nặng đối với nạn nhân. Dù cho người bị xúc phạm thật sự có những khuyết điểm trong tính tình, cũng không bào chữa được sự nói hành và cũng không tránh khỏi quả xấu mà họ đã gây ra. Bà hội trưởng của chúng ta không bị ảnh hưởng bởi những lời nói hành, dù trên một phương diện nào đó, bà có thể bị nhục mạ nhiều hơn thường lệ, đôi khi bà nói: “Cái đó trở thành buồn tẻ, tôi muốn họ bàn những chuyện gì khác hơn.” Chính tôi cũng bị công kích rất nhiều, nhưng sự việc này không

làm cho tôi mất ngủ một đêm nào. Vậy, quả báo không liên hệ đến chúng tôi. Nhưng tai hại gây ra bởi những câu chuyện xấu, sẽ đem quả báo đến cho những kẻ nói hành và bán rao. Lãnh đạ trước việc nói xấu về những người khác là điều khó khăn hơn. Tôi phải thú nhận, rất khó cho tôi khỏi nổi giận khi nghe ai nói xấu bà Besant chẳng hạn, hoặc những kẻ có tư tưởng xấu xa, phạm thượng đối với các đấng Chân Sư mà chúng ta đã biết.

Nói hành, không phải là phê bình thực sự. Rất tiếc danh từ phê bình đã trở thành có ý nghĩa là đi tìm lỗi. Nó có nguyên gốc từ chữ Hy Lạp "Krinein," có nghĩa là xét đoán và phải xét đoán với tư cách pháp lý, nhưng hiện nay nó không còn có ý nghĩa này nữa. Sự công bằng là một trong những biểu hiện của đức Thượng Đế. Trong khi xét đoán lời nói và việc làm của một người, mà không kể đến tình trạng thực sự diễn tiến, là phạm lỗi và chứng tỏ có ác ý. Phải chăng trên đời này không có một bản kinh sách tốt đẹp nào mà không trở thành lỗ bịch, khi người ta tách rời vài chữ ra khỏi toàn bài và trình bày chúng một cách riêng biệt? Vậy chúng ta phải chấm dứt việc làm như thế đối với tư tưởng của kẻ khác. Nhìn thấy một người nào đó, đang phẫn nộ và thốt ra những lời gắt gao, cộc cằn, chúng ta vội kết luận rằng bản chất của anh ta là như thế. Chúng ta không hiểu tại sao người ấy nổi nóng, có thể anh ta đã thức suốt đêm ở bên giường của một đứa con đang bệnh, rồi bị một người khác đến làm phiền hoặc quấy rầy, khiến anh ta có phản ứng như thế, chớ thật ra người ấy không

có ác cảm với chúng ta chút nào. Nếu người ấy là một vị thánh, có lẽ sẽ không bao giờ bực tức, nhưng tất cả chúng ta chưa phải là thánh, cho nên những việc ấy đã xảy ra.

Lúc còn bé, tôi đã học điều này nơi một ông lão đánh xe. Một hôm, tôi ở gần ông, bỗng có một người đến nói với ông một cách thô lỗ cộc cằn. Ông lão đánh xe trả lời dường như không thấy sự bực tức của người kia. Khi người ấy đã đi xa, tôi hỏi: “Này ông John, ông đã làm gì khiến cho người ấy nổi giận với ông như thế?” Ông lão đáp: “Thưa tiểu chủ, tôi có làm chi đâu; ông ta không nổi nóng với tôi, tôi không chọc gheo gì ông ấy cả, có thể ông bị vợ hay những người nào đó chọc giận.” Rồi ông giải thích cho tôi biết rằng khi một người đang bực tức trong lòng, họ thường đổ trút cơn giận lên người đầu tiên mà họ gặp trên đường đi.

Ảnh hưởng của sự phán đoán thiếu hảo ý đối với tư tưởng của một người rất bền dai và độc hại, khó có thể tưởng tượng nổi, nếu trước kia chúng ta không có những bằng chứng về điều đó. Một người có ý tưởng sai lạc, tất cả lối nhìn của họ đều bị nhuộm màu của sự sai lạc này. Chính quyển sách này đã cho ta bằng chứng về điều đó. Lần đầu tiên, tôi được hiểu biết về sự nói hành, khi nghe đức Thầy giảng dạy cho Alcyone, trước khi quyển sách này được xuất bản khá lâu, tôi đã chú ý nhiều đến sự quan trọng của nó, nên tôi đã nhắc lại trong nhiều dịp. Đến khi quyển sách xuất bản, vài người liền căn cứ vào những điều tôi đã nói trong nhiều

tháng trước để cho rằng tôi là tác giả một phần của những trang sách đó.

Tôi đã đề cập đến hai giai đoạn phát triển ký ức về những kinh nghiệm trên cõi trung giới của Alcyone. Giai đoạn thứ nhất, Alcyone không nhớ được hoàn toàn, tôi đã nhắc lại cho em giới răn đặc biệt mà đức Thầy đã dạy em để áp dụng trong ngày kế đó. Giai đoạn thứ hai, em có thể nhớ lại được tất cả mọi việc. Thế mà ở Bombay, tôi thấy người ta lặp lại rằng trọn cả quyển sách này đều do tôi lặp lại. Sự thật, quyển sách này được viết ra trong giai đoạn thứ nhì, lúc ấy Alcyone có thể nhớ lại những lời của đức Thầy nói, rồi chính em viết lại. Sự không chính xác thế ấy làm sai sự việc. Tôi đã chịu không biết bao nhiêu nỗi bất công, và những sự phán đoán sai lầm, vì những sự việc đã bị làm sai lệch như thế. Điều ấy không chút quan trọng đối với tôi, nhưng nó đã chứng tỏ cho tôi thấy rất rõ rằng người ta dễ hiểu lầm, khi lấy một ý niệm sai lạc làm khởi điểm. Tôi đã thấy nhiều người phạm phải những lỗi lầm rất kỳ dị, bởi họ đã nắm lấy mỗi biến cố có thể xảy ra để biện hộ cho một ý niệm hoàn toàn vô căn cứ, nhưng từ đầu đến cuối, nó chỉ là một sự tưởng tượng mà thôi.

Một trong những thí nghiệm mà chúng ta phải thực hiện trên bước đường học tập về huyền bí là tự đồng hóa mình với tâm thức của vài loài vật, đó chỉ là vấn đề thực tập. Vị đệ tử phải làm việc đó, để sau này có thể học cách áp dụng như thế đối với người khác và những trạng thái của tâm thức khác cao hơn. Chúng ta

tự xem mình cao hơn rất nhiều đối với bất cứ con thú nào, và quả thật như thế, vì chúng ta thuộc về một loài cao hơn. Do đó chúng ta tìm hiểu tâm trạng của con thú ấy không chút khó khăn. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm cá nhân, tôi có cảm tưởng hầu hết những người chăm lo thú vật lại giải thích trái ngược ý tưởng và động lực của chúng. Khi bạn thực sự khám phá được ý nghĩ của một con thú, bạn sẽ thấy rằng nó có những lý do riêng của nó, mà bạn không bao giờ ngờ được. Nếu chúng ta không hiểu được con thú với những ý nghĩ đơn giản và ít oi của nó, chắc chắn chúng ta càng khó hiểu những đồng loại của mình. Quả thật chúng ta gần gũi với con người hơn, nhưng tôi không chắc rằng người này có thể hiểu được người kia. Điều này dường như kỳ lạ, nhưng tất cả chúng ta đều cô lập, riêng biệt một mình. Theo cách thức suy nghĩ khác, quả thật chúng ta là một khối huỳnh đệ vĩ đại, tuy nhiên, trên phương diện lý trí, mỗi người chúng ta đều sống trong một tháp riêng của mình. Chu vi thể trí của mỗi người chỉ tiếp xúc với chu vi thể trí của kẻ khác ở một điểm nào thôi, và chính điểm tiếp cận này cũng còn mơ hồ và không có gì chắc chắn.

**Người nào muốn lòng mình tràn đầy tình thương của đức Thượng Đế phải luôn luôn để ý tránh ba tội ác này.**

**C.W.L.-** Tránh ba tội trên hình như khá dễ, nhưng sự thật không phải thế, chúng nó rất thông thường và thâm nhập sâu vào tập quán, nên ít người nhận biết



được sự hiện hữu của chúng. Chúng là những nỗi khó khăn đặc biệt đối với trình độ tiến hóa của chúng ta hiện nay. Chúng ta đã mở hạ trí, là thể chú trọng đến sự phân biệt, đó là lý do tại sao trước hết người ta nhận ra những điểm mà họ không thích trong những sự việc xảy ra. Kế đó thường kèm theo những lời phê bình và chỉ trích. Người nào chuyên dùng năng lực của mình để soi mói những khuyết điểm và tìm tòi những dị đồng là người chậm tiến, lỗi thời vô phương cứu chữa. Hiện nay chúng ta phải học hỏi sự tổng hợp và phải cố gắng nhận thức sự thiêng liêng và tốt lành trong tất cả sự vật, bởi vì chúng ta cần phải bắt đầu mở bồ đề tâm. Chúng ta phải cố gắng sống cho ngày mai, không phải cho ngày hôm qua. Vì thế chúng ta không nên để cho triều lưu dốt nát tối tăm này lôi cuốn. Chúng ta phải luôn luôn giữ vững tinh thần, nếu không thì dòng nước sẽ bao quanh và gây sức ép làm cho chúng ta có lúc phải bị lùì.



## CHƯƠNG 26

### SỰ NÓI HÀNH

(Gossip)

Hãy xem tật nói hành tác động như thế nào. Nó bắt đầu bằng một tư tưởng xấu, và điều đó tự nó là một tội lỗi. Vì trong mỗi người và mỗi vật đều có chỗ tốt và chỗ xấu. Chúng ta có thể làm cho điều tốt hoặc điều xấu mạnh hơn bằng cách nghĩ đến nó, và theo cách ấy chúng ta có thể giúp đỡ hoặc gây trở ngại cho sự tiến hóa; chúng ta có thể thuận theo ý Thượng Đế hay nghịch lại Ngài. Nếu con nghĩ đến điều xấu của kẻ khác, thì con đang làm ba việc quấy một lượt:

C.W.L.- Đức Thầy gọi tư tưởng xấu là một tội ác. Khi chúng ta nhớ, đức Thầy luôn luôn vô cùng thận trọng và ôn hòa trong lúc Ngài nói, thì chúng ta thấy rõ, đó thật sự là một trọng tội, khi Ngài nhấn mạnh như thế.

Tìm hiểu những động lực và cách thức suy luận của người khác, có thể bị sai lầm. Vì thế điều tối thiểu mà chúng ta có thể làm là đặt ra một nghi vấn theo chiều hướng có lợi cho họ. Nói chung là hầu hết người đời đều rất đáng kính và có ý tốt, vậy chúng ta nên thừa nhận khuynh hướng tốt lành của họ. Nếu chúng ta sai, thì ý tưởng mà chúng ta nghĩ về người nào đó hơi tốt hơn sự thật sẽ tác động và làm cho họ trở nên thật sự tốt

hơn trước. Khi bạn nghe những lời phê bình bất lợi, bạn hãy tự hỏi xem bạn có lặp lại sự nói hành đó, có rêu rao và thêm sức cho chuyện ấy không, nếu nó dính dấp đến đứa con trai, hoặc anh em của bạn. Không, chắc chắn bạn không làm như thế. Trước hết bạn chống đối câu chuyện xấu ấy và trong bất cứ trường hợp nào bạn cũng không đồn đãi chuyện ấy. Tại sao bạn lại xử sự khác hơn đối với đứa con trai hoặc anh em của một người khác?

**1.- Con đang gieo rắc chung quanh nơi con ở đây những tư tưởng xấu, thay vì những tư tưởng tốt lành, và do đó con đang làm tăng thêm sự khổ não cho cuộc đời.**

C.W.L.- Phần lớn cuộc đời do chúng ta tạo ra, và tùy thuộc quan niệm sống của chúng ta. Tư tưởng của kẻ bi quan chỉ nghĩ đến sự xấu xa, đen tối và tìm dịp để cảm thấy mình bị xúc phạm hay tổn thương, vì vậy họ sẽ gặp điều họ tìm kiếm. Đức Phật đã cho ta thấy điều ác ngự trị thế gian và có nhiều sự đau khổ ở những cõi thấp. Chúng ta có thể quan trọng hóa những vấn đề khó khăn, nghiêm trọng, hoặc có thể nhìn cuộc đời với một tinh thần lạc quan, vui tươi, và sử dụng tốt nhất tất cả mọi phương tiện đang có. Có như thế, chúng ta sẽ thấy cuộc đời trở nên sáng sủa hơn, và đối với đời sống ngoại giới cũng như năng lực tinh thần, chúng ta làm cho cõi đời trở nên vui tươi hơn đối với kẻ khác.

Nhiều người đã thực tập tham thiền đều đặn trong nhiều năm. Dĩ nhiên là họ đã tập suy nghĩ chín chắn hơn đôi chút so với những người chưa bao giờ thử tập như thế. Do đó tư tưởng của họ mạnh mẽ hơn nhiều. Nếu họ có tư tưởng xấu về kẻ khác, hậu quả tác động theo nhiều cách sẽ trầm trọng hơn nhiều, so với những người thường có cùng tư tưởng như thế. Trước hết, vì hiểu biết nhiều hơn, nên họ “phạm tội nghịch với ánh sáng,” nói theo danh từ giáo hội. Thứ hai là ý nghĩ của họ tạo nên những hình tư tưởng rõ rệt và tồn tại rất lâu, chúng gây ra ảnh hưởng lớn lao trong cõi trung giới và cõi trí tuệ. Vậy bạn hãy dùng quyền năng của bạn, làm cho thế gian hạnh phúc và tươi sáng hơn. Bằng cách loại bỏ những tư tưởng phiền muộn và ích kỷ, bạn đã làm được việc tốt đáng kể, và khi chứa đầy tình thương trong lòng **bạn**, nó sẽ tỏa ra khắp nơi chung quanh bạn.

**2.- Nếu đúng người đó có tính xấu như con nghĩ, con đang nuôi dưỡng tính xấu ấy và làm cho nó mạnh thêm; và như vậy con đang làm cho anh em con trở nên xấu xa, thay vì tốt lành hơn. Nhưng thường thì người ta không có tính xấu đó, mà chỉ tại con tưởng tượng thôi; và tư tưởng độc ác của con xui giục cho anh em con làm quấy, vì nếu người ấy chưa trọn lành, con có thể làm cho người ấy trở nên giống hệt như trí con đã tưởng vậy.**

**C.W.L.-** Người có thần nhãn thấy được những tư tưởng của người này đi qua người kia và bay liệng chung quanh người kia như một đàn muỗi. Chúng

không thể xâm nhập vào được, khi tâm trí người kia đang bận lo về những việc khác, nhưng khi tư tưởng của người kia hoạt động chậm lại hoặc lúc đang tham thiền hay mệt mỏi, chúng sẽ nắm lấy cơ hội. Hình tư tưởng bám vào hào quang của người ấy, và do sự rung động của nó, dần dần nhuộm màu chỗ tiếp điểm là nơi ảnh hưởng của nó truyền đi. Như thế nó gọi ra một ý niệm hoặc xấu hoặc tốt, nếu có một yếu tố trong người bị ảnh hưởng gần giống với nó, sẽ làm cho yếu tố đó hoạt động lại, trường hợp này thường xảy ra.

Một sự kích động nhẹ vào kẻ khác đôi khi không đáng kể, nhưng trong vài trường hợp hậu quả của nó trở thành hệ trọng. Trong lúc chạy, các em học sinh chen lấn nhau là chuyện bình thường, nhưng có thể xảy ra việc không ngờ chút nào, là một trong những em đó làm cho bạn nó rơi xuống hố. Chúng ta không thể biết được lúc nào con người đang có tư tưởng sắp phạm tội lỗi, chỉ cần một tư tưởng xấu đưa tới, cũng có thể thúc đẩy người ấy phạm tội lỗi. Mặt khác, khi con người đang ở trong tình trạng lung chùng giữa điều thiện và điều ác, chỉ cần một tư tưởng mạnh, tốt lành, có thể giúp người ấy quyết định về phía tốt đẹp và đi theo chiều hướng tiến hóa nhanh chóng.

Tôi đã thấy nhiều trường hợp một tư tưởng xấu hướng về một người làm cho người ấy phạm tội ác mà hậu quả kéo dài đến nhiều kiếp sau. Tư tưởng ác vẫn chưa hiện ra bên ngoài và chưa biến thành hành động; nhưng nếu thêm một tư tưởng ác từ kẻ khác truyền

đến, sẽ thúc đẩy người ấy hành động, và trở nên kẻ phạm tội. Ngày nào bạn chưa thấy điều này bằng thần nhãn, dường như nó không phải là sự thật đối với bạn. Chỉ cần thấy sự kiện đáng sợ ấy một lần, bạn sẽ thận trọng mãi mãi. Điều này đã cho bạn một cảm giác mới về trách nhiệm, một cảm giác đôi khi có vẻ nặng nề. Bạn hãy nhớ lại ý kiến của thi sĩ Schiller về vấn đề thần nhãn. Nhà thi sĩ khao khát được trở lại tình trạng mù lòa thuở xưa. Ông nói: “Ngài hãy lấy lại tặng phẩm độc hại của Ngài, hãy lấy lại món quà ghê gớm ấy đi.”

**3.- Con làm cho trí con tràn ngập những tư tưởng xấu, thay vì những tư tưởng tốt, và như thế con làm cản trở sự tăng trưởng của con, và tự làm cho mình trở nên xấu xí, đau thương, thay vì đẹp đẽ và đáng yêu, đối với những ai có thể thấy được điều này.**

C.W.L.- Nhiều người rất chú ý về diện mạo cũng như về duyên dáng và phong cách thuần hậu của mình; như thế chẳng phải chỉ vì họ nhắm đến chỗ họ phải trình diện với phong cách tốt nhất và tạo một ý tưởng tốt về họ, mà cũng vì đó là bổn phận đối với xã hội theo quan niệm chung. Thuở xưa có quan niệm là bổn phận của mỗi người phải dùng mọi cách có thể làm cho mình được hoàn hảo, đẹp đẽ. Trong y phục, hình dáng, lời nói, hành vi, con người phải tập cho đúng đắn, duyên dáng và thích đáng để làm mọi việc. Cá nhân cũng như vật bày trí chung quanh mình không những phải có tính chất hữu ích mà còn xinh đẹp nữa. Nếu một người muốn cất một ngôi nhà, bổn phận của họ đối với những

người láng giềng là phải xây dựng một chỗ cư trú xinh xắn, trang nhã, dù không cần phải đắt tiền. Đồ gốm, hình tượng và tranh ảnh cũng phải có mỹ thuật. Hiện nay thường thường người ta chỉ nghĩ đến sự xây cất rẻ tiền, chớ không bận tâm đến hậu quả xấu xí của nó. Người kia xây cất một ngôi nhà hoặc là một cái xưởng to lớn và xấu xí, những người nhạy cảm đều phản ứng ngay đối với nó và tất cả những người nhìn vào cũng bị ảnh hưởng xấu. Người có trách nhiệm trong việc xây cất này thực sự tạo quả xấu. Người ta có thể cho rằng việc đó không có gì quan trọng; nhưng sự thật thì trái lại. Quang cảnh chung quanh chúng ta có ảnh hưởng rất lớn. Sự thật, một linh hồn mạnh mẽ có thể vượt trên những điều đó, nhưng tại sao chúng ta không trưng bày những đồ vật thuận lợi, thay vì những vật tạo ra ảnh hưởng bất lợi. Người cất một ngôi nhà xinh đẹp đều có công lớn đối với đồng bào; vì người ấy đã phô bày trước mắt mọi người một kiến trúc gây cảm giác tốt đẹp cho những người nhìn ngắm nó. Cảm giác thú vị trong khi nhìn ngắm một vật đẹp, có giá trị của nó. Tôi luôn luôn cảm thấy chúng ta nên biết ơn bất cứ người nào mặc y phục màu sắc đẹp đẽ, vì lẽ màu sắc này làm giảm bớt sự đen tối của nền văn minh đáng sợ hiện nay.

Tất cả những gì thật sự đẹp đẽ ở cõi trần, tự nhiên cũng đẹp đẽ hơn trên các cõi khác. Người nào tự bao bọc mình với một thể vía đẹp đẽ, và tỏa ra khắp chung quanh tình thương và sự sùng tín sẽ xứng đáng được đồng bào tri ân. Những khán giả trên cõi trung giới

nhiều hơn ở cõi trần. Nếu chúng ta tự để cho sự xấu xa biểu lộ trên cõi trung giới, có nhiều người khó chịu về hình dáng của chúng ta hơn ở dưới cõi trần. Không phải chỉ có những người trên cõi trung giới thấy được vẻ đẹp, mà tất cả mọi người, cho đến những người không thấy được cũng cảm được. Những sự rung động này có hiệu lực với họ và mỗi người đều nhận được sự tốt lành của nó. Người nào nhượng bộ trước những tư tưởng xấu xa, ích kỷ, độc ác tức là đang tạo chung quanh họ một sự bất an, một cảnh tượng xấu xa, phiền muộn và khổ não. Ở dưới cõi trần con người có thể che giấu những bệnh tật đáng sợ, nhưng những người “phong hủi” trên cõi trung giới sẽ phô bày vết thương của mình trước mắt mọi người.

Vẫn không bằng lòng với những tai hại mà người nói hành đã gây ra cho chính mình và nạn nhân của họ; người nói hành còn cố hết sức lôi kéo những người khác dự phần vào tội lỗi của mình. Người ấy sốt sắng đem câu chuyện độc ác kể cho những người khác nghe; và mong rằng họ sẽ tin là thật; và tất cả hòa với nhau gieo rắc tư tưởng xấu lên nạn nhân đáng thương đó. Rồi việc này được tiếp tục từ ngày này qua ngày khác, và không phải một người làm mà là cả ngàn người làm. Bây giờ con mới thấy đây là một tội ác hèn hạ, và đáng sợ đến thế nào chưa? Con phải hoàn toàn tránh nó. Đừng bao giờ nói xấu ai; đừng nghe ai nói xấu người khác; mà hãy dụi dàng nói: “Có



**lẽ điều này không đúng, và nếu có đúng đi nữa, tốt hơn là đừng nói đến nó.”**

C.W.L.- Phải có một mức độ can đảm nào đó mới bày tỏ được như thế, nhưng bạn cần phải có can đảm để tỏ ý tốt đối với kẻ đang nói hành, cũng như đối với người bị chỉ trích. Người ta có thể làm điều ấy một cách dịu dàng bằng lối dùng nhân xưng đại danh từ “chúng ta”: **“Có lẽ tốt hơn “chúng ta” đừng nói đến việc đó nữa.”** Như thế chúng ta không tỏ ra vẻ người trượng thượng; điều này không trái với nguyên tắc của huyền bí học và không làm cho người đó tức giận. Người đối thoại với bạn chắc chắn sẽ nghe lời bạn và ngưng câu chuyện lại.



## CHƯƠNG 27

### SỰ HUNG ÁC

(Cruelty)

Còn về tính hung ác, có hai loại: Cố ý và vô ý. Cố ý hung ác tức là chủ tâm gây đau đớn cho một sinh vật nào khác; đó là tội lớn nhất trong các tội, là việc làm của yêu quái hơn là của con người. Con sẽ nói rằng không có ai lại đi làm một việc như thế; nhưng mà người ta đã thường làm như thế; và hiện nay hằng ngày họ vẫn đang làm. Những tra khảo viên đã làm ác; nhiều kẻ tu hành đã nhân danh tôn giáo mình để làm ác.

C.W.L.- Sự hung ác là việc làm của bọn yêu quái hơn là của con người. Đó là quan điểm của đức Thầy. Trong đời sống hằng ngày, nhiều khi người ta nói hay làm một việc nào đó để gây đau khổ cho kẻ khác. Họ đã làm chuyện tội lỗi, họ hành động giống yêu quái hơn là con người. Đó là điều dường như khó tin, nhưng có nhiều người đã làm.

Con người đã làm nhiều tội ghê gớm, vì nhân danh tôn giáo. Chúng ta hãy đọc kinh văn tối cổ, như kinh Phệ Đà (Vedas), sẽ thấy nhiều về điều đó. Những

người Aryans<sup>19</sup> xâm chiếm đồng bằng Ấn Độ và chém giết dân xứ ấy. Đối với dân bản xứ không có gì đáng ghê sợ hơn thế, họ phải bị tiêu diệt không còn một người nào trên mặt đất! Tại sao những người Aryans hành động như thế? Chỉ một lý do, vì những lễ bái của họ không giống với lễ bái của người Aryans. Những người Hồi giáo xâm chiếm một phần lớn thế giới, buộc những dân tộc bị họ chinh phục phải chọn hoặc quyển kinh Koran hoặc lưỡi gươm. Những người Thiên Chúa giáo cũng làm như vậy. Những vị pháp quan tòa án tôn giáo thời trung cổ, cũng phán quyết theo tinh thần như thế. Ở Mỹ châu người ta đối xử tàn nhẫn với những người da đỏ, và còn nhiều nữa. Chúng ta tưởng rằng hiện nay văn minh hơn, nhưng lòng sùng đạo ở vài vùng vẫn còn rất hung bạo và khắc nghiệt. Người ta thích nói, dù luật pháp không cấm đoán, do sự văn minh tiến bộ ngày nay, sẽ không còn tái diễn những sự ghê gớm thuở xưa. Tôi không chắc chắn điều đó, tôi biết nhiều vùng ở Anh quốc, nơi những người có những tín ngưỡng không chính thống, bị loại ra khỏi những chức vị xã hội và bị nghi ngờ mọi điều xấu xa. Chúng ta không đánh đập tàn bạo và không bẻ răng họ như tổ tiên chúng ta đã làm. Thời đại nào, phong tục nấy! Tôi không thích thấy uy quyền tuyệt đối ở trong tay giáo phái độc đoán nào.

---

<sup>19</sup> Aryans: Nhánh thứ nhất của giống dân thứ năm, giống da trắng. (Lời dịch giả)

**Những người giải phẫu sinh thể (mổ xẻ thú vật còn sống để thí nghiệm) làm ác.**

C.W.L.- Không thể nào bào chữa được việc hành hạ tàn nhẫn thú vật. Chúng là những huynh đệ còn non trẻ của chúng ta, dù chúng chưa tiến đến giai đoạn làm người, nhưng chúng sẽ được thành người, sau khi trải qua một số kiếp luân hồi. Dùng thú vật thí nghiệm gây ra sự hung ác thật ghê gớm và thật ra không đem lại lợi ích thực sự cho nhân loại, bởi vì không thể thay đổi luật nhân quả, và con người gieo nhân nào phải gặt quả đó. Tôi nghe bà tiến sĩ Besant nói rằng: Không có sự sống nào nên cứu bằng những phương pháp như thế. Chúng ta biết rằng bản năng sinh tồn ăn sâu vào lòng mỗi người và mỗi con thú. Do lắm công phu và khổ nhọc mới tạo ra được xác thân, để nó có thể trở thành dụng cụ phục vụ lâu dài cho đời sống bên trong. Do đó cần phải cứu mạng sống con người bằng những phương tiện chính đáng. Nhưng cứu cánh không thể biện minh cho mọi phương tiện. Chúng ta rất có lý mà khâm phục những người thà chết còn hơn là chịu ô nhục. Là một sự ô nhục lớn lao đối với những kẻ dùng phương tiện độc ác như thế để bảo tồn sự sống của mình. Bà hội trưởng của chúng ta nói rằng chẳng thà bà chịu chết còn hơn là được cứu sống theo cách ấy.

Về vấn đề này, chúng ta gặp trong Hội Thông Thiên Học nhiều ý kiến khác biệt nhau, mỗi người đều có quyền tự do tin tưởng theo ý riêng của mình, nhưng ý kiến của đức Thầy đưa ra trên đây thật minh bạch. Dù

sự ghê tởm của chúng ta trước sự hung ác trong sự giải phẫu sinh thể có thể nào đi nữa, chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng nhiều vị y sĩ và những người cùng chí hướng đã hối tiếc khi làm việc ấy, tuy họ làm không do thú vui hay do sự hung ác (dù việc làm ấy tạo cơ hội cho vài yêu quái mang lớp người ở giữa xã hội chúng ta), nhưng họ nghĩ rằng đó là phương cách duy nhất để bảo vệ xác thân con người khỏi đau đớn và chết chóc. Họ đã thành thật tin tưởng rằng trong trường hợp này cứu cánh sẽ biện minh cho phương tiện. Do đó, dù chúng ta bất đồng ý kiến với họ, chúng ta cũng không lên án kẻ phạm tội mà hãy kết án sự tội lỗi. Chắc chắn luật nhân quả sẽ mang đến cho những người giải phẫu sinh thể nhiều sự đau đớn. Nhiều người tỏ ra tức giận và gần như oán ghét đối với những người giải phẫu sinh thể, nhưng nếu biết được sự thật này, thì những người ấy sẽ xót thương họ.

Không phải những người giải phẫu sinh thể đều hung ác như nhau. Như tôi biết một hội viên trong Hội chúng ta là một bác sĩ giải phẫu nổi tiếng, ông đã thực hiện một vài loại giải phẫu đặc biệt. Trong thân thể con người có vài huyết quản đôi khi bị vỡ. Nó mảnh mai đến nỗi nếu người ta nối lại hai đầu ấy, sau đó vết sẹo thường làm tắt nghẽn mạch máu trở lại. Từ lâu, không thể chữa được trường hợp này. Sau cùng, vị bác sĩ ấy nghĩ rằng nếu rạch một đường lớn hơn, người ta có thể làm cho vết thương lành mà không nghẹt huyết quản. Ông thực hiện việc ấy bằng cách rạch một đường gần

cuối đoạn đứt và một đường nữa ở đâu kia, rồi đặt hai đường cắt ấy kế tiếp nhau. Để xem phương pháp đó có kết quả chắc chắn, ông đã thử trên một số chó. Ông nói với tôi rằng ông đã dùng 6 con chó hoang trong cuộc thí nghiệm ấy. Những con chó này được nuôi đầy đủ và ở trong tình trạng hoàn mỹ trước khi giải phẫu. Chúng được dùng thuốc tê và săn sóc kỹ lưỡng cho đến khi chúng hoàn toàn bình phục. Việc làm đó, chứng tỏ cuộc giải phẫu thành công. Như thế ông đã thành công trong việc chữa lành một bệnh mà trước kia người ta cho là tuyệt vọng. Hiện nay, phương pháp giải phẫu đó được thực hiện trên toàn thế giới và đã mang tên vị bác sĩ đã phát minh ra nó. Cách thức thí nghiệm thì không đúng, tuy nhiên không mang tính cách hung ác đối với thú vật. Con vật không thiệt hại gì trong thời gian thí nghiệm, mà số phần chúng còn được cải thiện. Vậy, cuộc thí nghiệm này hoàn toàn không giống như những cuộc thí nghiệm thông thường khác, tôi nghĩ rằng nếu chúng ta công kích vị bác sĩ này là điều rất sai quấy, và những kẻ phản đối sự giải phẫu sinh thể cũng không đúng khi công kích chung tất cả những người giải phẫu sinh thể.

Một vài cuộc thí nghiệm trên thú vật được mô tả trong sách thật hung ác. Như cuộc thí nghiệm để ghi nhận xem đến nhiệt độ nào con thú có thể được nướng chín trước khi vài cơ năng của nó biến mất, chưa kể đến những điều khủng khiếp khác và hiển nhiên là không có ích lợi gì. Hàng ngàn cuộc thí nghiệm khác được

thực hiện một cách vô ích để sinh viên học hỏi tổng quát về mọi loại hiệu quả, nhưng phần nhiều không ứng dụng được, vì sự cấu tạo cơ thể con người trên nhiều phương diện, khác xa so với sự cấu tạo cơ thể của loài vật. Thí dụ một con dê cái có thể ăn cây kỳ nham (henbane) chung với nhiều thức ăn khác, mà không bị phản ứng; nhưng nếu con người ăn như thế, sẽ sớm đi về cõi trung giới. Chúng ta phải nói thêm rằng, khi một con thú bị hành hạ đau đớn, khủng khiếp thì những khí lực trong thân xác nó cũng biến đổi, khiến cho sự quan sát chúng không còn chính xác nữa.

Dĩ nhiên là thần nhân rất cần để thay thế cho tất cả những sự thử nghiệm hung ác này. Nếu vị y sĩ có thể quan sát cơ cấu bên trong của người sống khi thân thể còn nguyên vẹn, thì hữu ích hơn là giải phẫu sinh thể thú vật, mà sự cấu tạo khác biệt với con người, rồi đưa ra suy luận về cơ thể con người. Những ai cảm thấy rằng sự giải phẫu sinh thể là vấn đề cần thiết cho xã hội, họ nên thành lập một hội mà những nhân viên trong hội cùng thí nghiệm lẫn nhau. Hội này sẽ cung cấp cho họ những xác thân con người mà các phản ứng có thể hữu dụng hơn là những sự phản ứng của thú vật. Rốt cuộc họ tránh được những cực hình ghê gớm cho những sinh vật không thể tự vệ được. Thế giới này là của Thượng Đế, họ không có quyền làm tổn hại các sinh vật. Những thí nghiệm đó thật ra không cần thiết, vì chỉ một phần mười của sự cố gắng, nghiên cứu và tìm tòi trong những cuộc thí nghiệm ấy cũng đủ để đào luyện

một số đông người khai mở được năng khiếu thần nhãn đáng tin cậy. Thật vậy, sự chuyên tâm học tập lâu dài của một sinh viên trung bình, thường thường cũng thừa đủ để cho người ấy khai mở thần nhãn.

Một số người cố gắng bào chữa tất cả những sự hung ác đối với thú vật, dựa theo lý thuyết xưa của người Do Thái, cho rằng thú vật sinh ra chỉ để phục vụ con người. Chúng ta hiểu biết nhiều hơn thế, thú vật sinh ra là do ý muốn của đức Thượng Đế, chúng nó biểu hiện những giai đoạn tiến hóa do sự sống của Ngài đã thâm nhập vào. Tuy nhiên chúng ta có quyền sử dụng thú vật với điều kiện là giúp cho sự tiến hóa của chúng. Nhờ tiếp xúc với con người mà chúng nó được tiến bộ. Dĩ nhiên là chúng ta đàn áp con ngựa rừng khi chúng ta bắt nó, nhưng trên phương diện khác, nhất là về trí não, nó sẽ mở mang nhiều trong đời sống bị bó buộc.

Một số người khác lại đem quan niệm xưa của người Do Thái áp dụng vào con cái. Nhiều cha mẹ tin rằng con cái sinh ra chỉ vì họ, để phụng sự họ, làm cho họ vinh hạnh, săn sóc họ trong lúc tuổi già, . . . Từ đó đưa đến ý niệm không có nhân tính, là bắt buộc trẻ con phải trở thành như ý muốn của chúng ta, mà không để ý đến thiên tư và quyền lợi đặc biệt của nó thuộc về những tiền kiếp, sự hung ác này rất tế nhị.

**Nhiều nhà giáo có thói quen làm ác. Tất cả những người này cố bào chữa sự tàn nhẫn của mình bằng**



**cách nói rằng đó là tục lệ; nhưng không phải vì có nhiều người phạm cùng một thứ tội, mà tội đó không còn là một tội nữa.**

C.W.L.- Từ lâu, sự trừng phạt là một tục lệ, nhưng tục lệ này không biện minh được tính cách vừa hung ác, vừa vô ích. Trước hết, sự trừng phạt không phải là công việc của chúng ta. Luật nhân quả đảm trách tất cả những việc đó và nó không thể lâm lãn như chúng ta. Những sự bất công kinh khủng của luật pháp đã xảy ra không biết bao nhiêu lần; những hình phạt vô cùng nặng nề đã áp đặt lên những người hoàn toàn vô tội. Người phạm tội làm hại cho chính họ, nhiều hơn là cho những kẻ khác, và sự báo oán nên để cho thiên nhiên định đoạt.

Ngoài điều đó ra, sự trừng phạt được áp dụng để làm cho phạm nhân sợ, không tái diễn trong tương lai, và cũng nhằm nhắc nhở chung cho tất cả những người khác. Đánh đập trẻ con giống như sự trừng phạt của luật pháp đối với tội nhân, điều này có tính chất như sự trả thù. Dường như người ta nói rằng: “Anh làm điều này, điều kia thì tôi sẽ làm cho anh không được yên thân.” Thường thường một ông thầy nổi giận, sự xúc động của ông là nguyên nhân của việc trừng phạt, chớ không phải sự suy xét hợp lý làm thế nào tốt nhất cho đứa trẻ. Tôi biết người ta nói sự trừng phạt của luật pháp nhằm ngăn ngừa tội lỗi; nhưng sự việc này không tác động theo chiều hướng đó. Trước đây một trăm năm, sự trừng phạt của luật pháp nước Anh rất nghiêm

khắc. Chẳng hạn một người có thể bị treo cổ chỉ vì đã ăn cắp một vật nào đó đáng giá một Anh kim và sáu xu. Tôi nhớ đã đọc ở cửa khám đường Newgate, ở những nơi khác cũng tương tự dòng chữ như sau: “Kẻ kia bị treo cổ, vì đã ăn cắp đôi bao tay đáng giá hai hoặc ba Anh kim.” Trong thời kỳ ban hành những hình phạt nghiêm khắc như thế, việc phạm tội lại còn nhiều hơn hiện nay. Hình phạt không ảnh hưởng bao nhiêu đến số tội ác xảy ra, phần chính phải nhờ vào về vấn đề giáo dục tổng quát và văn minh.

Thường thường không có sự liên quan nào giữa tội trạng đã phạm với sự trừng phạt của pháp luật hay của nhà trường. Một người ăn cắp bị tống giam một thời gian; có sự liên quan nào giữa hai việc ấy? Muốn được hợp lý phải bắt kẻ phạm tội làm việc, để đền bù lại trị giá của vật bị đánh cắp, và hoàn nó lại cho người chủ bị trộm. Sự trừng phạt phải hết sức tương xứng với tội trạng. Bỏ tù một người chỉ vì họ đã ăn cắp, là một thứ ác mộng. Đối với chúng ta cũng thế, nếu một đứa trẻ không chịu học bài, nó bị đòn. Đây là sự tương quan giữa hai sự kiện ấy? Ta có thể nói một cách hợp lý hơn như sau: “Em không học bài, em sẽ bị chậm trễ hơn các bạn học của em. Vậy em phải ở lại đây học, thay vì đi chơi.” Nhưng phương pháp áp dụng hiện thời là vô lý và hoàn toàn sai lầm. Ý định trừng phạt, gây đau đớn, luôn luôn bất hảo, và tất cả những tục lệ trên đời cũng chẳng thay đổi được điều gì. Hầu hết những chuyện vô cùng bất hảo và phi lý đều phát sinh do tục lệ, như tục

bó chân bên Tàu và vài cách trang phục của chúng ta, trong những thời đại khác nhau. Không nên nghĩ rằng khi thực hành chuyện gì phù hợp với phong tục, dù phong tục đó đã có từ nhiều thế kỷ, đều tốt đẹp và cần thiết, thường thường không phải như thế.

Một cộng đồng có thể nói một cách hợp lý với những kẻ tái phạm tội lỗi, như người ta đã làm điều đó tại nước Peru ngày xưa: “Chúng tôi là những người văn minh. Chúng tôi đã trải qua không biết bao nhiêu khổ nhục mới lập quốc theo một công trình nhất định, dành cho những người tuân giữ luật pháp quốc gia cư ngụ. Nếu anh không muốn tuân theo luật, anh hãy ra đi và đến sống ở những xứ khác.” Trong nước đó chỉ có một sự trừng phạt mà thôi, đó là đày đi qua xứ khác. Và lại, bị đày đến những bộ lạc dã man là điều ô nhục lớn nhất và còn chịu nhiều thiếu thốn. Khi một người trở nên điên cuồng hung dữ, chúng ta phải ngăn cản y lại, dù phải diệt trừ mạng sống của y. Nhưng trừ những trường hợp khẩn cấp và bất khả kháng, tuyệt đối chúng ta không có quyền giết chết, và không có quyền hành hạ tra tấn con người. Nếu xử tử nhằm để trả thù, thì sự hung ác của chúng ta cũng không kém gì kẻ sát nhân, hấn đã gọi lên điều mà chúng ta gọi một cách êm tai là, sự phẫn nộ chính đáng của chúng ta. Nếu mục đích của chúng ta là tránh những hậu hoạn do người đó có thể sẽ gây ra, thì nguyên tắc đó vẫn sai lầm, vì chính quyền có bổn phận đối với tất cả công dân trong nước, chớ không phải chỉ đối với những người bình thường mà thôi.

Hơn nữa phải nghĩ đến con người thật, chớ không phải chỉ nghĩ đến xác thân. Tìm giải pháp dễ dàng hơn hết bằng cách giết kẻ phạm tội là sát nhân thật sự. Hơn nữa phương pháp này rất cuộc vô ích, vì nó khích động nhiều đam mê thấp hèn và con người khi đầu thai lại sẽ liên hệ với chúng ta theo những điều kiện nghiệp quả không có gì tốt đẹp. Phần nhiều những kẻ phạm tội do hoàn cảnh không may đưa đến. Rất ít người thực sự cố tình gây tội lỗi, và đó thường là trường hợp bệnh lý. Không nên hành hạ và tàn ác đối với kẻ phạm tội, vì xử sự như thế tức tăng cường khuynh hướng chống đối xã hội của người ấy, nhưng với cách đối xử và kỷ luật thật sáng suốt, chúng ta sẽ đem người phạm tội trở lại hàng ngũ của những người công dân bình thường về phương diện vật chất lẫn tình cảm. Chính phủ chăm lo về vật chất và tinh thần của những cá nhân bất toàn, đồng thời cũng phải săn sóc những tội nhân, nói chung là những người bất thường về tâm trí hoặc cảm xúc. Đó là thái độ bác ái, cũng là quan điểm của đức Thầy.

Lý tưởng này vốn chân thật, hiển nhiên, và thực tế. Người tội phạm, cũng như trẻ con, phải được giúp đỡ bằng sự giáo hóa, chớ không phải bị thúc bách bằng sự sợ hãi. Hệ thống giáo dục làm cho trẻ con kinh sợ, tạo ra những hậu quả hết sức tệ hại. Vì đưa vào đời sống chúng sự lo sợ, đau khổ và gian dối, thường gây tổn hại đến tính tình và đức hạnh của người công dân. Đó là một hình thức khác của ý tưởng về địa ngục mà các giáo đường thuở xưa đã dạy. Nhưng chính nơi đây là

địa ngục, và nếu người ta có một chút mưu mẹo có thể tìm cách thoát được. Người ta tin rằng có thể cải thiện con người bằng cách làm cho họ sợ hãi. Ý tưởng này vẫn còn tồn tại được thật là điều kỳ lạ. Một trong những tiểu thuyết gia danh tiếng đã viết thư cho tôi cách đây ít lâu và nói rằng ông có gặp một thanh niên ở bờ biển, và ông đã trình bày vài ý niệm Thông Thiên Học với em ấy, giải thích cho em ấy nghe sự phi lý của lý thuyết về địa ngục. Sau đó, mẹ của thanh niên này vô cùng phẫn nộ, đến viếng vị tiểu thuyết gia ấy. Bà nói: “Phương pháp duy nhất mà tôi đã thành công trong việc giữ cho con tôi tuân theo qui luật, là làm cho nó sợ hãi, vì ý niệm địa ngục, tôi phải đe dọa nó mỗi ngày từ sáng đến tối. Bây giờ ông làm cho nó tin rằng không có địa ngục, tôi phải làm sao bây giờ?” Nếu sáng suốt hơn một chút, bà đã giải thích cho con bà hiểu biết đúng từ đầu, thì không cần dùng đến hình thức khủng bố không tốt đẹp như thế.

Tự do và tình thương là hai yếu tố quan trọng trong sự phát triển linh hồn con người. Nhiều người sẵn sàng để cho kẻ khác tự do, với điều kiện những người ấy theo đúng yêu sách của họ. Nhưng sự tự do thật sự là tự do hành xử theo phương cách riêng của mình. Thường thường người ta hay xen vào chuyện của người khác, và sự điều khiển từ bên ngoài quá nhiều làm giảm thiểu những hoạt động của cuộc sống mà người ta có ý muốn che chở hay giúp đỡ. Người ta nhận thấy điều này trong sinh hoạt học đường, nơi đây đã

đặt ra nhiều điều lệ không cần thiết, trong khi sự tự do cá nhân có thể đem lại nhiều cơ hội cho sự tiến bộ. Đó là một trong những điều dị biệt căn bản giữa chính thể Anh quốc và vài quốc gia khác. Hiện nay, nước Anh cố gắng để cho mọi công dân của họ có thể được tự do. Một số nước khác muốn tránh sự xáo trộn và nguy hiểm, nên giúp đỡ người dân bằng cách bắt họ chịu mọi hạn chế. Có lần một viên chức ngoại quốc nói với tôi rằng: “Này ông, trong một nước cai trị khôn khéo, tất cả đều bị cấm!” Trong những cuộc du lịch vòng quanh thế giới của tôi, những hình thức luật lệ khác nhau đều gây sự chú ý nhiều với tôi. Cùng một sự việc, nước này đặt ra luật nghiêm cấm, nước khác thì đó chỉ là những yêu cầu. Vài nước theo phương pháp quân sự, chỉ thích hợp với những linh hồn thật ấu trĩ. Những nước khác, kêu gọi đến lương tri và ý chí cao đẹp của con người. Như khi tôi đến Mỹ, tôi nhớ đã đọc một yết thị phản đối vài thói quen phiền toái bằng những lời lẽ sau đây: “Người lịch sự không thích làm, và những kẻ khác không nên làm một việc nào đó.” Mỹ là một trong những quốc gia trẻ trung nhất, theo tôi cách thức ấy khá hay.

Có những trường hợp, vì quyền lợi của đoàn thể, sự cưỡng chế trở nên cần thiết, nhưng tốt nhất là nên có sự đồng ý của dân chúng, hơn là bắt buộc họ phải theo. Tôi e rằng điều này chưa được áp dụng nhiều trên phương diện giáo dục. Luôn luôn có những quy định: “Hãy làm điều này; đừng làm việc kia,” và quyền lợi

của đứa trẻ ít khi được đề cập đến. Người ta chỉ nói với nó: “Đây là bài học của em, phải học cho thuộc.”

Theo những phương pháp mới của bà Montessori, bài học trở nên thích thú, và trí khôn của trẻ con sẽ khai mở như một đóa hoa. Chỉ có một phương pháp mà bạn có thể dạy cho trẻ em một cách hữu ích hơn hết, là trước tiên phải được **chúng hết lòng** thương yêu. Sau đó bạn ảnh hưởng chúng bằng vài việc làm có tính cách luân lý đạo đức, như khi chúng làm điều lỗi lầm, bạn tỏ ra đau buồn; điều này hoàn toàn chính đáng, vì bạn cảm thấy đau lòng thật sự. Nếu lúc đầu bạn đối xử bằng tình thương, tình thương này nở ở nơi các học sinh và chúng sẽ cố gắng vươn lên. Muốn dạy dỗ trẻ con, phải có một trí thông minh nhạy bén, một tình thương đậm đà và một sự kiên nhẫn rộng như biển cả. Chúng ta phải thông hiểu những lỗi lầm của trẻ, để có thể chỉ dẫn **chúng cách** làm việc cho tốt đẹp, nhưng theo phương cách riêng của chúng. Nếu khởi đầu dùng sức mạnh và hung bạo, bạn chỉ gọi sự hiềm thù chống đối và bạn sẽ không đạt được kết quả tốt.

Trong đời sống thường nhật cũng thế, trong việc kinh doanh, nếu một người muốn thỏa hiệp với người khác về một việc làm có lợi, hẳn phải nói với một luận điệu thật dịu dàng, phải cố gắng làm cho người kia tin rằng công việc được đề nghị là mối lợi chung cho cả hai. Nếu người ấy có ý nghĩ lấn lướt đối phương, chắc chắn sẽ làm cho người kia phật lòng và có thể chấm dứt sự thân hữu. Trẻ em, trai lẫn gái, cũng đều là con người, và

bạn sẽ được lợi khi chúng đứng về phía bạn, hơn là kêu gọi sự chống đối của chúng từ lúc đầu. Những nhà mô phạm đều biết điều này nhờ kinh nghiệm. Không một nhà giáo nào, dù tài giỏi và thông thái đến đâu đi nữa, có thể xứng đáng với danh hiệu cao quý ấy trừ khi họ tận tâm với trẻ con và được chúng thương yêu. Đó là cách dạy dỗ của các vị Chân Sư, không bao giờ dùng uy lực hay mệnh lệnh, mà chỉ hướng dẫn con đường tốt lành và khuyến khích chúng ta bắt chước các Ngài.

**Luật nhân quả không kể đến tục lệ; và quả báo của điều ác là điều đáng ghê sợ nhất. Ít ra là ở Ấn Độ, người ta không thể nào bào chữa được về những tục lệ hung ác đó, vì mọi người đều biết rõ bốn phận mình không được làm tổn hại.**

C.W.L.- Người đã chọn nghề dạy học để mưu sinh, cũng giống như người làm bất cứ một nghề nào khác. Tuy nhiên các vị Thần nhân quả không xem xét vấn đề trên phương diện ấy. Khi các Ngài đặt để một người vào hoàn cảnh nào, là các Ngài muốn cho người đó có cơ hội rất tốt đẹp. Nếu họ nhận lấy, làm việc theo bốn phận rất kỹ lưỡng, khéo léo và thương yêu, trong kiếp lai sinh họ sẽ có triển vọng làm một vị đạo sư. Sứ mệnh ấy sẽ đưa người ấy đến quả vị thánh, một đại ân nhân của nhân loại. Nghề giáo dục là nghề được những phần thưởng cao quý nhất, đó là quan điểm của các vị Thần nhân quả.



Nhà giáo phải nhận thức rằng mỗi đứa trẻ là một chân ngã, và phải hết lòng giúp đỡ nó mở mang tính tình. Lẽ tự nhiên là nhà giáo có nhiều cơ hội, vì những đứa trẻ được giao phó cho họ dạy dỗ và đào tạo trẻ theo ý muốn. Về sức mạnh và ảnh hưởng của sự giáo dục, một người nổi tiếng có tên Jesuit đã nói như sau: “Hãy để tôi săn sóc một đứa trẻ đến mười một tuổi. Sau đó nó có thể đi đâu tùy ý.” Nhà giáo ảnh hưởng đến tuổi trẻ bằng bản tính cá nhân, bằng cách hành động cũng như bằng lời nói của mình. Nếu nhà giáo là người xứng đáng, tình thương tỏa ra chung quanh mình có ảnh hưởng mạnh mẽ và hữu hiệu. Sau cùng sứ mạng của người thầy bao gồm một trách nhiệm lớn lao, cho nên, thay vì làm nảy sinh trong lòng các học sinh tình thương và những tính tốt, nếu người thầy tạo ra sự sợ hãi và tính gian trá, sẽ ngăn trở sự tiến bộ của những linh hồn ấy và gây ra tai hại nghiêm trọng. Làm không đúng lương tâm chức nghiệp là một sự thất bại nặng nề.

Tính hung ác gây ra nhiều hậu quả khủng khiếp. Trong vài trường hợp chúng ta thấy người hung ác phải trả nhiều hậu quả cân xứng với việc làm, hậu quả thường là điên khùng hay chứng loạn thần kinh hoặc thần kinh suy nhược. Trong nhiều trường hợp, sự hung ác đưa đến sự suy đồi bi thảm về giai cấp xã hội. Một người có địa vị cao mà phạm tội hung ác sẽ bị rơi xuống tầng lớp cận bã của xã hội. Chẳng hạn, như tôi thấy những người Bà La Môn tái sinh làm người thuộc giai cấp hạ tiện, vì đã đối xử tàn ác với trẻ con. Hiển nhiên

các vị Thần nhân quả áp dụng những đại định luật của vũ trụ có cùng quan điểm như đức Thầy.

Cơ hội tương tự với chức nghiệp của các nhà giáo, được ủy thác với chức vụ giám đốc một cơ xưởng, hay một xí nghiệp quan trọng. Người ta xem địa vị như thế đáng được mơ ước, vì có lương cao và cơ hội để bảo đảm những mối lợi và vài thế lực nào đó. Nhưng một lần nữa, các vị Thần nhân quả thấy đó như là cơ hội để giúp đỡ tất cả những người quy tụ dưới quyền của người ấy. Thường một vị chủ nhân nhìn những công nhân của mình với một vẻ thù nghịch kín đáo, ông ta cho rằng những người ấy muốn chiếm đoạt tiền bạc của ông ta nhiều chừng nào hay chừng nấy, và lợi dụng ông ta bằng nhiều cách. Về phía những người nhân công, họ thường nghĩ rằng chủ nhân muốn bóc lột họ, lợi dụng họ tối đa, và trái lại, trả lương tối thiểu. Tiếc thay, đó là sự thật, đôi khi cả hai bên đều có lý khi nghĩ như thế. Nhưng người hiểu biết không nhìn sự việc theo quan điểm ấy. Địa vị ban cho một người là để có cơ hội hữu ích đối với đồng loại, đó là khía cạnh duy nhất của vấn đề mà các vị Thần nhân quả chú trọng đến. Thường các Ngài không nhìn sự việc xảy ra như chúng ta. Nhân loại xem sự chết như là một việc đáng sợ và là một hình phạt khủng khiếp, nhưng đối với các Ngài, nhiều khi cái chết được xem như một lối ban thưởng, một sự giải thoát đưa đến những hoàn cảnh tốt đẹp và thuận lợi hơn.

**Những kẻ nào việu có vì mục đích “thể thao” mà thích giết hại loài vật của Trời sinh ra, thì phải bị Trời phạt về tội hung ác.**

C.W.L.- Có một bài thơ trào phúng của Punch, tả lại tình cảnh của miền đồng quê Anh quốc, khá đúng như sau: “Trời đẹp, chúng ta hãy đi ra ngoài và giết vài con vật.” Làm mục sư của một giáo khu thuộc miền quê Anh quốc, tôi có liên hệ gần gũi với một số người thích săn bắn, gài bẫy thú và câu cá. Họ làm tất cả những điều đó như công việc hằng ngày và như là đề tài đàm thoại chính của họ. Tuy nhiên, khó mà tin rằng, những người này đối xử với đồng bào của họ một cách dịu dàng và hoàn toàn tử tế. Họ là những người cha tốt, những người chồng tốt, những vị quan tòa nhân hậu và những người bạn chân thành, nhưng họ không nhận thấy sự ác liên hệ đến sự giải trí của họ. Một trong những người ấy bắn nai và chim trĩ rất nhiều một cách hoàn toàn vô tâm, nhưng hấn thức suốt đêm để săn sóc con chó bị bệnh; sự kiện này chứng tỏ hấn có một tấm lòng nhân từ. Đối với thú vật, hấn cũng cảm thấy có một thứ tình huynh đệ. Chung quy, việc hung ác là do sự mù quáng tinh thần. Nhiều người không kém thông minh, nhưng họ không bao giờ suy nghĩ đến điểm đặc biệt đó, họ nghĩ rằng thú vật sinh ra để riêng cho họ sử dụng, để mua vui và tập khéo léo trong khi giết chúng, những người ăn thịt cũng thiếu suy nghĩ như thế. Khi còn thanh niên, tôi cũng ăn thịt và không bao giờ nghĩ rằng đó là sai quấy, cho đến ngày tôi được đọc một

quyển sách luận giải về vấn đề này, đó là việc xảy ra rất lâu trước khi thành lập Hội Thông Thiên Học.

Khi chúng ta đã nhận thấy rằng môn “thể thao” theo lối đó là một điều ác và trong khi chúng ta săn bắn, chúng ta đã tham gia vào sự tàn sát những sinh vật của Trời; chúng ta sẽ ngạc nhiên tại sao chúng ta không thấy điều này sớm hơn. Hàng ngàn người chưa mở mắt để nhận biết sự tai hại. Họ cứ làm theo tục lệ mà không nghĩ đến tội hung ác đáng sợ mà họ đang làm. Đối với vài món trang sức cũng thế, như vài thứ lông, chỉ có thể tìm được bằng cách giết chết cả bầy chim. Việc đó chẳng những gây đau đớn chết chóc cho những sinh vật bị sử dụng, mà còn làm tổn hại cho các con của chúng nữa. Những người mặc những bộ lông ấy là những kẻ đã vô ý phạm tội sát sinh. Không phải họ là những người hung ác một cách chai đá, mà họ chỉ theo thói quen thôi. Tuy nhiên luật nhân quả vẫn tác động. Một người đang mãi mê suy tư có thể té xuống một vực thẳm. Sự kiện người ấy không để ý đến mình đang đi đâu, không thay đổi được hậu quả.

**Thầy biết con sẽ không làm những việc như thế; và nhân danh tình thương của Thượng Đế, khi gặp cơ hội con sẽ biện giải rõ ràng để phản đối họ.**

C.W.L.- Ở đây, chúng ta hãy chú ý đến những chữ: “khi gặp cơ hội.” Vì chúng ta không muốn bắt buộc kẻ khác nghe theo ý tưởng của mình, nên thường chúng ta chỉ đề cập đến vấn đề này, nếu có người hỏi ý

kiến, hoặc trong những cuộc đàm luận, có người đề cập đến vấn đề ấy. Dùng uy quyền tỏ bày ý kiến riêng của mình, dù ý kiến có tốt thế mấy cũng thường làm hại hơn là lợi. Những người có tính hay công kích mà làm việc ấy thì luôn luôn gây ra ác cảm. Một người làm quen với bạn ngoài đường và muốn biết bạn có gặp đức Chúa Jesus không? Hoặc linh hồn bạn có được cứu rỗi không? Sẽ gây cho bạn một cảm giác không tốt đẹp chút nào. Phần nhiều người ta nghĩ rằng hẳn không khéo léo, tôn giáo của hẳn thiếu giá trị về mặt thực tế. Nếu có dịp thuận tiện, bạn có thể cho hẳn mượn một quyển sách hay đàm thoại một cách ôn hòa về vấn đề ấy. Nhưng khi bạn đang ở giữa những người thích thể thao bằng cách săn bắn, tôi sẽ khuyên bạn không nên thốt ra những lời này: “Đó là một việc làm rất tội lỗi” – dù đây là sự thật. Nếu có ai hỏi tôi, tôi sẽ trả lời một cách bình thản như sau: “Tôi thiết tưởng mọi sự sống đều thiêng liêng. Những con vật này quả là những đứa em non trẻ của chúng ta và bạn không có quyền giết chúng để mua vui cũng như bạn không có quyền giết một con người vì cùng lý do ấy.” Chắc chắn những người nghe tôi nói sẽ ngạc nhiên. Có thể họ sẽ cười thầm, chế nhạo, nhưng họ sẽ không phản đối kịch liệt lại ý kiến ấy, như họ sẽ làm, nếu họ bị tấn công.

Chúng ta là những người ăn chay, chúng ta thường cảm thấy không thú vị, nếu phải ngồi chung bàn với những người ăn thịt, nhưng trong khi đi du lịch, thường không thể tránh được điều đó. Thật không

tốt nếu biểu lộ những cảm giác của chúng ta, đó không phải là phương pháp cải hóa con người. Nhưng nếu được hỏi ý kiến, chúng ta có thể bày tỏ lập trường bằng những lời được cân nhắc, minh bạch và bình tĩnh. Nếu làm như thế một cách thích hợp, rất có thể người đối thoại với chúng ta bắt đầu suy nghĩ và sẽ thừa nhận quan niệm của chúng ta.

**Nhưng trong lời nói cũng có sự hung ác như trong việc làm. Người nào thốt ra một lời với ý định làm tổn thương người khác cũng phạm tội hung ác. Con cũng không được phạm điều này; nhưng đôi khi một lời nói bất cẩn cũng gây tai hại như một lời nói cố ý ác vậy. Vậy con phải đề phòng tránh sự hung ác vô ý.**

C.W.L.- Vài người tự hào rằng mình luôn luôn nói lên những điều mình nghĩ, dù có làm tổn thương đến kẻ khác và dường như họ cho rằng sự thẳng thắn đó là một tính tốt. Đức Thầy không bao giờ dùng những chữ một cách thiếu suy nghĩ. Ngài nói có thể là một tội ác, nếu nói ra những lời hung dữ. Trong cuộc tranh biện hay thảo luận, chúng ta có thể mạnh dạn phát biểu ý kiến riêng của mình, nhưng phải nói một cách nhã nhặn và lịch sự. Vị Sứ Đồ có nói rằng: “Hãy để mỗi người hoàn toàn tin tưởng vào tâm trí của chính họ.”<sup>20</sup> Điều này không có nghĩa là mỗi người phải tìm cách làm cho kẻ khác tin tưởng, mà chính họ phải hiểu tại sao họ tin

---

<sup>20</sup> Romans, 14, 5.

tưởng. Trong trường hợp này, khi cần, họ có thể trình bày ý kiến của mình một cách dịu dàng và ôn hòa.

Có một sự kiện kỳ lạ, là nhiều người không thể không nổi nóng ít nhiều, khi họ có những ý kiến bất đồng với kẻ khác. Tuy họ biết rằng trên thế gian này có vô số vấn đề thích ứng với nhiều ý kiến khác nhau, mà quan điểm này cũng không kém gì quan điểm kia. Bất đồng ý kiến với kẻ khác bị xem dường như là thiếu sự kính nể. Mỗi người đều nghĩ rằng mình rất có lý, nên kết án kẻ phản đối là có gian ý và suy tính trước. Vậy chúng ta phải thận trọng khi trình bày quan điểm của mình.

Sự tin tưởng của chúng ta đối với Minh Triết Thiêng Liêng có căn bản trên lý luận chính xác, rõ ràng, và chúng ta chỉ muốn trình bày điều ấy cho kẻ khác biết, nhưng thường kẻ đàm thoại với chúng ta không thể hiểu. Lý luận dù hoàn toàn hợp lý, nhiều khi cũng khó được chấp nhận, bởi những người không sống bằng lý trí, mà chỉ sống theo tình cảm. Nếu một người bị cảm kích bởi một chuyện gì, thì không có lý lẽ nào có thể thuyết phục được; chúng ta càng nói nhiều bao nhiêu, họ càng thêm giận bấy nhiêu.

**Sự hung ác vô ý thường xảy ra, vì thiếu suy nghĩ. Có người quá tham lam, bủn xỉn đến nỗi không bao giờ nghĩ đến điều khổ gây ra cho người khác, vì trả lương quá hẹp hòi, hoặc để cho vợ con phải thiếu thốn. Một người khác chỉ nghĩ đến dục vọng riêng mà**

ít quan tâm tới bao nhiêu linh hồn và thể xác đã bị hấn phá hoại để thỏa mãn. Một người nữa vì muốn tránh một vài phút phiền phức mà không trả lương cho những người làm việc đúng ngày, và không để ý đến những sự khó khăn mà hấn gây ra cho họ. Biết bao sự đau khổ gây ra chỉ vì tính bất cẩn, vì quên không nghĩ đến hậu quả của việc làm sẽ gây ra cho kẻ khác như thế nào. Nhưng nhân quả không bao giờ quên, và không kể đến sự kiện mà người đó lãng quên. Nếu con muốn bước vào đường đạo, con phải nghĩ đến hậu quả của những điều con làm, nếu không con sẽ phạm tội hung ác vô ý.

C.W.L.- Trả tiền công kém hơn sức lao động, người ta có thể gây ra đau khổ cho nhân công và vợ, con họ. Giảm bớt vài đồng trong việc trả tiền công nhật có thể làm cho gia đình công nhân thiếu ăn. Tôi biết công việc là công việc, nhưng nếu cần, thì giảm bớt lợi nhuận, còn hơn là mang tội bóc lột người nghèo. Có những vị chủ nhân khám phá rằng trả lương cao thì họ được lợi, như là kinh nghiệm của ông Henry Ford. Là một mục sư, tôi thường thăm viếng những người nghèo và đặt mình vào quan điểm của họ, tôi nhận thấy người ta thường lợi dụng nhược điểm của họ.





## CHƯƠNG 28

### SỰ MÊ TÍN

(Superstition)

Mê tín là một mối hại to lớn khác, và đã gây ra nhiều điều hung ác khủng khiếp. Người nào làm nô lệ cho nó rồi thì khinh miệt những ai hiểu biết hơn mình, lại cố buộc họ làm theo như ý mình.

C.W.L.- Tất cả các dân tộc dù có khí chất khác nhau cũng đều mắc vào thói mê tín dị đoan. Đó là những hình thức tin tưởng đã ăn sâu vào trí não của con người. Chúng ta nên hiểu rằng không thể bắt buộc mọi người đều có những tin tưởng giống nhau, ngoại trừ một vài dữ kiện khoa học thuần túy, vì có bao nhiêu người thì có bấy nhiêu quan niệm về đời sống khác nhau. Dù bạn biết được rất nhiều người đi nữa, bạn cũng khó tìm được hai người có phản ứng giống nhau trong cùng chung một hoàn cảnh. Bạn có thể đoán trước một cách tổng quát vài phản ứng của đại đa số người, nhưng trước khi hiểu biết họ tường tận, bạn không thể nói đúng phản ứng của họ trong vài trường hợp nào đó. Người đã bị thói mê tín chi phối, không hiểu rằng có nhiều đường lối nhìn sự vật khác hơn là đường lối của mình.

Sự mê tín không phải chỉ phương hại cho người tin tưởng nó thôi, khi phát triển mạnh, nó luôn luôn đưa đến việc cưỡng bách kẻ khác bằng uy lực. Qua lịch sử của tất cả thời đại, sự mê tín về vấn đề tôn giáo đã tạo ra những sự hỗn loạn khủng khiếp. Vì vậy, chính những tín đồ Hồi giáo đã bao phen thiêu hủy và làm đổ máu những vùng rộng lớn ở Á châu, Âu châu và Phi châu, bằng cách trao cho dân chúng “quyển kinh Koran hoặc thanh gươm.” Như chúng ta đã đề cập ở phần trước, sự mê tín đã tạo ra tôn giáo pháp đình. Những cuộc tàn sát của thánh Bartholomew và Sicilian Vespers, khi những người Tin Lành và những người Thiên Chúa giáo tàn sát lẫn nhau, đều là hậu quả đáng sợ của sự mê tín. Biến cố Sicilian Vespers có một phần do chính trị, nhưng cuộc tàn sát trước thì chỉ do vấn đề tôn giáo. Lòng thù hận giữa các phái Thiên Chúa giáo khác nhau là nguyên nhân chính tạo ra những cuộc thảm sát ấy, dù thật sự có xen lẫn những sự kiện chính trị. Ngày xưa hoàng đế Constantine<sup>21</sup> theo Thiên Chúa giáo, ông xem đó là một ván bài tốt đối với tình thế của đế quốc Byzantine.

Cũng vậy, những cuộc viễn chinh của Thập Tự Quân là một sự mê tín to tát. Chỉ vì một câu chuyện, mà sự việc không có nền tảng rõ ràng, liên hệ đến sự giáng sinh và cái chết của đấng giáo chủ Jesus mà hai mươi triệu người vong mạng trong những cuộc viễn chinh

---

<sup>21</sup> Hoàng đế La Mã (300-337).

của Thập Tự Quân ấy, để cố ý đem về cho người Thiên Chúa giáo cái xứ sở mang tiêu sử của Ngài. Nếu có thể giải thích cho họ hiểu rằng đó là câu chuyện về đời sống của tất cả những người được điểm đạo và đời sống đó đã diễn tiến từ thời đại này qua thời đại khác ở khắp các quốc gia trên quả địa cầu, thì biết bao nhiêu cuộc đổ máu sẽ được tránh khỏi. Tuy nhiên, có lẽ những biến cố này vẫn có một khía cạnh tốt, vì khi đi chiến đấu, người Thiên Chúa giáo gặp những người Saracens hiểu biết sáng suốt hơn, sau đó người Thiên Chúa giáo mang về Âu châu những kiến thức hữu ích. Một mặt khác nhờ chọn cái chết cho lý tưởng, nên họ được coi như những người chính trực. Cũng khá tốt đẹp, hào hùng trong ý tưởng cho rằng những nơi linh thiêng của một tôn giáo nào phải thuộc về những tín đồ của tôn giáo đó.

Phật giáo là một tôn giáo lớn duy nhất không bao giờ có sự ngược đãi kẻ khác. Những nguyên tắc của nó cấm đoán điều này, chính những lời của đức Giáo Chủ bắt buộc phải có sự khoan dung. Thế nào là một người Phật tử? Đó là người noi theo giáo lý của đức Phật, không phải là người tin theo điều này hay điều khác, nhưng là người sống theo lời của đức Phật dạy. Nếu bạn hỏi một nhà truyền giáo Cơ Đốc về đời sống tương lai của người Phật tử tốt, thì người ấy thường trả lời như sau: “Nếu họ không tin đấng Christ, thì không có hy vọng gì cho họ.” Hoặc nhà truyền giáo ấy sẽ giao phó họ cho lòng từ ái vô biên của đức Chúa Trời, nếu họ được xem là người xứng đáng. Còn đối với người Phật

tử, nếu bạn cũng đặt câu hỏi ấy về một người Thiên Chúa giáo, họ sẽ nói với bạn: “Đó chính là một người Phật tử tốt, người ấy tự nhận là người Thiên Chúa giáo, nhưng đang tuân giữ giáo lý của đức Phật. Người ấy sẽ gặp mọi điều tốt lành.” Đó là đức khoan dung của nhà Phật, như tôi đã giải thích trước đây. Thật ra, tất cả các tôn giáo đều ngăn cấm sự cố chấp, hẹp hòi và bạo động, nhưng sự vô minh và cuồng tín của vài phái đã khiến cho tín đồ của họ không nhận thấy được sự kiện đơn giản này.

Một hình thức mê tín khác là “sự căm thù nòi giống” đã khiến cho dân tộc này oán ghét toàn khối dân tộc khác. Đây cũng là sự việc điên rồ, bởi vì trong mỗi giống dân đều có khía cạnh tốt cũng như khía cạnh xấu. Tôi nhớ lại những người nông dân Anh trong những làng xa thành phố luôn luôn ngờ vực và chế nhạo người ngoại quốc. Đối với những người dốt nát này, không có gì đáng tức cười hơn là nghe một người ngoại quốc nói một thứ tiếng khác hơn tiếng của họ. Về phương diện này, những người nông dân các nước khác ít thô lỗ hơn những người của nước ta. Tôi luôn luôn cảm nghĩ rằng nếu có một người ngoại quốc đến viếng nước chúng ta, thì họ là người khách đối với chúng ta. Bổn phận của chúng ta phải làm cho họ cảm thấy dễ dàng và có cảm giác tốt đẹp về dân tộc và xứ sở của chúng ta.

Vào thời Nã Phá Luân, dân chúng ở nước Anh có sự mê tín cho rằng quả thật tất cả những người Pháp là

quý, họ khai chiến với chúng ta, trong khi họ hoàn toàn biết rằng họ chủ trương việc xấu và trái với ánh sáng. Ngày nay, bạn cũng thấy có những trường hợp trong đó một số đông người bị ám ảnh bởi một ý tưởng thống trị, đã đưa đến một loại cố chấp cuồng tín về quốc gia. Dưới ảnh hưởng tạm thời của sự cố chấp cuồng tín đó, người ta đã gây ra những điều tàn ác đáng sợ, mà chính là những người này không bao giờ tưởng tượng được rằng họ đã làm những việc ấy. Trong những trường hợp đó, cá nhân chỉ chịu trách nhiệm về sự họ để cho triều lưu đó lôi cuốn. Những hành động vốn do trào lưu cố chấp cuồng tín này sinh ra hơn là từ những cá nhân. Điều này cũng gần giống như khi một người nổi giận, thốt ra những lời thiếu nhã nhặn, đó chính là tiếng nói của cơn giận chứ không phải của con người. Người ấy đáng trách, vì đã để cho cơn giận chi phối, nhưng chúng ta nên lưu ý rằng rất có thể người ấy sẽ hối hận nhiều về lời nói của mình.

**Hãy nghĩ đến sự tàn sát khủng khiếp gây ra bởi sự mê tín đòi hỏi phải giết thú vật để cúng tế.**

**C.W.L.-** Đề cập đến việc hy sinh thú vật cho việc cúng tế và những cuộc hiến dâng khác thuộc tôn giáo, cũng nêu lên toàn thể vấn đề liên hệ giữa Thượng Đế và con người. Về phương diện này chỉ có thể có ba quan niệm căn bản mà thôi: Theo quan điểm thứ nhất, Thượng Đế sau khi đã tạo nên vũ trụ rồi, Ngài để nó tự do vận chuyển, sinh hoạt, không điều khiển và cũng không lo lắng đến những gì xảy đến cho nó. Theo quan

điểm thứ hai, Thượng Đế đã giữ lại một mối lợi, phải gọi là ác độc từ vũ trụ này, vì Ngài muốn hưởng những cuộc cúng tế đầy đầy máu và những thứ phẩm vật dâng hiến khác. Theo quan điểm thứ ba, Thượng Đế bao giờ cũng là đấng Cha lành thương yêu tạo vật của Ngài vô lượng vô biên.

Thuyết thứ nhất là thuyết duy vật hiện đại kèm theo ý niệm về một Đấng tạo hóa kỳ cục. Thuyết thứ hai mô tả Thượng Đế như một con quái vật khát máu. Nhiều bản kinh sách xưa đã trình bày về Ngài như thế. Trong một đoạn kinh Cựu Ước, những người Do Thái khoe khoang rằng họ đã giết một trăm hai mươi ngàn con bò để cúng tế. Có lẽ họ đã nói quá lỗ, như thói quen của họ thời xa xưa ấy. Thần Jehovah đòi hỏi sự cúng tế sinh vật mà không để tâm đến những sự đau khổ mà Ngài gây ra. Thần luôn luôn đòi hỏi những lễ vật chỉ dùng để hiến dâng cho một mình Ngài mà thôi, chớ không phải cho vị Thần nào khác. Vào thời đại chúng ta, những người Do Thái sẽ ghê sợ và thối lui đối với sự việc như thế, nhưng chắc chắn họ đã có thái độ khác trong thời đại David và Solomon. Người ta có thể kết luận về điều ấy như sau: Thần Jehovah của họ thờ không phải là đấng mà chúng ta gọi là Thượng Đế, lúc bấy giờ họ không thể hiểu được ý niệm về Thượng Đế, đó là một vị thần do tinh chất cấu thành từ thời Atlantis, còn sống sót tới ngày nay.<sup>22</sup> Những người Do Thái có

---

<sup>22</sup> Năm 75.025 trước Chúa Giáng Sinh châu Atlantis bị nhận chìm xuống biển, nhiều hình tư tưởng được tạo ra bởi các

tiếp xúc với văn minh Ai Cập, nhưng những ý tưởng vĩ đại của người Ai Cập ít ảnh hưởng đến họ. Chỉ sau này, khi bị giam cầm ở thành Babylon, họ nghe nói đến một vị Thượng Đế tối cao. Họ liền đồng hóa đặc tính đức Thượng Đế với Thần Jehovah của họ. Những nhà Tiên Tri về sau nói về Thượng Đế như một Đấng tối thượng, mặc dù nhiều khi những ý niệm cũ vẫn còn lưu lại trong các bản văn của họ.

Những cuộc tế lễ đây máu chỉ thuộc về những giai đoạn tiến hóa xa xưa của con người. Nó liên hệ đến tà thuật cơ sở về sự thờ cúng loài tinh chất, chúng nó sống bằng hơi bốc ra từ máu. Những tinh chất này muốn được cúng tế, bởi vì chúng phải hút hơi máu hôi tanh mới có khả năng hiện hình được. Vài bộ lạc miền núi quả quyết rằng nếu họ không thực hiện những cuộc tế lễ ấy, thì tai họa sẽ xảy đến, như mùa màng bị tiêu diệt, nhà cửa bị hỏa hoạn. Vậy có thể những vị thần mà những người ở rừng núi Ấn Độ thờ phượng cũng là những tinh chất to lớn thuộc về thời đại Atlantis.

Chúng ta có thể chắc chắn rằng không bao giờ những Đấng cao cả chấp nhận những cuộc tế lễ đó. Chẳng hạn, như ở Ấn Độ, trong phần chính gốc của kinh Phệ Đà cổ đại không bao giờ đề cập đến chúng nó, song chúng nó dính liền với những phong tục dã man

---

đạo sĩ tà đạo trốn thoát khỏi và chạy qua Ai Cập, và Ấn Độ rồi ở đó tới ngày nay. (Lời dịch giả)

còn tồn tại trong một mức độ nào đó cho đến ngày nay. Đức Phật đã lên án sự sát sinh thú vật dùng để tế lễ và khuyên vua Bimbisara ra sắc lệnh hủy bỏ tục lệ ấy trong nước.

Hiển nhiên, chúng ta không thờ phượng một vị thần nào đòi hỏi những sự cúng tế bằng máu, dù cho đó là điều ưa thích của vài loài tinh chất và tinh linh trong vũ trụ. Vậy chúng ta nên xem những phần đề cập đến những sự tế lễ này trong vài bản kinh như một giai đoạn tiến hóa mà chúng ta đã vượt qua từ lâu. Vài người không thích tuyên bố điều ấy một cách công khai, vì họ tôn kính các kinh thánh, nhưng thật ra là mê tín, nếu cho rằng một bản văn đặc biệt nào đó là linh thiêng và bất khả xâm phạm. Dù đối với thánh kinh, chúng ta vẫn phải chọn lọc như mọi việc khác. Khi đọc một quyển sách có giá trị, chúng ta sẽ nhớ những đoạn mà chúng ta cho là tốt đẹp và hữu ích. Cũng giống như thế chúng ta hãy góp nhặt trong tất cả những bản thánh kinh những gì luôn luôn tốt đẹp, cao thượng trong mọi thời đại, và có thể gác bỏ tất cả những gì thấp hơn tiêu chuẩn của chúng ta. Dù những cuộc tế lễ nhuộm máu đã được đề cập trong thánh thi (Psalms) và trong những chương khác của thánh kinh Cơ Đốc, chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng chắc chắn Thượng Đế không bao giờ đòi hỏi những vật như thế. Những việc ấy thuộc về loại tôn giáo xem Thượng Đế như một thực thể độc ác có thể mua chuộc được.



Bi kịch lớn lao của Thiên Chúa giáo chính là việc đem ý tưởng trên đây xen lẫn vào giáo lý thuần túy của đấng Christ nói về đức Chúa Trời (Đấng từ phụ). Thật ra việc giết thú vật để hiến dâng cho Thượng Đế không làm hạ thấp Thiên Chúa giáo, nhưng chính là ý tưởng cho rằng đức Chúa Trời sẽ trừng phạt, nếu chúng ta không dâng lễ vật để làm vừa lòng Ngài, vẫn còn được truyền dạy trong những tổ chức lớn của Công giáo. Ý tưởng này đã sinh ra lý thuyết quái đản cho rằng Thượng Đế đã hy sinh chính con của Ngài, nếu không thì mọi người phải bị ném xuống hỏa ngục. Người ta ít khi tự hỏi một ông Trời thuộc loại như thế nào, mà bắt buộc hoặc cho phép tế lễ như vậy. Bạn hãy thử tưởng tượng đến những điều người ta có thể nghĩ về một vị hoàng đế dưới thế gian, ông đã kết tội một số đông người và cho hành hình họ một cách ghê rợn, rồi sau đó ông trả tự do cho tất cả những người này, vì chính con của ông đã đến nói với ông rằng: “Nếu một người nào đó phải chịu chết, xin cha hãy giết con. Con hoàn toàn vô tội. Nhưng cha hãy giết con đi để những người ấy được tha.” Lý thuyết này không phải là Thiên Chúa giáo.

Đại tá Ingersoll có lý, khi ông nói rằng một vị Thượng Đế tốt lành là một công trình đẹp đẽ nhất của con người. Quả nhiên chỉ có ở quốc gia thật mở mang mới có thể quan niệm nổi một vị Thượng Đế thật cao cả và vinh quang. Thật ra tổ tiên chúng ta ngày xưa đi lang thang trong rừng và sơn xanh thân thể, cũng như

những người Do Thái hiểu chiến, và các dân tộc khác, đã có ý tưởng thô lỗ về đức Thượng Đế. Nhưng tuyệt nhiên không có một lý do nào mà chúng ta còn duy trì ý tưởng đó đến ngày nay.

Theo lý thuyết thứ ba, giáo lý Thông Thiên Học chủ trương, Trời là Đấng toàn thiện, Ngài tạo ra vũ trụ theo một mục đích nhất định. Vì lẽ ấy nên tất cả những gì xảy ra cũng đều thuộc về phần việc của Ngài. Ngài ban cho chúng sinh được tự do ý chí đến một mức độ nào đó, nên hành vi của họ không hẳn là bao giờ cũng phù hợp với Thiên cơ, nhưng ý chí của họ là thành phần của Thiên cơ. Chung cuộc tất cả đều là công trình của Ngài.

Khi chúng ta nói Trời ban cho con người một mức độ độc lập hay là tự do nào đó, thì chúng ta phải hiểu rõ rằng nó vừa bị hạn chế vừa có thể phát triển. Người nào biết sử dụng sự tự do và năng lực của mình một cách khôn ngoan, thì sẽ nhận được thêm. Phương thức đó giống như đứa trẻ tập đi. Người ta cho em này đi thử, em té, rồi lại cố gắng nữa. Nếu ẵm em trong tay mãi, em sẽ không bao giờ bị té, nhưng rốt cuộc em thành người tàn tật. Nhưng điều mà người ta tránh là để em tập đi những bước đầu tiên một mình trên nền đá hoa, trên thang lầu cao hoặc ở những chỗ nguy hiểm khác. Sau này, thành người lớn, em có thể đi bên bờ dốc núi để ngắm phong cảnh, nếu em muốn. Chính bằng phương pháp đó, đức Thượng Đế bảo vệ chúng ta, trong khi Ngài huấn luyện chúng ta. Như thế Ngài ngăn cản

không cho chúng ta hủy hoại sự sống của mình và tự làm hại mình đến mức không thể sửa chữa được nữa.

Thuyết thứ ba đang tiến bộ một cách vững chắc. Từ lâu Thiên Chúa giáo đã trở nên tốt đẹp nhiều hơn qua những tuyên ngôn của nó, và rất nhiều tín đồ Thiên Chúa giáo có những tư tưởng tự do hơn việc giáo hội đã cho phép họ một cách chính thức. Chẳng hạn như giáo hội Anh quốc công thức hóa điều mà giáo hội cho là lý thuyết riêng trong một tài liệu gọi là “Những điều mục của đức tin.” Giáo đoàn phải tán đồng, nhưng nếu một người trong nhóm nói rằng: “Làm sao chấp thuận những điều mục này được; chúng mâu thuẫn một cách hiển nhiên?” Người ta trả lời với người ấy rằng trong lúc thảo ra những điều mục ấy, có hai phái không thể hòa giải được và phải làm sao cho cả đôi bên đều vừa lòng. Rồi người ta nói tiếp: “Đức giám mục và tất cả chúng tôi đều ký tên vào đó. Tất cả chúng tôi đều chấp nhận trong tinh thần triết lý này. Theo tôi hình như anh cũng có thể làm như vậy được.” Có thể người trẻ tuổi kia đáp lại: “Rốt lại, nếu ông bảo đảm với tôi điều đó không có gì quan trọng, vậy tôi cũng sẽ chấp nhận.” Nhưng thái độ đó không được đúng lắm.

Tôi không bao giờ bắt bẻ những tín điều Thiên Chúa giáo. Chúng có một ý nghĩa sâu xa hơn ẩn tàng bên trong, mà những tín đồ bình thường không thể ngờ

được.<sup>23</sup> Nhưng tôi phản đối 39 điều mục và sự xưng tội, vì giữa những tư tưởng đẹp nhất, người ta nhận thấy có xen lẫn những tư tưởng khác tuyệt nhiên không thể chấp nhận được. Nếu trong bài vấn đáp người ta dừng lại ở cuối câu hỏi thứ nhất và câu trả lời thì thật là tuyệt đẹp: “Đâu là mục đích chính của con người, là ca tụng Chúa và hưởng phúc lạc đời đời?”

Thiên Chúa giáo đã vượt xa những giáo điều và tín ngưỡng của nó. Tôi mới đọc một đoạn văn chứng tỏ điều ấy khá rõ ràng trong một tác phẩm của ông khoa trưởng Ripon: “Mục đích của Thiên Chúa giáo là làm phát triển đấng Christ trong lòng con người.” Rồi ông giải thích thế nào là đấng Christ trong lòng con người: “Đó là sự thông minh của nhà bác học, tài hùng biện của luật sư, sự công bằng của vị thẩm phán, vẻ đẹp của người nghệ sĩ, tình thương của nhà từ thiện, . . .” Thiên Chúa giáo này, tất cả chúng ta đều chấp nhận. Người ta cũng nhận thấy trong quyển Gita một tư tưởng giống như vậy. Đức Krishna nói: “Đối với kẻ có quyền lực, Ta là quyền trượng; đối với kẻ tìm sự chiến thắng, Ta là tài khéo léo về chính trị, đối với những sự bí mật, Ta cũng là sự im lặng; kiến thức của các nhà thông thái cũng là Ta. Nên biết rằng tất cả những gì vinh quang, tốt đẹp và hùng dũng cũng đều phát sinh từ một phần tử huy

---

<sup>23</sup> Xin đọc “Tín Điều của Thiên Chúa Giáo” của C.W. Leadbeater.

hoàng của Ta.”<sup>24</sup> Vị khoa trưởng Thiên Chúa giáo hầu như đồng ý với tác giả bộ Bhagavad Gita, là bản thánh kinh tối cổ, nó còn rất xưa hơn quyển Mahabharata, là một phần của nó. Phần lớn giáo lý cao thượng trong bộ Gita đã có từ lâu, trong tay những người Atlantis sống trên đồng bằng Ấn Độ, trước khi bị người Aryan xâm lăng. Tôi biết rằng đó không phải là tư tưởng phổ cập, nhưng nó trình bày vài sự kiện mà chúng ta đã nhận thấy.

Dĩ nhiên chúng ta có thể tin tưởng hoàn toàn nơi Thượng Đế, vì Ngài hiểu biết, còn chúng ta thì vô minh. Chúng ta chỉ biết một cách tổng quát vai trò của mình trong công việc trợ giúp cơ tiến hóa của Ngài, nhưng chúng ta không biết những chi tiết. Mặc dù chúng ta biết những chi tiết ấy nằm trong những bàn tay có khả năng. Chúng ta không biết nhân quả của mình sẽ ra sao, nhưng các Đấng có quyền năng chăm lo về việc ấy biết rõ tất cả. Do sự sáng suốt, các Ngài quyết định trong mức độ nào, chúng ta bị bắt buộc phải trả quả ngay bây giờ hoặc hoãn lại sau này. Nếu các Đấng cao cả có thể nghe theo lời cầu xin của chúng ta để thay đổi vận mạng theo ý chúng ta muốn bây giờ; việc đó chắc chắn sẽ bất lợi hơn cho chúng ta. Tôi không nói rằng nguyện vọng của chúng ta trên phương diện đó là điều vô ích. Trái hẳn lại, nếu nguyện vọng của chúng ta tốt, nó sẽ tạo nên những yếu tố mới, có thể làm cho các Đấng cao

---

<sup>24</sup> Bhagavad-Gita, x, 38, 41.

cả thay đổi sự tác động nhân quả, có lẽ các Ngài bắt chúng ta trả quả nhiều hơn để mau thanh toán hết nợ. Cũng có thể các Ngài cho chúng ta trả quả trong những trường hợp khác. Dù có việc gì xảy ra đi nữa, đó cũng là giải pháp tuyệt đẹp, không những chỉ đối với thiểu số, mà còn đối với tất cả mọi người. Vậy chúng ta không nên cố gắng sửa đổi Thiên ý. Hãy chấp nhận với tấm lòng biết ơn tất cả những gì xảy đến cho chúng ta và phải gạt bỏ lấy cái tốt đẹp nhất, chớ không phải cái xấu tệ nhất. Chúng ta hãy xem những điều khó khăn của mình như những chướng ngại cần phải vượt qua, nhưng chúng ta hãy luôn luôn hân hoan, vì biết rằng đằng sau vạn vật có sự hiện diện của Thượng Đế và Ngài vô cùng nhân từ.

**Và còn một sự mê tín hung ác hơn nữa cho rằng con người cần phải ăn thịt.**

C.W.L.- Dĩ nhiên đó là một sự mê tín, vì có nhiều triệu người không ăn thịt vẫn sống thật khoẻ mạnh. Chắc chắn có một thiểu số người là nạn nhân của sự di truyền xấu xa và nghiệp quả của chính họ, không thể bắt xác thân họ tiêu hóa những thực phẩm tinh khiết hơn, nhưng số người đó rất ít. Chính tôi biết, trong số vài trăm người Thông Thiên Học, có vài người đã thật sự cố gắng lâu ngày để trường trai, nhưng vẫn thất bại. Còn những người khác, sau khi vượt qua vài khó khăn ban đầu thường đạt được một sức khỏe dồi dào hơn với thực phẩm thực vật.

Bằng chứng không thể chối cãi, là hầu hết mọi người đều có thể giữ gìn sức khỏe đầy đủ mà không lo sợ phạm vào tội sát hại thú vật. Chỉ có một số rất ít người có cơ thể không thể thích hợp với việc ăn chay. Những người ở trong tình trạng này thật là bất hạnh, nhưng sau khi đã cố gắng sửa đổi một cách đúng mức và sáng suốt cách ăn uống của mình, song vẫn vô hiệu, thì người ta phải chấp nhận đó là do nhân quả. Trong trường hợp như thế, không phải luôn luôn khôn ngoan và đúng đắn mà nói rằng: “Tôi sẽ bắt xác thân của tôi phải theo ý muốn của tôi, hoặc tôi bỏ nó. Tôi sẽ sống bằng thức ăn tinh khiết, hoặc tôi sẽ không sống nữa.” Có thể người ta có bốn phận phải chu toàn đối với kẻ khác, bốn phận đó không thể làm tròn với một xác thân yếu đuối, mà nó đòi hỏi một sức khỏe cường tráng. Tôi biết lời khuyên ấy rất dễ dàng được dùng để bào chữa cho những người không đủ can đảm tập cho xác thân quen với lối ăn mới. Tuy nhiên phải nói lên lời khuyên ấy để giúp ích cho vài người ít phước, cần phải duy trì thói quen cũ kỹ của họ.

Thực phẩm bằng thịt không thích hợp trong sự dinh dưỡng, vì giết thú **vật là** điều hung ác, và thịt cũng đem vào những thể của chúng ta những phần tử xấu làm cho chúng trở nên thô trọc, và còn kích động thú tính trong chúng ta. Hơn nữa còn nhiều lý do khác, tôi đã tập trung và sắp xếp có thứ tự trong bài diễn văn mà ta có thể tìm thấy trong tác phẩm “Vài Cái Nhìn Thoáng Qua Về Huyền Bí Học” (Some Glimpses of Occultism)

của tôi. Đó là một trong những đề tài hiếm thấy, tất cả những luận cứ đều thiên hẳn về một phía, vì không còn một lý do nào để bênh vực cho việc ăn thịt, trừ phi người ta thấy nó ngon miệng. Nếu người ta tìm hỏi ý kiến chúng ta, tôi tưởng, chúng ta có thể chứng tỏ một cách hết sức rõ ràng rằng mọi người đều được lợi ích, nếu cứ thịt. Đó chẳng phải chỉ là vấn đề nguyên tắc – mặc dù quan điểm này cũng đủ cho chúng ta **lắm rồi** – **nhưng** sự dinh dưỡng bằng thực vật bảo đảm cho chúng ta một sức khỏe hoàn hảo và tránh được vài chứng bệnh nặng. Sau cùng chắc chắn người ăn chay có một sức chịu đựng tương đối dẻo dai hơn.

Có vài người phản đối, cho rằng chúng ta phải sát sinh để sống, vì những người ăn chay cũng sát sinh vậy. Lập luận này chỉ chứa đựng một phần sự thật hết sức nhỏ. Có thể người ta cho rằng chúng ta đã giết hại đời sống thực vật, nhưng sự sống đó còn sơ khai hơn nhiều và không có sự nhạy cảm sâu xa như đối với thú vật.

Lý do căn bản chống lại tục lệ sát sinh, là ngăn trở dòng tiến hóa. Nếu một người bị giết, họ lên cõi cao, nơi đó họ sẽ hưởng nhiều hạnh phúc mà họ chưa bao giờ được biết ở thế gian. Điều sái quấy mà bạn đã gây ra là làm cho họ mất những cơ hội tiến hóa do xác thân đem lại. Những cơ hội đó họ sẽ tìm lại được trong xác thân mới, nhưng bạn đã làm hấn chậm trễ. Sau đó, cũng vì bạn mà các vị Thần nhân quả phải tìm cho người ấy một môi trường tiến hóa khác, và một lần nữa các Ngài phải lo cho người ấy từ thời kỳ thơ ấu đến tuổi thiếu



niên, trước khi người ấy tìm lại được cơ hội để tiến bộ ở tuổi trưởng thành. Đó cũng là lý do cho thấy giết một người tội nặng hơn giết một con thú. Con người bị bắt buộc phải tạo lại một phàm ngã hoàn toàn mới mẻ. Còn con thú trở về hồn khóm của nó, và từ nơi đó nó đầu thai lại một cách tương đối dễ dàng. Tuy nhiên, đối với con thú tiến hóa hơn, nó tượng trưng cho sự biểu lộ phức tạp hơn, thì sự sát sinh gây ra nhiều phiền phức cho các Đấng cao cả coi về sự tiến hóa, nếu chúng ta bày tỏ như thế với tất cả lòng tôn kính của mình. Như giết chết một con muỗi, chỉ gây một hậu quả hết sức nhỏ mọn, vì nó nhập vào hồn khóm của nó rồi tái sinh trong một thời gian rất ngắn. Việc xáo trộn do sự hủy diệt các loài côn trùng này, dù cả trăm hoặc cả ngàn cũng không có gì đáng kể so với hậu quả của tội giết một con ngựa, một con bò, một con mèo hoặc một con chó.

Không thể tưởng tượng được một trường hợp giết người, vì lý do cá nhân, mà có thể cho là chính đáng, trừ phi trong tình thế nguy cấp phải tự vệ hoặc bảo vệ sinh mạng kẻ khác. Còn đối với nhà Yogi, họ cũng không tự bảo vệ mình, mà phó thác tất cả cho bàn tay của nhân quả. Tuy nhiên tôi tin rằng chúng ta có quyền tự bảo vệ sinh mạng của mình trong trường hợp bị tấn công. Và tôi quả quyết rằng chúng ta có lý do chính đáng bảo vệ một người bạn hoặc một đứa trẻ, dù phải giết chết kẻ tấn công ấy. Nguyên tắc này cũng áp dụng đối với tất cả loài thú. Nếu một con thú tấn công bạn, gây nguy hiểm cho tính mạng hoặc sự an toàn của bạn, tôi tin

rằng bạn có quyền giết con thú ấy, nếu cần. Tất cả đều có thể thu gọn vào câu này: Điều gì gây tai họa lớn hơn hết? Nếu bạn bị muỗi quấy rầy, chúng đã không thích thức ăn thiên nhiên của chúng, tấn công bạn, truyền độc chất vào máu và có thể làm gián đoạn công việc quan trọng của bạn, thì việc giết muỗi có thể là một tội ác nhỏ mọn. Nếu bạn có thể ẩn tránh trong mùng, hoặc đuổi chúng đi nơi khác càng hay hơn. Muỗi là giống ăn thảo mộc, theo bản chất và bản năng của nó. Có hàng triệu triệu con muỗi, không bao giờ nếm máu. Nếu bạn để nó tiếp xúc với người, chúng có thể thưởng thức món ăn độc hại và bạn sẽ biết kết quả của việc ấy. Đối với những sinh vật nhỏ bé khác cũng giống như thế. Chúng phải ở đúng chỗ của chúng, chớ không phải sống gần con người. Không những chúng ta cảm thấy đau khổ khi bị chúng xâm nhập, mà còn truyền sự nhiễm độc cho kẻ khác; nếu không có chúng ta, họ sẽ tránh được điều đó.

Dù với sự hiểu biết chưa hoàn toàn, chúng ta cũng không có đặc quyền giết chết hoặc hủy diệt sinh vật nào mà chúng ta không ưa. Hiện nay có vài hình hài thú vật phải biến mất, hoặc vì đã hết thời hạn của chúng, hoặc chúng tượng trưng những kinh nghiệm làm nảy sinh những giống cao hơn, bởi vậy chúng không cần ích nữa. Người ta có thể suy nghĩ một cách kính cẩn rằng các Đấng cao cả điều khiển sự tiến hóa đang thí nghiệm đến một mức độ nào đó. Khi lên cầm quyền Chương Giáo nhân loại thay thế cho đức Thích Ca đã thành

Phật, thì đức Di Lạc Bồ Tát đã thử thiết lập vài phương pháp tu tập mới, nhưng không thành công. Bà Blavatsky đôi khi nói một cách bóng bẩy về vài loài thảo mộc hoặc thú vật, như những tạo vật hư hỏng, tuy nhiên nguồn sống của chúng không bị gián đoạn và phải biến mất dần dần. Trong khi đó, hình thể của chúng đôi khi được dùng làm chỗ trú ngụ cho những sinh vật thấp kém hơn những sinh vật được chỉ định lúc đầu, và trong vài trường hợp chúng được dùng cho những sinh vật còn đang nhập thế để tiến hóa. Bà gọi vài hình thể ghê tởm của sâu bọ và loài bò sát là những “hạ phẩm” và theo ý bà, sự hủy diệt chúng không giống với sự tiêu hủy hình hài những sinh vật đang tiến hóa.

Lý thuyết không hủy diệt sự sống đôi khi trở nên quá đáng, như ở vài nơi người ta không chịu giết giống chí rận, họ thà chịu làm mồi cho chúng. Không một người văn minh nào thừa nhận quan điểm ấy. Người kia có một thư viện chứa đựng nhiều sách hữu ích, đôi khi thấy sách của mình bị phá hoại bởi con hai đuôi. Nên đuổi những con vật này đi xa, nhưng tốt hơn là giết chúng, để bảo vệ những sách quý có thể hữu dụng cho kẻ khác. Có nhiều sinh vật nhỏ bé, nếu chúng ta dung dưỡng chúng, chúng ta không thể sống được. Nhà Yogi là người không bao giờ sát sinh và luôn luôn nhận được vật thực, nhưng mà nhà nông là người cung cấp thực phẩm, cần phải bảo vệ mùa màng, tránh nạn sâu bọ. Ở Úc châu nông dân đặc biệt phải chống lại

những con thỏ nhập cảng từ nước khác, vì chúng sinh sản mau lẹ một cách dị thường lên đến hàng triệu triệu con. Nếu không có những biện pháp chống lại chúng, chúng sẽ hủy diệt hết mọi dấu vết của mùa màng.

Sự hủy diệt vài thứ sinh vật có hại ấy, không những vì thực phẩm, mà còn là vấn đề bảo vệ, vì khi trồng trọt cây nhỏ, cây lớn hay những hoa màu, chúng ta phải có trách nhiệm nào đó đối với sự sống mang các hình thể đó. Trong tất cả những việc này, tôi tưởng phải xét đoán theo lương tri của chúng ta. Dù thế nào, việc giết một con thú để tự vệ chắc chắn khác với việc giết những con thú rất tiến hóa như bò, trư để thỏa mãn vị giác thấp kém.

**Hãy nghĩ đến các hậu quả mà sự mê tín đã gây ra cho tầng lớp dân chúng bị áp bức trong nước Ấn Độ yêu quý của chúng ta, và thử xem điều tệ hại này gây ra sự nhẫn tâm độc ác như thế nào ngay cả trong hạng người đã biết bốn phận của tình huynh đệ.**

C.W.L.- Những giai cấp bị áp chế bên Ấn Độ, có một lúc bị gọi là Panchama, hay là người thuộc về đẳng cấp thứ năm. Thật ra họ là những người không giai cấp hay là những người Harijans, dòng dõi dân tộc cổ sơ Ấn Độ, bị người Aryans bắt khi họ vượt núi Hy Mã Lạp Sơn. Luật giai cấp do đức Bàn Cổ đặt ra là luật tuyệt hảo trên phương diện cải thiện nhân chủng và từ điển thời đó. Luật đó cấm người Aryans kết hôn với thổ dân, ở

chung, và ăn chung với họ. Tuy nhiên những thổ dân bị đối xử thật tàn ác.

Quả thật, sinh ra trong một đẳng cấp hay một đoàn thể nào cũng luôn luôn đưa đến cho con người vài cơ hội đặc biệt, nhưng không vì lẽ đó mà họ lợi dụng được ưu điểm trong việc ấy. Sinh ra trong một gia đình lương thiện thuộc giai cấp hạ đẳng sẽ được những cơ hội thuận tiện về vài phương diện nào đó hơn là sinh trong một gia đình Bà La Môn không xứng đáng. Thường thường con người cố gắng để đạt được mục tiêu đã chọn, nhưng khi thành công, họ không biết lợi dụng những cơ hội do địa vị ấy đưa đến. Vậy, một người Bà La Môn xấu có thể là hấn mới sinh vào giai cấp đó lần đầu tiên hoặc là người đã xao lãng những cơ hội tốt trong một tiền kiếp. Những trường hợp sau đây rất hiếm: “Kẻ nào chịu cực khổ như một tên nô lệ có thể về sau đầu thai làm một ông hoàng, nhờ những thiện đức và những công trình đã gây dựng; Ai kiếp trước là một vị hoàng đế có thể đi lang thang rách rưới khắp nơi, vì những việc đã làm và những việc đã bỏ phứt.”<sup>25</sup>

**Bị thúc giục bởi sự mê tín mộng mị này, loài người đã nhân danh Thượng Đế từ bi để phạm nhiều tội ác.**

**C.W.L-** Còn một điểm nữa cần phải ghi nhận, đối với sự mê tín là: người nguy hiểm nhất là người trung

---

<sup>25</sup> Ánh Sáng Phương Đông, quyển III, trang 140.

thành tuyệt đối với quy luật và có hảo ý tốt lành nhất. Một người thật sự ích kỷ, họ chỉ lo thỏa mãn trước tiên những ham muốn riêng tư của mình. Hẳn không bận tâm lo đến kẻ khác, trừ khi người ta ngăn trở bước đường của hẳn, do đó hẳn không làm hại đời nhiều. Thật ra một người ngu ngốc mà có hảo ý lại nguy hại nhiều hơn, vì hẳn luôn luôn muốn can thiệp vào công việc của kẻ khác. Thí dụ về điều này là những nhà truyền giáo Cơ Đốc, tôi không hoài nghi rằng những giáo sĩ được gọi đi từ Âu châu và Mỹ châu thực hiện được nhiều điều tốt đẹp cho những bộ lạc ở miền trung bộ Phi châu còn dã man, và những dân tộc đồng loại với họ. Nhưng ở Ấn Độ bất cứ người công nhân bình thường nào mà ta gặp ngoài đường cũng thường hiểu biết nhiều hơn là nhà truyền giáo Cơ Đốc về triết lý của tôn giáo họ, cũng như về tất cả những ý niệm rộng rãi cao siêu hơn, và nhà truyền giáo đến đây dường như lạc điệu một cách buồn cười. Những ý muốn của nhà truyền giáo khá tốt lành, nhưng họ làm hại nhiều hơn. Tội nghiệp cho những bà già ở Anh và Mỹ chịu thiếu thốn mọi mặt để nâng đỡ những nhà truyền giáo này và họ tưởng rằng làm như thế vì nhân danh Chúa! Họ không ngờ rằng cả ngàn năm trước Chúa ra đời, ở Ấn Độ đã có một tôn giáo và một triết lý siêu việt. Họ nên tìm một chỗ chi dụng tốt hơn cho tiền bạc của họ, trong việc hoán cải những người vô tín ngưỡng ở nước Anh.

**Do đó hãy cẩn thận đừng để một mảy may dấu vết nhỏ nhất của sự mê tín còn lại trong lòng con.**

**C.W.L.-** Nhấn mạnh về điều đó, cho thấy rằng điều nguy hiểm là chúng ta có thể mê tín mà không biết mình mê tín, chúng ta nên cẩn thận đề phòng, luôn luôn mọi vấn đề ít ra cũng có hai mặt. Nhưng không một cá nhân nào thấy được toàn diện, ngay cả Thông Thiên Học cũng thế. Khi chúng ta chia sót tâm thức của đức Thượng Đế trên cõi của Ngài, chúng ta mới thấy được tất cả những gì chung quanh chúng ta và chúng ta mới có thể nói: “Cách thấy của tôi đúng,” nhưng khi đến trình độ đó, thì cách thấy của chúng ta có thể bao gồm tất cả cách thấy của những người khác, vì thường có một vài mầm mống chân lý trong tất cả.

**Con phải tránh ba trọng tội này vì chúng có hại cho tất cả sự tiến hóa, vì chúng nghịch lại với lòng bác ái.**

**C.W.L.-** Đời sống của chúng ta phải được hướng dẫn bằng tình thương, phải làm sống động tất cả những năng lực khác của chúng ta. Đó là đường lối giáo lý đặc biệt mà đức Thầy Kuthumi chủ trương. Nhiều người rất thắc mắc tại sao các đấng Chân Sư đã kết hợp được nơi các Ngài những đức tính cao cả nhất, quý báu nhất mà chúng ta có thể tưởng tượng được, lại có đức tính này trội hơn đức tính kia. Đức Thầy Morya, đối với chúng ta, Ngài tượng trưng cho cung thứ nhất. Đặc tính của Ngài là ý chí và uy quyền. Tuy nhiên, nếu cho rằng Ngài ít bác ái hay ít minh triết hơn các đấng Chân Sư khác là điều sai lầm. Cũng như chúng ta rất lỗi lầm khi nghĩ rằng đức Thầy Kuthumi kém quyền năng hơn

những đức Thầy thuộc về cung thứ nhất. Những sự dị biệt này vượt khỏi trí khôn của con người.

Cũng giống như thế, các Đấng cao cả không đồng bậc với nhau. Đức Bồ Tát cao hơn đức Thầy của chúng ta thật xa. Đối với chúng ta, các Ngài đều cao cả đến nỗi chúng ta không dám cho các Ngài thuộc về cấp bậc nào. Đối với chúng ta, tất cả các Ngài là những Vầng Thái Dương chói lọi. Cũng như chúng ta không thể phân biệt được vị nào là Đại Thiên Thần và vị nào là Chúa Tể các Thiên Thần, mặc dù Vị này cao hơn Vị kia cả một giới, tức trọn cả một triều lưu tiến hóa. Đức Thái Dương Thượng Đế tất nhiên có quyền năng cao hơn tất cả, các Vị cao cả là thành phần của chính Ngài, dù đối với chúng ta, uy lực cao siêu hơn các Đấng cao cả này là một điều không thể tưởng tượng được. Sự hiểu biết và quyền năng của đức Thầy siêu việt đến nỗi đối với chúng ta, tất cả các Ngài đều hòa lẫn trong một sự vinh quang rực rỡ. Tuy nhiên vẫn có sự cách biệt.





## CHƯƠNG 29

### PHỤNG SỰ

(Service)

Nhưng không phải chỉ nên tránh điều xấu mà thôi; con phải tích cực làm việc lành nữa. Trong lòng con phải tràn ngập ý muốn nhiệt liệt phụng sự cho đến nỗi con luôn luôn tìm cách giúp đỡ tất cả các loài ở chung quanh con; không phải chỉ cho loài người mà thôi; mà cho cả thú vật và cây cỏ nữa. Con phải giúp đỡ trong những việc nhỏ hằng ngày để tạo thói quen, đến khi có việc lớn cần làm, thì con không bỏ lỡ cơ hội hiếm có đó.

C.W.L.- Thường chúng ta để mất nhiều dịp may giúp đỡ kẻ khác, nếu chúng ta không có thói quen quan sát cẩn thận. Trái lại, nếu chúng ta đạt được thói quen này rồi thì chúng ta sẽ không bỏ qua nhiều cơ hội, vì nó xảy ra trong những hoàn cảnh bất thường, hay trong những trường hợp khẩn cấp nhất. Đó là lý do duy nhất vì sao các chiến sĩ bị bắt buộc phải luyện tập lâu dài và gian khổ. Chẳng những họ phải biết thật chính xác phải làm thế nào để thực thi vài mạng lệnh, mà vài thói quen cũng phải thành ra tự nhiên nữa. Ngày xưa, (nếu không phải là bây giờ) ngoài chiến trường người chiến sĩ gặp một hoàn cảnh hoàn toàn mới lạ, như thế tính can đảm của họ có thể được thử thách một cách hữu hiệu, dù họ

có anh dũng thế nào, trong hoàn cảnh ấy, sự hốt hoảng cũng dễ được tha thứ. Tuy nhiên, ngay trong tình trạng khẩn cấp như thế, thói quen lại mạnh hơn; người chiến sĩ tuân theo mệnh lệnh và hoàn thành công việc đòi hỏi.

Sự tuân thủ về vấn đề tích cực làm lành, dù sao cũng không đối nghịch lại những người hoạt động trên những cõi khác. Một sự tuân thủ như thế có thể được dễ dàng áp dụng một cách sai lầm để chống lại những nam, nữ tu sĩ thuộc về tông phái Trầm Mặc và giai cấp Bà La Môn bên Ấn Độ. Thuở xưa trên phương diện lý thuyết, người Bà La Môn là giai cấp lãnh đạo tinh thần của quốc gia. Họ được xem như hiến trọn đời để thi hành việc tế lễ và nghi thức; họ học hỏi, giảng dạy và khuyến bảo, hầu đem lại lợi ích cho toàn thể xã hội. Những người thuộc giai cấp khác chăm lo công việc bình thường, làm ra tiền để cung cấp các nhu cầu cho vị Bà La Môn đang làm việc tinh thần thay thế cho họ. Ý niệm tương tự trong những xứ Thiên Chúa giáo, những tu sĩ trong tu viện luôn luôn cầu nguyện cho người chết. Trong thời gian những vị tu sĩ ấy đảm trách công việc của họ, người ta nghĩ rằng kẻ chết và người sống là một cộng đồng duy nhất, và cầu nguyện cho người chết là một lối phụng sự cộng đồng còn quan trọng hơn việc trồng lúa mì. Do đó, những tu sĩ sống nhờ của cúng dường không cảm thấy hổ thẹn chút nào và những thí chủ nhân từ tự thấy mình rất vinh hạnh. Toàn thể ý niệm hoàn toàn khác biệt với quan niệm hiện đại. Sống nhờ của bố thí như thế không bị xem như là một điều

xấu hổ. Thật ra, những người sống bằng cách ấy là hiện thân của những kẻ tiến hóa cao trên phương diện tinh thần. Họ phát nguyện được sống nghèo nàn, giản dị và phục tùng. Kết án những người sống một cuộc đời như thế là phạm ngay lỗi lầm của những nhà cách mạng Pháp, họ nói rằng triết gia hay văn sĩ là người biếng nhác và vô dụng, phải ra ngoài đường để đập đá.

**Bởi vì nếu con mong mới được hợp nhất với Thượng Đế, điều này chẳng phải dành riêng cho phần con, mà để con có thể trở thành một vận hà xuyên qua đó tình thương của Ngài có thể ban rải cho anh em con. Người nào đã đi trên đường đạo rồi thì đời sống không phải cho chính mình mà là cho kẻ khác; người ấy đã quên mình để có thể phục vụ cho kẻ khác.**

C.W.L.- Mục đích duy nhất của quyển sách này là giúp cho độc giả có được vài thái độ nào đó. Cốt ý là sống hơn là hiểu biết, đây có nghĩa là sống một đời sống Thông Thiên Học. Ban rải tình thương tràn ngập trong lòng cho tất cả chúng sinh. Với một ý muốn nhiệt thành trợ **giúp** sự tiến hóa đến nỗi quên mình trong khi phụng sự kẻ khác. Nếu bạn được nhìn thấy một vị bác sĩ thực hiện một cuộc giải phẫu quan trọng, bạn sẽ hiểu thế nào là sự chú tâm mãnh liệt, vận dụng tất cả năng lực trí não và thủ thuật tinh xảo, hết sức chăm chú vào công việc, hầu như tất cả sự sống của vị bác sĩ đều tập trung trên những đầu ngón tay. Trong thời kỳ chiến tranh cũng thế, người chiến sĩ có thể hoàn toàn quên

mình trong lúc họ cố gắng cứu một đồng bạn bị thương hoặc hoàn thành một công tác thiết yếu, nguy hiểm.

Đức Thượng Đế toàn năng trong hệ thống của Ngài, Ngài ban thần lực khắp các cõi. Chúng ta không thể không tin rằng Ngài ban thần lực đó cho trọn cả hệ thống của Ngài, đến bất cứ nơi nào, và trong một phạm vi nào mà Ngài đã chọn lựa. Thật ra, Ngài không làm như thế; số lượng thần lực ban rải ở mỗi cõi dường như bị giới hạn rõ rệt, và chỉ thuộc về một loại nhất định. Do đó, chúng ta là những tia sáng thuộc về Ngọn Lửa của Ngài, chúng ta có thể hoàn thành vài việc mà Ngài không làm, những việc ấy Ngài chỉ thực hiện xuyên qua chúng ta là những thành phần của Ngài. Chúng ta không thể nói rằng Ngài không làm được, mà rõ ràng là Ngài không làm. Nhờ lòng sùng tín mãnh liệt, nhờ ý chí của chúng ta hòa hợp với ý chí của Ngài, chúng ta có thể thu hút được thần lực từ những cõi trên, biến chất nó, rồi phóng nó ra xa. Theo sự ước đoán của chúng ta, công việc này sẽ không hoàn thành, nếu chúng ta không thực hiện nó. Người ta nói rằng đức Thượng Đế trông cậy vào sự hợp tác của chúng ta. Nhưng công việc ấy cũng tùy thuộc Ngài, vì không có năng lực nào khác ngoài năng lực của Ngài.

Tôi đã nhiều lần dùng danh từ “vận hà” (con kinh) hay là “ống dẫn” trong khi mô tả thần lực của đức Thầy ban rải xuống những cõi thấp xuyên qua một vị đệ tử. Người ta cũng có thể dùng sự so sánh với máy biến điện để chỉ việc ấy. Có những số lượng điện rất lớn,

điện thế cao được chuyển đến trạm biến điện của một thành phố, có thể cách xa nơi phát điện hàng trăm dặm. Nơi đây những máy biến điện tiếp nhận điện với điện thế cao ấy và biến đổi nó ra nhiều dòng điện với điện thế thấp, có thể sử dụng trong việc thắp đèn hoặc nhiều việc khác. Giống như thế, một vị đệ tử ở Sydney chẳng hạn, có thể tiếp nhận thần lực của đức Thầy ở những cõi cao từ Hy Mã Lạp Sơn đưa xuống, và biến đổi nó thành năng lực có thể dùng cho những cõi thấp hơn, hầu phân phát nó ra chung quanh hoặc đưa nó đến những người được chỉ định thu nhận nó.

Vậy mỗi vị được điếm đạo được xem như một cái máy biến đổi thần lực. Xuyên qua vị ấy, thần lực đó có thể tuôn xuống đến một mức độ nào đó, tùy theo trình độ và cấp bậc của vị ấy. Thần lực bao quanh chúng ta, như mặt trời luôn luôn chiếu sáng, trừ phi lúc nhật thực. Nếu ánh sáng mặt trời không xuống tới quả địa cầu, ấy là tại quả địa cầu sinh ra những đám mây bay lên che khuất mặt trời. Cũng thế, con người sinh ra những đám mây ích kỷ và vô minh chùng chất, ngăn cách giữa con người và đức Thượng Đế trong lúc Ngài đang ban rải nhiều thứ thần lực khác nhau cho mỗi cõi. Vị được điếm đạo đã tiến tới một bước, nên có thể làm một vận hà hữu hiệu cho những thần lực này. Không phải những thần lực không ảnh hưởng đến con người; chúng luôn luôn hiện diện, nhưng khi ta không sẵn sàng tiếp nhận thì ta để cho chúng qua đi.

Hãy dùng một thí dụ tương đương về sinh lực (prana) ở cõi trần, mỗi người đều hấp thụ sinh lực, nhưng đôi khi, trong lúc bệnh hoạn, con người không thể thu dụng nó cho chính mình, nên chẳng bao lâu người bệnh cảm thấy thiếu nhiều sinh lực. Dù không đủ khả năng biến đổi sinh lực cho chính mình dùng, song người bệnh có thể dùng sinh lực do kẻ khác biến đổi. Người này nhờ sinh lực dồi dào, có thể truyền sinh lực qua cho người bệnh đem lại sức mạnh cần thiết để phục hồi được tình trạng bình thường. Cũng giống như thế, vị được điểm đạo thu nhận rất nhiều thần lực ở những cõi trên, rồi biến đổi chúng, để cho kẻ khác có thể sử dụng chúng dễ dàng. Càng có nhiều người đạt đến trình độ có thể đảm trách công việc ấy, thì sự tiến hóa chung của nhân loại càng được tăng gia nhanh chóng. Thảo mộc chỉ có thể chịu đựng nổi một số lượng ánh sáng có giới hạn, cũng đúng là không thể ban rải cho một người một số lượng ánh sáng tinh thần quá to tát.

Tuy nhiên bạn chớ nghĩ rằng những vận hà đó là thuần túy thụ động. Đó là những con kinh linh động. Vị đệ tử không bất động, và cũng không phải chỉ làm vận hà suôn mà thôi. Có những thần lực được ban xuống như thế, và thường đệ tử Chân Sư ý thức được đặc tính của luồng thần lực xuyên qua họ và cũng biết nó gửi đến cho ai. Nhưng phần lớn thần lực vẫn để cho họ phân phối bất cứ lúc nào, họ có thể chuyển năng lực đó đến nơi này hoặc nơi khác tùy theo nhu cầu mà họ nhận định. Vậy vị đệ tử đã vận dụng tài thích ứng, và sự

khéo léo của mình. Họ đã tỏ ra có một sự hoạt động luôn luôn tích cực. Như thế đời sống của người đệ tử không phải là một sự phục tùng mù quáng. Trái lại, họ rất bận rộn, trong khi những kẻ khác ăn không ngồi rồi và chỉ nghĩ đến chính mình mà thôi.

Những người thường không thể được dùng trong công việc này, vì họ chưa phát triển đầy đủ trên những cõi cao, ngay khi chân ngã đã khá tiến hóa khá cao, sợi dây liên lạc giữa chân ngã và phàm ngã cũng còn rất mảnh mai. Chân Sư có thể dùng vị đệ tử, bởi vì vận hà được khai thông. Cũng y như thế, Đấng duy nhất chí tôn cầm quyền điếm đạo có thể truyền thần lực của Quần Tiên Hội xuyên qua những vị đã được điếm đạo. Trong trường hợp đó, con người là chân ngã cao cả, và dù đang làm bốn phận ở thế gian, song trong trí luôn luôn có tư tưởng này: “Tôi là Chân Thần; Tôi là Tia Sáng thiêng liêng; Tôi không thể làm điều gì không xứng đáng, mà Tôi phải làm điều **cao thượng**.”

Vì sự quan trọng của công việc, cho nên sự liên quan giữa Chân Sư và đệ tử không bao giờ căn cứ trên tình cảm, dù cho sự liên hệ này chan chứa tình thương sâu xa nhất mà người đời có thể hiểu được. Đức Thầy không thu nhận một người nào làm đệ tử, vì hấn có thân nhân đã được làm đệ tử, hoặc vì Ngài đã biết hấn trong những tiền kiếp. Cả Chân Sư và đệ tử chỉ nghĩ đến công việc mà người Ai Cập gọi là “công việc bí ẩn,” tức là việc thu nhặt những mảnh vụn thân xác của Osiris bị xé ra rồi ráp lại. Chân Sư và đệ tử đều biết

được “ánh sáng ẩn tàng” đang chiếu diệu trong con người, đó là “ngọc quý trong hoa sen,” luôn luôn giúp đỡ con người, nếu biết cách kêu gọi đến. Đó là công việc của những vị được điểm đạo bên Ai Cập thuở xưa cũng như của những vị đã tiến hóa cao hiện nay. Họ sử dụng quyền năng tạo lập vũ trụ, tình thương của đức Thượng Đế, một thứ tình thương vô tư. **Không ai bị bắt buộc phải vào con đường huyền bí học, nhưng nếu người nào theo con đường ấy, thì nên chấp nhận câu châm ngôn và tôn chỉ của Quần Tiên Hội, tức là không sống cho chính mình, mà sống cho kẻ khác. Không sống cho sự tiến hóa cá nhân hoặc thụ hưởng riêng tư, mà sống cho công nghiệp thiêng liêng.**

Người ấy giống như cây viết trong tay Thượng Đế, nhờ đó tư tưởng của Ngài mới tuôn xuống và biểu lộ nơi cõi trần, và nếu không có cây viết này thì những tư tưởng đó không thể tuôn xuống được.

C.W.L.- Hình như đức Thượng Đế đã dự tính đến một giai đoạn tiến hóa nào đó, Ngài sẽ sử dụng nhiều ngòi viết như thế để viết. Theo ý của một bài thơ thì chính đức Thượng Đế “cần dùng bạn và tôi.” Thiên cơ đã quy định sự cộng tác của chúng ta. Đó là ý tưởng vĩ đại và rất hợp lý. Chúng ta thấy ngay rằng nếu chúng ta có thể đạt đến một mức độ hiểu biết, thương yêu và năng lực cao hơn bậc trung bình một chút, chính là để cho chúng ta trở nên hữu dụng trong việc ban rải chúng cho kẻ khác.



Mà đồng thời người ấy cũng là cây viết sống động của Ngọn Lửa thiêng, tỏa khắp thế gian tình thươngthiêng liêng hằng chan chứa trong lòng người ấy.

C.W.L.- Người ta kể chuyện hai nhà sư kia ở Alexandria muốn giữ mình được hoàn toàn tinh khiết, một vị đạt được mục đích bằng cách tự bao bọc mình với một tư tưởng bảo vệ, còn vị kia thì trong tâm luôn tràn ngập tình thương của đức Thượng Đế cho đến nỗi tình thương này không ngớt chiếu diệu chung quanh và giữ cho ông ấy được tinh khiết. Luôn luôn có hai con đường: nhà huyền bí học tiến hóa bằng sự làm việc ở thế gian và nhà thần bí trở về sống với nội tâm. Trong nhiều trường hợp, mục đích duy nhất của nhà thần bí là hợp nhất hoàn toàn với Thượng Đế. Tuy nhiên, không nên cho rằng họ ích kỷ, vì khi theo đuổi mục đích ấy, họ đã thực sự ảnh hưởng rất nhiều đến những người chung quanh. Mục đích của chúng ta là mục đích của nhà huyền bí học. Chúng ta phải tiến lên từng bước một, từ giai đoạn này đến giai đoạn khác, cho đến lúc chúng ta đạt được vài trình độ cao của sự điếm đạo, thì chúng ta mới có thể đem tâm thức nhập vào trạng thái thứ ba của đức Thái Dương Thượng Đế, rồi đến trạng thái thứ nhì và sau cùng là trạng thái thứ nhất. Nhà thần bí đắm mình vào sự sống của đức Thượng Đế ngay bây giờ, nhưng đó là sự biểu lộ thấp của Đời Sống thiêng liêng. Người ấy còn phải phấn đấu để theo đuổi

con đường tiến lên cao, hầu cảm biết một sự hợp nhất với sự sống trên những cõi cao.

Nhờ minh triết con có thể giúp đỡ được người khác, ý chí hướng dẫn minh triết, và lòng bác ái phát khởi ý chí. Đó là những đức hạnh của con. Ý chí, minh triết và bác ái là ba trạng thái của đức Thượng Đế. Phần con, nếu muốn hiến mình phục vụ Ngài, con phải biểu lộ ba đức hạnh đó trong đời.

C.W.L.- Hỡi các huynh đệ của tôi! Đây chính là một cứu cánh đẹp đẽ tuyệt vời. Mong rằng các huynh đệ đạt được cứu cánh ấy, cũng như Alcyone đã đạt được vậy.

H ẾT